

Quốc Sử Quán Triều Nguyễn

**Khâm Định Việt Sử Thông
Giám Cương Mục**

WWW.VNTHUQUAN.NET, 2006

Quốc Sử Quán Triều Nguyễn

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Tiên Biên-Quyển thứ I

Hùng Vương. Dựng nước gọi là Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu

Hồng Bàng thị. Đầu là Kinh Dương Vương, tương truyền là vua trước tiên của nước Việt ta. Kinh Dương Vương sinh Lạc Long Quân. Hùng Vương là con Lạc Long Quân.

Nguyên xưa, Đế Minh, cháu ba đời Viêm đế Thần Nông thị¹, đi tuần sang Nam, đến Ngũ Lĩnh², lấy Vụ tiên nữ, sinh con là Lộc Tục có đức tính hoàn toàn. Đế Minh yêu Lộc Tục lắm, muốn truyền ngôi cho, nhưng Lộc Tục cố nhường cho anh là Nghi. Bấy giờ mới lập Đế Nghi làm vua nối ngôi, thống trị phương Bắc (Trung Quốc), phong Lộc Tục làm Kinh Dương Vương, thống trị phương Nam.

Kinh Dương Vương sinh con là Sùng Lãm, gọi là Lạc Long Quân. Lạc

Long Quân lấy Âu Cơ, sinh trăm con trai. Ấy là tổ tiên của Bách Việt³, suy tôn người trưởng lên làm Hùng Vương, nối ngôi vua, dựng nước gọi là nước Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu; truyền nối mười tám đời đều gọi là Hùng Vương.

Thời bấy giờ, cư dân khi xuống nước, hay bị loài giao long làm hại, Hùng Vương dạy dân lấy mực vẽ hình loài thủy quái xăm vào mình. Từ đó mới tránh khỏi nạn. Nước ta cái tục xăm mình có lẽ bắt đầu từ đây.

Lời cần án - Phong Châu : Sử cũ chưa "tức là Bạch Hạc" . Đường thư Địa lý chí chép: "Phong Châu thống lĩnh năm huyện" . Thái Bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử triều Tống chép: "Quận Thừa Hóa Phong Châu xưa là nước Văn Lang". Như thế thì Phong Châu tức là địa hạt phủ Vĩnh Tường⁴ và phủ Lâm Thao⁵ thuộc tỉnh Sơn Tây bây giờ. Vả lại, còn bằng cứ là huyện Sơn Vi có núi Hùng Vương⁶ và đền Hùng Vương⁷, vậy không thể riêng chỉ Bạch Hạc được. Còn Đế Minh chưa từng đi tuần sang Nam, việc bảo là lấy vợ tiên nữ thì thật là quái lạ lắm. Nhưng hăng cứ chép lại để truyền nghi. **Lời chưa - Sinh trăm con trai :** Sử cũ chép Lạc Long Quân lấy Âu Cơ, con gái Đế Lai, sinh được trăm con trai; tục truyền đẻ ra trăm trứng. Một hôm, Lạc Long Quân bảo Âu Cơ: "Ta là loài rồng, mình là giống tiên, một người mình thủy, một người mình hỏa, xung khắc nhau, khó ở chung mãi với nhau được". Hai người bèn từ biệt nhau, chia năm mươi con theo mẹ về miền núi, chia năm mươi con theo cha về miền Nam, suy tôn người

con trưởng lên làm Hùng Vương nối ngôi vua.

Truyền mười tám đời: An Nam chí nguyên của Cao Hùng Trưng chép.

"Giao Chỉ khi chưa đặt làm quận huyện, bấy giờ có ruộng Lạc, theo nước triều lên xuống mà làm ruộng, khai khẩn ruộng ấy là Lạc dân, thống trị dân ấy là Lạc Vương, người giúp việc là

Lạc Tướng: đều dùng ấn đồng thao xanh. Nước gọi là Văn Lang. Phong tục thuần hân, mộc mạc, chưa có chữ nghĩa, còn dùng lối thắt nút dây làm dấu ghi nhớ; truyền được mười tám đời".

Lời phê - Kinh Thi có câu: "Tắc bách tư nam" (hàng trăm con trai). Đó là chúc tụng cho nhiều con trai đầy thôi, xét đến sự thực cũng chưa đến số ấy, huống chi lại nói là đẻ ra trăm trứng! Nếu quả vậy, thì khác gì chim muông, sao gọi là loài người được? Dẫu đến như chuyện nuốt trứng chim huyền diệu⁸, giẫm vào dấu chân người lớn⁹ cũng chưa quái lạ quá lắm như thế. Vậy thì chuyện này dường cũng hoang đường, lơ mờ, không kê cứu như chuyện "mình rắn đầu người, mình người đầu trâu đó chăng?".

Chia trong nước làm mười lăm bộ

Bắt đầu chia trong nước làm mười lăm bộ¹⁰ là: bộ Giao Chỉ, bộ Chu Diên, bộ Vũ Ninh, bộ Phúc Lộc, bộ Việt Thường, bộ Ninh Hải, bộ Dương

Tuyền, bộ Lục Hải, bộ Vũ Định, bộ Hoài Hoan, bộ Cửu Châu, bộ Bình Văn, bộ Tân Hưng, bộ Cửu Đức, còn bộ Văn Lang là chỗ nhà vua đóng đô. Địa giới nước Văn Lang bấy giờ phía đông giáp biển Nam, phía tây giáp Ba Thục, phía bắc giáp Động Đình Hồ, phía nam giáp Hồ Tôn.

Lời cần án - Địa giới nước ta từ Trần (1225-1399), Lê (1428-1527) về trước, phía đông giáp biển, phía tây giáp Vân Nam, phía nam giáp Chiêm Thành, phía bắc giáp Quảng Tây, phía đông bắc giáp Quảng Đông, phía tây nam giáp Lão Qua. So sánh với các sách dư địa quận quốc thiên hạ chép nước An Nam phía đông giáp biển, phía tây giáp tỉnh Vân Nam và nước Lão Qua, phía nam giáp nước Chiêm Thành, phía bắc giáp tỉnh Quảng Tây thì đại lược cũng giống nhau. Đến Quốc triều¹¹ ta, liệt thánh¹² gây dựng cơ sở ở miền Nam, rồi Thế tổ Cao hoàng đế¹³ ta đại định đất nước, thống nhất cả nước Việt: đông giáp biển cả, tây giáp Vân Nam, nam giáp Cao Miên, bắc giáp Quảng Đông và Quảng Tây: bờ cõi rộng rãi, chưa có đời nào được thế. Nhưng cách hồ Động Đình và đất Ba Thục còn xa lắm, thế mà **Sử cũ** chép nước Văn Lang phía tây giáp Ba Thục, phía bắc giáp Động Đình, chẳng cũng xa sự thực lắm dư! Nay, Động Đình giáp hai tỉnh Hồ Nam và Hồ Bắc, thực ra ở về phía bắc Bách Việt; mà Ba Thục với Văn Lang còn cách Tuấn Điền (nay thuộc Vân Nam) không liền đất nhau. Chẳng qua **Sử cũ** chép quá khoa trương. Việc này với việc Thục Vương sau đây đều là hư truyền cả, mà chưa khảo cứu được. Vả lại, mười lăm bộ đã chia đó đều ở trong địa hạt Giao Chỉ và Chu Diên, chứ không có bộ nào ở về phương Bắc (Trung Quốc). Như thế đủ chứng tỏ là không đúng sự thực. **Lời phê** - Theo sách **Đại Thanh nhất thống chí** ngày nay,

Quảng Tây với Hồ Nam, Hồ Bắc, Vân Nam và Tứ Xuyên, tức là đất Sở và Thục xưa đó. Nào biết giáp giới những đâu! Đại để nhiều sự việc trong Việt sử thất truyền đã lâu, không còn dựa vào đâu mà khảo đính được nữa. Mọi việc khác cũng đại loại như thế đây.

Lời chua - Mười lăm bộ: Trong Dư địa chí của Nguyễn Trãi, Nguyễn Thiên Túng có chua: Sơn Nam (bây giờ là Hà Nội, Nam Định, Hưng Yên)¹⁴ xưa là bộ Giao Chỉ;

Sơn Tây xưa là bộ Chu Diên, bộ Phúc Lộc;

Kinh Bắc (nay là Bắc Ninh)¹⁵ xưa là bộ Vũ Ninh;

Thuận Hóa (bây giờ là từ Hải Lăng thuộc Quảng Trị đến Điện Bàn thuộc Quảng Nam)¹⁶ xưa là bộ Việt Thường;

An Bang (bây giờ là Quảng Yên)¹⁷ xưa là bộ Ninh Hải;

Hải Dương xưa là bộ Dương Tuyền;

Lạng Sơn xưa là bộ Lục Hải;

Thái Nguyên, Cao Bằng xưa là bộ Vũ định nội ngoại;

Nghệ An xưa là bộ Hoài Hoan;

Thanh Hóa xưa là bộ Cửu Chân;

Hung Hóa và Tuyên Quang xưa là bộ Tân Hưng;

Còn hai bộ Bình Văn và Cửu Đức thì đều khuyết nghi. Nay khảo ở sách Tấn chí, quận Cửu Đức, do nhà Ngô đặt, nay là đất Hà Tĩnh.

Hồ tôn, Sử cũ **chưa tức là nước Chiêm Thành, bây giờ là đất Bình Định.**

Đặt danh hiệu quan chức.

Bắt đầu đặt quan chức: tướng văn gọi là Lạc Hầu; tướng võ gọi là Lạc tướng; hữu tư¹⁸ gọi là Bồ chính; con trai của vua gọi là Quan Lang, con gái của vua gọi là Mị Nương. Cứ đời nọ đến đời kia, cha truyền con nối, gọi là phụ đạo.

Đế Nghiêu nhà Đường¹⁹ sai Hi Thúc²⁰ giữ việc suy trắc khí hậu ở Nam Giao, lý hội thời tiết mùa hè (lý nam ngoa) .

Kinh Thư , thiên "Nghiêu điển" chép: vua Nghiêu lại sai Hi Thúc giữ việc suy trắc khí hậu ở Nam Giao, điều hoà mọi việc theo thời tiết sớm muộn về mùa hè, kính cẩn ghi bóng mặt trời lúc đến giữa trưa, theo như thời tiết hạ chí²¹ , ban ngày thì ngày dài, ban đêm thì lúc chập tối sao trung tinh là đại hỏa, suy

trắc lại cẩn thận, để cho tháng trọng hạ²² được đúng với thời tiết; lại phải xem xét đến việc thay đổi của người và vật: lúc ấy dân ở phân tán, chim muông lông thưa thớt và thay đổi.

Lời chua - Theo tập truyện của họ Thái²³ :

Nam Giao : Đất Giao Chỉ ở phương Nam.

Nam Ngoa²⁴ : Mùa hè là mùa mọi vật sinh sản phồn thịnh, cần suy trắc kỹ để thay đổi những việc nên làm. - Theo sách Thông chí của Trịnh Tiều²⁵, Hi Thúc đóng ở Nam Giao, lý hội thời tiết về mùa hè, để cho đúng tiết hạ chí.

Lần đầu tiên sai sứ sang nhà Đường (2357-2258 tr.c.ng.) dâng con rùa thần.

Sách Cương mục Tiền biên của Kim Lý Tường chép rằng: Năm Mậu Thân thứ năm đời Đường Nghiêu, Việt Thường thị sang châu, dâng con rùa thần.

Lời chua - Rùa thần : Theo Thông chí của Trịnh Tiều, về đời Đào Đường, phương Nam có Việt Thường thị qua hai lần sứ dịch sang châu, dâng con rùa thần; có lẽ nó được đến nghìn năm, mình nó hơn ba thước²⁶, trên lưng có văn khoa đầu²⁷ ghi việc từ khi trời đất mới mở mang trở về sau. Vua Nghiêu sai chép lấy, gọi là Quy lịch (lịch Rùa).

Sai sứ sang nhà Chu, dâng chim trĩ trắng.

Sứ ký (Trung Quốc) chép: Năm Tân Mão thứ sáu (1110 tr.c.ng.) đời Thành Vương nhà Chu, phía Nam bộ Giao Chỉ có Việt Thường thị qua ba lần sứ dịch, sang dâng chim trĩ trắng. Chu công nói: "Đức trạch chưa thăm khắp đến phương xa, người quân tử không nhận đồ lễ ra mắt; chính lệnh chưa ban ra tới, người quân tử không bắt người ta thần phục". Theo lời thông dịch, sứ giả muốn nói: "Ông già trong nước chúng tôi có nói: "Trời mưa không dầm gió dữ và biển không nổi sóng đã ba năm nay, ý chừng Trung Quốc có thánh nhân chăng?". Vì thế, chúng tôi sang châu". Chu Công đem dâng lễ vật lên nhà tôn miếu. Sứ giả không thuộc đường về, Chu Công cho năm cỗ xe biền²⁸ đều làm theo lối chỉ nam. Sứ giả đi xe ấy theo ven biển nước Phù Nam và nước Lâm Ấp, vừa một năm mới về đến nước.

Lời chua - Phù Nam : Theo Phương dư kỷ yếu , nước Phù Nam ở trong cù lao lớn về phía tây Nam Hải thuộc quận Nhật Nam và ở về phía Tây Nam nước Lâm Ấp, cách quận Nhật Nam bảy nghìn dặm về phía Bắc, cách nước Lâm Ấp hơn ba nghìn dặm về phía Tây, diện tích được hơn ba nghìn dặm.

Lâm Ấp : Tên nước. Xem năm Vĩnh Hòa thứ 9 khi thuộc Tấn, Mục đế (Tb

3, 20- 21)

Thục vương Phán đem quân sang xâm. Hùng Vương nhảy xuống giếng chết. Nước Văn Lang mất.

Trước kia, Hùng Vương có con gái gọi là Mị Nương. Thục vương nghe tin, sai sứ đến cầu hôn. Hùng Vương muốn gả cho, nhưng Lạc Hầu can rằng: "Ý nó muốn toan tính ta đây, chẳng qua mượn tiếng cầu hôn đó thôi". Thành thử việc đó thôi hẳn. Thục vương căm giận lắm, dặn con cháu sau thế nào

cũng phải diệt nước Văn Lang. Đến bấy giờ, cháu là Thục Phán có sức mạnh và mưu lược, nhiều lần đem quân đánh Hùng Vương. Hùng Vương quân giỏi, tướng mạnh, hễ ra đánh, quân Thục thua liền. Hùng Vương nói: "Ta đây có thần lực, Thục không sợ ư?". Rồi cứ lè mề chè chén để mua vui, không lo đến việc vũ bị. Quân Thục kéo đến, Hùng Vương hãy còn say mềm chưa tỉnh. Kịp khi giặc đến gần, bức bách gấp rồi, nhà vua tỏ ra huyết, gieo mình xuống giếng; còn quân thì quay giáo đầu hàng. Nước Văn Lang mất.

Lời căn án - Sử cũ phần Ngoại kỷ chép Hồng Bàng thị bắt đầu từ Kinh Dương Vương thụ phong năm Nhâm Tuất (2879 tr.c.ng.?) cùng thời với

Đế Nghi, truyền đến Hùng Vương đời cuối cùng là năm Quý Mão (258 tr.c.ng.?), tức năm thứ năm mươi bảy đời Noãn Vương nhà Chu thì mất nước, tất cả là hai nghìn sáu trăm hai mươi hai năm. Sự đó không biết Sử cũ khảo cứu ở đâu, bây giờ cũng hãy cứ chép lại để phòng khi tra xét.

Năm Giáp Thìn (267 tr.c.ng.) (Thục An Dương Vương năm thứ 1; Chu Noãn vương năm thứ 58).

Thục Vương đã lấy được nước Văn Lang, đổi tên nước là Âu Lạc, đóng đô ở Phong Khê.

Sử cũ chép: vua, họ Thục, húy Phán, người đất Ba Thục. Bấy giờ nhà vua đã lấy được Văn Lang, đổi quốc hiệu là Âu Lạc, đóng đô ở Phong Khê.

Lời cần án - Nước Thục, từ năm thứ 5 đời Thận Tĩnh Vương nhà Chu (316 tr.c.ng.), đã bị nhà Tần diệt rồi, làm gì còn có vua nữa? Huống chi từ Thục đến Văn Lang, còn có đất Kiện Vi (nay thuộc Vân Nam), đất Dạ Lang, đất Cùng, đất Tác và đất Nhiễm Mang (những đất này xưa là đất rợ mội ở về phía tây và nam, nay thuộc Vân Nam), cách nhau hàng hai ba ngàn dặm, có lẽ nào Thục vượt qua được các nước ấy mà sang đánh lấy nước Văn Lang? Sử cũ đã chép "cháu Thục Vương là Phán", lại chép "An Dương Vương họ Thục, húy Phán, người đất Ba Thục", hoặc giả ngoài cõi Tây Bắc giáp với nước Văn Lang, còn có họ Thục khác mà **Sử cũ** liền nhận là Thục Vương chăng? chứ nếu bảo Thục Vương đây lại là người ở

Ba Thục thì không phải. Lờì chua - Phong Khê : Bây giờ là thành Cổ Loa, huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh²⁹ .

Âu Lạc : Theo Dư địa chí của Cổ Hi Phùng, Giao Chỉ về đời Chu gọi là Lạc Việt, về đời Tần gọi là Tây Âu, thế thì đất Tây Âu Lạc lại ở về phía tây Phiên Ngộ. Theo Giao Quảng ký của Hoàng Sâm, Giao Chỉ có ruộng Lạc Điền, khai khẩn theo nước triều lên xuống. Người "ăn" hoa lợi ruộng ấy là Lạc Hầu. Các huyện³⁰ tự gọi là Lạc tướng. Sau này con Thục Vương đem quân đánh Lạc Hầu, tự xưng là An Dương Vương, lỵ sở ở đất Phong Khê.

Năm Bính Ngọ (255 tr.c.ng.) (Thục An Dương Vương năm thứ 3; Chu Đông - chu quân năm thứ 1).

Tháng ba, mùa xuân, đắp xong Loa thành.

Vua Thục đắp thành ở Phong Khê, rộng đến nghìn trượng, xoay tròn như hình tròn ốc, nên gọi là Loa thành, lại gọi là thành Tư Long.

Lờì chua - Loa thành: Theo An Nam chí nguyên của Cao Hùng Trưng, Loa thành, ở huyện Đông Ngàn, xoay tròn chín vòng như hình tròn ốc,

kiểu làm do An Dương Vương sáng tạo, lại gọi là thành Khả Lũ³¹. Trong thành còn nền cung vua An Dương ngày trước.

Thành Tư Long : Người Đường³² gọi là thành Côn Luân, ý nói thành ấy cao lắm.

Năm Đinh Hợi (214 tr.c.ng.) (Thục An Dương Vương năm thứ 44; Tần Thủy Hoàng năm thứ 33).

Nhà Tần sai Đồ Thư và Sử Lộc sang lấy đất Lĩnh Nam, đặt ra Tượng quận.

Bấy giờ nhà Tần hám đất Việt có nhiều ngọc trai và ngọc cơ³³, muốn chiếm lấy đặt làm quận huyện³⁴, mới bắt kẻ trốn tránh, người gửi rỏ và lái buôn ở các đạo đi làm lính, sai hiệu úy là Đồ Thư làm tướng, Sử Lộc thì khơi cù lấy lối tải lương, đi sâu vào cõi Lĩnh Nam, cướp lấy đất Lục Lương, đặt ra Quế Lâm, Nam Hải và Tượng Quận để đầy những kẻ phải đi thú³⁵. Người Việt bấy giờ đều rủ nhau núp vào trong rừng rậm, không ai chịu để cho người Tần dùng. Lại ngầm bầu những người tài giỏi lên làm tướng, đánh nhau với người Tần, giết được hiệu úy Đồ Thư.

Lời chua - Việc Sử Lộc khai cù lấy lối tải lương : Theo Lĩnh Nam di thư của Âu Đại Nhân, tiên tổ Sử Lộc là người nước Việt. Khi nhà Tần sang đánh Bách Việt, sai hiệu úy Đồ Thư chia binh sĩ làm năm quân, cắt Lộc tải lương, khai cù để tiện lối chở lương thực. Lộc bèn khơi nguồn nước từ núi Dương Sơn (thuộc Phiên Ngung) xuôi xuống, thấy rằng theo sông Tương chảy về phía Bắc, đổ vào sông Sở Dung, là hạ lưu sông Trường Kha chảy về phía nam đổ ra biển mà vận tải lương thực thì thật vất vả. Lộc bấy giờ mới lượng tính làm ra cái đập để nước sói mạnh vào trong bãi cát sỏi, rồi xếp đá làm vững, lái nước sông Tương đổ ra. Nước chảy xói đi hàng 60 dặm. Lại đặt ra 36 cửa đập, hễ thuyền qua một cửa đập thì đóng cửa đập ấy lại, khiến cho nước tụ lại, đầy lên dần dần. Vì thế thuyền có thể lần theo sườn núi mà lên, dễ dàng mà xuống. Không những thuyền bè đi lại được, mà lấy nước vào ruộng cấy cấy cũng tiện. Người ta gọi cù ấy là Linh Cù. Theo Thái bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử nhà Tống, nhà Tần có đào cái cù ở về phía Nam huyện Hưng An (nay thuộc Quế Châu) hai mươi dặm. Gốc tận sông Ly, từ phía Bắc núi Thác Sơn, chảy về Tây Bắc, đến phía Tây Nam huyện Hưng An, hợp với Linh Cù năm dặm mới chia ra hai dòng. Xưa, nhà Tần sai ngự sử giám, tên là Lộc, từ huyện Linh Lăng đào cù đến Quế Lâm tức là đây.

Lục lương: Như Thuấn có nói: "Ở miền Giang Nam, bài Chính nghĩa về Sử ký (Trung Quốc) cho rằng người Lĩnh Nam phân nhiều ở về đất núi, tính mạnh tợn, nên gọi là "Lục lương"³⁶ .

Quế Lâm, Nam Hải, Tượng quận: Theo sách Lĩnh ngoại đại đáp của Chu Khứ Phi nhà Tống, ba quận ấy là đất Bách Việt ngày trước, từ Tần Thủy Hoàng lấy được thiên hạ, mở núi dọn đường, cướp lấy đất Dương, Việt, đặt ra Nam Hải, Quế Lâm và Tượng Quận. Bây giờ tỉnh Quảng Tây tức là Quế Lâm, tỉnh Quảng Đông tức là Nam Hải, đất Giao Chỉ tức là Tượng Quận đời Tần. Đến Hán Vũ đế bình định được Nam Hải mới tách Quế Lâm đời Tần làm hai là Uất Lâm và Thương Ngô; tách Tượng Quận làm ba là Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam. Lại xấn bót đất Nam Hải và Tượng Quận đặt ra quận Hợp Phố. Rồi, từ huyện Từ Văn, vượt biển sang lấy hai quận Chu Nhai và Đam Nhĩ ở phía Nam biển, đặt thứ sử tại Giao Châu. Tiếng rằng nhà Hán chia ra chín quận, nhiều hơn nhà Tần, nhưng cầm quyền thống trị thì chỉ có một thứ sử ở Giao Châu thôi. Đến nhà Ngô chia ra

làm đôi, tên gọi Giao Châu, Quảng Châu mới có từ đó. Bây giờ Giao Châu thì lý sở ở Long Biên, Quảng Châu thì lý sở ở Phiên Ngung, quy mô cũng như nhà Hán trước, duy có tòa sớ phủ khác chỗ thôi. Đường Cao Tông bắt đầu đặt An Nam đô hộ phủ ở Giao Châu. Giữa niên hiệu Hoàng Hựu (1049-1053) bản triều (triều Tống) đặt chức An Phủ và chức Kinh Lược ở Quế Lâm. Tòa sớ phủ ở Tây Đạo lập lên là trước từ đây. Đến bây giờ, Bát Quê³⁷, Phiên Ngung và Long Biên đứng đối nhau như ba chân vạc là theo kiểu cũ của Tần.

Phụ lục - Sử cũ chép: bảy giờ (đời Thục) Lý Ông Trọng, người huyện Từ Liêm², Giao Chỉ nước ta, mình dài hai trượng ba thước³, sang làm quan nhà Tần, đến chức Ty Lê hiệu úy, đem quân giữ huyện Lâm Thao⁴, danh tiếng lừng khắp Hung Nô. Khi tuổi già, thôi làm quan về, mất ở quê nhà. Tần Thủy Hoàng cho là một sự lạ, mới đúc tượng đồng để ở cửa Tư Mã cung Hàm Dương. Tượng ấy ruột rỗng, trong chứa được vài mươi người, có máy rung động được. Hung Nô tưởng là Hiệu Úy sống, không dám đến xâm phạm. Về sau, đến đời Đường, Triệu Xương sang làm đô hộ Giao Châu, thường có đêm nằm chiêm bao cùng ông Lý Ông Trọng giảng sách **Xuân thu Tả truyện**, nhân thế mới hỏi thăm đến chỗ nhà cũ Ông Trọng, lập đền để thờ. Kịp khi Cao Biền đi đánh Nam Chiếu, Ông Trọng thường hiển linh giúp cho thắng trận. Cao Biền lại tu sửa đền miếu, tạc tượng gỗ, gọi là đền Lý Hiệu Úy.

Lời chua - Lý Ông Trọng: theo sách An Nam chí nguyên của Cao Hùng Trưng, Lý Ông Trọng, mình dài hai trượng ba thước, khí lượng nghiêm trang, thể chất trọng hậu, khác hẳn người thường. Thừa trẻ, làm chức huyện lại, bị viên Đốc Bưu⁴¹ đánh đòn, Ông Trọng than rằng: "Người ta ở đời mà phải chịu như thế dư!". Bảy giờ mới sang Trung Quốc, học sử sách, rồi làm quan với nhà Tần. Tần Thủy Hoàng sai Ông Trọng đem quân giữ Lâm Thao: danh tiếng ông rung động cả Hung Nô. Nhà Tần cho đó là việc tốt lành. Kịp khi ông mất, nhà Tần đúc đồng làm tượng, đem đặt ở ngoài cửa Tư Mã cung Hàm Dương. Trong ruột pho tượng ấy có thể chứa được vài mươi người. Hung Nô vào đất Tần, trông thấy pho tượng, tưởng Ông Trọng hãy còn sống. Sách Đại Thanh nhất thống chí và sách Quảng

đư ký (của Lục Bá Sinh) đều chép là Nguyễn Ông Trọng.

Đền Lý Hiệu Úy: Ở xã Thụy Hương, huyện Từ Liêm, Hà Nội, nay hầu còn.

Lâm Thao: Tên huyện. Đồi Tân thuộc quận Lũng Tây; đồi Thanh là đất phủ Lâm Thao tỉnh Thiểm Tây⁴² (Trung Quốc).

Nam Chiếu; Xem thuộc Đường, Vũ Tông, năm Hội Xương thứ 6. (Tb. 4, 35-36).

Nhà Tân dùng Nhâm Hiêu⁴³ làm chức úy⁴⁴ quận Nam Hải và Triệu Đà làm chức lệnh⁴⁵ huyện Long Xuyên.

Nhà Tân sai Nhâm Hiêu và Triệu Đà đem năm mươi vạn dân bị tội đầy sang thú ở đất Ngũ Lĩnh. Hiêu và Đà mới âm mưu làm việc cát cứ kiên tính.

Lời chua - Long Xuyên: Tên huyện, thuộc quận Nam Hải; nay là đất Tuần

Châu (Trung Quốc).

Ngũ Lĩnh: theo sách Nam Khang ký của Đặng Đức Minh, Ngũ Lĩnh có năm quả núi: Đài Lĩnh là quả núi thứ nhất, ở đất Đại Dũ; Kỵ Điền là quả núi thứ hai, ở đất Quế Dương; Đô Bàng là quả núi thứ ba, ở đất Cửu Chân (nay là tỉnh Thanh Hóa); Manh Chử là quả núi thứ tư, ở đất Lâm Hạ; Việt Thành là quả núi thứ năm, ở đất Thủy An. Theo sách Quảng châu ký của Bùi Uyên, Ngũ lĩnh là Đại Dũ, Thủy An, Lâm Hạ, Quế Dương và Yết Dương, bây giờ trong địa phận tỉnh Quảng Đông và tỉnh Quảng Tây. Phương Dĩ Trí có nói: "Kể đến Cửu Chân thì xa quá, nên cho thuyết sau là phải hơn". Sách Lĩnh Ngoại đại đáp của Chu Khứ Phi chép rằng: "Từ nhà Tần, có vấn đề Ngũ Lĩnh, mọi thuyết đều cho là chỉ vào núi mà gọi tên cả. Bây giờ xét ra, đó là năm đường đi vào Ngũ Lĩnh, chứ không cứ phải là núi đâu: Con đường từ tỉnh Phúc Kiến qua sông Thinh, vào tỉnh Quảng Đông, sang núi Tuần Mai, là một; con đường từ tỉnh Giang Tây đi Nam An, qua núi Đại Dũ, vào Nam Hùng, là hai; con đường từ tỉnh Hồ Nam đi sang đất Thâm rồi vào đất Liên, là ba; con đường từ Đạo Châu vào Quảng Tây rồi đi huyện Lâm Hạ, là bốn; con đường từ Toàn Châu vào Tỉnh Giang, là năm.

Năm Tân Mão (210 tr.c.ng.) (Thục An Dương Vương năm thứ 48; Tần Thủy Hoàng năm thứ 37).

Nhâm Hiêu và Triệu Đà nhà Tần đem quân sang xâm. Thục vương cùng Triệu Đà giảng hòa, rút quân về.

Khi Triệu Đà sang xâm lược, đóng quân ở núi Tiên Du thuộc Bắc Giang⁴⁶, Thục vương đem quân chống cự Triệu Đà. Bấy giờ Nhâm Hiêu đóng chu sư⁴⁷ ở tiểu giang, mắc bệnh, trở về, giao cả quân cho Triệu Đà. Triệu Đà dời quân doanh đến núi Vũ Ninh. Thục vương cắt đất cho Đà từ sông Bình Giang giở về Bắc để giảng hòa. Hai bên đình chiến, rút về.

Sử cũ chép: Triệu Đà sang xâm lược, đóng quân ở núi Tiên Du thuộc Bắc Giang, đánh nhau với vua Thục. Vua Thục đem nỏ thần ra bắn. Đà thua chạy. Khi ấy, Nhâm Hiêu đóng chu sư ở tiểu giang, vì mắc bệnh, phải trở về. Lúc về, Nhâm Hiêu có dặn Triệu Đà rằng: "Nhà Tần mất rồi. Nếu ông biết dùng mưu đánh lấy Thục thì có thể lập được nước đấy". Triệu Đà biết vua Thục có cái nỏ thần, không thể địch nổi, bèn lui giữ núi Vũ Ninh, sai sứ đi xin hòa. Vua Thục mừng, chia đất cho Đà từ sông Bình Giang trở về Bắc; còn từ Bình Giang trở về Nam thì vua Thục cai trị. Triệu Đà cho con là Trọng Thủy sang làm con tin, nhân tiện cầu hôn; vua Thục gả con gái là Mị Châu cho Trọng Thủy. Sau, Trọng Thủy dụ dỗ Mị Châu cho xem vụng cái nỏ thần, ngầm đổi mất lẫy nỏ, rồi nói thác là về Bắc thăm cha mẹ. Lúc Trọng Thủy từ biệt, dặn Mị Châu "Mai sau ta lại sang, muôn một mà hai nước bất hòa, thì có dấu tích gì để xét nghiệm, khiến chúng ta lại có thể gặp nhau không?". Mị Châu nói: "Thiếp có cái chăn gấm bằng lông

ngỗng, đi đâu cũng thường mang theo, nếu đến những chỗ đường rẽ, thiếp sẽ nhỏ lông ngỗng ấy mà rắc xuống để làm ghi, thì sẽ biết chỗ thiếp ở". Trọng Thủy trở về, báo với Triệu Đà. Triệu Đà quyết tâm sang xâm lược.

Lời chua - Núi Tiên Du: theo An Nam chí nguyên của Cao Hùng Trưng, núi Tiên Du còn một tên là núi Lạn Kha, ở huyện Tiên Du, trên núi ấy có hòn đá hình bàn cờ, tương truyền ngày xưa có một người đi kiếm củi, xem hai ông tiên đánh cờ, cán rìu nát ra lúc nào không biết.

Tiểu giang: Tức là con sông nhỏ ở phủ Đô Hộ, sau lắm là bến Đông Hồ. Bây giờ không biết sông này ở đâu.

Núi Vũ Ninh: Theo An Nam chí nguyên của Cao Hùng Trưng, núi Vũ Ninh ở châu Vũ Ninh, trên núi ấy có cái sông núi gọi là Tỉnh Thủy Cương, ở sông núi ấy có con rắn đá, tên gọi Ngọc Kinh. Vũ Ninh bây giờ là huyện Vũ Giàng.

Sông Bình Giang: Tức sông Thiên Đức, là phân lưu về phía Đông của sông Lô⁴⁸, dưới thông với sông Bình Than, lại gọi là sông Đông Ngàn.

Nỏ thần: Sử cũ, phần Ngoại kỷ, chép: Ban đầu, vua Thục đắp Loa Thành,

đắp rồi lại lở. Nhà vua mới trai giới cầu khẩn. Khi sắp đắp lại, bỗng có thần nhân hiện ở cửa Nam, vua Thục hỏi, thần nhân đáp: "Xin đợi sứ Thanh Giang đến". Sớm hôm sau, thấy có con Kim Quy (Rùa vàng) nổi trên mặt sông, bơi đến, nói được tiếng người, tự xưng là sứ Thanh Giang. Vua Thục mừng rỡ, mời vào, hỏi duyên cớ sao thành đắp xong rồi lại đổ. Kim Quy bảo cho vua Thục cái thuật yểm trừ yêu quái. Do đó đắp vừa nửa tháng thì xong thành. Kim Quy từ giã đi. Vua Thục cảm tạ, lại hỏi Kim Quy có cách gì để chống được giặc. Kim Quy trút cái móng lại cho vua. Vua Thục mới sai bày tôi là Cao Lỗ chế ra cái nỏ, lấy móng rùa làm lẫy, đặt tên nỏ ấy là "Linh quang kim trảo thần nỏ", hễ bắn thì giặc phải lui. Nhưng, xét ra, việc này là chuyện hoang đường, nên nay bỏ đi.

Theo sách Thái bình hoàn vũ ký, phần Nam Việt chí, của Nhạc Sử nhà Tống, An Dương Vương cai trị Giao Châu, Úy Đà đem quân sang đánh. An Dương Vương có thần nhân là Cao Thông giúp đỡ, chế ra cái nỏ, bắn một phát giết chết quân Việt hàng vạn người, bắn ba phát giết đến ba vạn. Triệu Đà biết rõ duyên cớ, liền lui về đóng ở Vũ Ninh, rồi cho con là Trọng Thủy sang làm tin, xin hòa hảo với nhau. Về sau, An Dương đổi xử với Cao Thông không được hậu, Cao Thông bỏ đi. An Dương Vương có người con gái là Mị Châu, thấy Trọng Thủy đẹp trai, liền phải lòng. Về sau, Trọng Thủy dụ dỗ Mị Châu đòi xem nỏ thần, Mị Châu đem cho xem. Trọng Thủy nhân đấy bẻ hỏng cái lẫy nỏ, rồi lập tức sai người ruổi về báo tin cho Triệu Đà. Triệu Đà lại đem quân sang đánh úp. Khi quân Triệu kéo đến, An Dương Vương đem nỏ ra bắn như trước, nhưng nỏ hỏng rồi! Quân Thục chạy tan tác. Triệu Đà phá được Thục.

Năm Quý Ty (208 tr.c.ng.) (Thục An Dương Vương năm thứ 50; Tần Nhị thế năm thứ 2).

Triệu Đà nhà Tần lại sang xâm lược. Vua Thục thua, chạy, chết. Nhà Thục mất.

Trước kia, Nhâm Hiêu mắc bệnh, lúc gần mất, có dặn Triệu Đà: "Nhà Tần vô đạo, thiên hạ phải khổ sở, nghe đâu bọn Trần Thắng đã nổi loạn, lòng dân chưa biết theo về ai. Đất này hẻo lánh xa cách, tôi sợ những đám giặc khác sẽ xâm phạm đến đây. Ý tôi muốn đẩy quân cắt đứt các đường sạn đạo⁴⁹ để tự phòng bị lấy mình, rồi chờ xem sự biến của các chư hầu. Và lại, Phiên Ngung (nhà Hán gọi là Nam Thành) là chỗ núi sông hiểm trở, đông tây đều vài nghìn dặm, lại có người Trung Quốc giúp đỡ thì có thể lập thành một nước được đấy. Vì các trưởng lại trong quận không có ai đáng để bàn tính việc này, nên tôi đặc biệt mời ông đến để nói chuyện". Hiêu nói xong, lập tức viết thư cử Triệu Đà làm chức úy quận Nam Hải. Khi Hiêu chết rồi, Đà liền truyền hịch đi các cửa quan ải, như Hoàng Phố, Dương Sơn, Hoàng Khê, rằng: "Quân giặc đến nơi rồi, mau mau cắt đứt đường sạn đạo, rồi họp quân lại, tự phòng thủ lấy". Hịch đi đến đâu, các châu các quận đều hưởng ứng cả. Nhân đấy, Triệu Đà dần dà đem pháp lệnh buộc tội để giết các trưởng lại do nhà Tần đã đặt, rồi đem những người họ hàng và bè đảng ra giữ hết chức thú lệnh để cai trị dân. Triệu Đà

đem quân sang đánh vua Thục, vua Thục không ngờ lấy nỏ đã hỏng, vẫn cứ nhơn nhơn đánh cờ, cười rằng: "Triệu Đà không sợ nỏ thần của ta ư?". Kịp khi quân Triệu Đà đã bức bách tận nơi, vua Thục mới giương nỏ, thì lấy nỏ hỏng rồi, liền thua chạy, cho nàng Mị Châu cưỡi ngựa cùng chạy về phía Nam. Trọng Thủy cứ nhận dấu lông ngỗng mà đuổi theo. Vua Thục đến bãi biển, hết đường chạy, nhảy xuống biển chết. Nhà Thục mất.

Lời phê - Vua Thục trước đây vì hôn nhân mà được thắng lợi, rồi cũng vì hôn nhân mà bại vong, đạo trời báo phục không sai, kẻ cũng chóng quá!

Lời chua - Đền Thục vương: Ở núi Mộ Dạ, xã Hương Ái, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An.

Nhà Thục, từ An Dương Vương khởi lên năm Giáp Thìn (257 tr.c.ng.) đến năm Quý Tị (208 tr.c.ng.) mất nước, cộng 50 năm.

Năm Giáp Ngọ (207 tr.c.ng.) (Triệu Dũ Vương năm thứ 1; Tản Nhị thế năm thứ 3).

Triệu Đà tự lập làm vua Nam Việt, đóng đô ở Phiên Ngung.

Nhà vua họ Triệu, tên Đà, người huyện Chân Định nhà Hán. Bây giờ nhà vua đã kiêm tính được đất Lâm Ấp và Tượng quận, tự lập làm Nam Việt vương.

Lời chua - Phiên Ngung: Xưa thuộc quận Nam Hải, tức đất phủ Quảng Châu tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) bây giờ.

Năm Quý Mão (198 tr.c.ng.) (Triệu Dũ Vương năm thứ 10; Hán Cao hoàng đế năm thứ 9).

Triệu Vương mới sai hai sứ thần coi giữ quận Giao Chỉ và quận Cửu Chân.

Nam Việt vương Triệu Đà đã đánh và diệt được An Dương Vương rồi, sai hai sứ thần coi giữ quận Giao Chỉ và quận Cửu Chân.

Lời chua - Giao Chỉ: Xưa là đất các bộ Giao Chỉ, Chu Diên, Phúc Lộc, Vũ Ninh, Ninh Hải, Dương Tuyền, Lục Hải, Vũ Định và Tân Hưng. Nhà Triệu đặt làm quận, thống trị 10 huyện; về sau noi theo hay thay đổi mỗi

thời một khác. Bây giờ là đất các tỉnh Bắc Kỳ.

Cửu Chân: Xưa là ba bộ Cửu Chân, Hoài Hoan và Việt Thường. Nhà Tần đặt làm đất Tượng quận; nhà Triệu đặt làm quận, thống trị 12 huyện; đến nhà Hán khoảng năm Nguyên Đĩnh (116-111 tr.c.ng.), tách năm huyện Tì Ảnh, Lư Dung, Tây Quyển, Tượng Lâm và Chu Ngô đặt làm quận Nhật Nam; còn bảy huyện Tư Phố, Cư Phong, Đô Bàng, Dư Phát, Hàm Hoan, Vô Thiết và Vô Biên thì vẫn để làm quận Cửu Chân. Đến Ngô, Tần, Tống, Tề cũng đều noi theo như trước. Nhà Lương đổi làm Ái Châu; về sau, noi theo hoặc thay đổi mỗi lúc một khác. Bây giờ là đất Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên.

Năm Ất Tị (196 tr.c.ng.) (Triệu Vũ Vương năm thứ 12; Hán Cao hoàng đế năm thứ 11).

Nhà Hán sai sứ sang ban ấn và thao cho Triệu Vương.

Nhà Hán đã bình định được thiên hạ, nghe tin Triệu Đà cũng đã xưng vương ở đất Việt, bèn sai Lục Giả sang phong Đà làm Nam Việt Vương, trao ấn và thao, chia cho một nửa phù tín⁵⁰, hai bên sứ thần đi lại giao hảo với nhau, để Triệu Đà hòa thuận tập hợp cả Bách Việt, đừng gây ra tai hại

cướp bóc.

Sứ nhà Hán đến, Đà ngồi xồm mà tiếp kiến. Lục Giả thấy thế, bảo Đà: "Vương vốn là người Hán, họ hàng phần mộ ở cả huyện Chân Định, bây giờ lại trái chứng, bỏ cả văn hóa lễ nghĩa, ý muốn nổi lên ở đất này, hòng làm một nước địch, chống đối với bên Hán, chẳng cũng lắm lắm dư! Và lại, nhà Tần mất nước, những người hào kiệt đều nổi dậy, nhưng chỉ có Hán đế vào Quang Trung trước, giữ được Hàm Dương, nổi ở Ba Thục, cuối cùng diệt được Hạng Vũ, trong vòng 5 năm bình định được cả nước. Như thế cũng là lòng trời gây dựng chứ không phải sức người. Bây giờ thiên tử nhà Hán nghe tin vương xưng vương ở đây, mà không giúp Hán thiên tử trừ những kẻ bạo nghịch! Ý các tướng văn, tướng võ đều muốn đem quân sang Nam để đánh, nhưng Hán thiên tử nghĩ thương trăm họ mới qua vòng nhọc mệt,

nên mới bãi binh, mà sai sứ giả sang trao cho vương ấn và thao đây. Đáng lẽ vương nên ra ngoài thành nghinh tiếp, bái yết, hướng mặt về bắc mà xưng thần là phải, thế mà bây giờ vương lại muốn cậy có cái nước Việt mới dựng, chưa củng cố, mà dám khinh nhờn sứ giả của thiên tử nhà Hán! Nếu nhà Hán nghe biết chuyện này, sẽ đào mồ mả và tru di họ hàng của nhà vương rồi đem quân sang đánh, thì vương nghĩ sao?".

Triệu Đà vội đứng dậy, nói: "Tôi ở đây đã lâu ngày, quên mất cả lễ

nghĩa!". Rồi nhân tiện hỏi Lục Giả: "Ta đây với Tiêu Hà và Tào Tham, ai giỏi hơn?". Lục Giả đáp: "Có lẽ vương giỏi hơn". Đà hỏi: "Ta đây với vua Hán, ai giỏi hơn?". Lục Giả đáp: "Vua Hán nổi nghiệp Ngũ đế⁵¹ và Tam Vương⁵², cai trị Trung Quốc, người Trung Quốc kẻ có hàng ức vạn, đất Trung Quốc hàng muôn dặm, của nhiều, người đông, chính lệnh do một nhà mà ra. Từ khi khai thiên lập địa đến giờ chưa có đời nào được thế. Nay dân chúng của vương chẳng qua được mười vạn ở lẫn vào nơi núi non và miền biển, tựa hồ như một quận bên Hán, vậy sao lại dám so sánh với Hán thiên tử được?". Triệu Đà cười, nói: "Ta chỉ phàn nàn không được nổi lên ở Trung Quốc, nên phải làm vua ở đây, chứ sao ta lại không bằng bên Hán?". Rồi giữ Lục Giả ở lại đến vài tháng trời. Đà bảo rằng: "Ở bên này không nói chuyện với ai được, bây giờ có ông sang đây làm cho tôi hằng ngày được nghe những điều chưa từng nghe". Đà cho Lục Giả một cái đầy, trong chứa các đồ đáng giá nghìn vàng. Đến lúc Lục Giả về, Đà lại cho thêm nghìn vàng nữa.

Lời chua - Đồ đựng trong đầy: Ý nói lấy những đồ châu báu trang trí vào trong đó.

Năm Mậu Ngọ (183 tr.c.ng.) (Triệu Dũ Vương năm thứ 25; Hán Cao hậu năm thứ 5).

Mùa xuân, Triệu vương Đà tự xưng là hoàng đế, đem quân đánh Trường

Sa.

Bây giờ Lữ Hậu nhà Hán cấm không cho bán đồ sắt ở cửa quan ải Nam Việt. Triệu Vương nghe tin, nói: "Hồi Cao đế làm vua, ta vẫn cho sứ giả thông hảo, hai nước cùng nhau trao đổi đồ vật. Bây giờ Lữ Hậu nghe bầy tôi gièm pha, chia rẽ Hán với Việt, làm ngăn cách việc trao đổi đồ vật. Mưu này chắc là do Trường Sa vương muốn cậy uy quyền nhà Hán, mưu lấy nước ta để chừa làm vua tất cả và lập lấy công lao cho mình đầy thôi". Triệu Đà bèn tự lập làm Nam Việt hoàng đế, đem quân sang đánh những nơi biên ải của Trường Sa, chinh phục được vài quận rồi trở về.

Năm Canh Thân (181 tr.c.ng.) (Triệu Vũ Vương năm thứ 27; Hán Cao Hậu năm thứ 7).

Nhà Hán sai Lâm Lư hầu Chu Táo sang đánh, nhưng không qua được núi, phải bãi binh.

Nhà Hán sai Chu Táo đi đánh Việt, để báo thù lại việc đánh Trường Sa. Bây giờ gặp mùa nắng nóng ẩm thấp, quân chết dịch nhiều, không thể vượt qua Ngũ Lĩnh được, nên phải bãi binh. Đà nhân dịp ấy, dùng binh lực và của cải chiêu dụ Mân Việt và bắt Tây Âu lệ thuộc, phục dịch mình, đất đai chu vi được hơn vạn dặm, đi xe hoàng ốc⁵³, dùng cờ tả đạo⁵⁴,

nghi vệ cũng ngang với thiên tử nhà Hán.

Lời chua - Tây Âu lệ thuộc phục dịch: Theo lời chú giải của Nhan Sư Cổ, Tây Âu tức là Lạc Việt. Tây Âu là một bộ phận trong Lạc Việt. Ý nói lệ thuộc và phục dịch nước Nam Việt.

Năm Nhâm Tuất (179 tr.c.ng.) (Triệu Vũ Vương năm thứ 29; Hán Văn đế năm thứ 1).

Nhà Hán lại sai Lục Giả đến. Triệu Vương nhân đưa thư xin cho sứ giả đi lại như trước.

Văn đế nhà Hán đã lên ngôi, liền đặt người thủ ấp trong coi những mồ mả của nhà Triệu ở Chân Định và, hằng năm, theo thời tiết, làm lễ thờ cúng; lại cho những anh em của nhà Triệu làm quan to, ban thưởng ưu hậu. Khi ấy, Hán Văn đế hỏi tể tướng Trần Bình có ai sang sứ bên nước Việt được. Trần Bình nói: "Lục Giả, về đời tiên đế⁵⁵, thường sang sứ bên ấy". Văn đế mới cho Lục Giả làm thái trung đại phu và một viên yết giả⁵⁶ làm phó sứ, đưa thư cho Triệu vương. Đại ý bức thư ấy thế này: "Kính thăm Nam Việt vương rất lao tâm khổ ý. Trẫm đây là con vợ thứ vua Cao hoàng, phải xa lánh ở ngoài, vâng mạng triều đình giữ phiên trấn miền Bắc ở đất Đại⁵⁷, đường sá xa xôi, kiến thức hẹp hòi quê kệch, chưa có dịp nào gửi thư thăm

hỏi được. Kịp khi vua Cao Hoàng lìa bỏ quần thần, vua Huệ đế qua đời. Lữ Hậu tự ý lên cầm quyền chính, rồi chẳng may có bệnh, bọn họ Lữ chuyên quyền, làm loạn, không thể chế trị được, bèn đem người khác họ vào làm con thừa tự vua Huệ đế. May nhờ tông miếu khôn thiêng, công thần giúp sức, dẹp yên được loạn. Trẫm, vì có vương hầu và các quan trong nước không chịu buông tha, nên buộc phải lên nối ngôi báu. Mới đây, nghe nói vương có gửi thư cho tướng quân Lâm Lư hầu, xin nhờ bảo toàn cho anh em vương và xin bãi bỏ hai tướng quân ở Trường Sa. Theo thư của nhà vương, trẫm đã bãi bỏ tướng quân Bắc đương hầu. Còn anh em nhà vương ở Chân Định thì trẫm cũng đã sai người trông nom chăm hỏi. Lại sai tu sửa phần mộ tiên nhân của nhà vương. Trước kia, nghe nói vương cứ đem quân đi cướp phá ở ngoài biên giới, gieo tai họa mãi, làm cho dân Trường Sa đã đau khổ mà dân Nam quận lại càng khổ hơn. Như thế nước của nhà vương phỏng được lợi ích riêng à? Chắc phải chết nhiều quân lính, hại lắm tướng tài, làm cho vợ người ta phải góa, con người ta phải côi, cha mẹ người ta phải cô độc. Thế là lợi một hại mười: trẫm đây không nỡ làm thế. Trẫm đây chỉ muốn định lại những chỗ địa giới, lòi ra lồm vào, chen kẽ nhau như nanh chó. Đã đem việc này hỏi ý kiến các quan thì họ nói: vua Cao hoàng sở dĩ đặt phân giới ở Trường Sa, là đất của nhà vương đấy, nên trẫm không dám tự tiện thay đổi. Ngày nay, ví bằng lấy được đất đai của vương cũng chẳng rộng là mấy; tức được của cải của vương cũng chẳng giàu thêm vào. Vậy thì từ Hoang Phục và Ngũ Lĩnh⁵⁸ trở về Nam, cho vương được quyền tự trị. Dẫu vậy, vương tự xưng là hoàng đế, hai hoàng đế cùng đôi lập mà lại không sai sứ giả đi lại để thông tình nghị với nhau, thế là có ý tranh nhau đấy. Tranh nhau mà không chịu nhường nhau, điều đó người nhân giả không làm. Bây giờ

trẫm nguyện với vương xóa bỏ những hiềm oán cũ, từ nay trở về sau, lại cho trao đổi sứ giả như xưa. Vậy nên sai Lục Giả sang giải bày bản ý của trẫm cho vương rõ. Vương cũng nên nghe theo, đừng có gây sự giặc cướp tai vạ nữa. Nay xin biểu vương: 50 áo thượng trử (Sư Cổ giải nghĩa: áo có trang sức bằng bông gọi là "trử"), 30 áo trung trử, 20 áo hạ trử. Vậy mong vương nghe âm nhạc, quên nỗi buồn, thăm hỏi đến nước láng giềng". Khi Lục Giả đến, Triệu Đà cảm tạ, nói: "Tôi kính vâng chiếu chỉ, xin làm phiên thần, giữ mãi lễ cống".

Bấy giờ Triệu Vương mới hạ lệnh cho người trong nước biết: "Trẫm nghe: hai hiền tài không thể cùng ở đời với nhau, hai anh hùng không thể cùng đứng với nhau. Hoàng đế nhà Hán là bậc hiền thiên tử, vậy từ nay ta bỏ đế chế, không dùng xe hoàng ốc, cò tả đạo nữa". Rồi Triệu Vương viết thư gửi sang nhà Hán, xưng là "Người đại trưởng lão phu ở man di, tên là Đà, mạo muội đành cam tội chết, hai lạy dâng thư lên Hoàng đế bệ hạ: Lão phu là kẻ cố lại⁵⁹ ở đất Việt, may được vua Cao hoàng ban cho ấn và thao, phong làm Nam Việt vương. Kịp khi Huệ đế lên làm vua, giữ ân nghĩa không nỡ dứt tình, ban tặng lão phu rất hậu. Đến khi Cao Hạo chuyên quyền, chia rẽ Hán với Di, ra lệnh: không bán cho Nam Việt những đồ làm ruộng bằng loài kim, loài sắt. Nếu bán trâu, bò, dê, ngựa thì chỉ bán cho những con đực, chứ không bán cho những con cái - Lão phu ở nơi hẻo lánh, trâu, bò, dê, ngựa đã già cả rồi; tự nghĩ không lấy gì để cúng tế thì tội đáng chết, nên mới sai nội sử Phiên, trung úy Cao và ngự sử Bình, tất cả ba bọn sang dâng thư tạ lỗi, đều không thấy trở về cả. Lại mong manh nghe nói mô mả cha mẹ của lão phu đều bị bạt phá, anh em họ hàng của

lão phu đều bị khép tội chu di. Vì thế, các lại viên của lão phu mới bàn với nhau: Bây giờ, ở trong, ta bị nhà Hán chèn ép; ở ngoài, ta không có gì để đề cao mình cho đặc biệt, cho nên đổi hiệu là hoàng đế, nhưng chẳng qua chỉ xưng đế ở trong nước mình, chứ có dám

làm gì hại đến thiên hạ đâu. Hay tin ấy, Cao Hậu cả giận, xóa bỏ tên nước Nam Việt, làm cho sứ giả không được trao đổi đi lại. Lão phu trộm ngờ việc này là do Trường Sa vương gièm pha, nên có đem quân đi đánh biên giới Trường Sa. Vả lại, phương nam đất thấp, ẩm ướt, trong đám man di như Đông Mân và Tây Âu đều xưng vương cả; lão phu xưng đế, gọi là tạm để vui lòng, đâu dám để lọt đến tai thiên vương? Lão phu ở đất Việt đến nay được 49 năm, đã có cháu ẵm rồi, nhưng vẫn thức khuya, dậy sớm, ăn không ngon, ngủ không yên, mắt không dám nhìn sắc đẹp yếu điệu, tai không dám nghe tiếng vui trống chuông, đó chỉ vì chưa được thần phục nhà Hán. Nay may được bệ hạ rủ lòng thương yêu, cho theo hiệu cũ, lại được trao đổi sứ giả đi lại như trước, thì lão phu dầu chết cũng không mục xương. Vậy, xin đổi hiệu, không dám xưng là đế nữa. Nhân tiện có sứ giả, xin kính dâng một đôi ngọc bích trắng, nghìn chiếc cánh trả, mười cặp tê giác, năm trăm chiếc tử bối⁶⁰, một hộp sâu quế⁶¹, bốn mươi đôi chim trả sống, hai đôi công. Lão phu mạo muội liều chết, hai lạy, tâu lên Hoàng đế bệ hạ".

Lục Giả đem thư ấy về tâu, vua Hán hài lòng lắm. Từ đó hai bên Nam Bắc giao hảo, thôi việc binh đao, dân được yên nghỉ. Sau đó, Triệu vương hễ

sai sứ sang Hán thì xưng là vương, gặp các lễ triều sảnh⁶² thì sánh hàng với chư hầu; còn ở trong nước vẫn dùng hiệu đế.

Lời chua - Phục Linh: Theo Nhan Sử Cổ, Phục , là ngoài cõi hoang; Linh , là phía Nam Ngũ Lĩnh.

Không sai sứ giả đi lại (vô nhất thặng chi sứ): Ý nói không có một xe sứ giả nào được sai đến.

Sắc đẹp yếu điệu (mĩ man chi sắc): Theo Lâm Hi Dật, mĩ man tức là yếu điệu.

Năm Giáp Thìn (137 tr.c.ng.) (Triệu Vũ Vương năm thứ 71; Hán Vũ đế năm Kiến nguyên thứ 4).

Triệu vương Đà mất, táng ở Ngung Sơn. Đích tôn là Hồ lên nối ngôi.

Hồ là con Trọng Thủy và là đích tôn Vũ Vương, nay lên làm vua, ấy là Văn Vương, truy đặt tên thụy cho Triệu Đà là Vũ đế.

Lời chua - Ngung Sơn: Theo Thái Bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử đời Tống, Ngung Sơn cách huyện Nam Hải một dặm về phía Bắc. Theo sách Ngô Lục, Phiên huyện ở Ngung Sơn, là chỗ táng Úy Đà.

Năm Bính Ngọ (135 tr.c.ng.) (Triệu Văn Vương năm thứ 2; Hán, năm Kiến Nguyên thứ 6).

Mân Việt vương Sính sang xâm lấn. Triệu Vương sai sứ đi báo cáo với nhà Hán. Nhà Hán đem quân đi đánh và giết chết Mân Việt vương. Triệu Vương sai thế tử Anh Tề sang Hán làm con tin.

Mùa thu, Mân Việt vương Sính sang xâm lấn những nơi biên ấp nước Việt. Triệu vương giữ điều ước của Hán, không dám tự tiện dấy quân, mới sai người đem thư nói việc này với nhà Hán. Vua Hán khen là người biết giữ nghĩa, bèn vì Triệu vương mà rầm rộ ra quân: sai Vương Khôi đem quân ra huyện Dự Chương; Hàn An Quốc đem quân ra huyện Cối Kê để đánh Mân Việt. Bấy giờ quân Hán chưa vượt qua Ngũ Lĩnh, Sính xuất quân chống cự với nhà Hán. Em Sính, là Dư Thiện, cùng với họ hàng giết Sính, rồi đầu hàng. Vương Khôi đóng quân lại, sai người về báo với nhà Hán. Vua Hán sai Trang Trợ sang bày tỏ ý chỉ cho Triệu vương nghe. Triệu vương khầu đầu, nói: "Thiên tử đã vì quả nhân⁶³ mà dấy quân giết

Mân Việt vương, quả nhân đầu phải chết cũng không đủ đền ơn báo đức", bèn cho con là Anh Tề sang làm con tin. Rồi Triệu vương bảo Trang Trọ: "Nước tôi mới bị giặc cướp; sứ thần cứ về trước đi, quả

nhân đang ngày đêm lo sửa đồ hành trang, sẽ vào yết kiến Thiên tử đây!". Trang Trọ về rồi, quần thần đều can Triệu vương: "Nhà Hán đem quân giết Sính, là có ý muốn để cho nước Việt ta phải kinh sợ nao núng. Vả lại, đức tiên đế⁶⁴ có dặn lại rằng: đối với nhà Hán cốt đừng thất lễ; nhưng rốt lại chớ có nghe lời ngon ngọt mà vào yết kiến vì hễ đã vào thì không về được đâu. Ấy là lâm vào tình thế mất nước". Triệu vương mới cáo bệnh, cuối cùng không vào chầu.

Năm Bính Thìn (125 tr.c.ng.) (Triệu Văn vương năm thứ 12; Hán, năm Nguyên Sóc thứ 4).

Triệu vương Hồ chết, con là Anh Tề lên nối ngôi.

Văn vương đau nặng. Thái tử Anh Tề từ bên Hán về; đến đây, lên nối ngôi, ấy là Minh vương, truy đặt tên thụy cho Triệu vương Hồ là Văn vương.

Năm Đinh Tị (124 tr.c.ng.) (Triệu Minh vương năm thứ 1; Hán, năm Nguyên Sóc thứ 5).

Nhà Triệu dùng Lữ Gia làm thái phó. Năm Mậu Ngọ (123 tr.c.ng.) (Triệu Minh vương năm thứ 2; Hán, năm Nguyên Sóc thứ 6).

Triệu vương lập Cù Thị làm hoàng hậu, con thứ là Hưng làm thế tử.

Trước kia, Minh vương còn là thế tử, vào làm con tin bên Hán, ở đất Trường An, có lấy nàng Cù Thị, người huyện Hàm Đan, sinh con là Hưng. Kịp khi lên ngôi, vương dâng thư sang Hán, xin lập Cù Thị làm hoàng hậu. Hưng làm thế tử. Nhà Hán thường sai sứ sang khuyên bảo vương vào châu. Vương sợ vào châu, chắc mình sẽ phải theo phép nhà Hán, bị liệt vào hạng nội chư hầu. Vương cố ý cáo bệnh, không theo lời dụ của vua Hán, chỉ sai con là Thứ Công vào làm con tin.

Năm Mậu Thìn (113 tr.c.ng.) (Triệu Minh vương năm thứ 12; Hán, năm Nguyên Đinh thứ 4).

Triệu vương Anh Tề chết. Con là Hưng lên nối ngôi.

Truy đặt tên thụy cho Triệu vương Anh Tề là Minh vương. Hưng là con thứ của Minh vương; mẹ là Cù Thị, người Hán. Hưng trị vì được một năm, bị bày tôi là Lữ Gia giết chết, tên thụy là Ai vương.

Nhà Hán sai sứ sang dụ Triệu vương vào châu.

Hưng lên làm vua, tôn mẹ là Cù Thị làm thái hậu. Trước kia, Cù Hậu khi chưa lấy Minh vương, đã từng tư thông với An Quốc Thiệu Quý (An Quốc là họ, Thiệu Quý là tên), người đất Bá Lăng. Đến năm này, nhà Hán sai Thiệu Quý sang dụ bảo vương và thái hậu vào châu, lại sai bọn biện sĩ gián đại phu là Chung Quân giữ việc du thuyết, dũng sĩ là Ngụy Thần giúp việc quyết định, vệ úy là Lộ Bác Đức đem quân đóng ở Quế Dương để đợi tin sứ giả. Bấy giờ vương còn thơ dại; Cù Hậu lại tư thông với Thiệu Quý. Người nước đều biết rõ chuyện, nên nhiều người không theo về với Cù Hậu. Cù Hậu sợ trong nước nổi loạn, muốn dựa vào uy quyền nhà Hán, khuyên vương và các quan nên phụ thuộc vào Hán. Nhân có Hán sứ đây, thái hậu liền dâng thư xin liệt vào hàng nội chư hầu: cứ ba năm một lần vào châu, xóa bỏ cửa quan ải nơi biên giới. Vua Hán ưng thuận, ban ấn bạc cho thừa tướng Lữ Gia và các ấn cho nội sử, trung úy và thái phó; còn các quan chức khác đều được tự ý xếp đặt. Từ bỏ những hình phạt thích

chữ vào mặt và xẻo mũi; dùng pháp luật nhà Hán. Về chính tị thì theo như các nội thư hầu; đặt sứ giả đóng ở trong nước để trấn thủ và vỗ về.

Lời phê - Việc làm của Hán Vũ đế so với Hán Văn đế, đáng chính đáng (chỉ Văn đế), đáng quý quyết (chỉ Vũ đế), đã khác hẳn nhau rồi, nhưng đo với việc nghĩa mà Vũ đế đã làm trong khoảng năm Kiến Nguyên (140-135 tr.c.ng.)² lại thật trái nhau quá! Thế mà **Bắc sử** khen Vũ đế là một vua có "tài lớn, mưu cao", vậy ra cho rằng như thế là đủ xứng đáng rồi sao?

Năm Kỷ Tị (112 tr.c.ng.) (Triệu Ai vương năm thứ nhất; Hán, năm Nguyên Đình thứ 5).

Tháng 11, mùa đông. Thái phó nhà Triệu là Lữ Gia giết Triệu vương Hưng và thái hậu Cù Thị; lại giết cả sứ giả nhà Hán, rồi lập Thuật Dương hầu⁶⁵ **Kiến Đức lên làm vua.**

Triệu vương và thái hậu sắm sửa hành trang, đem nhiều lễ vật quý trọng để làm đồ lễ vào chầu vua Hán. Bấy giờ tể tướng Lữ Gia đã có tuổi, từng giúp ba triều vua, họ hàng làm quan to đến hơn bảy mươi người, các con trai đều lấy công chúa, các con gái thì gả cho con em họ nhà vua hoặc thông gia với Tần vương ở Thương Ngô. Lữ Gia ở trong nước rất được lòng người. Lữ Gia thường can ngăn Triệu vương chớ có phụ thuộc vào

nhà Hán, nhưng vương không nghe. Vì thế, ông có lòng phản叛, thường cáo bệnh, không hội kiến với sứ giả nhà Hán. Sứ giả vẫn định giết ông nhưng chưa có đủ thế lực làm được. Triệu vương và thái hậu sợ bọn Lữ Gia khởi sự trước, nên muốn dựa uy quyền sứ giả nhà Hán để mưu giết bọn Lữ Gia, bèn đặt tiệc, mời sứ giả đến uống rượu, các quan đại thần đều ngồi hầu. Em Lữ Gia làm tướng, đem quân đóng ở ngoài cung. Đến lúc ăn tiệc, thái hậu bảo Lữ Gia: "Nam Việt phụ thuộc vào Hán là lợi cho nước, vậy mà tướng quân cho là bất tiện là có làm sao?". Nói vậy cốt khích cho sứ giả tức giận, song sứ giả hồ nghi, giữ miếng; chẳng ai dám hành động. Lữ Gia liền đứng dậy, đi ra. Thái hậu nổi giận, toan rút ngọn mâu đâm theo, nhưng Triệu vương ngăn lại. Lữ Gia lui ra được, liền cáo bệnh, không vào chầu, ngầm bàn với các đại thần để khởi loạn. Triệu vương không có ý giết Lữ Gia. Lữ Gia biết thế, nên còn để chậm lại đến vài tháng không khởi sự. Thái hậu muốn độc lực giết Lữ Gia, lại không đủ sức. Vua Hán hay tin Lữ Gia không thuận, mới sai Tể Bức tướng là Hàn Thiên Thu và em Cù hậu là Cù Lạc đem hai nghìn người lán vào bờ cõi. Lữ Gia hạ lệnh bảo người trong nước: "Vương còn ít tuổi; thái hậu vốn là người Hán, lại tư thông với sứ giả nhà Hán, chăm chăm chỉ chực nội phụ, đem dâng hết cả đồ vật quý báu của tiên vương để bợ đỡ nhà Hán, hòng chuốc lấy cái lợi chốc lát, không đoái đến xã tắc nhà Triệu, chẳng có ý lo nghĩ đến mưu chước sâu xa muôn đời". Bấy giờ Lữ Gia mới cùng em đem quân sĩ đánh giết vương và thái hậu, lại giết hết cả các sứ giả nhà Hán. Rồi sai người đi báo cho Tần vương Thương Ngô và các quận ấp đều biết, lập con cả Minh vương là Thuật Dương hầu, tên gọi Kiến Đức, lên làm vua.

Lời chua - Kiến Đức: Con cả Minh vương, mẹ Kiến Đức là người Việt.

Đâm bằng ngọn mâu: Ý muốn dùng ngọn mâu chọc đâm chết Lữ Gia.

Mùa thu. Nhà Hán sai bốn tướng quân Lộ Bác Đức và Dương Bộc đem quân sang đánh.

Khi Lữ Gia lập Kiến Đức lên làm vua, thì quân của Hàn Thiên Thu đã sang đến bờ cõi Nam Việt, phá được vài ấp nhỏ rồi. Lữ Gia bèn mở ngay một con đường để tải lương cho quân, còn cách Phiên Ngung 40 dặm, đem binh đánh giết được bốn Hàn Thiên Thu, sai người gói cờ sứ tiết của nhà Hán để trả ở núi Tái thượng. Lại khéo làm những lời giả trá để tạ tội; đóng quân canh giữ những nơi xung yếu. Hay tin ấy, vua Hán sai Phục Ba tướng quân, Lộ Bác Đức, đem một toán quân ra huyện Quế Dương, đi xuống mạn sông Hoàng Thủy; Lâu Thuyền tướng quân, Dương Bộc, đem một toán quân ra huyện Dự Chương đi xuống mạn sông Hoàng Phố; Qua Thuyền tướng quân, Nghiêm, đem một toán quân ra huyện Linh Lăng đi xuống mạn sông Ly Thủy; Hạ Lại tướng quân, Giáp, đi xuống quận Thương Ngô; Trì Nghĩa hầu nước Việt, Quý, đem quân của nước Dạ Lang đi xuống mạn sông Tường Kha. Rồi tất cả đều hội binh ở Phiên Ngung.

Lời chua - Tái thương: Sách ản⁶⁶ có chép: theo sách Nam khang ký , núi Đại Dũ tên là Tái thượng.

Lâu thuyền: Theo Ứng Thiệu, bấy giờ muốn đánh nước Việt, không đi đường thủy thì không đến được, nên phải đóng thuyền lớn, trên thuyền có làm cái lầu, gọi là "lâu thuyền".

Qua thuyền: Theo Trương Yên, người Việt dùng thuyền lớn đi trong nước; lại vì có nạn giao long làm hại, nên phải cắm cây giáo ở dưới đáy thuyền; vì thế gọi là "qua thuyền". Toản (tên người) nói rằng: Trong thư của Ngũ Tử Tư có nói dùng qua thuyền để chở lá mộc và giáo mác. Do đó có tên gọi là "qua thuyền".

Hạ Lại: "Lại" là tên sông. Ở đất Việt, nước chảy qua trên bãi cát. Có thuyết cho rằng "Lại" là dòng nước chảy xiết.

Tướng quân Nghiêm, Giáp: Nghiêm và Giáp đều là tên người. Sử cũ đều không chép họ. Sách Thái bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử nhà Tống chép là Triệu Nghiêm. Sách Bách Việt tiên hiền chỉ chép là Trịnh Nghiêm và Điền Giáp.

Trì nghĩa hầu Quý: Quý là người Việt, Sử cũ không chép họ. Sách Bách Việt tiên hiền chỉ chép là Hà Di.

Dạ Lang: Tên nước. Nay là đất Kiện Vi thuộc Bá Châu. Đời Hán, ở Tây Di, có đến hàng chục người làm quân trưởng. Dạ Lang là nước lớn nhất, ở ngoài cõi Thục quận: Phía Đông giáp Giao Chỉ, phía Tây giáp Điền Quốc. Đời Hán Vũ đế, Đường Mông dâng thư nói có thể tuyển được hơn mười vạn tinh binh ở Dạ Lang, bơi thuyền vượt sông Trường Kha, xuất kỳ bất ý mà đánh, đó là một lối dùng kỳ binh để chế trị nước Việt...

1 Thần Nông thị, một vua đời thượng cổ Trung Quốc, lấy lửa tượng trưng cho đức tính mình, nên gọi là Viêm đế, bắt đầu chế cày bừa, dạy dân làm ruộng, nên gọi là Thần Nông thị.

2 Xem Tb. 1, 14-15.

3 Xưa, đất vùng các tỉnh Giang, Chiết, Mân, Việt là chỗ Việt tộc ở, gọi là Bách Việt, như: Việt ở Chiết Giang, Mân Việt ở Phúc Kiến, Dương Việt ở Giang Tây, Nam Việt ở Quảng Đông, Lạc Việt ở Việt Nam.

4 Vĩnh Tường nay thuộc Vĩnh Phúc.

5 Lâm Thao nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

6 Nay ở địa phận huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ.

7 Nay ở địa phận huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ.

8 Vợ thứ Đế Cốc là Giản Dịch, cầu tự ở thần Cao Môi, bắt được quả trứng chim huyền điều, nuốt rồi có mang, sinh ra ông Tiết, làm quan tư đồ đời Đường, Ngu, được phong ở đất Thương, tức là tiên tổ nhà Ân Thương. (Lịch sử cương mục bộ 1, 11) .

9 Mẹ Phục Hi ở bên Hoa Tư, giẫm vào vết chân của người to lớn, trong bụng thấy cảm động, rồi sinh ra Phục Hi. (Thông giám tập lãm 1, 1) .

10 Xem lời chua ở sau.

11 Triều Nguyễn.

12 Chỉ các chúa Nguyễn.

13 Miếu hiệu của Gia Long Nguyễn Ánh.

14 Sơn Nam nay gồm các tỉnh Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình (đến Lê Cảnh Hưng thứ hai (1741) đặt làm Thanh Hoa ngoại trấn) và các huyện Kim Động, Ân Thi, Châu Giang (phần huyện Khoái Châu cũ) thuộc tỉnh Hưng Yên; Thanh Trì (Hà Nội); Thường Tín, Ứng Hòa, Phú Xuyên (Hà Tây).

15 Nay là Bắc Giang, Bắc Ninh;

16 Gồm các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế.

17 Nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

18 Quan chức nói chung, đời cổ đặt quan chức chia công việc, mỗi người

chuyên giữ một nhiệm vụ riêng. Hữu tư đây có lẽ là viên chức hành chính cấp dưới.

19 Một vua trong ngũ đế về thời thượng cổ Trung Quốc (2257-2258 tr.c.ng.), con Đế Khốc, họ là Y Kỳ, hiệu là Phóng Huân, lúc đầu được phong là Đường hầu, khi làm vua đóng đô ở đất Đào, nên gọi là Đào đường thị, trị vì 100 năm, truyền ngôi cho Ngu Thuấn.

20 Một trong bốn viên quan (Hi Trọng, Hi Thúc, Hòa Trọng, Hòa Thúc) giữ việc làm lịch về đời Đế Nghiêu. Khi lịch đã làm xong, Đế Nghiêu sợ suy trắc hoặc có chỗ sai lầm, nên lại phân phối bốn viên quan ấy mỗi người giữ việc suy trắc kỹ lại khí hậu ở một phương, về phần Hi Thúc chịu trách nhiệm ở Nam Giao.

21 Vào giữa tháng 5 âm lịch, ngày 21 hoặc 22 tháng 6 dương lịch, ngày hôm ấy ở Bắc bán cầu ngày rất dài, đêm rất ngắn, ở Nam bán cầu thì trái lại.

22 Âm lịch chia mỗi mùa 3 tháng, theo thứ tự mạnh, trọng, quý; trọng hạ là giữa mùa hè, tức tháng 5 âm lịch.

23 Tên là Trùng, tự là Trọng Mặc, người huyện Kiến Dương, phủ Kiến Ninh, tức đạo Kiến An thuộc tỉnh Phúc Kiến (Trung Quốc bây giờ). Thái Trùng là người làm Tập truyện kinh Thư.

24 Phần Cương trong nguyên văn có ba chữ "lý nam ngoa", nên trong Lời chua này mới nói đến.

25 Tên tự là Nghi Trọng, người ở Phủ Điền, tức đạo Hạ Môn, tỉnh Phúc

Kiến bây giờ, Trịnh Tiều làm quan Khu mật viện biên tu triều Tống, có làm sách Thông chí 200 quyển.

26 Thước cổ, độ 32 công phân (0m32).

27 Lối chữ cổ đời nhà Chu (1134-250 tr.c.ng.): đầu to, đuôi nhỏ, giống con nòng nọc, nên tục gọi là lối chữ "khoa đầu" (nòng nọc).

28 Thứ xe dùng cho phụ nữ, có vải che.

29 Hiện nay, Cổ Loa thuộc huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội

30 Huyện đây là một danh từ để gọi chung cho khu vực ở từng địa phương, chứ không phải như tên các quận huyện, châu huyện phủ huyện sau này.

31 Trong An Nam chí nguyên còn thêm: "Chỗ đóng đô của An Dương Vương vốn là đất Việt, nên người sau gọi là Việt vương thành". (tr. 135)

32 Tức người Trung Quốc, nói chung. Thời đại nhà Đường lúc toàn thịnh, uy danh vang dội các nước ở phía Tây phía Nam Trung Quốc, lúc bấy giờ người Trung Quốc ra trú ngụ ở nước ngoài thường tự xưng là "người Đường _____", nay các Hoa Kiều ở Nam Dương vẫn còn giữ tên gọi ấy. Ở Quảng Đông họ gọi người trong nước là người Đường, bữa cơm ăn gọi là bữa cơm Đường.

33 Thứ ngọc trai không tròn gọi là "cơ".

34 Giới hạn khu vực của từng địa phương, Tần Thủy Hoàng thống nhất thiên hạ, chia trong nước ra làm 36 quận, các huyện tùy theo địa thế thông

thuộc ào quận, chính trị quận huyện bắt đầu từ đây.

35 Những người có nhiệm vụ phải giữ biên giới gọi là "lính thú"; người có tội phải đầy đi làm việc ngoài biên giới gọi là "đầy đi thú".

36 Đời Tần gọi Quảng Đông và Quảng Tây bây giờ là đất Lục Lương (Từ nguyên, tuất tập , tr. 126).

37 Ở phía tây Phiện Ngung; nay là Quảng Tây (Trung Quốc).

38 Làng Chèm, nay thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội.

39 Thước cổ, ước chừng 32 công phân (0m32).

40 Xem Lời chua ở sau.

41 Một chức quan, đặt ra từ đời Hán, giúp viên thái thú trong quận, giữ việc xem xét sự lầm lỗi của những người dưới quyền mình.

42 Nay thuộc tỉnh Cam Túc (Từ Hải, tr. 1107).

43 Có âm nữa là Ngao.

44 Chức quan thời nhà Tần, đứng đầu một quận.

45 Chức quan đứng đầu một huyện.

46 Tiên Du nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

47 Toán quân điều khiển các thuyền chiến mà chiến đấu.

48 Tên gọi một khúc Nhị Hà xưa.

49 BẮC cây làm đường, gọi là sạn đạo. Đời xưa, đường sá chưa thông đồng, những nơi rừng núi hiểm trở xa xôi, người ta phải dựa vào núi bắc cây làm đường để đi lại cho tiện. Những cây bắc đường nếu đã bị phá hủy thì ngoài không có lối vào được.

50 Một dấu hiệu làm bằng chứng để làm tin, chế bằng ngọc, hoặc loài kim, hoặc tre, gỗ, trên mặt có khắc chữ, cắt ra làm đôi, triều đình và viên quan ngoài biên trấn mỗi bên giữ một nửa. Triều đình có việc gì cần trao đổi với viên quan ngoài biên trấn nào thì sai sứ cầm một nửa phù tín của triều đình giữ đến biên trấn ấy, viên quan ngoài biên trấn đem một nửa phù tín của mình giữ khớp hợp với nhau, để phân biệt thật giả; khi viên quan biên trấn có việc sai người vào triều đình cũng dùng cách thức khớp hợp phù tín như trên.

51 Năm vị hoàng đế đời cổ Trung Quốc. Có ba thuyết khác nhau. Thuyết thứ nhất: Thái Hiệu, Thần Nông, Hoàng đế, Thiếu Hiệu, Chuyên Húc. Thuyết thứ hai: Hoàng đế, Chuyên Húc, Đế Khốc, Nghiêu, Thuấn. Thuyết thứ ba: Thiếu Hiệu, Chuyên Húc, Đế Khốc, Nghiêu, Thuấn.

52 Các vương có hiền đức ở Tam Đại (Hạ, Thương, Chu).

53 Theo chế độ xưa, xe của thiên tử trong lót lụa vàng gọi là "hoàng ốc xa".

54 Lá cờ lớn làm bằng đuôi con Ly ngư, vì lông đuôi nó nhỏ mà dài. Cờ này để cắm vào phía tả đầu trục bánh xe thiên tử, nên gọi là "cờ tả đạo".

55 Hán Cao tổ.

56 Chức quan giữ việc giao thiệp ứng đối với các người nước ngoài do nhà Tần đặt ra, nhà Hán noi theo.

57 Hán Văn đế, lúc trước, được phong làm tước vương ở đất Đại.

58 Nguyên văn là "Phục lĩnh _____". Xem lời chua ở sau của Cương mục .

59 Người làm quan lại ngày trước.

60 Một thứ vỏ ốc biển trắng như ngọc, có vân tia tía, bóng láng, sạch sẽ, đáng yêu. Cổ nhân dùng làm tiền tệ.

61 Nguyên văn là "quế đồ", tức sâu cây quế to bằng ngón tay trở, màu tía mà thơm, ngấm mật, dùng làm một món ăn rất quý.

62 Theo luật lệ đời Hán, chư hầu đối với thiên tử, mùa xuân đi chầu gọi là "triều", mùa thu gọi là "sảnh".

63 Lời khiêm tốn của vua thứ hầu đời cổ tự xưng mình, ý nói mình là người ít tài đức.

64 Chỉ Triệu Đà.

65 Chỉ việc Hán Vũ đế giúp Triệu vương đánh Mân Việt vương.

65 Có sách chép là "Vệ dương".

66 Tức là Sử ký sách ẩn , gọi tắt, một bộ sách chú giải Sử ký , gồm 30 quyển, do Tư Mã Trinh, đời Đường, soạn.

Quốc Sử Quán Triều Nguyễn

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Tiền Biên-Quyển thứ II

Năm Canh Ngọ (111 tr.c.ng.) (Triệu vương Kiến Đức năm thứ 1; Hán, năm Nguyên Đinh thứ 6).

Mùa đông. Bọn Lộ Bác Đức tiến quân đánh phá Phiên Ngung, đuổi bắt được Triệu vương Kiến Đức và Lữ Gia.

Dương Bộc nhà Hán đem quân tinh nhuệ trước tiến đánh hãm Tầm Hiệp, phá Thạch Môn, bắt được thuyền chở lương của nước [Nam] Việt⁶⁷. Nhân thế, tiến quân đánh tràn, làm nhụt được uy lực sắc bén của đất Việt⁶⁸, rồi dùng mấy vạn người Việt⁶⁹, chờ Bác Đức. Bác Đức vì đường xa, nên sau kỳ hạn mới đến. Khi gặp Dương Bộc, có hơn một nghìn người, rồi hai bên đều tiến. Quân Dương Bộc tiến thẳng đến thành Phiên Ngung. Vua Kiến Đức và thái phó Lữ Gia đóng giữ ở trong thành. Dương Bộc tự chọn lấy chỗ tiện lợi đóng ở mặt Đông Nam; Bác Đức đóng ở mặt Tây Bắc. Giờ sâm tối, Dương Bộc đánh bại quân địch, phóng lửa đốt thành. Trong thành vẫn nghe đồn uy danh Bác Đức, lại nhân trời tối, không biết Bác Đức có bao nhiêu quân. Bác Đức đóng doanh trại, rồi sai sứ chiêu dụ những người

ra đầu hàng và đều cho họ ẩn có thao. Sau lại cho về để họ chiêu dụ lẫn nhau. Một mặt Dương Bộc lại cứ cố sức đánh, đến tang tảng sáng, người trong thành đều ra hàng cả. Kiến Đức và Lữ Gia, nhân đêm tối, cùng với mấy trăm người trốn ra, đi về mạn biển. Bác Đức dò hỏi những người đã đầu hàng, biết được chỗ Lữ Gia ở, sai người đuổi theo. Quan hiệu tư mã Tô Hoảng bắt được vua Kiến Đức, chức lang nước [Nam] Việt, Đô Kê, bắt được Lữ Gia. Thương Ngô vương Triệu Quang, người cùng họ với vua [Nam] Việt, nghe tin quân Hán đến, ra đầu hàng. Quan giám quận Quế Lâm của Nam Việt là Cư Ông khuyên dụ Âu Việt và Lạc Việt đều đầu hàng cả⁷⁰. Lúc bấy giờ quân của hai tướng Hạ Lai và Qua Thuần, với quân Dạ Lang do Trì Nghĩa hầu chỉ huy, chưa đến nơi, nước Việt đã bị Bác Đức và Dương Bộc dẹp yên rồi. Khi ấy hai quan sứ trong nước [Nam] Việt đem trâu một trăm con, rượu một nghìn chung và thân mang sổ hộ hai quận Cửu Chân, Giao Chỉ đến đón hàng. Bác Đức phong cho hai quan sứ ấy làm thái thú quận Giao Chỉ và quận Cửu Chân, vẫn được cai trị dân như trước. Từ đây Nam Việt thuộc Hán.

Lời cần án - Trước kia, nhà Triệu khi diệt được nhà Thục, sai hai quan sứ trông coi hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân, thế mà, về đoạn này, **Sử cũ** lại chép là "ba quan sứ đem sổ hộ tịch ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam ra hàng", thì thực trái ngược nhau. Nay tra sách **Thủy kinh chú** của Lịch Đạo Nguyên⁷¹ có chép: "Năm Nguyên Đĩnh thứ 6 (111 tr.c.ng.), Vũ đế nhà Hán đặt lý sở chức đô úy. **Sách Giao Chỉ thành ký**⁷² chép rằng:

Vua Triệu [Đà] sai hai quan sứ trông coi dân hai quận Giao Chỉ, Cửu Chân. Về sau, nhà Hán sai Lộ Bác Đức sang đánh vua [Nam] Việt, quân Lộ Bác Đức đến quận Hợp Phố, vua Việt sai hai quan sứ đem trâu một trăm con, rượu một nghìn chung và sổ hộ tịch hai quận ra hàng. Lộ Bác Đức phong cho hai quan sứ làm thái thú Giao Chỉ và Cửu Chân, làm chủ các quan Lạc tướng là những người cai trị nhân dân như trước⁷³". Nay cái chính mấy điều sai ấy của **Sử cũ**. **Lời chua** - Tầm Hiệp: **Tên đất**. **Sách Sử** ký chép là "Hiệp". Đất này ở phía Tây huyện Thủy Hưng (thuộc tỉnh Quảng Đông).

Thạch Môn: Cách huyện Phiên Ngung 20 dặm về phía Bắc. Xưa kia, Lữ Gia xếp đá ở sông để chống nhà Hán, vì thế gọi là Thạch môn.

Đóng doanh trại (Vi doanh): Theo **Nhan Sư Cổ**, nghĩa là đóng doanh trại để chờ đón người đến đầu hàng.

Hiệu Tư Mã: Theo **Nhan Sư Cổ**, chức Tư Mã trong một hiệu quân, cũng như chức **Tổng Quản Tư Mã** của một tướng quân đời Đường.

Lang Đô Kê: Theo **Mạnh Khang**, lang: tên chức quan, do nước Nam Việt tự đặt ra. Theo **Bách Việt tiên hiền chỉ**, **Đô Kê** là họ và tên người.

Giám Cur Ông: Quan giám quận Quế Lâm; Cur Ông: họ và tên người.

Nhà Hán diệt nhà Triệu rồi, chia đất đặt làm chín quận, liệt làm bộ Giao Chỉ.

Nhà Hán đã bình được nhà Triệu, mới lấy đất đặt làm chín quận: Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Châu Nhai, Đam Nhĩ. Mỗi quận đặt một thái thú để cai trị. Tên gọi "Giao Chỉ bộ" có từ đây.

Lời phê - Xét chung từ trước đến sau, đất đai của nước Việt ta bị mất về Trung Quốc đã đến quá một nửa, tiếc rằng vua sáng tôi hiền các triều đại cũng nhiều người lỗi lạc hiếm có ở trên đời, mà vẫn không thể nào lấy lại được một tấc, đó là việc đáng ân hận lắm! Thế mới biết việc thu hồi đất đai đã mất, từ đời trước đã là việc khó, chứ không những ngày nay mà thôi. Thật đáng thương tiếc. **Lời bàn của Ngô Thì Sĩ** - Từ khi Vũ đế nhà Hán diệt nhà Triệu, lấy đất của nhà Triệu, đặt ra chín quận: Châu Nhai, Đam Nhĩ ở trong biên. Hai quận ấy hợp với các quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm và Hợp Phố đều liệt làm bộ Giao Chỉ. (Theo **Quận quốc chí** trong **Hậu Hán thư**, kể từ Giao Chỉ trở xuống, 7 quận gồm 55 huyện đều thuộc bộ Giao Chỉ). Sau đó chưa

từng chia sẻ, mãi đến nhà Ngô mới chia Giao Châu, đặt thêm Quảng Châu. Nhà Đường mới đặt An Nam đô hộ, lý sở ở quận Giao Chỉ, do đó ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam mới riêng hẳn là An Nam. Về đời Hán, chín quận này đều thuộc về Nam Việt, Triệu Đà chuyên giữ quyền hành trong các đất này; duy có ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam (theo các sử sách đã trình bày, chỉ có hai quận Giao Chỉ, Cửu Chân thôi, còn Nhật Nam mãi đến đời Hán mới tách ra. Đây chép làm 3 quận là lầm) thì dùng ba (đáng phải nói là hai) quan điển sứ quản lĩnh cai trị. Khi nhà Triệu bị nhà Hán diệt, ba (nên nói là hai) quan điển sứ đem sổ đinh ra đầu hàng. Nhân thế, nhà Hán đặt ra các chức thú và úy gọi cả đất Nam Việt là Giao Chỉ. Có lẽ trong chín quận ấy ba quận thuộc Giao Châu, còn sáu quận thuộc Quảng Châu. **Lời chua** - Chín quận: **Theo** Địa lý chí **trong** Tiền Hán thư , **chín quận ấy như sau:**

quận. Lộ Bác Đức phong hai sứ giả làm thái thú Giao Chỉ và Cửu Chân. Các Lạc tướng lại làm chủ, cai trị nhân dân như cũ". (Thủy kinh chú , quyển 37, tr. 62).

Quận Nam Hải **thống trị 6 huyện: Phiên Ngung, Bác La, Trung Túc, Long Xuyên, Tứ Hội, Yết Dương.**

Quận Thương Ngô **thống trị 10 huyện: Quảng Tín, Tạ Mộc, Cao Yếu, Phong Dương, Lâm Hạ, Đoan Khê, Phùng Thặng, Phú Xuyên, Lệ Phố,**

Mãnh Lãng.

Quận Uất Lâm thống trị 12 huyện: Bồ Sơn, An Quảng, A Lâm, Quảng Uất, Trung Lưu, Quế Lâm, Đàm Trung, Lâm Trần, Định Chu, Tăng Thực, Lĩnh Phương, Ung Kê.

Quận Hợp Phố thống trị 5 huyện: Từ Văn, Cao Lương, Hợp Phố, Lâm Doãn, Chu Lư.

Quận Giao Chỉ thống trị 10 huyện: Liên Thụ¹, An Định, Cầu Lậu, Mi Linh, Khúc Dương, Bắc Đái, Kê Từ, Tây Vu, Long Biên, Chu Diên.

Quận Cửu Chân thống trị 7 huyện: Tư Phố, Cư Phong, Đô Bàng, Dư Phát, Hàm Hoan, Vô Thiết, Vô Biên.

Quận Nhật Nam thống trị 5 huyện: Chu Ngô, Tị Ảnh, Lư Dung, Tây Quyền, Tượng Lâm.

Nam Hải: Quận cũ của Tần. Xem thêm An Dương vương, năm thứ 44

(Tb.I, 11).

Thương Ngô: Đồi Tần, thuộc đất quận Quế Lâm, nay là Ngô Châu.

Uất Lâm: Đồi Tần, thuộc đất quận Quế Lâm nay thuộc đất Quảng Tây.

Hợp Phố: Đồi Tần, thuộc đất Tượng quận, nay là đất Liêm Châu.

Giao Chỉ, Cửu Chân: Điều xem Triệu Vũ vương năm thứ 10 (Tb.I, 12).

Nhật Nam: Xưa kia là bộ Việt Thường. Đồi Tần, là đất Tượng quận. Đồi Triệu, thuộc quận Cửu Chân. Đầu đời Hán, tách ra đặt làm Nhật Nam. Các đồi Ngô, Tần, Tống vẫn để nguyên thế. Sau đó bị Lâm Ấp chiếm mất. Đồi Tùy bình Lâm Ấp, lấy đất ấy đặt làm Đãng Châu, rồi đổi làm quận Tị Ảnh. Sau nữa mất vào đất Chiêm Thành, bây giờ là đất Quảng Bình và Quảng Trị. Theo Nhan Sư Cổ, Nhật Nam nghĩa là ở về phía Nam mặt trời, tức gọi là mở cửa về phương Bắc để hướng về chiều mặt trời. Như Thuần nói: Dương lúc giữa trưa, mặt trời tròn bóng, đứng giữa đầu mình, nên gọi là Ty Ảnh.

Châu Nhai: Ở trong biển lớn, gần bên bờ biển. Đời Đường đổi Châu Nhai làm Nhai Châu; bây giờ là đất Nhai Châu thuộc phủ Quỳnh Châu nhà Thanh.

Đam Nhĩ: Cũng là một bãi nổi ở trong biển lớn. Đời Đường đổi gọi Đam Châu; nay là đất Đam Châu thuộc phủ Quỳnh Châu nhà Thanh.

Nhà Triệu đến đây mất. Kể từ Triệu Vũ vương năm Giáp Ngọ lên làm vua, đến Thuật Dương vương năm Canh Ngọ mất nước, tất cả được chín mươi bảy năm (207 đến 111 tr.c.ng.).

Năm Tân Mùi (110 tr.c.ng.) (Hán, năm Nguyên Phong thứ 1).

Triều Hán dùng Thạch Đái làm thứ sử bộ⁷⁵ **Giao Chỉ**.

Theo chế độ nhà Hán, viên quan giữ chức ở châu có quyền thống lĩnh cả các quận thuộc châu mình. Chín quận của Giao Chỉ, trừ hai quận Châu Nhai và Đam Nhĩ ở trong biển không kể, còn 7 quận thuộc Giao Chỉ, do Thạch Đái làm thứ sử trong cả bộ. Về thời Tây Hán, trị sở của thứ sử ở

Long Uyên; thời Đông Hán, trị sở ở Mi Linh.

Lời cần án - Chế độ nhà Hán, ở châu thì đặt thứ sử, ở quận thì đặt thái thú. **Sử cũ** chép: "Thạch Đái làm thái thú chín quận". Có lẽ nào một người mà làm việc cai trị cả chín quận? Nay theo bản sử của Ngô [Thì] Sĩ, cải chính lại. Lại còn việc: khi nhà Hán đặt bộ Giao Chỉ, lý sở ở Liên Thụ, năm Nguyên Phong thứ 5 (106 tr.c.ng.) dời trị sở sang huyện Quảng Tín ở quận Thương Ngô. Đến năm Kiến An thứ 15 (210), đóng lý sở ở huyện Phiên Ngung. Nhà Ngô lại dời lý sở sang Long Biên, còn ở lý sở cũ (chỉ Phiên Ngung) đặt làm Quảng Châu. Như thế thì về đời Tây Hán chưa hề đóng lý sở ở Long Uyên; đời Đông Hán chưa hề đóng lý sở ở Mi Linh. Việc này e rằng **Sử cũ** chép lầm, nhưng cũng hãy ghi lại để tra xét. **Lời chua** - Liên Thụ: Tên huyện, thuộc quận Giao Chỉ; nay ở xã Lũng Khê, huyện Siêu Loại, Bắc Ninh, còn có vết cũ thành xưa.

Long Uyên: Tức là Long Biên, tên hiệu về đời Hán, thuộc quận Giao Chỉ, trị sở của quận về thời Đông Hán. Theo sách Thủy kinh chú, nhà Hán, năm Kiến An thứ 13 (208), khi mới đắp thành, có giống giao long lượn đi lượn lại ở hai bên bờ sông; nhân thế đổi gọi là Long Uyên. Nhà Lý đóng kinh đô ở đây, đổi tên là Thăng Long; nhà Trần, nhà Lê cũng đóng kinh đô ở đây cả. Bây giờ là tỉnh thành Hà Nội.

Mi Linh: Sử cũ chua là An Lãng thuộc Sơn Tây. Sách Dư địa chí của

Nguyễn Trãi chép rằng: Mi Linh tức là huyện Phúc Thọ (xưa là Phúc Lộc). Trong sách Vân đài loại ngữ, Lê Quý Đôn chép: Mi Linh tức là đất Phong Châu. Lại nói: Mi Linh tức là An Lãng. Theo Địa lý chí trong Đường thư, Mi Linh ở địa phận hai huyện Phúc Lộc và Đường Lâm. Sách Văn hiến thông khảo chưa rằng: "Các đất Gia Ninh, Thừa Hóa và Tân Xương đều là đất huyện Mi Linh đời Hán. Lại còn Đường thư chép: Phong Châu thống trị năm huyện: Gia Ninh, Thừa Hóa, Tân Xương, Cao Thượng, Châu Lục. Vậy thì Mi Linh tức là Phong Châu mới phải.

Huyện Quảng Tín - Theo sách Phương dư kỷ yếu, Quảng Tín thuộc quận Thương Ngô; nay đổi làm huyện Thương Ngô thuộc phủ Ngô Châu.

Năm Kỷ Sửu (29 s.c.ng.) (Hán, Quang Vũ, năm Kiến Vũ thứ 5).

Quan mục⁷⁶ Giao Chỉ là Đặng Nhượng sai sứ sang cống hiến triều Hán.

Cuối đời Vương Mãng, quan mục Giao Chỉ, Đặng Nhượng, cũng như các quận khác, đóng biên giới, giữ lấy đất quận của mình. Tướng nhà Hán, là Sầm Bành, vốn quan thân Đặng Nhượng, gửi thư cho Đặng Nhượng kể rõ uy đức nhà Hán, bấy giờ Đặng Nhượng mới bảo thái thú Giao Chỉ là Tích Quang và các thái thú các quận khác như là bọn Đỗ Mục, v.v... sai sứ sang

cống hiến nhà Hán. Vua Hán phong cả cho mọi người ấy tước hầu.

Lời chua - Giao Chỉ: Xem Triệu Vũ vương năm thứ 10 (Tb.I, 20).

Nhà Hán dùng Nhâm Diên⁷⁷ làm thái thú⁷⁸ quận Cửu Chân.

Theo Hậu Hán thư , hồi đầu năm Kiến Vũ (25-39 s.c.ng.), Nhâm Diên được triệu ra làm thái thú quận Cửu Chân. Tục Cửu - dân làm nghề săn bắn, không biết dùng trâu cày ruộng, nên nhân dân phải đói ăn ở quận Giao Chỉ, thường bị khốn khổ thiếu thốn. Nhâm Diên mới sai rèn đúc đồ làm ruộng, dạy dân khai khẩn đất hoang, ruộng nương mỗi ngày mỗi mở rộng, nhân dân đều được no đủ.

Lại nữa, dân Lạc Việt bấy giờ không có lễ pháp gì về việc lấy vợ gả chồng. Nhâm Diên mới gửi thư đi các thuộc huyện, những người con trai từ 20 đến 50 tuổi, con gái từ 15 đến 40 tuổi, cứ theo từng hạng tuổi, phải đôi lứa thì lấy nhau; người nào nghèo không lo được lễ cưới thì được trợ cấp. Khoản trợ cấp ấy do các viên chức từ trưởng lại trở xuống bớt một phần lương bổng để giúp cho. Ngay lúc bấy giờ có tới hơn hai nghìn người lấy nhau. Năm ấy mưa hòa gió thuận, thóc lúa phong đăng. Từ đấy, những người sinh ra con cái bấy giờ mới biết con cái là dòng dõi nhà nào. Họ đều nói rằng: "Ta được có đứa con này là nhờ có ông Nhâm". Nhiều

người lấy chữ "Nhâm" đặt tên cho con.

Nhâm Diên làm quan được bốn năm, được vua Hán gọi về. Người quận Cửu Chân lập sinh từ thờ sống Nhâm Diên.

Trước kia, về đời Hán Bình đế (1-5 s.c.ng.), Tích Quang, người đất Hán Trung làm thái thú Giao Chỉ, đem lễ nghĩa dạy dân. Hồi đầu niên hiệu Kiến Vũ, Tích Quang được phong Diêm thủy hầu. Phong tục hoa hạ lan trên đất Lĩnh Nam là bắt đầu từ đời hai thái thú này.

Lời chua - Nhâm Diên: **Người huyện Uyển, thuộc Nam Dương.**

Lời phê - Triệu Đà vốn là người Trung Quốc, làm vua trên nước Nam Việt và truyền nối đã ngót trăm năm. Xem bức thư trả lời Văn đế nhà Hán thì Triệu Đà vốn là người có học thức; có lẽ nào lại chưa biết dạy dân phép cấy cày và lễ giá thú mà phải đợi bắt đầu từ hai thái thú ấy? Huống chi, lại bảo đồng thời có tới hơn hai nghìn người lấy nhau. Xem thế đủ thấy rõ rằng ghi chép thất thực, không đủ tin. **Năm Giáp Ngọ (34 s.c.ng.). (Hán, năm Kiến Vũ thứ 10). Triều Hán dùng Tô Định làm thái thú Giao Chỉ.**

Năm Canh Tí (40 s.c.ng.). (Hán, năm Kiến Vũ thứ 16).

Tháng 2, mùa xuân. Người con gái quận Giao Chỉ là Trưng Trắc khởi binh đánh đuổi thái thú Tô Định; tự lập làm vua.

Vương vốn họ Lạc, lại có một tên họ nữa là Trưng. Là con gái quan lạc tướng huyện Mi Linh, quận Giao Chỉ, và là vợ Thi Sách⁷⁹ người huyện Chu Diên, bà là người rất hùng dũng. Lúc bấy giờ thái thú Tô Định cai trị tham lam và tàn bạo, giết mất chồng bà. Bà bèn cùng với em gái là Trưng Nhị dấy quân, đánh hãm chỗ châu ly. Tô Định phải chạy về Nam Hải. Quân Bà đi đến đâu, như gió lướt đến đấy. Các dân tộc man, lý ở Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều hưởng ứng theo. Lấy lại và dẹp yên được 65 thành ở đất Lĩnh Nam. Bà tự lập làm vua, đóng đô ở Mi Linh. Các thứ sử, thái thú ở quận Giao Chỉ đều chỉ bảo toàn được mình thôi.

Lời chua - Huyện Chu Diên: Đặt từ đời Hán, thuộc quận Giao Chỉ; nhà Đường đổi làm Diên Châu; nhà Lê đổi làm phủ Tam Đái. Bây giờ là đất phủ Vĩnh Tường tỉnh Sơn Tây⁸⁰.

Năm Tân Sửu (41 s.c.ng.). (Hán, năm Kiến Vũ thứ 17).

Tháng 12, mùa đông. Nhà Hán phong Mã Viện làm Phục Ba tướng quân, Lưu Long làm Phó tướng, đốc xuất bọn Lâu Thuyền Tướng quân là Đoàn Chí, sang đánh Trưng Vương.

Nhà Hán cho rằng Trưng thị tự xưng làm vua, đem quân đánh các thành ấp, làm cho các nơi biên giới bị khổ sở, bèn bắt các đất Trường Sa, Hợp Phố và Giao Chỉ sắm sửa đủ xe, thuyền, sửa sang cầu đường, khơi thông các khe suối, chứa sẵn lương thóc; phong Mã Viện làm Phục ba Tướng quân, Phù Lạc hầu Lưu Long làm Phó tướng, đốc xuất bọn Lâu thuyền Tướng quân là Đoàn Chí sang đánh Trưng Vương.

Năm Nhâm Dần (42 s.c.ng.). (Hán, năm Kiến Vũ thứ 18).

Tháng 3 mùa xuân. Quân Mã Viện đến Lăng Bạc, cùng quân Trưng Trắc đánh nhau và phá tan được. Trưng Trắc lui giữ đất Cẩm Khê.

Mã Viện ven theo đường biển tiến quân, qua núi đốn cây, đi hơn nghìn dặm đến Lăng Bạc, đánh nhau với quân Trưng vương. Trưng vương thấy thế quân bên Hán mạnh nhiều, tự nghĩ quân mình ô hợp, sợ không thể chống lại được. Quân của bà cũng cho rằng bà là đàn bà, không địch nổi với Hán; vì thế quân bà tự tan vỡ.

Lời chua - Lãng bạc: Còn có tên là Dâm Đàm, ở về phía Tây con đường mặt Tây thành Đại La. Về đời Lê, đổi gọi là Tây Hồ tức là Hồ Tây tỉnh Hà Nội ngày nay.

Cầm Khê: Sách Thủy kinh chú của Lịch Đạo Nguyên chua rằng: Theo sách Việt chí, Cầm Khê là Kim Khê, ở phía Tây Nam huyện Mi Linh. Theo sách Nam Việt chí của Thẩm Hoài Viễn, Trưng Trắc chạy vào trong hang Kim Khê, hai năm mới bắt được. Theo sách Phù Nam Ký của Trúc Chi, trên chỗ khe núi nước chảy xói vào gọi là hang. Chương hoài thái tử Lý Hiền chua rằng tức là đất huyện Tân Xương, thuộc Phong Châu bây giờ. Theo thế, thì Cầm Khê phải ở vào địa hạt Vĩnh Tường tỉnh Sơn Tây, nhưng chưa rõ đích là nơi nào. Sử cũ cho là ở huyện Chân Lộc thuộc Nghệ An là nhầm.

Năm Quý Mão (43 s.c.ng.). (Hán, năm Kiến Vũ thứ 19). Tháng Giêng, mùa xuân. Trưng Trắc cùng em gái là Nhị cự chiến với quân án. Hai bà bị thua và mất.

Trưng vương cùng em gái là Nhị cự chiến với quân Hán, quân võ, thế cô, đều bị thất trận chết. Mã Viện đuổi đánh tàn quân của hai bà là bọn Đô Dương (chữ "Dương" trong Hán thư chép chữ là dê), đến huyện Cư Phong

thì hàng phục được họ. Mã Viện lập cột đồng để ghi địa giới tận cùng của nhà Hán. Khi Mã Viện về rồi, người trong nước thương nhớ Trung vương, lập đền thờ bà.

Lời phê - Hai bà Trưng thuộc phái quần thoa, thế mà hăng hái quyết tâm khởi nghĩa, làm chấn động cả triều đình Hán. Dầu rằng thế lực cô đơn, không gặp thời thế, nhưng cũng đủ làm phấn khởi lòng người, lưu danh sử sách. Kìa những bọn nam tử râu mày mà chịu khép nép làm tôi tớ người khác, chẳng cũng mặt dày thẹn chết lắm dư! **Lời chua** - Cư Phong _____: Còn có tự dạng là Cư Phong _____. Tên đất, do Hán đặt ra, thuộc quận Cửu Chân. Đời Tam Quốc, nước Ngô 222-280 đổi làm huyện Di Phong. Từ sau đời Tống (420-479), đời Tề (479-502), đây là lỵ sở của quận Cửu Chân. Nhà Tùy (581-619), bình được triều Trần⁸¹, bỏ quận Cửu Chân, lấy huyện ấy cho thuộc Ai Châu. Đầu đời Đường (618-907), đất ấy lệ thuộc Nam Lục Châu. Đầu niên hiệu Thiên Bảo (742-755) bỏ tên đất ấy, cho vào huyện Nhật Nam. Theo sách **Giao Châu** ký của Tăng Cỗn, ở huyện Cư Phong có núi, cứ đến đêm thường thấy trâu vàng hiện ra. Lại nói trên núi ấy có hang gió, cửa hang thường có gió thổi. Bây giờ ở về địa hạt tỉnh Thanh Hóa. **Sử cũ** chép là ở địa giới châu Vũ Ninh thuộc Bắc Giang là làm.

Cột đồng: Sách **Thủy Kinh** chú của **Lịch Đạo Nguyên** chép rằng: Mã Văn Uyên (Mã Viện, tên tự là Văn Uyên), dựng cái mốc đồng để làm giới hạn cuối cùng của đất phía nam Trung Quốc. Mốc đồng ấy tức là cột đồng.

Theo *Tùy sử* , Lưu Phương khi đi đánh Lâm Ấp, qua cột đồng của Mã Viện, đi về phía nam tám ngày thì đến quốc đô Lâm Ấp. Trong khoảng niên hiệu Nguyên Hòa (806-820) đời Đường, An Nam đô hộ là Mã Tổng lại lập hai cột đồng ở chỗ Mã Viện dựng cột đồng trước, để tỏ ra mình là dòng dõi con cháu Phục Ba⁸² . Theo sách *Thông điển* của Đỗ Hữu, từ nước Lâm Ấp đi về phía nam, đi thủy, đi bộ hơn hai nghìn dặm đến đây có nước Tây Đồ Di là chỗ Mã Viện dựng hai cột đồng để nêu địa giới đây. Theo *Tân Đường thư* , ở châu Bôn Đà Lãng của Lâm Ấp, phía Nam là năm bãi lớn, có núi "cột đồng" (đồng trụ sơn), hình núi như cái lọng dựng nghiêng, về phía Tây có nhiều núi đá, phía Đông là biển lớn. Cột đồng đó là do Mã Viện

dựng lên⁸³ . Theo sách *Thái bình hoàn vũ ký* của Nhạc Sử đời Tống, Mã Viện đi đánh Lâm Ấp, đi từ Nhật Nam hơn 400 dặm đến Lâm Ấp, lại đi hơn 20 dặm nữa có nước Tây Đồ Di. Viện đến nước ấy rồi lập hai cái cột đồng ở nơi phân giới giữa Tượng Lâm và Tây Đồ Di. Về đường thủy, đi từ Nam Hải hơn 3000 dặm đến Lâm Ấp, rồi đến cột đồng ở Giao Châu phải 5000 dặm nữa. Sách *Nhất Thống chí* nhà Đại Thanh có chép: Tương truyền (cột đồng) ở về động Cổ Sâm châu Khâm, Mã Viện có thề rằng: "Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt", nghĩa là "Cột đồng ấy gãy thì Giao Chỉ bị diệt", nên người Việt đi qua dưới chân cột đồng ấy cứ lấy đá bồi đắp lên mãi thành gò đồng cao. Đó vì sợ cột đồng ấy bị đổ gãy.

Nay xét dã sử thấy có chép tỉnh Phú Yên có sông Đà Diễn. Phía Nam sông

ấy có bãi lớn. Phía Tây Nam bãi ấy có núi Thạch Bi. Núi này chu vi tới mười dặm; phía Tây tiếp Đại Lĩnh, nhiều rừng trùng điệp, phía đông ra mãi bờ biển. Trên đỉnh núi ấy có một phiến đá trơ trọi cao hình như bị chẻ dọc. Thao lời ghi chép trong các sách Thông điển, Đường thư, **ngờ rằng cột đồng có thể ở chỗ ấy. Chỉ có một điều, một phiến đá trơ trọi ở trên đỉnh núi ấy, cao chừng 10 trượng, rộng tới 6,7 trượng. Nhân dân ở quanh núi ấy nói rằng phiến đá ở trên đỉnh núi là một chỏm đá tự nhiên, không phải của ai lập thành cả. Vậy e rằng ta không thể bảo đây là cột đồng. Sách Thủy kinh chú có nói: núi sông biến đổi, cột đồng bị lở mất vào trong biển. Lẽ ấy có lẽ đúng.**

Đền Trung vương: Ở xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ⁸⁴ ngày nay.

Mã Viện nhà Hán đắp thành Kiển Giang.

Vì thấy huyện Tây Vu có đến ba vạn ba nghìn hộ, Mã Viện xin chia ra làm hai huyện Phong Khê và Vọng Hải. Vua Hán y cho Mã Viện lại lập thành quách, đặt tỉnh ấp (xóm làng), đắp thành Kiển Giang ở Phong Khê. Thành này hình tròn như cái tổ kén, nên gọi là thành Kiển Giang. Ba năm sau, Mã Viện về nước. Từ đấy về sau, trải qua các đời Minh đế (58-75 s.c.ng.), Chương đế (76-88), Hoa đế (89-105), Thương đế (106), An đế (107-125) gồm 5 đời vua, cộng tám mươi hai năm, mà chỉ thấy về đời Minh đế có Lý Thiện, người huyện Nam Dương, làm thái thú Nhật Nam

có lòng yêu dân, làm chính sự có ơn huệ với dân, hấp dẫn được người phương xa. Về sau, Lý Thiện đổi đi làm thái thú Cửu Giang. Các quan lại có tài giỏi của mấy đời vua Hán chỉ thấy nói có một Lý Thiện. Đó có lẽ là những thiếu sót của việc ghi chép sử sách vậy.

Lời chua - Thành Kiến Giang: Theo Đại Thanh Nhất thống chí , thành Kiến Giang, thành Vọng Hải đều ở huyện An Lăng. Khoảng năm Kiến Vũ (25-56), trong khi Mã Viện nhà Hán sang bình Giao Chỉ, đắp hai thành ấy ở huyện Phong Khê và huyện Vọng Hải.

Huyện Tây Vu: Do nhà Hán đặt, thuộc quận Giao Chỉ.

Lý Thiện: Theo Độc hạnh truyện (truyện những người có đức tính đặc biệt) trong Hậu Hán thư , Lý Thiện là người có hạnh có nghĩa. Về thời Quang Vũ (25-57), Lý Thiện được triệu làm chức thái tử Xá Nhân. Về thời Minh đế (58-75), Thiện được cử làm quan ở Công phủ; vì có tài giải quyết việc phiền kịch, được thăng làm thái thú Nhật Nam. Vì làm chính sự theo đường ân huệ, yêu mến nhân dân, hấp dẫn được người phương xa, Thiện được thăng làm thái thú Cửu Giang, nhưng chưa đến nơi thì bị bệnh mất.

Năm Nhâm Dần (102). (Hán, Hòa đế, năm Vĩnh Nguyên thứ 14).

Nhà Hán bắt đầu đặt ra quan tướng binh trưởng sử ở Tượng Lâm.

Theo Hậu Hán thư , trước kia, huyện Tượng Lâm thuộc quận Nhật Nam đem hơn ba nghìn người cướp bóc nhân dân, đốt cả các dinh thự công; các quận huyện đem quân ra đánh, chém được người

đứng đầu, còn dư đảng ra hàng cả. Bấy giờ mới đặt ra quan tướng binh trưởng sử ở Tượng Lâm, để đề phòng mọi lo biến loạn.

Lời chua - Tượng Lâm: Tên huyện, nguyên thuộc quận Nhật Nam; cuối đời Hán, là đất nước Lâm Ấp.

Tướng binh Trưởng sử: Tên chức quan đóng ở quận Nhật Nam (theo sách Thập tam châu chí của Hám Nhân).

Năm Giáp Dần (114). (Hán, An đế, năm Nguyên Sơ thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Quận Nhật Nam đất nứt xé ra.

Sách Cương mục (Trung Quốc) chép rằng: Ở quận Nhật Nam đất nứt xé ra dài hơn trăm dặm.

Năm Bính Tí (136). (Hán, Thuận đế, năm Vĩnh Hòa thứ 1).

Nhà Hán dùng Chu Xưởng làm thứ sử Giao Chỉ.

Trước kia, thái thú Chu Xưởng cho rằng quận Giao Chỉ ở ngoài phạm vi chín châu⁸⁵, và ở xa mãi về ngoài Bách Việt⁸⁶, nên dâng biểu xin đặt chức phương bá⁸⁷; đến bấy giờ vua Hán mới dùng Chu Xưởng làm thứ sử quận Giao Chỉ, trông coi cả công việc các quận huyện.

Lời căn án - Thiên Bách quan chí trong Hậu Hán thư chép rằng: 12 châu ở ngoài (ngoài chín châu, Trung Quốc), mỗi châu đặt một thứ sử, phẩm trật lương bổng là sáu trăm thạch⁴. Bởi vì bắt đầu từ Vũ đế đặt ra 13 thứ sử, dùng 6 điều trong chiếu thư để xét công việc thứ sử các châu, vạch ra việc làm trái phép. Thứ sử tức cũng như giám quận ngự sử đời Tần vậy. Đến

đời Thành đế, năm Tuy Hòa thứ nhất (8 tr.c.ng.), triều đình cho rằng chức thứ sử ở dưới hàng đại phu mà lại trông coi việc các quan ăn lương tới hai nghìn thạch, thì không hợp với chức vị khinh, trọng; vì thế mới thay đổi đặt ra chức châu mục. Chức này vào bậc lương hai nghìn thạch, địa vị liền dưới hàng cửu khanh. Đời Ai đế, năm Kiến Bình thứ 2 (5 tr.c.ng.) bỏ chức châu mục, lại đặt thứ sử. Năm Nguyên Thọ thứ 2 (I tr.c.ng.), lại đặt châu mục. Đời Quang Vũ năm Kiến vũ thứ 18 (42 s.c.ng.), lại đặt mười hai thứ sử, mỗi thứ sử đứng đầu coi giữ một châu. Một châu trong đó thuộc về quan (binh là) tư lệ hiệu úy. Đến đời Linh đế, khoảng năm Trung Bình (184-189), bốn phương đều có giặc nổi lên, là vì uy quyền của thứ sử quá nhẹ. Vì vậy, lại đổi đặt làm chức mục bá, chọn các quan thượng thư vào hàng khanh bỏ đi làm châu mục. Không bao lâu, Hiến đế lại bỏ Giao Châu để thuộc về Kinh Châu, nhưng châu mục là Lưu Biểu lại tự đặt ra chức thứ sử. Việc vừa có châu mục vừa có thứ sử là bắt đầu từ đây. Như thế thì các chức quan cai trị đặt ra (ở Giao Châu) có khi gọi là thứ sử, có khi gọi là châu mục, dẫu trước sau hoặc theo cũ hoặc thay đổi, tên gọi khác nhau, nhưng cũng vẫn là một chức quan đứng đầu coi các hàng quận huyện. Đến như cái tên gọi là Giao Châu, xét theo sách **Cương mục** (Trung Quốc) thì từ năm Kiến An thứ 8 (203) trở về sau, mới gọi là Giao Châu, còn trước đây chỉ gọi là quan mục Giao Chỉ, quan thứ sử Giao Chỉ. Khảo thêm sách **Tân Chí**, thấy chép: khoảng đời Hán Thuận đế (126-144), thái thú Giao Chỉ là Chu Xưởng xin lập đất Giao Chỉ làm một châu; triều đình bàn định không nghe, lại phong Chu Xưởng làm thứ sử Giao Chỉ. Đến đời Hiến đế, năm Kiến An thứ 8 (203), thứ sử Trương Tân và thái thú Sĩ Nhiếp cùng nhau dâng biểu xin lập làm châu. Lúc đó triều đình Hán mới đặt Giao Chỉ làm Giao Châu,

phong Trương Tân làm quan mục Giao Châu. Tên gọi là Giao Châu thực bắt đầu từ đây. Thế mà **Sử cũ**, vào năm Kiến Vũ thứ 5 (29), đã chép rằng quan mục Giao Châu là Đặng Nhượng sai sứ sang cống hiến nhà Hán; vào năm Vĩnh Hòa thứ 2 (137), đã chép rằng Trương Kiều làm thứ sử Giao Châu. Chép như thế, là chưa chịu tra xét kỹ. Nay xin cải chính lại. **Lời chua - Sáu điều: Điều thứ nhất: Những nhà cường hào chiếm ruộng vườn trái phép, cậy mạnh đè nén người yếu, lấy nhiều người bắt nạt ít người. Điều thứ hai: các quan bậc lương hai nghìn thạch không vâng theo chiếu thư mà tuân giữ phép tắc, trái phép công, thoả ý riêng mình, vơ vét của dân làm sự gian phi. Điều thứ ba: Các quan bậc lương hai nghìn thạch không lo nghĩ xét các án nghi ngờ, chỉ nghe tin phao đã buộc người ta vào tội chết, ghét ai thì phạt, yêu ai thì thưởng, phiền nhiễu tàn bạo, giết hại dân đen, làm cho nhân dân oán ghét. Nhân dịp núi lở đá nứt, phao đồn các tin sai ngoa. Điều thứ tư: Các quan bậc lương hai nghìn thạch tuyển bổ không công bằng, a dua với người mình yêu, ghét bỏ những người tài giỏi, tin yêu kẻ gian ngoan. Điều thứ năm: Các quan bậc lương hai nghìn thạch, những con em cậy mình quyền thế, thỉnh thác quan trên. Điều thứ sáu: Các quan bậc lương hai nghìn thạch làm trái phép công, bè đảng với người dưới, về hòa với kẻ cường hào, thông nhau ăn tiền lấy của, hại đến chính lệnh.**

Đô giám quận, huyện: Trương Cửu Thiệu nói rằng: "Nhà Hán đặt thứ sử Giao Chỉ cai trị An Nam, trông coi cả việc hành chính bảy quận: Nam

Hải, Uất Lâm, Thương Ngô, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố.

Năm Đinh Sửu (137). (Hán, năm Vĩnh Hòa thứ 2).

Tháng tư, mùa hạ. Người Man ở Tượng Lâm quận Nhật Nam, là Khu Liên, làm phản.

Theo sách Hậu Hán thư, người Man ngoài cõi xa thuộc Tượng Lâm quận Nhật Nam, là bọn Khu Liên, đem vài nghìn người đánh huyện Tượng Lâm, đốt thành quách công sở, giết người trưởng lại. Thử sử quận Giao Chỉ là Phàn Diễn đem hơn một vạn quân ở hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân đến đẩy cứu viện. Quân sĩ sợ đi xa, quay lại đánh nơi phủ lý. Phàn Diễn dẫu có đánh phá được bọn quân sĩ làm phản, nhưng thế lực quân Man mỗi ngày một mạnh.

Lời chua - Khu Liên ____: Họ tên người Man Sách Tấn thư và Cương mục tập lãm đều chép là chữ ____ (Khu Liên): Có lẽ vì chữ Liên ____ đồng âm với chữ ____ ... nên mới lầm chữ nọ ra chữ kia đấy thôi.

Năm Mậu Dần (138). (Hán, năm Vĩnh Hòa thứ 3).

Tháng tư nhuận, mùa hạ. Nhà Hán dùng Trương Kiêu làm thứ sử Giao Chỉ, Chúc Lương làm thái thú Cửu Chân, để chiêu hàng những đám giặc người Man. Đất ở Lĩnh Nam đều yên cả.

Sách Hậu Hán thư chép rằng: Lúc bấy giờ thị ngự sử⁸⁸ Giả Xương sang có việc ở quận Nhật Nam, liền cùng với các châu quận hợp sức lại đánh bọn Khu Liên. Đánh không được, lại bị bọn Khu Liên đánh lại và bao vây. Hơn một năm, quân Hán thiếu lương ăn. Vua Hán lấy làm lo, triệu tập các công khanh, trăm quan và tư tào bốn phủ, hỏi về phương kế đối phó. Mọi người đều bàn nên sai tướng đem bốn vạn người các châu Kinh, Dương, Duyện, Dự đi ứng phó việc này. Trong đó có đại tướng quân sung chức trung lang là Lý Cố bác đi mà rằng: "Hiện nay châu Kinh, châu Dương giặc cướp vẫn lẫn quất tụ họp; đất Trường Sa, đất Quế Dương thường phải đóng góp binh lương. Nếu nay lại làm cho dân Kinh, Dương bị náo động, thì tất sinh loạn. Còn người các châu Duyện, Dự cũng bị bắt ra lính và nộp quân nhu, đi xa hàng muôn dặm, nay trát đòi, mai giấy bắt, tất gây ra phản loạn. Vả lại, ở phương nam, khí hậu nắng nóng ẩm thấp, lại thêm có lam chướng, số quân lính đến đây có thể chết đến bốn năm phần mười. Lặn lội hàng muôn dặm, quân sĩ nhọc mệt, kịp lúc đi đến Lĩnh Nam, không còn hơi sức đâu chiến đấu nữa.

Quân đi mỗi ngày được ba mươi dặm, mà các châu Duyện, Dự cách Nhật

Nam hơn chín nghìn dặm, như thế phải đi ba tăm ngày mới đến nơi. Tính đến lương ăn, mỗi người năm thưng, thì phải dùng đến sáu mươi vạn斛 gạo; đó là chưa kể lương ăn của tướng lại và lừa ngựa, chỉ tính số lương của quân sĩ có mang khí giới mà đã tốn đến thế. Nói hẵn ngay quân đã đến nơi rồi, số tử vong hao tổn tất nhiều, đã không đủ chống lại với địch, lẽ tất nhiên rồi lại bắt lính gửi thêm. Như thế có khác gì cắt ruột gan mà vá vào chân tay. Quận Cửu Chân cách Nhật Nam có độ nghìn dặm, đem quan và dân Cửu Chân đi đánh Nhật Nam còn không kham nổi, huống chi lại làm khổ quân sĩ bốn châu⁸⁹ để đi chịu cái nạn ở nơi muôn dặm hay sao? Trước đây, Trung lang tướng Doãn Tụ sang đánh quân rợ Khương làm phản ở Ích Châu, nhân dân Ích Châu có lời ngạn rằng: "Giặc đến còn khá, nếu Doãn Tụ đến, thì nó giết chúng ta!". Sau đó, Doãn Tụ bị gọi về, đem quân sĩ giao cho thứ sử (Sử cũ chép "châu phán" là lầm) là Trương Kiêu. Trương Kiêu dựa vào những tướng lại sẵn có ấy, chỉ trong khoảng hàng tuần (10 ngày), hàng tháng, dẹp yên giặc cướp. Đó là một kinh nghiệm về việc sai tướng đi đánh giặc xa không có ích gì, mà có thể dùng ngay quân ở châu quận ấy. Nay nên chọn lọc những người có dũng lược, nhân huệ, có thể dùng làm tướng được, để cho làm thứ sử thái thú, rồi sai cùng đi sang Giao Chỉ. Hiện nay ở quận Nhật Nam, quân ít, lương không có, giữ thế thủ đã không xong, thế chiến cũng chẳng được; vậy nên đem tất cả lại dân dời ra mặt bắc nương nhờ vào quận Giao Chỉ. Sau khi yên tĩnh rồi, lại cho họ trở về nơi cũ. Một mặt khác chiêu dụ người Man di để cho chúng đánh lẫn nhau; lấy được vàng lụa làm của tiêu dùng; nếu đứa nào biết phản gián chặt được đầu tướng giặc đem nộp thì sẽ được thưởng bằng cách cắt đất và phong cho tước hầu. Thứ sử Tinh châu ngày trước là Chúc Lương có tính dũng cảm quả quyết; Trương Kiêu, người quận Nam

Dương, trước kia, đã ở Ích Châu, có công đánh được giặc. Cả hai người này đều nên dùng. Vậy nay nên cho ngay bọn Chúc Lương tiện đường phó nhậm làm quan". Các quan trong bốn phủ đều theo như lời bàn của Lý Cố. Vua nhà Hán lập tức bổ Chúc Lương làm thái thú quận Cửu Chân, Trương Kiều làm thứ sử quận Giao Chỉ. Khi Trương Kiều đến nơi, hể điều võ về dẫn dụ. Quân giặc đều ra hàng và giải tán cả. Chúc Lương đến Cửu Chân, một mình đi xe vào trong đám quân giặc, xếp đặt mưu mẹo, lấy uy tín chiêu dụ dân; số người ra hàng có đến mấy vạn. Vì thế những đất ngoài Ngũ Lĩnh lại được yên.

Lời chua - Trương Kiều: Người quận Nam Dương. Chúc Lương người đất Lâm Tương thuộc Trường Sa.

Năm Giáp Tân (144). (Hán, năm Kiến Khang thứ 1).

Tháng 10, mùa đông. Người quận Nhật Nam làm phản. Thứ sử quận Giao Chỉ là Hạ Phương hàng phục được họ.

Sách Hậu Hán thư chép rằng: Hơn một nghìn người ở quận Nhật Nam lại nổi dậy, đánh đốt các huyện ấp, họ cổ động và liên kết với cả người quận Cửu Chân. Thứ sử Giao Chỉ, Hạ Phương, dùng ân nghĩa chiêu dụ; quân giặc đều hàng phục. Lúc đó thái hậu họ Lương nắm quyền triều đình, khen

Hạ Phương là người có công, thăng cho làm thái thú Quế Dương; cử Lưu Tảo sang thay.

Lời chua - Hạ Phương: Người quận Cửu Giang nhà Hán.

Năm Canh Tí (160). (Hán, Hoàn đế, năm Duyên Hi thứ 3).

Tháng 11, mùa đông. Nhà Hán lại dùng Hạ Phương làm thứ sử Giao Chỉ. Dư đảng đánh giặc ở Nhật Nam đến doanh trại Hạ Phương xin hàng.

Sách Hậu Hán thư chép rằng: Trước kia, huyện lệnh huyện Cư Phong là người tham lam, tàn bạo, không biết tế nào là chán. Người trong huyện là bọn Chu Đạt họp nhau với quân Man đánh giết huyện lệnh. Họ có đến bốn năm nghìn quân, tấn công vào quận Cửu Chân. Thái thú Cửu Chân, Nghê Thúc, ra đánh, bị tử trận. Nhà Hán sai đô úy quận Cửu Chân là Ngụy Lăng đi đánh, phá tan được. Nhưng tướng giặc vẫn còn đóng chiếm Nhật Nam, thế lực ngày càng cường thịnh. Đến đây, triều Hán lại cho Hạ Phương làm thứ sử. Hạ Phương vốn là người có uy tín, khi đến quận, có hơn hai vạn quân giặc kéo nhau đến đầu hàng.

Lời chua - Ngụy Lăng: Người đất Thượng Ngu quận Cối Kê, có tính công

bằng, trung thực và trí sáng suốt, sau thăng làm thượng thư, rồi vì đình nghị khép vào vụ bè đảng, phải bãi chức về.

Cư Phong: Tức là huyện Cư Phong. Xem lời chua ở năm Kiến Vũ thứ 19 đời Hán. (Tb.2, 12).

Năm Mậu Ngọ (178). (Hán, Linh đế, năm Quang Hòa thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Quận Giao Chỉ, quận Hợp Phố và Mán Ô Hử nổi dậy làm phản. Nhân thế người Giao Châu là Lương Long khởi lên làm loạn, đánh phá, vây hãm các thành ấp.

Năm Tân Dậu (181). (Hán, năm Quang Hòa thứ 4).

Mùa hạ. Nhà Hán dùng Chu Tuấn làm thứ sử, đánh tan được bọn giặc nói trên.

Thời bấy giờ, quận Giao Chỉ, quận Hợp Phố và Mán Ô Hử làm loạn mãi, mục thú là Chu Ngung không chống nổi. Nhân đó bọn Lương Long là

người Giao Châu cũng khởi quân đánh phá các quận huyện. Họ có đến mấy vạn quân. Đến nay, nhà Hán sai huyện lệnh huyện Lan Lăng là Chu Tuấn sang cứu Chu Ngung, nhân tiện đường đi qua quận nhà (Cối Kê), Chu Tuấn mộ thêm gia binh, hợp với quân của mình mang đi tất cả được năm nghìn người, chia ra hai đạo kéo vào Giao Châu. Khi đến địa giới Giao Châu, đóng quân lại, không tiến, trước hết sai người đi dò xem hư thực, và tỏ bày uy đức để làm nao núng quân địch; rồi hợp cùng quân bảy quận kéo sát đến đánh, giết được Lương Long; số người ra hàng có tới mấy vạn. Trong khoảng hàng tuần, hàng tháng, bình định xong cả.

Lời chua - Chu Tuấn: Người quận Cối Kê.

Ô Hử: Theo truyện Tây Mai di trong sách Hậu Hán thư và theo sách Nam châu dị vật chí của Vạn Chấn, Ô Hử, là tên đất, ở về phía nam Quảng Châu, phía bắc Giao Châu, thường hay đón đường rình những hành khách qua lại, ập ra đánh, cốt bắt lấy người ăn thịt, không thiết đến của cải; có khi lấy thịt người ướp làm món ăn. Cho nên lại gọi là Hám nhân quốc (nước ăn thịt người).

Năm Giáp Tí (184). (Hán, năm Trung Bình thứ 1).

Tháng 5, mùa hạ. Binh sĩ quận Giao Chỉ nổi loạn. Nhà Hán dùng Giả

Mạnh Kiên (Sử cũ chép là Giả Tông) làm thứ sử.

Quân đóng ở quận Giao Chỉ bắt giết thứ sử Chu Ngung, rồi sai người sang triều Hán kể tội trạng của Chu Ngung. Vua Hán thấy thế, hạ chiếu kén người tài giỏi sang làm thứ sử. Trong các quan có người tiến cử ngự sử Giả Mạnh Kiên, vua Hán bổ Mạnh Kiên sang làm thứ sử. Trước kia, ai sang làm thứ sử, thấy đất Giao Chỉ có nhiều hạt châu, cánh trả, ngà voi, tê giác, đồi mồi, hương lạ, gỗ quý, đều không giữ được thanh liêm; khi của đầy túi rồi, lại xin đổi đi nơi khác. Cho nên lại và dân đều hay làm phản. Kịp khi Mạnh Kiên đến nơi, dò hỏi tình trạng gây ra phản bội, thì mọi người đều nói: "Chính lệnh trước kia bắt đóng thuế khóa rất hà khắc, nhân dân khốn khó, đường sang kinh đô thì xa, không biết kêu đâu được. Nhân dân không sao sống nổi, cho nên họp nhau để kháng cự lại chính sách ấy, chứ không thực là làm phản". Giả Mạnh Kiên mới sai người chia đi các nơi phủ dụ để cho dân chúng yên nghiệp làm ăn. Lại chiêu tập võ về những người lưu vong, tha cả thuế khóa. Rồi giết những quan lại đầu sỏ về tội tham ngược, chọn lấy người quan lại lương thiện cho đi cai trị các quận huyện. Do vậy nhân dân mới được yên ổn. Nơi đường sá họ có làm câu hát, đại ý nói: "Người cha chúng ta là họ Giả đến muộn, khiến ta trước kia làm phản, nay được thanh bình, ai dám còn lòng phản bội?" (Sử Cương mục [của Trung Quốc] chép câu cuối là "... kẻ nha lại không dám hạch sách cơm rượu của dân nữa"). Giả Mạnh Kiên làm việc được ba năm thì triều Hán gọi về, phong làm nghị lang, cho người bản châu (Giao Châu) là Lý Tiến lên thay làm thứ sử.

Lời phê - Xem đây, ta thấy rõ triều Hán có nhiều nhân tài, đời sau không thể sánh kịp được. Thời đó chưa có khoa cử mà được nhiều nhân tài như thế, lại càng thấy rõ khoa mục chỉ vụ cái danh về việc học, chứ có bổ ích gì cho chính trị lắm đâu?

Lời bàn của Ngô [Thị] Sĩ - Xét sách **Hán thư** có chép đến tên Mạnh Thường là người ở Thượng Ngưu quận Cối Kê, cuối đời Hán làm thái thú quận Hợp Phố. Quận này không sản xuất thóc gạo, mà hải phận thì sản châu báu. Quận này giáp giới Giao Chỉ, người trong quận thường sang buôn bán và đong thóc gạo ăn. Trước kia, bọn thú tể ở đây nhiều người tham tàn, bắt ép nhân dân Hợp Phố đi tìm kiếm hạt châu, không có mức độ nào! Hạt châu do đấy dần dần chuyển sang địa giới Giao Chỉ. Khi Mạnh Thường đến nhậm chức, sửa bỏ những tệ hại trước; hơn một năm, hạt châu đã đi mấy ấy lại trở về chốn cũ. Nhân dân đều yên nghiệp làm ăn, gọi Thường là bậc "thần minh". Than ôi! nếu các thú mục trong mấy quận này, ai cũng được như Mạnh Thường cả, thì dân ta việc gì phải khổ sở làm phản nữa. **Lời chua** - Mạnh Kiên: Người Liêu thành thuộc Đông quận, đậu Hiếu Liêm, rồi thăng làm Kinh Triệu Doãn, có thành tích chính trị; đến đây, các quan cử sang làm thứ sử quận Giao Chỉ.

Năm Đinh Mão (187). (Hán, năm Trung Bình thứ 4).

Triều Hán dùng Lý Tiến làm thứ sử Giao Chỉ.

Sử cũ chép: Lý Tiến dâng thư nói với vua Hán: "Khắp cả thiên hạ, đâu chẳng là bầy tôi của nhà vua, thế mà bây giờ làm quan ở trong triều đều là người Trung Châu⁹⁰, chưa thấy nhà vua khen thưởng, khuyến khích những người phương xa". Lời lẽ thiết tha cảm động, có viện dẫn nhiều lý do. Vua Hán hạ chiếu cho người Giao Châu ta ai đỗ Hiếu Liêm hay Mậu Tài được bổ làm chức trưởng lại thuộc Giao Châu, chứ không được làm quan ở Trung Châu. Lý Tiến lại dâng sớ "xin cho những người đã đỗ Hiếu Liêm được như các bác sĩ 12 châu: chỉ căn cứ vào nhân tài để nhận xét"⁹¹. Nhưng các quan trong triều sợ rằng người phương xa hay nói suông, chê bai bắt bẻ triều đình Trung Quốc, nên không ưng cho. Khi bấy giờ, người Giao Châu ta có Lý Cầm làm túc vệ ở điện đài, mới rủ người đồng hương là bọn Bốc Long năm sáu người, giữa mùng một Tết là ngày các nơi đến triều hội, bọn Lý Cầm phục ở sân điện kêu rằng: "Ồn vua thăm ra chưa khắp". Các quan trong triều hỏi có sao. Lý Cầm đáp: "Nước Nam Việt ở lánh về một phương xa, không được trời che đất chở, nên không được hưởng gió mát mưa lành!". Lời lẽ rất là đau khổ, thiết tha. Vua Hán hạ chiếu yên ủi rồi cho nước ta một người đỗ Mậu Tài làm quan lệnh huyện Hạ Dương, một người đỗ Hiếu Liêm làm quan lệnh huyện Lục Hợp. Về sau, Lý Cầm làm đến chức Tư Lệ hiệu úy; Trương Vọng làm đến thái thú Kim Thành. Như thế thì nhân tài nước Việt ta được cùng thăng tiến như người bên Hán là do từ Lý Tiến, Lý Cầm mở đường lối trước.

Lời cần án - Theo sách **Lĩnh Nam di thư**, Trương Trọng người quận Hợp Phố, chăm học, nói giỏi, là một người có danh vọng ở đất Lĩnh Biểu, được thứ sử kén chọn cất lên làm việc coi kể ở quận Nhật Nam, đem dâng sổ sách vào Lạc Kinh. Vua Minh đế (8- 75) thấy vóc người nhỏ bé, lấy làm kỳ dị, hỏi rằng: "Tiểu lại quận nào?". Trương Trọng, với giọng thẳng thắn cứng cáp, thưa rằng: "Tôi là kẻ lại giữ chức coi kể ở quận Nhật Nam, không phải là tiểu lại. Nhà vua muốn được có nhân tài, hay chỉ cân xường đo thịt thôi?". Vua Hán khen câu trả lời của Trương Trọng là phải. Buổi đại hội ngày mùng một Tết, vua Hán hỏi: "Có phải rằng ở quận Nhật Nam người ta hướng về phía bắc để châu mặt trời không?". Trương Trọng thưa: "Tên các quận có quận Vân Trung là trong mây, có quận Kim Thành là thành vàng, vị tất phải có sự thức. Như thế ở quận Nhật Nam mặt trời cũng mọc ở phương đông; còn như khí hậu ẩm áp, mặt trời đi ngang đỉnh đầu vẫn đứng bóng. Nhà ở của quan dân tùy theo ý muốn đông tây nam bắc muốn hướng chiều nào thì hướng, không có nhất định, vì thế gọi là lĩnh vực mặt trời ở về Nam". Vua Hán thấy Trương Trọng nói thế, lại càng thêm trọng, ban thưởng vàng lụa. Nếu ta xét kỹ lời chép trong **Lĩnh Nam di thư**, và xét về đời Hoàn đế (147-167), người đất Lệ Phố là Từ Trung lúc thường vẫn hay so sánh với Trương Trọng, thì biết Trương Trọng là người về đời Minh đế nhà Hán, quyết không còn nghi ngờ gì nữa. Còn như việc Lý Tiên sang làm

thứ sử thì lại ở về sau Trương Trọng, cách nhau đến hơn mấy chục năm. Về đoạn này, **Sử cũ** lại chép "về sau, Lý Cầm làm đến chức Tư Lệ hiệu úy, Trương Trọng làm Thái thú Kim Thành, là do từ Lý Tiên đã mở

đường lối trước". Như thế là vì **Sử cũ** nhận Minh đế nhà Hán lẫn với Minh đế nhà Tấn (323-325), nên đoạn này mới chép lầm; nay xét kỹ, cải chính lại. **Lời chua** - **Lý Tiến**: Theo sách **Bách Việt tiên hiền chí**, **Tiến**, người đất **Cao Hưng**, quận **Giao Chỉ**, là người thông minh, hiểu khắp **Kinh Truyện**, được bổ làm chức công tào ở quận, sau thăng dần đến chức kỵ đô úy. Năm **Vĩnh Hòa thứ 2** (137 s.c.ng.), quân **Man** ở **Kinh Châu** làm phản, **Lý Tiến** được sai làm thái thú quận **Linh Lăng**, đánh tan được giặc ấy. Khoảng năm **Trung Bình** (184-189), **Lý Tiến** được thay **Giả Mạnh Kiên** làm thứ sử quận **Giao Chỉ**, tâu xin theo đúng lệ cống sĩ bên **Trung Châu**. Về sau, có **Nguyễn Cầm** do đỗ mệnh tài làm đến chức tư lệ hiệu úy. Nhân tài quận **Giao Chỉ** được tuyển bổ cùng với người **Trung Châu** thực là bắt đầu từ **Lý Tiến**.

Lý Cầm: Sách **Bách Việt tiên hiền chí** chép là **Nguyễn Cầm**, người **Giao Châu**. Sách **An Nam chí nguyên** của **Cao Hùng Trưng** chép **Lý Cầm**, **Trương Trọng** đều là người do khoa mục xuất thân.

Nhà Hán dùng Sĩ Nhiếp làm thái thú quận Giao Chỉ.

Truyện Sĩ Nhiếp trong sách **Ngô chí** chép rằng: **Nhiếp** tên tự là **Nghiện Uy**, người đất **Quảng Tín** quận **Thương Ngô**. Tiên tổ **Sĩ Nhiếp** gốc người đất **Vấn Dương** nước **Lỗ**, đến hồi loạn **Vương Mãng**, lánh nạn sang ở **Giao Châu**. Sau đó sáu đời đến cha **Sĩ Nhiếp**, tên là **Tứ**, làm thái thú quận **Nhật**

Nam ở thời Hán Hoàn đế. Sĩ Nhiếp, lúc còn nhỏ, du học ở kinh sư, tôn thờ Lưu Tử Kỳ, người đất Dĩnh Xuyên, làm thầy, chuyên học sách Tả thị Xuân thu, đồ Hiếu Liêm, được bổ làm thượng thư lang, vì việc công, phải bãi chức. Khi mãn tang cha là Tứ rồi, lại đậu Mậu tài, được bổ làm huyện lệnh huyện Vu Dương, rồi thăng làm thái thú quận Giao Chỉ.

Xét ra, Sĩ Nhiếp chỉ là một thái thú nhà Hán, chưa hề xưng vương. Sử cũ chép riêng làm một kỷ, đem so với nghĩa lệ chép Cương mục của Chu Tử thì không hợp, nay tước bỏ đi.

Năm Tân Tị (201). (Hán, Hiến đế, năm Kiến An thứ 6).

Nhà Hán dùng Trương Tân làm thứ sử quận Giao Chỉ.

Trước kia, thứ sử Chu Phù dùng nhiều người đồng hương chia cho làm trưởng lại, hà hiếp nhân dân, thuế khóa nặng nề.

Mọi người đều ta oán, khởi lên làm phản, đem quân đánh phá châu quận. Chu Phù phải chạy về mạn biên, bị dân giết chết. Vua Hán mới sai Trương Tân sang làm thứ sử Giao Chỉ.

Năm Quý Mùi (203). (Hán năm Kiến An thứ 8).

Nhà Hán đặt Giao Chỉ làm Giao Châu.

Trước kia, về đời Hán Thuận đế (126-144), Thái thú Giao Chỉ là Chu Xưởng xin lập Giao Chỉ làm châu, triều đình nhà Hán bàn định không nghe. Đến đây, thứ sử Trương Tân và thái thú Sĩ Nhiếp cùng nhau dâng biểu xin lập Giao Chỉ làm châu, nhà Hán mới đặt Giao Chỉ làm Giao Châu; Giao Châu được ngang hàng với các châu khác ở Trung Quốc, và phong Trương Tân làm quan mục ở Giao Châu. Bắt đầu từ đây có tên Giao Châu.

Năm Đinh Hợi (207). (Hán, năm Kiến An thứ 12).

Nhà Hán bổ Sĩ Nhiếp làm tụy nam trung lang tướng, quản đốc cả bảy quận, lĩnh chức thái thú quận Giao Chỉ; kế đó lại cho làm An Viễn tướng quân, phong tước Long Độ đình hầu.

Theo truyện Sĩ Nhiếp trong sách Ngô Chí , trước kia, thứ sử Giao Châu

Chu Phù bị giặc Man di giết chết, các quận trong châu đều rối loạn. Vì thế Sĩ Nhiếp dâng biểu xin cho em là Nhất lĩnh chức thái thú quận Hợp Phố, em thứ hai trước làm huyện lệnh huyện Từ Văn, tên là Vĩ (____ ... Sử cũ chép ____ ..., là làm), lĩnh chức thái thú quận Cửu Chân, em Vĩ là Vũ lĩnh chức thái thú quận Nam Hải. Sĩ Nhiếp, tính

nết khoan hậu, khiêm tốn, nhã nhặn, trọng đãi nhân sĩ, nên những nhân sĩ từ Trung Quốc sang, phần nhiều tới đó nương nhờ. Sĩ Nhiếp ham đọc sách *Xuân thu*, có làm lời chú giải. Viên Huy, người nước Trần, (lúc bấy giờ ở ngụ tại Giao Châu), viết thư cho thượng thư lệnh là Tuấn Úc, có nói: "Ông Sĩ Nhiếp ở quận Giao Chỉ đã là người học giỏi, biết rộng, lại trội về chính trị. Đang lúc loạn lạc, bảo toàn được một quận hơn 20 năm, giữ cho bờ cõi được vô sự, nhân dân được làm ăn yên ổn. Những người lữ khách đều được đội ơn. Dẫu họ Đâu (Sử cũ chép là Đâu Dung) xưa kia giữ đất Hà Tây, cũng không hơn được thế. Khi rảnh việc quan một chút, lại chăm xem sách vở, nhất là *Xuân thu Tả thị truyện* lại càng suốt hết mọi nghĩa tinh vi. Tôi thường hỏi những nghi ngờ trong *Tả truyện*, thì Sĩ Nhiếp đều có lời dẫn giải riêng đáng làm khuôn mẫu, ý tứ rất sát. Lại như sách *Thượng thư* thì Sĩ Nhiếp kiêm thông cả đại nghĩa đời xưa lẫn đời nay. Nghe nói ở kinh sử đang có cuộc tranh luận phải trái về nghĩa cổ văn kim văn, Sĩ Nhiếp có ý muốn điều trần những nghĩa phải trong các sách *Tả thị* và kinh *Thượng thư* để dâng vua". Ấy, Sĩ Nhiếp được người ta khen ngợi là thế.

Anh em Sĩ Nhiếp đều là bậc hùng trưởng ở các quận. Sĩ Nhiếp giữ một châu ở ngoài muôn dặm, uy tôn, quyền trọng, không còn ai hơn: khi đi ra đi vào đều có chuông, có khánh, rất oai nghi. Thời bấy giờ ai cũng quý trọng, đám Man di cũng phải sợ phục, đầu Triệu Úy Đà khi xưa cũng không hơn thế.

Sau khi Chu Phù chết, nhà Hán sai Trương Tân sang làm thứ sử Giao Châu được ít lâu, Trương Tân lại bị bộ tướng là Khu Cảnh giết chết. Quan mục Kinh Châu, Lưu Biểu, sai huyện lệnh huyện Linh Lăng là Lại Cung sang thay Trương Tân. Bấy giờ thái thú quận Thương Ngô là Sử Hoàng chết, Lưu Biểu lại sai Ngô Cự sang thay, cùng với Lại Cung cùng đến một lúc. Nhà Hán nghe tin Trương Tân mất, ban cho Sĩ Nhiếp bức tì thư⁹² trong có nói: "Đất Giao Châu bờ cõi xa xăm, phía nam gần sông giáp biển, ơn bề trên chưa được khắp, tình dân khó giải tỏ. Ta vẫn biết nghịch tặc Lưu Biểu đã cho Lại Cung sang rình lấy đất miền Nam. Bây giờ cho nhà ngươi làm Tuy Nam trung lang tướng, quản đốc bảy quận, lĩnh chức thái thú quận Giao Chỉ như trước". Sau đó Sĩ Nhiếp sai kẻ lại là Trương Mân đem lễ vật sang cống tận kinh đô Hán. Hồi ấy, thiên hạ loạn lạc, đường đi đứt nghẽn, thế mà Sĩ Nhiếp vẫn không bỏ cống hiến, vì thế Hán lại hạ chiếu cho làm An Viễn tướng quân, phong tước Long Độ đình hầu. Về sau Ngô Cự với Lại Cung ghét nhau, Ngô Cự đem quân đánh đuổi Lại Cung chạy về huyện Linh Lăng.

Lời chua - Từ Văn: Theo Quận quốc chí trong Hậu Hán thư , huyện Từ Văn thuộc quận Hợp Phố.

67 Chỉ nước Nam Việt nhà Triệu.

68 Riêng chỉ địa bàn Quảng Đông lúc bấy giờ.

69 Riêng chỉ địa bàn Quảng Đông lúc bấy giờ.

70 Nguyên văn là "Âu, Lạc giai hàng".

71 Lịch Đạo Nguyên, tên tự là Thiện Trường, người đất Phạm Dương đời Bắc Ngụy, làm ngự sử trung úy, có soạn Thủy kinh chú 40 quyển. Sách này rất được giới văn học quý trọng.

72 Vì Sử Cương mục dẫn theo một bản Thủy kinh chú khác (Phường bản), nên có vài điểm dị đồng như: Giao Châu ngoại vực ký chép là Giao Chỉ thành ký . Câu "cập nhị quận dân hộ khẩu bạ nghệ Lộ tướng quân..." chép là "cập nhị quận dân hộ bạ hàng Lộ tướng quân..." và trên chỗ "chư Lạc tướng" không có chữ "chủ"... Vậy nay, để tiện tham khảo, xin theo một thiện bản khác mà dịch lại cả đoạn văn Thủy kinh chú ấy như thế này:
"Năm Nguyên Đinh thứ 6 (111 tr.c.ng.) đời Hán Vũ đế, lập lỵ sở cho chức đô úy (ở huyện Mi Linh). Sách Giao Châu ngoại vực ký chép rằng: [Nam] Việt vương sai hai sứ giả coi quản nhân dân hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân. Về sau, nhà Hán sai phục ba tướng quân Lộ Bác Đức đánh [Nam] Việt vương Lộ Bác Đức đến Hợp Phố, [Nam] Việt vương sai hai sứ giả đưa đến Lộ tướng quân trăm con trâu, nghìn chung rượu và sổ hộ khẩu của dân hai

73 Xem chú thích 3, 4 trang trước.

74 Đây theo Cương mục chua âm là "Liên thụ" (c.2, t.5). Nhưng ở Phương Đình địa chí quyển 1 tờ 11b có cho biết rằng: Nguyên ở Hán chí âm là La Lũ; đến đời Nam Tề vì viết lầm, nên người sau mới lầm là Liên và đọc là thụ .

75 Ở đây chắc là có sự nhầm lẫn. Thứ sử là chức quan đứng đầu một châu (bộ). Nhà Hán bắt đầu đặt từ năm Nguyên Phong thứ 5 (106 tr.c.ng.). Năm Tân Mùi, Nguyên Phong thứ 1 (110 tr.c.ng.). Thạch Đái không thể làm thứ sử Giao Chỉ được.

76 Mục là chăn dắt . Quan mục Giao Chỉ tức là người chăn dắt dân ở quận Giao Chỉ. Ở đây chỉ chức quan đứng đầu một quận, tức Thái thú.

77 Chữ "Nhâm" họ của Nhâm Diên chép ở đây, cũng như họ của Nhâm Hiêu chép ở quyển I, âm là nhâm như ta thường đọc, nhưng về tự dạng, thì sử Trung Quốc và Đại Việt sử ký của ta đều chép nhân bên nhâm Đại Việt sử ký toàn thư thì bớt nét sổ chữ nhâm đi, còn sách Cương mục này thì bớt chữ nhâm đi mà chỉ chép nhâm ____, vì sử thần triều Nguyễn kiêng tên húy Tự Đức.

78 Chức quan đứng đầu một quận do nhà Hán đặt ra từ năm Nguyên Phong thứ 5 (106 tr.c.ng.).

79 Trong Thủy kinh chú quyển 37, tờ 62 chép chồng bà Trưng tên là Thi: "... Chu Diên lạc tướng tử danh Thi, sách Mi Linh lạc tướng nữ danh Trưng Trắc vi thi...": Con Lạc tướng ở Chu Diên, tên là Thi, hỏi lấy (sách)

con gái lạc tướng ở Mi Linh, tên là Trưng Trắc, làm vợ.

80 Nay là tỉnh Vĩnh Phúc.

81 Trần (557-589) là một triều đại thuộc Nam triều (Trung Quốc) bị Tùy diệt năm 589.

82 Chỉ Mã Viện, vì khi sống, Viện được phong làm Phục Ba tướng quân.

83 Xem thêm Phương đình địa chí loại , quyển 2, tờ 34-36, chỗ khảo về "thuyết đồng trụ".

84 Thuộc xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây.

85 Đồi cổ, Trung Quốc chia thiên hạ làm chín châu, tên các châu mỗi đời có hơi khác nhau, như: Ký, Duyện, Thanh, Từ, Ứng, Dự, Lương, Kinh, Dương, là chế độ nhà Hạ; Ký, Duyện, U, Tứ, Ứng, Dự, Dinh, Kinh, Dương, là chế độ nhà Ân; Ký, Duyện, Thanh, U, Ứng, Dự, Tinh, Kinh, Dương, là chế độ nhà Chu. Tóm lại, chín châu là khu vực trung nguyên của Trung Quốc.

86 Đồi cổ những đất Giang, Chiết, Mân, Việt là chủng tộc người Việt ở, nên gọi chung là Bách Việt. Như U Việt ở Chiết Giang; Mân Việt ở Phúc Kiến; Dương Việt ở Giang Tây; Nam Việt ở Quảng Đông; Lạc Việt ở Việt Nam; v.v...

87 Tên một chức quan to đời cổ, đứng đầu các chư hầu trong một phương.

88 Đơn vị đo lường xưa của Trung Quốc. Mỗi thạch ăn 10 354 688 công thăng (lít).

88 Chức quan đứng đầu Ngự sử đài.

89 Chỉ bốn châu Kinh, Dương, Duyện, Dự nói trên.

90 Chỉ Trung Quốc.

91 Ý nói xét tài năng mà bổ dụng, chứ không phân biệt người Bắc người Nam.

92 Bức công văn có đóng ấn để làm tin.

Quốc Sử Quán Triều Nguyễn

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Tiền Biên-Quyển thứ III

Năm Canh Dần (210). (Hán, năm Kiến An thứ 15).

Tháng 12, mùa đông. Chúa Ngô, Tôn Quyền, dùng Bộ Chát làm thứ sử Giao Châu.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), trước kia, Sĩ Nhiếp làm thái thú Giao Chỉ, có dâng biểu xin cho ba em làm thái thú các quận Hợp Phố, Cửu Chân, Nam Hải, hùng trưởng một phương. Còn thứ sử Giao Châu là Trương Tân mê mãi việc quỷ thần, thường đầu đội khăn màu đỏ sẫm, đọc sách đạo Lão, bị bộ tướng giết chết. Đến đây, Tôn Quyền dùng Bộ Chát làm thứ sử, Sĩ Nhiếp đem anh em ra vâng theo mệnh lệnh nhà Ngô; do đấy đất Lĩnh Nam mới phụ thuộc Tôn Quyền.

Lời chua - Bộ Chát: Người đất Hoài Âm thuộc Lâm Hoài.

Giao Châu, Cửu Chân: Xem Triệu Vũ Vương năm thứ 10 (Tb.I, 20).

Thái thú quận Giao Chỉ nhà Hán, là Sĩ Nhiếp, sai con vào làm tin ở nước Ngô. Nước Ngô phong Sĩ Nhiếp làm Long Biên hầu.

Theo truyện Sĩ Nhiếp trong Ngô chí, lúc bấy giờ Sĩ Nhiếp sai con là Hâm vào làm con tin, Tôn Quyền cho Hâm làm thái thú Vũ Xương; còn các con của Sĩ Nhiếp và của Sĩ Nhật ở bên Nam đều được phong làm trung lang tướng. Sĩ Nhiếp lại dụ cường hào Ích Châu, là bọn Ung Khải, đem nhân dân trong quận xin với danh nghĩa ở xa mà phụ thuộc Đông Ngô. Tôn Quyền lại càng ngợi khen Nhiếp, thăng cho làm vệ tướng quân, phong tước Long Biên hầu, cho em Sĩ Nhiếp là Nhật làm thiên tướng quân, tước Đô Hương hầu. Mỗi lần Sĩ Nhiếp sai sứ giả sang Ngô Tôn Quyền, không năm nào là không đem cống các thứ hương thơm, vảo nhỏ kể có hàng nghìn, hạt trai sáng, vỏ xà cừ, ngọc lưu ly, chim trả, đồi mồi, ngà voi, tê giác và các thứ quả lạ như chuối tiêu, dưa, nhãn. Lại còn cống cả hàng mấy trăm ngựa. Mỗi khi như thế, Tôn Quyền lại viết thư khen ngợi, ban cho rất hậu để yên ủi lại.

Lời cần án - Con Sĩ Nhiếp là Hâm, Sử cũ chép sai là Ngâm. Lời phê - Sĩ Nhiếp chẳng qua là một thái thú nhà Hán, tùy thời nịnh hót, cầu sao cho

mình được an toàn, chứ không có mưu lược tài cán gì giỏi cả, đến nỗi truyền được hai đời đã mất, có gì đáng khen! Thế mà **Sử cũ** cho rằng Úy Đà cũng không hơn được, chẳng cũng là lời khen quá đáng dư! **Năm Bính Ngọ (226)**. (Ngô, Tôn Quyền, năm Hoàng Vũ thứ 5; Hán, năm Kiến Hưng thứ 4; Ngụy, năm Hoàng Sơ thứ 7).

Sĩ Nhiếp mất, con là Huy tự động quyền làm thái thú Giao Chỉ.

Theo truyện Sĩ Nhiếp trong Ngô chí , Sĩ Nhiếp làm quan ở quận Giao Chỉ hơn 40 năm, thọ 90 tuổi mới mất.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Người nước ta thông Thi Thư hiểu lễ nhạc, trở thành một nước văn hiến⁹³ là bắt đầu từ Sĩ Nhiếp. Tục truyền: sau khi Sĩ Nhiếp mất, đến cuối đời nhà Tấn cách xa hơn 600 năm, người Lâm Ấp vào cướp, đào mả Sĩ Nhiếp lên, thấy thân thể diện mạo vẫn nguyên như lúc sống, liền đắp trả lại. Nhân dân vùng ấy cho thế là thần, dựng miếu đề thờ, gọi là Sĩ Vương tiên.

Mùa đông. Nước Ngô chia tách đất Giao Châu đặt ra Quảng Châu, dùng Lữ Đại và Đái Lương làm thứ sử. Lữ Đại dụ Sĩ Huy ra hàng rồi giết đi. Ít lâu sau, nước Ngô bỏ Quảng Châu, lại cứ để làm Giao Châu như cũ.

Chúa Đông Ngô nghe tin Sĩ Nhiếp đã chết, cho rằng quận Giao Chỉ cách xa, mới chia từ Hợp Phố trở về phía bắc thuộc Quảng Châu, cho Lữ Đại làm thứ sử; từ Hợp Phố trở về phía nam thuộc Giao Châu, cho Đái Lương làm thứ sử. Tôn Quyền lại sai Trần Thi⁹⁴ sang thay Sĩ Nhiếp làm thái thú. Lữ Đại lưu lại Nam Hải, còn Đái Lương và Trần Thi đều đi trước đến Hợp Phố. Lúc ấy con Sĩ Nhiếp là Sĩ Huy đã tự động quyền làm thái thú, đem quân ra chống lại. Đái Lương ở lại Hợp Phố. Người quan lại cũ của Sĩ Nhiếp là Hoàn Lân khẫu đầu can Sĩ Huy, khuyên nên ra đón Đái Lương. Sĩ Huy nổi giận, lấy roi đánh chết Hoàn Lân. Anh Hoàn Lân là Trị, con Hoàn Lân là Phát (Sử cũ chép lầm là các con nhà anh của Lân là Trị và Phát), họp quân trong họ lại đánh Sĩ Huy. Sĩ Huy đóng cửa thành cố thủ. Bọn Hoàn Trị đánh mãi mấy tháng, không hạ được thành, mới giao ước hòa hảo với nhau; hai bên cùng rút quân. Về phần Lữ Đại nhận được tờ chiếu chúa Ngô bảo giết Sĩ Huy, Đại mới từ Quảng Châu đi gấp vào Hợp Phố, cùng với Đái Lương cùng tiến thẳng đến nơi, dụ dỗ con Sĩ Nhất là trung lang tướng Sĩ Khuông, để Sĩ Khuông bảo Sĩ Huy ra thú tội, thì dẫu mất chức quận thú, nhưng không có sự gì khác đáng lo. Lữ Đại cũng đi theo luôn Sĩ Khuông đến, thì bọn anh Sĩ Huy là Chi, em là Cán và Tụng sáu người cởi trần⁹⁵ ra đón Lữ Đại. Lữ Đại từ chối⁹⁶, bảo mặc áo lại (Sử cũ chép sai là mặc áo thường), rồi Lữ Đại tiến thẳng đến trước quận. Sớm ngày hôm sau, xếp đặt màn trướng, cho mời anh em Sĩ Huy theo thứ tự tiến vào. Trong khi quan khách ngồi đầy cả, Lữ Đại đứng lên, cầm phù tiết⁹⁷, tuyên đọc chiếu thư, kể tội Sĩ Huy, rồi sai trói lại đem chém, đưa thủ cấp về Vũ Xương. Còn Sĩ Nhất, Sĩ Vĩ và Sĩ Khuông ra hàng sau, vua nước Ngô tha tội cho; bọn này cùng với con Sĩ Nhiếp là Hâm đang làm

con tin bên Ngô, đều bị cách chức làm dân thường. Mấy năm sau, Nhất và Vĩ phạm pháp, đều bị giết; chỉ có Sĩ Khuông bị bệnh chết trước. Khi Sĩ Hâm mất, bộ tướng của Sĩ Huy là Cam Lễ cùng với Hoàn Trị đem các quan lại và nhân dân đánh Lữ Đại. Lữ Đại ra sức đánh phá được, nên được thăng phong lên làm Phiên Ngung hầu. Bấy giờ mới bỏ Quảng Châu, lại để làm Giao Châu như cũ.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Khi cha mất rồi, Sĩ Huy đã không xin mệnh trên, tự lập làm thái thú, lại đem quân ra cự lại! Như thế, đối với lễ phải, cố nhiên là nên đánh Sĩ Huy rồi; nhưng Lữ Đại dụ người ra đầu hàng để mà giết đi thì là trái lẽ. Giữ tin thực, là việc quý của một nước. Sĩ Huy đã ra hàng, nên trời đưa về Vũ Xương, để quyền sinh sát cho người trên định. Như vậy, mình có uy tín đối với kẻ dưới, chẳng cũng hay lắm dư! Tôn Thỉnh có nói: "Hòa người phương xa, được lòng người gần, không gì hay bằng điều tín". Lữ Đại kết thân với Sĩ Khuông như thầy, như bạn để thông tin tức và thề ước với Sĩ Huy, khi anh em Sĩ Huy cời trần chịu tội, dốc lòng gửi mạng, thế mà Lữ Đại lại nhân đấy diệt đi, để cầu lấy công lợi. Do việc này, người quân tử biết rằng Tôn Quyền là người không biết cách kinh lý nơi xa và họ Lữ không được lâu dài. **Lời chua - Lữ Đại: Tên tự là Đình Công, người đất Hải Lăng thuộc Quảng Lăng, trước được bổ làm trưởng đất Dư Diêu, đến khi Cối Kê có giặc, Tôn Quyền cho Lữ Đại làm đốc quân hiệu úy, đem quân dẹp yên, được thăng làm thái thú Lư Lăng; đến đây, sang thay Bộ Chấn, làm thứ sử Giao Châu.**

Nước Ngô thăng chức cho Lữ Đại làm trấn nam tướng quân, rồi lại cho làm Giao Châu mục⁹⁸ .

Lữ Đại đã dẹp yên loạn Sĩ Huy ở Giao Châu, lại tiến quân đánh quận Cửu Chân, vừa giết vừa bắt được kẻ có hàng vạn người, rồi lại sai người làm việc tuyên dương giáo hóa Trung Quốc vào miền nam cho cả vùng ngoài biên thùy. Các vua nước Phù Nam, nước Lâm Ấp và nước Đường Minh đều sai sứ dâng cống. Chúa nước Ngô, Tôn Quyền, ngợi khen công của Lữ Đại, phong lên làm trấn nam tướng quân. Năm Hoàng Long thứ 3 (231) dân Mán Ngũ Khê quận Vũ Lăng (nước Ngô) làm phản. Chúa Ngô cho rằng đất đai về mặt nam đã yên rồi, cho triệu Lữ Đại về. Thái thú Hợp Phố là Tiết Kính Văn (Sứ cũ chép là Tông) sợ rằng người sang thay Lữ Đại không được tốt chăng, bèn dâng sớ sau đây lên vua Ngô: "Xưa kia, vua Thuấn đi tuần phía Nam, mất ở quận Thương Ngô. Nhà Tần đặt ra các quận Quế Lâm, Nam Hải và Tượng Quận, thì bốn quận ấy thuộc vào đất Trung Quốc cũng đã lâu lắm. Triệu Đà khởi lên ở Phiên Ngung, vỗ về thuần phục được vua Bách Việt. Đây là những nước về phía nam quận Châu Quan⁹⁹ . Vũ đế nhà Hán giết Lữ Gia, mở rộng ra làm chín quận, đặt quan thứ sử để trấn thủ và cai quản, rồi đưa người Trung Quốc sang ở lẫn với dân bản thổ, cho dân bản thổ học viết qua loa và vẽ vẽ biết được ngôn ngữ Trung Quốc; lại có sứ thần thời thường đi lại, (họ) trông thấy lễ nghi mà tự thay đổi theo. Đến khi Tích Quang làm thái thú Giao Chỉ, Nhâm Diên làm thái thú Cửu Chân, dựng ra trường học, dìu dắt nhân dân theo đường lễ nghĩa. Nhưng mà, (ở đây) là nơi đất rộng, người nhiều, rừng hiểm, nước độc, dân dễ khởi loạn. Vả lại, đất này ở ngoài hãn chín cõi¹⁰⁰ ,

cách lựa chọn chức quan cầm đầu việc cai trị phần nhiều không được kỹ mấy. Như tôi được biết có các việc sau đây: Nam hải Hoàng Cái sang làm thái thú Nhật Nam, khi mới xuống xe, thấy cách đón tiếp không được long trọng, đánh chết người chủ bạ, rồi Hoàng Cái cũng bị dân đuổi đi. Thái thú Cửu Chân, Đàm Manh, làm chủ tiệc rượu của bố vợ là Chu Kinh, mời cả các quan to đến dự. Lúc rượu đã say, nổi khúc nhạc vui, Công Tào¹⁰¹ Phiên Hâm đứng lên múa, mời Chu Kinh múa. Chu Kinh không chịu đứng dậy, Phiên Hâm còn cứ ép Kinh mãi. Đàm Manh tức giận cầm trượng đánh Phiên Hâm. Em Hâm là Miêu đem dân chúng đến đánh phủ ly. Đàm Manh đến nổi phải chết. Thái thú Giao Chỉ là Sĩ Nhiếp (thấy thế), sai quân đến đánh, cuối cùng vẫn không dẹp được. Lại như việc thứ sử trước đây là Chu Phù, người quận Cối Kê, phần nhiều đem người làng, như bọn Ngu Bao, Lưu Nghiễm ra làm trưởng lại, chiếm đoạt những nhiều nhân dân, cưỡng bức dân phải nộp phú thuế: cứ mỗi một con cá vàng, thu một học lúa. Nhân dân ta oán, kéo nhau đánh châu này, phá quận kia. Chu Phù phải bỏ chạy về đường biển, rồi trôi giạt đầu mất. Sau đó đến Trương Tân, người quận Nam Dương, không có uy lực mấy, bị người ta khinh nhờn, rồi bị giết chết. Sau nữa, Lưu Biểu sai Lại Cung là bậc cao tuổi sang làm quan, Lại Cung là người cẩn thận, nhưng hiền lành, không hiểu việc đời. Kế đó lại sai Ngô Cự làm thái thú quận Thương Ngô, Ngô Cự là người vũ phu nóng nảy. Lại Cung không phục tòng, rồi hần học lẫn nhau, Ngô Cự đuổi Lại Cung ra khỏi Giao Châu. Khi Bộ Chát đến nơi rồi, thì lúc đó bộ tướng cũ của Trương Tân trước, như bọn Di Liêu, Tiền Bác, vẫn còn khá nhiều. Bộ Chát tiểu trừ được dần, xếp đặt vừa mới tạm ổn, thì lại bị gọi về. Lữ Đại bình xong đám loạn Sĩ Huy, đổi đặt trưởng lại, làm sáng tỏ cương kỷ, uy thanh ra các muôn dặm, đâu đấy đều vâng theo cả. Xem như thế thì

việc yên ủi dân ngoài biên cương, vỗ về người cỗi xa xôi, cần phải có người giỏi. Chúc mục¹⁰² bá¹⁰³, nên lựa lấy người thanh liêm. Ngoài nơi hoang phục¹⁰⁴, thì việc họa hay phúc lại càng quan hệ ở quan lại. Ngày nay Giao Châu tuy rằng tạm yên, nhưng còn có bọn giặc cũ ở Cao Lương. Còn biên giới bốn quận Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm và Châu Quan chưa yên, giặc cướp vẫn thường tụ họp quấy nhiễu. Nếu Lữ Đại không trở lại phương Nam nữa, thì nên chọn người có thao lược, mưu kế, cho làm thứ sử để phủ dụ dân chúng. Đối với người ấy, nên cho họ có uy quyền, được tùy tình thế à tìm cách đối phó, cốt phải làm được có hiệu quả tốt, như thế thì may ra mới có thể hàn gắn được. Còn những hạng người thường, chỉ biết giữ lễ lối cũ, không

có mưu hay chước lạ gì, thì lũ ác nghịch ngày thêm nảy nở, lâu ngày thành hại. Vì thế, sự an nguy trong nước quan hệ ở việc dùng người. Vậy việc này không thể không xét kỹ được". Chúa nước Ngô nghe theo lời sớ này, lại cho Lữ Đại làm Giao Châu mục.

Lời chua - Tiết Kính Văn: Người ấp Trúc, quận Bái, khi còn nhỏ, theo người trong họ, lánh loạn sang ở Giao Châu, theo học Lưu Hi. Khi Sĩ Nhiếp đã quy phụ Tôn Quyền, Kính Văn được vời làm ngũ quan trung lang tướng, thăng lên làm thái thú Hợp Phố. Khi Lữ Đại đem quân sang đánh Giao Châu, Kính Văn với Lữ Đại cùng đi, vượt biển sang đánh phương Nam.

Châu Quan: Nguyên là quận Hợp Phố nhà Hán, đến Ngô đổi làm Châu quan.

Phù Nam: Tên nước. Xem đời Hùng Vương (Tb.I, 7).

Lâm Ấp: Tên nước. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb.3, 20).

Đường Minh: Tên nước. Ở trong vùng biển, cách quận Nhật Nam bảy nghìn dặm về phía Bắc, tức là nước Đạo Minh.

Cao Lương: Tên huyện, thuộc quận Hợp Phố.

Năm Mậu Thìn (248). (Ngô, năm Xích Ô thứ 11; Hán, năm Diên Hi thứ 11; Ngụy, năm Chính Thủy thứ 9).

Bà Triệu Âu¹⁰⁵, người quận Cửu Chân, họp dân chúng đánh phá các quận

huyện. Thứ sử Lục Dận đi đánh, dẹp yên.

Người quận Cửu Chân lại đánh phá thành ấp. Các châu quận đâu đấy đều náo động, chúa nhà Ngô cho đốc quân đô úy châu Hành Dương là Lục Dận làm thứ sử kiêm chức hiệu úy. Lục Dận đến nơi, dùng ấn tín hiệu dụ, hơn ba vạn nhà ra đầu hàng; đất Giao Châu lại yên. Bây giờ có người con gái quận Cửu Chân là Triệu Ẩu tụ họp dân chúng, giành cướp các quận huyện; Lục Dận đi đánh, dẹp yên.

Lời chua - Lục Dận: người đất Ngô quận, cháu họ Lục Tồn, người nước Ngô. Lục Dận trước làm tuyền tào lang, sau làm đốc quân đô úy Hành Dương. Đến khi giặc Man Di quận Cửu Chân đánh và hạ được các thành ấp, Giao Châu náo động, chúa nước Ngô dùng Lục Dận làm thứ sử Giao Châu.

Bà Triệu Ẩu: Theo sách Thái Bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử nhà Tống, trong miền núi quận Cửu Chân có người con gái họ Triệu, vú dài ba thước, không lấy chồng, tụ họp đồ đảng đánh cướp các quận huyện thường mặc áo vải mộc màu vàng, đi guốc, cưỡi đầu voi, xông ra trận đánh. Sau khi chết, thành thần. Nay có đền thờ ở xã Phú Điền, huyện Mỹ Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Lời phê - Con gái nước ta, nhiều người hùng dũng khác thường. Bà Triệu Âu cũng là người sánh vai được với Hai Bà Trưng². Xem như vậy thì **Bắc sử** chép chuyện **thành Phu Nhân**¹⁰⁷ **quân nương tử**¹⁰⁵, há có phải chỉ Trung Quốc là có đàn bà nổi danh tiếng đâu? Nhưng nói là vú dài ba thước thì cũng quái gở, đáng cười!

Năm Quý Mùi (263). (Ngô, năm Vĩnh An thứ 6; Hán, năm Viêm Hưng thứ 1. - Năm này nhà Hán mất. Ngụy, năm Canh Nguyên thứ 4).

Tháng 5, mùa hạ. Kê lại quận Giao Chỉ là Lữ Hưng giết Thái thú quận ấy là Tôn Tư, đem quận Giao Chỉ đầu hàng nhà Ngụy (Sử cũ chép lầm là hàng nhà Tấn).

Trước kia, nhà Ngô dùng Tôn Tư làm Thái thú Giao Chỉ. Tôn Tư là người tham lam bạo ngược, thường chọn bắt hàng hơn nghìn người thợ thủ công khéo ở trong quận đưa sang Kiến Nghiệp¹⁰⁹; nhân dân khổ sở về việc đó. Đến đây, chúa nước Ngô sai Đặng Tuân đến quận, Đặng Tuân lại tự tiện bắt dân phải nộp ba mươi con công đưa sang Mạt Lãng¹¹⁰. Nhân dân sợ phải làm lực dịch ở nơi xa, do đấy định mưu làm loạn. Kê quận lại là Lữ Hưng giết cả Tôn Tư và Đặng Tuân, rồi xin với nhà Ngụy đặt Thái thú khác và cho quân sang đóng. Quận Cửu Chân và Nhật Nam đều hưởng ứng việc này.

Năm Giáp Thân (264). (Ngô, Tôn Hạo, năm Nguyên Hưng thứ 1; Ngụy, năm Hàm Hi thứ 1).

Tháng 7, mùa thu. Nhà Ngô lại chia đất Giao Châu, đặt ra Quảng Châu.

Năm ấy, nhà Ngô cắt ba quận Nam Hải, Thương Ngô và Uất Lâm đặt làm Quảng Châu, châu lỵ ở Phiên Ngung; Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam và Hợp Phố làm Giao Châu, châu lỵ ở Long Biên. Việc chia ra Giao Châu và Quảng Châu bắt đầu từ đây.

Lời chua - Nam Hải: Xem An Dương Vương, năm 44 (Tb.1, 11).

Thương Ngô, Uất Lâm, Nhật Nam, Hợp Phố: Xem Triệu Vương, Kiến Đức, năm thứ 1. (Tb.2, 4...).

Nhà Ngụy dùng Lữ Hưng làm An Nam tướng quân, đô đốc mọi việc quân ở Giao Châu; dùng Hoắc Giặc ở xa lĩnh chức Thứ sử Giao Châu.

Nhà Ngụy phong Lữ Hưng làm An Nam tướng quân, đô đốc mọi việc quân ở Giao Châu; dùng nam trung giám quân là Hoắc Giặc, ở xa lĩnh chức Thứ sử Giao Châu, được quyền tùy tiện kén bỏ các trưởng lại. Hoắc Giặc đề cử Thoán Cốc (có chỗ chép là Phàn Cốc) làm Thái thú Giao Chỉ, thống suất thuộc lại trong nha môn mình là lũ Đồng Nguyên và Vương Tổ đem quân đến giúp đỡ Lữ Hưng. Quân chưa đến nơi, Lữ Hưng đã bị công tào Lý Thống giết chết; Thoán Cốc cũng chết.

Năm Ất Dậu (265). (Ngô, năm Cam Lộ thứ 1; Tấn, Vũ đế, năm Thái Thủy thứ 1).

Nhà Tấn dùng Mã Dung làm Thái thú Giao Chỉ. Mã Dung bị bệnh mất. Hoắc Giặc đề cử Dương Tắc sang thay.

Lời chua - Mã Dung: người Ba Tây.

Dương Tắc: người Kiện Vi.

Năm Mậu Tý (268). (Ngô, năm Bảo Định thứ 3; Tấn, năm Thái Thủy thứ

4).

Nhà Ngô dùng Lưu Tuấn làm thứ sử Giao Châu, đánh lại Dương Tắc nhà Tấn. Dương Tắc đánh phá được quân Lưu Tuấn ở Cổ Thành.

Nhà Ngô dùng Lưu Tuấn làm thứ sử, cùng với bộ đốc trước là Tu Tắc (Sử cũ chép lầm là đại đô đốc Tu Tắc), tướng quân là Cố Dung, trước sau ba lần đánh vào Giao Châu, nhưng Dương Tắc đều đem quân chống cự lại và đánh phá được cả. Quận Uất Lâm, quận Cửu Chân đều phụ theo với Dương Tắc.

Dương Tắc sai tướng quân là Mao Quế (Sử cũ chép lầm là Linh), Đồng Nguyên, nha môn tướng là bọn Mạnh Cán, Mạnh Thông, Lý Tùng, Vương Tổ, Thoán Năng, đi từ đất Thục sang Giao Chỉ, đánh phá quân Ngô ở Cổ Thành, giết được Tu Tắc và Lưu Tuấn quân còn sót lại đều tan rã cả. Nhân thế, Dương Tắc đề cử Mao Quế làm thái thú Uất Lâm, Đồng Nguyên làm thái thú Cửu Chân.

Lời chua - Cổ Thành: Tức là thành Hợp Phố.

Năm Kỷ Sửu (269). (Ngô, năm Kiến Hành thứ 1; Tấn, năm Thái Thủy thứ

5).

Tháng 11, mùa Đông. Nhà Ngô đem quân sang đánh Dương Tắc nhà Tấn.

Nhà Ngô sai giám quân là Ngu Phiêm, úy nam tướng quân là Tiết Hủ và thái thú Thương Ngô là Đào Hoàng đi đường Kinh Châu; giám quân là Lý Húc (Sử cũ chép sai là Đĩnh) và đốc quân là Từ Tồn đi đường biển Kiến An. Cả hai đạo gặp nhau ở Hợp Phố để sang đánh Dương Tắc. Lý Húc, vì thấy đi đường biển không được tiện lợi, bèn giết tướng đưa đường là Phùng Phỉ, rồi đem quân về. Chúa nhà Ngô cho rằng Lý Húc đã giết uồng Phùng Phỉ và tự tiện rút quân về, nên bắt cùng với Từ Tồn đều phải tội chết.

Năm Tân Mão (271). (Ngô, năm Kiến Hành thứ 3; Tấn, năm Thái Thủy thứ 7). Đào Hoàng nhà Ngô đánh và bắt được bọn Dương Tắc nhà Tấn. Nhà Ngô lại lấy được đất Giao Chỉ, chia đất ấy ra làm quận Tân Xương.

Trước kia, Đào Hoàng và bọn Ngu Phiêm, Tiết Hủ chống nhau với Dương Tắc ở trên sông Phần. Đào Hoàng thua, lui giữ quận Hợp Phố, chết mất hai tướng. Tiết Hủ tức giận, bảo Đào Hoàng: "Người tự dâng biểu xin đi đánh giặc mà để mất hai tướng, trách nhiệm ấy tại ai?". Đào Hoàng thưa: "Tôi là quan cấp dưới, không được làm theo ý muốn của mình, quân sĩ

không hòa thuận nhau, nên đến nỗi bị thua đó thôi". Tiết Hủ chưa nguôi giận, muốn đem quân về. Đêm hôm ấy Đào Hoàng đem vài trăm quân đánh úp Đồng Nguyên, bắt được của báu đưa xuống thuyền chở về. Tiết Hủ thấy thế mới xin lỗi Hoàng, dùng Hoàng lĩnh chức đô đốc quân tiền bộ ở Giao Châu, Đào Hoàng lại đi đường biển, nhân lúc không ngờ, đi tắt đến Giao Châu. Đồng Nguyên đem quân ra chống cự. Các tướng của Hoàng đều muốn ra đánh, nhưng Hoàng ngờ trong chỗ cầu đồ có lẽ có quân mai phục, mới để toán quân sử dụng trường kích¹¹¹ dàn riêng hàng ngũ ở phía sau. Khi quân hai bên mới giáp trận, Đồng Nguyên giả cách rút lui; Đào Hoàng đuổi theo, quả nhiên quân mai phục đổ ra. Quân trường kích của Hoàng đón đánh, phá tan được quân địch và giết Đồng Nguyên tại trận. Lúc đó Đào Hoàng lấy tất cả những thuyền chở của báu và mấy nghìn tấm thổ cẩm¹¹² mà trước kia cướp được, đem gửi cho tướng giặc Phù Nghiêm là Lương Kỳ (Sử cũ chép sai là Lương Tề). Lương Kỳ đem hơn một vạn người đến giúp Đào Hoàng. Bấy giờ Dương Tắc dùng bộ tướng là Vương Tổ thay Đồng Nguyên. Dũng tướng của Đồng Nguyên là Giải Hệ cùng ở trong thành. Đào Hoàng sai em Hệ là Tượng viết thư cho Hệ; lại sai Tượng đi xe độc mã, có người thổi sáo, đánh trống, hộ vệ điếu đi. Bọn Vương Tổ thấy thế, bảo nhau: "Tên Tượng là em Giải Hệ còn được như thế, chắc hẳn Giải Hệ cũng có ý muốn đi theo". Họ bèn giết Hệ. Đào Hoàng nghe tin ấy, lập tức đem quân đánh gấp, phá được châu lỵ, bắt được bọn Dương Tắc và Mao Quế. Mao Quế ngấm lập mưu đánh úp Đào Hoàng. Việc ấy tiết lộ, Đào Hoàng bắt giết Mao Quế, rồi cho đưa bọn Dương Tắc về nước Ngô. Đi đến Hợp Phố, Tắc bị bệnh chết. Còn bọn Mệnh Cán, Lý Tùng, Thoán Năng khi về đến Kiến Nghiệp, thì Mạnh Cán trốn về với nhà Tấn; nhà Tấn dùng làm thái thú Nhật Nam. Lý Tùng và

Thoán Năng đều bị nhà Ngô giết cả. Nhà Tấn truy tặng cho Dương Tắc chức thứ sử Giao Châu, các con của Mao Quế, Lý Tùng và Thoán Năng đều được phong tước quan Nội hầu. Viên Công Tào¹¹³ quận Cửu Chân là Lý Tộ giữ toàn được quận, đem quận ấy phụ thuộc về nhà Tấn. Đào Hoàng sai tướng đến đánh không được. Cậu Lý Tộ là Lê Hoảng (có chỗ chép là Lê Minh) đi theo quân thứ nhà Ngô, khuyên Lý Tộ ra hàng. Lý Tộ đáp: "Cậu cứ việc làm tướng bên Ngô, tôi cứ việc thần phục bên Tấn, người nào cũng chỉ nhìn vào sức mạnh mà mình cho là có thể trông cậy được". Lý Tộ giữ thành không hàng. Quân của Đào Hoàng đánh mãi mới hạ được thành.

Lời chua - Đào Hoàng: Con Đào Cơ, người Mạt Lãng thuộc Đan Dương.

Tân Xương: Theo chú thích của Hồ Tam Tỉnh, Tân Xương tức là Phong Châu, nay là đất tỉnh Sơn Tây.

Nhà Ngô dùng Đào Hoàng làm thứ sử, giữ phù tiết¹¹⁴ tiền tướng quân, Giao Châu mục¹¹⁵, đô đốc mọi việc quân ở Giao Châu.

Sau khi Đào Hoàng phá được bọn Dương Tắc, bình được Giao Châu, nhà Ngô dùng luôn làm chức Châu mục. Đào Hoàng là người có mưu chước, biết thương kẻ khó, sẵn lòng bố thí, được lòng dân. Người ta ai cũng thích

giúp việc, nên Hoàng đi đến đâu cũng được thành công. Bấy giờ tại các quận Vũ Bình, Cửu Đức, Tân Xương, vì thế đất hiểm trở, dân Di, Lào hung hăng mạnh tợn, đã từ lâu vẫn không chịu thần phục. Đào Hoàng đem quân đi đánh, dẹp yên, mở thêm đất, đặt làm ba quận và hơn 30 huyện ở các nước phụ thuộc với quận Cửu Chân. Sau đó, nhà Ngô gọi Đào Hoàng về làm đô đốc quận Vũ Xương, và dùng Tu Doãn là thái thú quận Hợp Phố, sang thay. Có đến hàng nghìn người dân bản thổ (Giao Châu) xin giữ Đào Hoàng ở lại. Chúa nhà Ngô lại cho Hoàng trở về châu ly cũ.

Lời chúa - Vũ Bình: Vốn là đất huyện Phong Khê, đặt ra từ nhà Ngô, Vũ Bình thống trị 7 huyện: đời Tùy bỏ quận, đổi làm huyện Long Bình; đời Đường đổi làm huyện Vũ Bình rồi lại đặt làm Đằng Châu. Triều Đinh, Lê đổi làm phủ Thái Bình; triều Trần đổi gọi Khoái Lộ; triều Lê đổi đặt làm hai phủ Tiên Hưng và Khoái Châu. Nay là địa hạt Hưng Yên¹¹⁶.

Cửu Đức: Đất của Việt Thường thị xưa, nhà Ngô lấy đặt làm quận Cửu Đức, thống trị 8 huyện. Đời Tấn, Tống, Tề vẫn cứ theo cũ; nhà Lương bỏ quận, đổi làm huyện Cửu Đức thuộc quận Nhật Nam; nhà Đường đổi cho thuộc Hoan Châu. Nay là đất Hà Tĩnh.

Năm Canh Tí (280). (Tấn, năm Thái Khang thứ 1).

Quan mục ở Giao Châu của nhà Ngô là Đào Hoàng đầu hàng nhà Tấn. Tấn hạ chiếu cho Hoàng làm chức cũ.

Chúa Ngô là Tôn Hạo, khi đã đầu hàng nhà Tấn, tự tay viết thư khuyên Hoàng nên về với Tấn. Nhận thư ấy, Hoàng sụt sùi ứa nước mắt đến mấy ngày, rồi sai đưa nộp ấn và thao về Lạc Dương. Vua Tấn hạ chiếu cho Hoàng giữ chức cũ, phong tước Uyển Lăng hầu, đổi làm quán quân tướng quân.

Khi nhà Tấn đã đánh được nhà Ngô, giảm bớt số quân ở các châu quận (Sử cũ chép sai là bắt lính Giao Châu). Đào Hoàng dâng thư trình bày: "Giao Châu ở trợ trội một nơi, liền sát núi, biển, cách nước Lâm Ấp ở ngoài chỉ độ 700 dặm (Sử cũ chép sai là mấy nghìn dặm). Tướng người Di ở Lâm Ấp là Phạm Hùng, suốt đời làm kẻ cướp lẫn lút, thường đánh cướp nhân dân. Hắn lại còn liên kết với Phù Nam, thường làm giặc cướp đánh phá các quận huyện, giết hại quan và dân. Tôi trước làm quan nước Ngô, được cử đem quân đóng ở bên Nam có đến hơn mười năm. Trước sau nhiều phen đi đánh dẹp, tuy có giết được tướng lĩnh họ, nhưng vì ở chỗ núi sâu hang cùng, nên còn có kẻ ẩn núp được. Vả lại, quân lính thuộc dưới quyền tôi tất cả có hơn tám nghìn người. Thủy thổ phương Nam nóng nực, ẩm thấp, (Sử cũ chép lầm là ôn nhuận), có nhiều khí độc; thêm vào đó nhiều năm phải đi đánh giặc, quân lính ngày một hao mòn, hiện còn có hai nghìn bốn trăm hai mươi người. Ngày nay bốn biển hợp

nhất, đâu cũng thần phục cả, đáng lẽ nên cuốn áo giáp, hủy bỏ gương, chăm lo về đường lễ nghĩa. Nhưng mà, người châu này lại không thích yên vui, ưa làm những sự khởi loạn. Vả lại, về phía nam Quảng Châu, cả vùng có đến hơn sáu nghìn dặm, trong đó có đến hơn năm vạn hộ không phục theo và không phụ thuộc. Những bọn ngang tàng ở Quế Lâm cũng có đến một vạn hộ nữa. Nói đến những người chịu phục dịch việc quan chỉ có hơn năm nghìn nhà. Hai châu Giao và Quảng, hình thế như môi với răng, phải có quân đóng mới giữ được. Lại còn đất Hưng Cổ thuộc Ninh Châu ở mạn thượng lưu, cách quận Giao Chỉ một nghìn sáu trăm dặm, đường thủy, đường lục đều tiện, hộ vệ lẫn nhau. Vậy thì số quân đóng ở châu chưa nên giảm bớt,

để có vẻ yếu đuối cô đơn". Vua nhà Tấn theo lời Đào Hoàng. Đào Hoàng ở Giao Châu 30 năm, tỏ ra người có ân, có uy, được dân Giao Châu yêu mến. Khi Hoàng mất, vua Tấn dùng viên ngoại lang tán kỵ thường thị là Ngô Nghiện (*Sử cũ* chép chữ "Ngô" là họ "Ngô") làm chức nam trung đô đốc, thứ sử Giao Châu. Hồi Đào Hoàng mới mất, lính thú ở quận Cửu Chân nổi loạn, đánh đuổi thái thú Cửu Chân. Tướng giặc là Triệu Chỉ bao vây quận. Ngô Nghiện dẹp yên được cả. Ngô Nghiện làm quan được 25 năm, dân Giao Châu được yên ổn. Ngô Nghiện tự dâng biểu xin đổi người khác thay mình. Vua nhà Tấn cho Cố Bí sang thay. Cố Bí cũng là một quan tốt, cả châu ai cũng yêu mến. Kịp khi Cố Bí chết, người Giao Châu ép con Bí là Tham quản lĩnh công việc Giao Châu. Khi Cố Tham chết, em là Thọ cố ý cầu xin lên thay. Thọ giết người trưởng lại là Hồ Triệu, lại toan giết cả đốc quân thuộc dưới quyền mình là Lương Thạc. Lương Thạc

chạy thoát, cất quân đánh giết được Cổ Thọ. Sau đó, Lương Thạc chuyên quyền, nhưng sợ dân tình không thuận, mới đón con Đào Hoàng là Uy, đương làm thái thú Thương Ngô, về lĩnh chức thứ sử Giao Châu. Đào Uy làm quan, rất được lòng dân, giữ chức được ba mươi năm thì chết. Em Uy là Thục, con Uy là Tuy, kế tiếp nhau làm thứ sử. Từ Đào Cơ đến Đào Tuy tất cả bốn đời, đều làm thứ sử. Đào Cơ là cha Đào Hoàng (Sử cũ chép sai là ông nội Đào Hoàng).

Lời chua - Phù Nam: Xem đời Hùng Vương (Tb.I, 7).

Năm Mậu Dần (318). (Đông Tấn, Nguyên đế, năm Đại Hưng thứ 1).

Tháng 10, mùa Đông. Nhà Tấn hạ chiếu gia phong cho thứ sử Quảng Châu là Đào Khả đô đốc các việc quân ở Giao Châu.

Theo Sử ký của Ngô [Thì] Sĩ, thời bấy giờ người Trường Sa là Vương Cơ cùng với giặc đất Thục là Đỗ Hoàng, và tú tài ở Giao Châu là Lưu Trầm cùng nhau làm phản. Đào Khả sai đốc hộ đánh phá, bắt được Lưu Trầm, chém được Vương Cơ. Vì có công ấy, Khả được phong chức nói trên.

Lời chua - Đào Khả: Người Phiên Dương.

Vương Cơ: Theo Tấn thư , trước kia có người ở Trường Sa tên là Vương Cơ, cha Vương Cơ tên là Nghị làm thứ sử Quảng Châu, rất được lòng dân chúng. Sau người Quảng Châu đón Vương Cơ làm thứ sử. Khi ấy gặp dư đảng giặc đất Thục là Đỗ Hoằng đem vàng cho Vương Cơ, xin đi đánh giặc Quế Lâm để tự lập công. Vương Cơ đem việc ấy bày tỏ lên triều đình. Vương Đôn cho Vương Cơ là người khó chế ngự, vì có công hàng được Đỗ Hoằng, cũng muốn nhân đó sai đi đánh Lương Thạc. Vì vậy đổi Vương Cơ sang làm thứ sử Giao Châu. Lương Thạc nghe tin ấy, sai con đón Vương Cơ ở Uất Lâm. Vương Cơ giận việc đến đón chậm, trách rằng: "Đợi khi đến châu, sẽ hỏi tội cho!". Con Lương Thạc vội sai người về báo cho cha biết. Lương Thạc nói: "Chàng Vương¹¹⁷ đã làm hại Quảng Châu rồi, lại còn đến đây phá Giao Châu nữa sao!". Nói rồi liền cầm người trong châu không ai được ra đón. Quan Tư Mã¹¹⁸ ở phủ là Đỗ Tán thấy Lương Thạc không cho đón Vương Cơ, liền đem quân đánh Lương Thạc, bị Thạc đánh thua. Lương Thạc lại sợ những người kiêu ngạo bên vực Vương Cơ, bấy giờ đem bao nhiêu người khá giết đi hết, rồi tự lĩnh chức thứ sử Giao Châu. Vương Cơ đã bị Lương Thạc chống cự lại, liền đi sang Uất Lâm. Khi ấy Đỗ Hoằng đi đánh được giặc Quế Lâm về, gặp Vương Cơ ở giữa đường. Vương Cơ khuyên Đỗ Hoằng đánh lấy Giao Châu. Đỗ Hoằng vẫn có ý lấy Giao Châu đã lâu, mới cầm lấy phù tiết của Vương Cơ, bảo rằng: "Ta nên thay đổi nhau cầm, sao nên một người cầm!". Vương Cơ mới đưa phù tiết cho Đỗ Hoằng. Bấy giờ Vương Cơ với Hoằng và bọn Ôn Thiệu, Lưu Trầm đều làm phản. Liên đó, Đào Khả đến Quảng

Châu, đánh giết được Ôn Thiệu, Lưu Trầm trước; rồi sai đốc hộ đánh Vương Cơ. Vương Cơ chạy, bị chết. Đào Khả sai quật thây lên đem chém.

Năm Quý Mùi (323). (Tân, Minh đế, năm Thái Bình thứ 1).

Lương Thạc đánh giết thứ sử là Vương Lượng. Đào Khả sai quân đánh chém được Lương Thạc. Nhà Tấn dùng Đào Khả lĩnh chức thứ sử Giao Châu.

Trước kia, Vương Đôn dùng Vương Lượng làm thứ sử Giao Châu để đánh Lương Thạc. Lương Thạc đem quân vây Vương Lượng ở Long Biên, hạ được thành, cướp lấy phù tiết của Vương Lượng; Vương Lượng không cho, Lương Thạc chặt mất cánh tay trái của Lượng. Vương Lượng nói: "Chết, ta còn không sợ, chặt mất tay thì có làm gì!". Được hơn 10 ngày, Lượng chết. Lương Thạc giữ Giao Châu, vì hung bạo, nên mất lòng dân chúng. Đào Khả sai tham quân là Cao Bảo ánh chém được Lương Thạc. Vua Tấn cho Đào Khả lĩnh chức thứ sử Giao Châu, tiến phong cho hiệu là Chinh nam đại tướng quân khai phủ nghi đồng tam ti.

Lời chua - Long Biên: Còn tên gọi là Long Uyên. Xem thuộc Hán, Vũ đế,

năm Nguyên Phong thứ nhất. (Tb.2, 7).

Năm Quý Sửu (353). (Tân, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9).

Tháng 3, mùa xuân. Thử sử Giao Châu là Nguyễn Phu đánh phá được nước Lâm Ấp.

Vua nước Lâm Ấp là Phạm Phật thường sang xâm lấn quấy nhiễu. Nguyễn Phu đem quân đi đánh, phá được hơn năm mươi lũy.

Lời chua - Lâm Ấp: Quốc giới của Việt Thường thị xưa; đời Tần là huyện Lâm Ấp, thuộc Tượng Quận; đời Hán đổi làm huyện Tượng Lâm thuộc quận Nhật Nam. Cuối đời Hán, con viên Công tào ở huyện ấy là Khu Liên, giết huyện lệnh, tự lập làm vua nước Lâm Ấp. Sau vì Khu Liên không có con kế tự, cháu ngoại là Phạm Hùng lên thay làm vua, truyền ngôi đến con là Phạm Dật. Người gia nô Phạm Dật là Phạm Văn dạy Phạm Dật xây đắp thành trì, nhà cửa, đặt bày binh trận, chế tạo khí giới. Phạm Văn được Phạm Dật tin yêu. Kịp khi Phạm Dật chết, Phạm Văn cướp ngôi làm vua. Phạm Văn chết, con là Phạm Phật nối ngôi. Phạm Phật chết, cháu là Hồ Đạt lên làm vua. Đến Văn Định, cháu năm đời của Phạm Phật, bị con vua Phù Nam là Đương Côn Thằng (có chỗ chép là Thuần) giết chết. Đại thần là Phạm Chư Nông bình được loạn ấy, tự lập làm vua.

Chư Nông chết, con là Dương Mại lên kế vị. Dương Mại chết, con là Đốt lên làm vua, vẫn lại lấy tên là Dương Mại, thường sang lấn cướp quận Nhật Nam. Nhà Tấn sai Đàn Hòa Chi đi đánh. Dương Mại sợ, sai sứ sang triều cống; về sau, không triều cống nữa. Nhà Tùy sai Lưu Phương sang đánh. Chúa Lâm Ấp là Phạm Chí sai sứ sang tạ lỗi. Khoảng giữa niên hiệu Trinh Quán (627-649) nhà Đường, vua Lâm Ấp là Đầu Lê chết, con là Trần Long bị giết, người trong nước lập con nhà cô của Đầu Lê là Gia Cát Địa lên làm vua, đổi quốc hiệu là Hoàn Vương, thường sang xâm lấn An Nam. Bị đô hộ nhà Đường là Trương Chu đánh phá, nước ấy mới bỏ Lâm Ấp, dời đến Chiêm, gọi là nước Chiêm Thành.

Liệt Thánh¹¹⁹ bản triều¹²⁰, trước mở cơ nghiệp ở đất này, sau thống nhất được toàn quốc; việc đóng đô ở đây đã xem xét kỹ càng, không khác gì các vua đời Tam đại dùng ngọc thổ khuê để đo bóng mặt trời ở Lạc Thủy¹²¹, đem con linh quy để bói chỗ đóng đô ở Hoàng Hà¹²². Kinh đô đóng ở đây, có cửa ải Hải Vân¹¹⁹, có đèo Ngang¹²⁰, có cửa Thuận¹²¹, có

núi Thương Sơn¹²⁶. Thật là nơi kín đáo hiểm trở cũng như một cái kho của nhà Trời. Do đây, thanh danh văn vật ngày thêm phồn thịnh, không triều đại nào trước đây có thể sánh kịp. Bây giờ, thành Phật thệ ở Phủ Thừa Thiên, thành Chà Bàn ở tỉnh Bình Định đều là di tích cổ đô của Chiêm Thành đó.

Năm Canh Thìn (380). (Tấn, Hiến Vũ đế, năm Thái Nguyên thứ 5).

Tháng 10, mùa đông. Thái thú quận Cửu Chân là Lý Tồn chiếm giữ châu, làm phản.

Năm Tân Tị (381). (Tấn, năm Thái Nguyên thứ 6).

Tháng 7, mùa thu. Thái thú quận Giao Chỉ là Đỗ Viện đi đánh, dẹp yên được loạn Lý Tồn.

Theo Liệt truyện trong Tống thư, trước kia, Thái thú quận Cửu Chân là Lý Tồn, cha con khỏe mạnh, và có quyền thế, uy danh không chế được đất Giao Châu. Nghe tin thứ sử Đặng Độn Chỉ sắp đến, Tồn sai hai con chia đi chặn những chỗ hiểm yếu về đường thủy và đường bộ. Đỗ Viện thu thập quân sĩ đánh chém được Lý Tồn. Đất Giao Châu được yên. Nhà Tấn phong Đỗ Viện làm Long nhương tướng quân.

Lời chua - Đỗ Viện: Người huyện Chu Diên quận Giao Chỉ, gốc tích là người đất Kinh Triệu. Ông nội là Nguyên làm thái thú quận Ninh Phố, di

cư sang ở quận Giao Chỉ.

Năm Kỷ Hợi (399). (Tấn, An đế, năm Long An thứ 3).

Tháng 3, mùa xuân. Vua Lâm Ấp là Phạm Hồ Đạt (có chỗ chép là Tu Đạt) vào lấn cướp. Đố Viện đánh phá được. Nhà Tấn thăng Đố Viện làm thứ sử Giao Châu.

Theo Lương thư, năm ấy, vua nước Lâm Ấp, là Phạm Hồ Đạt, lấn cướp quận Nhật Nam, bắt thái thú là Quế Nguyên; lại tiến sang cướp quận Cửu Đức, bắt thái thú là Tào Bính. Thái thú Giao Chỉ, Đố Viện, sai đốc hộ là bọn Đặng Dật đi đánh, phá tan được. Nhà Tấn liền thăng cho Đố Viện làm thứ sử.

Lời cần án - Tống thư và Lương thư đều chép năm Long An thứ 3 (399), thăng Đố Viện làm thứ sử Giao Châu, dính liền với năm có việc đánh phá Lâm Ấp. **Sử cũ** lại chép việc thăng Đố Viện làm thứ sử vào năm Thái Nguyên thứ 6 (381)⁵. Như thế là sai, nay theo sự thực đổi lại. **Năm Tân Hợi (411)**. (Tấn, năm Nghĩa Hi thứ 7).

Tháng 4, mùa hạ. Giặc bên Tấn là Lư Tuần chạy sang Giao Châu. Thứ sử

Giao Châu là Đỗ Tuệ Độ đánh và giết, đưa thủ cấp về Kiến Khang.

Trước đây, cháu họ Lư Tuần là Ân làm giặc. Ân chết, Lư Tuần đầu hàng nhà Tấn, được làm thứ sử Quảng Châu; đến đây, Tuần lại làm phản, bị bộ tướng của Lưu Dụ là Lưu Phiên đánh bại, phải chạy sang Giao Châu. Khi bấy giờ thứ sử trước là Đỗ Viện đã mất, vua Tấn cho con Viện là Tuệ Độ lên thay làm thứ sử. Khi tờ chiếu chưa đến nơi, Lư Tuần đã đánh úp và phá được Hợp Phố, đi tắt sang Giao Châu. Tuệ Độ đem các quan văn võ ở các châu phủ chống nhau với Lư Tuần ở trấn Thạch Kỳ, phá tan quân Lư Tuần. Tàn quân của Lư Tuần còn tới ba nghìn người, lại có dư đảng của Lý Tồn là bọn Lý Thoát, liên kết với dân Lý, Lào tới hơn năm nghìn người để hưởng ứng với Lư Tuần. Lư Tuần đến bến sông bên Nam thành Long Biên. Tuệ Độ đem hết của nhà thưởng cho quân sĩ. Em Tuệ Độ là Tuệ Kỳ, thái thú Giao Chỉ, cùng với Chương Dân, Thái thú Cửu Chân, cùng đốc suất quân thủy, quân bộ. Tuệ Độ tự trèo lên chiếc thuyền cao cùng với Lư Tuần đánh giáp lá cà, dùng mỗi tấm dầu chàm lửa ném đốt thuyền giặc, rồi cho quân bộ đứng hai bên bờ bắn xuống. Quân Lư Tuần bị vỡ. Lư Tuần trúng tên lặn xuống nước chết. Tuệ Độ vớt xác Lư Tuần, đem chém, sai đóng hòm đựng thủ cấp Lư Tuần, thủ cấp vợ con hắn và thủ cấp bọn Lý Thoát, đưa về Kiến Giang¹²⁷.

Lời chua - Tuệ Độ: Con thứ năm Đỗ Viện.

Thạch Kỳ: Tên trấn, ở phía Tây Nam phủ trị Giao Châu. Họ Hồ cắt nghĩa rằng: bờ cong queo gọi là Kỳ.

Năm Quý Sửu (413). (Tấn, năm Nghĩa Hi thứ 9).

Tháng 3, mùa xuân. Nước Lâm Ấp lại sang cướp Cửu Chân. Đỗ Tuệ Độ đánh tan được.

Theo Lương thư, vua Lâm Ấp là Phạm Hồ Đạt lại sang cướp Cửu Chân. Tuệ Độ đi đánh phá được, chém con nó là Giao Long vương Chân Tri và tướng nó là bọn Phạm Kiện, bắt sống được hơn trăm người trong có con nó là Na Năng.

Năm Ất Mão (415). (Tấn, năm Nghĩa Hi thứ 11).

Nước Lâm Ấp xâm phạm Giao Châu. Tướng ở Giao Châu đánh bại quân Lâm Ấp.

Năm Canh Thân (420). (Tấn, Cung đế, năm Nguyên Hi thứ 2; Tống, Vũ

đế, năm Vĩnh Sơ thứ 1).

Tháng 7, mùa thu. Đỗ Tuệ Độ đánh Lâm Ấp, phá tan được, bắt Lâm Ấp phải hàng.

Theo *Lương thư*, khi bấy giờ Tuệ Độ đi đánh, cả phá được nước Lâm Ấp, số người bị giết có tới quá nửa; nước Lâm Ấp phải xin hàng, dâng nộp voi lớn, vàng, bạc, vải hoa, mới được tha. Những người Lâm Ấp trước sau bị bắt đều được cho về. Sau đó, Tuệ Độ sai trưởng sử là Giang Du dâng biểu sang Tống báo tin thắng trận.

Tuệ Độ ở Giao Châu, ăn cơm rau, mặc áo vải, cấm những đèn thờ thần nhâm nhí, dựng trường dạy học. Gặp phải năm đói thì lấy lương bổng riêng của mình phát chẩn cho dân. Tuệ Độ làm việc tinh tế chu đáo, coi việc công như việc nhà. Các quan lại và nhân dân ai cũng kính nể và yêu mến. Cửa thành đêm bỏ ngõ, ngoài đường không ai nhặt của bỏ rơi. Khi Tuệ Độ mất, vua nhà Tống tặng chức Tả tướng quân và cho con là Hoảng Văn làm thứ sử. Hoảng Văn cũng là người khoan hòa, được lòng mọi người, nổi tiếng phong là Long Biên hầu.

Lời chua - Hoảng Văn: Con trưởng Tuệ Độ. Trước kia, Vũ đế nhà Tống đi đánh miền bắc, Tuệ Độ dâng "phủ bản"¹²⁸ xin cho Hoảng Văn làm thái thú

Cửu Chân; đến đây, lại được kế chân Tuệ Độ làm thứ sử.

Bản: Tức là phủ bản. Theo Tổng chỉ, được nhà vua bổ dụng thì làm chức tham quân, do quan tiền cử bằng "phủ bản" thì làm chức hành tham quân.

Năm Đinh Mão (427). (Tổng, Văn đế, năm Nguyên Gia thứ 4).

Tháng 4, mùa hạ. Thứ sử Giao Châu là Đỗ Hoằng Văn chết. Nhà Tống dùng Vương Huy là thứ sử.

Nhà Tống với Hoằng Văn về làm đình úy. Bấy giờ Hoằng Văn đang bị bệnh, cũng tự mình cố gắng đi kiệu lên đường. Có người khuyên Hoằng Văn nên đợi khi bệnh khỏi sẽ đi. Hoằng Văn trả lời: "Nhà tôi ba đời giữ phù tiết, tôi vẫn muốn đem thân cống hiến để đình, huống chi bây giờ lại có lệnh triệu". Nói rồi, nhất quyết đi, đến Quảng Châu thì mất.

Năm Tân Mùi (431). (Tổng, năm Nguyên Gia thứ 8). Nước Lâm Ấp cướp Cửu Chân. Thứ sử Giao Châu là Nguyễn Di Chi đánh không được, kéo quân về.

Theo Sử ký của Ngô [Thì] Sĩ, bấy giờ vua Lâm Ấp là Phạm Dương Mại sai hơn một trăm thuyền lều sang cướp Cửu Chân, vào cửa sông Tứ Hội. Thứ sử Giao Châu là Nguyễn Di Chi sai đội chủ là Trương Đạo Sinh đem quân đi đánh. Đánh thành Khu Lật không được, kéo quân về.

Lâm Ấp, từ sau khi thứ sử Giao Châu là Đỗ Viện mất, không năm nào không vào cướp các quận Nhật Nam và Cửu Chân, giết hại nhiều lắm, đến nỗi Giao Châu bị hư nhược. Đầu năm Nguyên Gia (424- 453), Dương Mại lại càng xâm lấn dữ lắm. Hoàng Văn định đi đánh, nhưng nghe tin có người sang thay mình, nên lại thôi. Đến đây (Nguyên Gia thứ 8), Lâm Ấp lại đem lực lượng toàn quốc sang cướp. Hai biên giới Nhật Nam và Cửu Chân từ đấy mới sinh ra nhiều sự rối loạn.

Lời chua - Thành Khu Lật: Ở phía Bắc nước Chiêm Thành. Theo sách Thủy Kinh chú , sông Lư Dung phát nguyên từ núi cao ở phía Nam thành Khu Lật thuộc huyện Lư Dung, quận Nhật Nam, về mặt đông chảy qua phía Bắc thành Khu Lật¹²⁹ . Binh khí chiến cụ của nước Lâm Ấp để ở cả trong thành ấy. Sau này Đoàn Hòa Chi từ đồn Chu Ngô, tiến quân vây Phạm Phù Long ở thành Khu Lật, tức là thành Khu Lật này.

Năm Quý Dậu (433). (Tống, năm Nguyên Gia thứ 10).

Tháng 5, mùa hạ. Vua Lâm Ấp là Phạm Dương Mại sai sứ sang nhà Tống xin quản lĩnh Giao Châu. Vua Tống không cho.

Vua nước Lâm Ấp là Phạm Dương Mại sai sứ sang cống nhà Tống, xin quản lĩnh Giao Châu. Vua Tống xuống chiếu trả lời vì có ở xa, không cho. Ngay năm ấy, nhà Tống dùng Hữu quân tham quân là Lý Tú Chi làm thứ sử Giao Châu.

Năm Bính Tuất (466). (Tống, năm Nguyên Gia thứ 23).

Tháng 3, mùa xuân. Nhà Tống sai thứ sử Giao Châu là Đàm Hòa Chi đánh Lâm Ấp, thu được toàn thắng. Hòa Chi kéo quân vào kinh thành Lâm Ấp.

Trước kia, vua Lâm Ấp là Phạm Dương Mại tuy sai sứ sang cống hiến nhà Tống, nhưng vẫn cướp bóc Giao Châu luôn luôn. Vua Tống mới sai Đàm Hòa Chi đi đánh. Bấy giờ có người quận Nam Dương là Tông Xác, vốn là dòng dõi nhà Nho, nhưng riêng về phần Tông Xác lại thích võ nghệ, thường nói: "Muôn giống ruổi theo luồng gió, phá tan làn sóng muôn dặm". Đến khi Hòa Chi đi đánh Lâm Ấp, Tông Xác hăng hái quyết xin tòng quân: vua Tống cho Tông Xác làm chấn vũ tướng quân. Hòa Chi sai Tông Xác làm tiền phong. Phạm Dương Mại nghe tin quân Tống đã xuất

phát, sai sứ dâng biểu xin trả lại những dân quận Nhật Nam trước kia đã cướp về và xin nộp một vạn cân vàng, mười vạn cân bạc. Vua Tống hạ

chiếu cho Hòa Chi: "Dương Mại nếu quả thực lòng hàng phục cũng nên ưng cho quy thuận". Sau Dương Mại bị mê muội về lời can ngăn của đại thần là Đốc Tăng Đạt, nên không cho quy thuận nữa. Khi Đoàn Hòa Chi đến đồn Chu Ngô, sai bọn hộ tào tham quân ở phủ thứ sử Giao Châu là Khương Trọng Cơ đi thẳng đến chỗ Dương Mại. Trọng Cơ bị Dương Mại bắt giữ lại. Đoàn Hòa Chi giận lắm, tiến quân vây tướng Lâm Ấp là Phạm Phù Long ở thành Khu Lật. Dương Mại sai tướng là Phạm Côn Sa Đạt đến cứu, bị Tông Xác bí mật đem quân đón đánh, phá tan. Tháng 5, bọn Hòa Chi hạ thành Khu Lật, chém được Phù Long, nhân thắng thế, đánh vào Tượng Phố. Dương Mại đem cả quân trong nước ra đánh, và trang bị đầy đủ cho các thớt voi, trước sau không chỗ nào sơ hở. Tông Xác nói: "Nghe nói nước ngoài có giống sư tử, oai phục được trăm loài thú". Nói rồi, liền chế ra hình sư tử, để chống lại voi: quả nhiên voi sợ, chạy. Quân nước Lâm Ấp bị thua to. Vì thế, Đoàn Hòa Chi đánh được nước Lâm Ấp. Dương Mại cùng với con đều chỉ chạy thoát thân. Hòa Chi lấy được của báu lạ không biết bao nhiêu mà kể, lại phá hủy những tượng đúc bằng vàng được mấy mươi vạn cân vàng. Tông Xác không lấy một thứ gì, khi về đến nhà khăn áo có vẻ tiêu điều.

Lời chua - Đoàn Hòa Chi: Người đất Kim Hương thuộc Cao Bình. Đến năm Hiếu Kiến thứ 3 (456), đổi đi làm thứ sử Duyện Châu, can tội say

rượu và những loạn của công, bị bãi chức. Lúc bị bệnh, Hòa Chi thấy ma quỷ rợ Hồ hiện hình hành hạ, rồi chết.

Chu Ngô thú: Chu Ngô: tên huyện, từ nhà Hán về sau, thuộc quận Nhật Nam; bây giờ ở đây có đặt ra đồn lính thú ở phía bắc nước Chiêm Thành.

Trượng Phố: Tên huyện, ở phía tây bắc nước Chiêm Thành, vốn là huyện Trượng Lâm, về đời án, thuộc quận Nhật Nam. Đến đời Tùy, năm Đại Nghiệp (605-616) đổi thuộc về quận Lâm Ấp.

Trượng người vàng: Theo Tống thư, tục Lâm Ấp theo đạo Ni Kiền¹³⁰, đúc trượng người vàng người bạc, to đến mười vòng¹³¹.

Năm Mậu Thân (468). (Tống, Minh đế, năm Thái Thủy thứ 4).

Tháng 3, mùa xuân. Người Giao Châu là Lý Trường Nhân chiếm giữ châu trị, tự xưng là Thứ sử.

Trước đây, nhà Tống dùng Lưu Mục làm Thứ sử Giao Châu. Lưu Mục bị

bệnh chết. Người trong châu là Lý Trường Nhân giết những bộ thuộc của Lưu Mục đem từ Trung Quốc sang, rồi chiếm giữ đất Giao Châu làm phản, tự xưng làm Thứ sử. Nhà Tống lại dùng Nam Khang tướng là Lưu Bột làm Thứ sử Giao Châu. Khi Lưu Bột đến nơi, bị Trường Nhân chống cự lại; chưa được bao lâu, Lưu Bột mất. Nhân thế Trường Nhân sai sứ xin hàng, tự giáng chức mình xuống làm người chấp hành công việc Giao Châu. Vua Tống y cho.

Năm Kỷ Mùi (479). (Tống, Thuận đế, năm Thăng Minh thứ 3; Tề, Cao đế, năm Kiến Nguyên thứ 1).

Tháng 7, mùa thu. Nhà Tề dùng Lý Thúc Hiến là Thứ sử Giao Châu.

Thúc Hiến là em họ Trường Nhân. Trước kia, Trường Nhân mất, Thúc Hiến, do chân quyền Thái thú Vũ Bình, lên thay Trường Nhân, lĩnh việc Giao Châu. Vì hiệu lệnh của mình chưa được thi hành, nên sai sứ sang nhà Tống xin làm thứ sử. Nhà Tống dùng Thái thú Nam Hải là Thẩm Hoán làm Thứ sử Giao Châu và cho Thúc Hiến làm Ninh viễn quân tư mã, giữ chức thái thú hai quận Tân Xương và Vũ Bình. Khi Thúc Hiến đã nhận được lệnh triều Tống, dân chúng vui lòng phục tùng. Thúc Hiến liền đem quân giữ nơi

hiếm yếu, không nhận Thảm Hoán sang nhậm chức; Thảm Hoán phải lưu lại Uất Lâm rồi chết ở đấy. Nhà Tề cho ngay Thúc Hiến làm thứ sử, để vỗ về đất miền Nam cho được yên ổn.

Lời chua - Tân Xương, Vũ Bình: **Đều xem thuộc Ngô, năm Kiến Hành thứ ba. (Tb.3, 15).**

Năm Ất Sửu (485). (Tề, Vũ đế, năm Vĩnh Minh thứ 3).

Lý Thúc Hiến đi đường tắt sang châu nước Tề.

Bấy giờ Thúc Hiến đã phụng mạng nhà Tề làm thứ sử, nhưng không công hiến gì cả. Tháng giêng mùa xuân năm ấy, nhà Tề dùng đại tư nông là Lưu Khải làm thứ sử, điều động quân các quận Nam Khang, Lư Lăng và Thủy Hưng sang đánh. Thúc Hiến sai sứ xin bãi binh, dâng mũ đầu mâu bằng bạc nguyên chất, đủ dùng cho hai mươi đội, và lông công để trang sức. Vua nước Tề không nghe. Thúc Hiến sợ bị Lưu Khải đánh úp, mới đi đường tắt từ Tương Châu sang châu nước Tề¹³². Còn Lưu Khải thì vào trấn giữ Giao Châu.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Do việc này ta nhận thấy hình pháp nước Tề thực là sai hỏng. Thúc Hiến là họ với kẻ bạn thân, lân la xin làm chức châu mục. Khi uy lệnh chưa thi hành được thì xin với Tề cho làm thứ sử; khi đã nhận được mệnh triều đình, thì lại chống cự thứ sử Thẩm Hoán ở Uất Lâm. Thế mà, Tề đối với Thúc Hiến khi chống cự lại, thì lại thực thụ cho làm thứ sử. Khi đã được nhà Tề trao cho cờ lệnh và ấn phù, Thúc Hiến lại thôi không công hiến nữa. Đến khi Lưu Khải lĩnh mệnh sang đánh, nhà Tề lại để cho Thúc Hiến đi tắt vào châu. Sau đó cũng không nghe nói nhà Tề tuyên bố tội trạng Thúc Hiến. Việc Đổng Chi xảy ra sau này cũng thế. Thương, phạt như vậy thì làm thế nào cho lòng người phục tùng và tỏ rõ được thể thống một nước? **Lời chua** - Nam Khang, Lư Lãng, Thủy Hưng: **Nam Khang và Lư Lãng, hai quận này thuộc Giang Châu. Quận Thủy Hưng thuộc Tương Châu.**

Tương Châu: Là Kinh Châu xưa, nhà Tấn chia đất 8 quận làm Tương Châu; nay thuộc đạo Hồ Nam.

Năm Mậu Thìn (488). (Tề, năm Vĩnh Minh thứ 6).

Tháng 6, mùa hạ. Nhà Tề dùng Thái thú Thủy Hưng là Phòng Pháp Thừa làm thứ sử Giao Châu.

Năm Canh Ngọ (490). (Tề, năm Vĩnh Minh thứ 8). Tháng 10, mùa đông.
Trưởng sử¹³³ Giao Châu là Phục Đăng Chi bắt giam thứ sử Phòng Pháp
Thừa. Nhà Tề cho Đăng Chi làm thứ sử.

Trước kia, nhà Tề cho Pháp Thừa sang thay Lưu Khải. Pháp Thừa đến
trấn, mượn cớ ốm đau, không trông nom đến việc quan, chỉ thích đọc
sách. Vì thế, trưởng sử Phục Đăng Chi chuyên quyền, tự tiện thay đổi
tướng và quan lại, không cho Pháp Thừa biết. Lục sự Phòng Quý Văn đem
việc ấy nói với Pháp Thừa. Pháp Thừa giận lắm, bắt giam Đăng Chi vào
ngục đến hơn mười ngày. Đăng Chi đứt lót cho em rể Pháp Thừa là Thôi
Cảnh Thúc, nên được thả. Sau khi ở ngục ra, Đăng Chi đem quân thuộc
dưới quyền mình đánh úp châu ly, bắt Pháp Thừa, bảo Pháp Thừa rằng:
"Sứ quân¹³⁴ đã là người có bệnh hay yếu đau, không nên làm việc nhọc
mệt". Hắn giam lỏng Pháp Thừa ở một nhà riêng. Pháp Thừa không có
việc gì, lại đến nói với Đăng Chi cho sách để đọc. Đăng Chi trả lời: "Sứ
quân nghỉ ngơi yên tĩnh, còn sợ bệnh lên cơn, lại còn xem sách thế nào
được?". Rồi không cho sách. Đăng Chi liền tâu với triều Tề rằng Pháp
Thừa bị bệnh tim, không thể trông nom việc quan được. Nhà Tề lại dùng
Đăng Chi làm thứ sử Giao Châu. Pháp Thừa về đến Ngũ Lĩnh thì chết.

Năm Ất Dậu (505). (Lương, Vũ đế, năm Thiên Giám thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Thứ sử Giao Châu nhà Tề là Lý Khải chiếm giữ Giao Châu, chống lại nhà Lương, bị trưởng sử Lý Tắc giết chết.

Lý Khải thay Đặng Chi làm thứ sử. Khải thấy nhà Lương mới được nhà Tề truyền ngôi vua cho, bèn giữ Giao Châu, chống lại nhà Lương. Đến đây, Lý Tắc đem quân giết Lý Khải. Nhà Lương dùng Lý Tắc làm thứ sử Giao Châu.

Lời cần án - Lý Khải , Sử cũ chép lầm là Lý Nguyên Khải . Năm Bính Thân (516). (Lương, năm Thiên Giám thứ 15).

Tháng 11, mùa đông. Thứ sử Giao Châu nhà Lương là Lý Tắc đánh dư đảng của Lý Khải là bọn Nguyễn Tôn Hiếu, chém được Tôn Hiếu, dẹp yên được đất Giao Châu. Nhà Lương tha hết tội cho tất cả người theo đảng làm loạn ở Giao Châu.

Lời chua - Tôn Hiếu: Sử cũ chép lầm là Tôn Lão.

Năm Quý Mão (523). (Lương, năm Phổ Thông thứ 4).

Nhà Lương chia đất Giao Châu, đặt ra Ái Châu.

Theo Sử ký của Ngô [Thì] Sĩ, từ đời Hán trở về sau, cho đơn vị châu kiêm quản các quận. Suốt đời Lục triều¹³⁵ vẫn theo như thế, hễ gọi là Giao Châu tức là lý sở của thứ sử, thống lĩnh cả Thái thú bảy quận; các quận thú không được gọi là châu.

Lời chua - Ái Châu: Tức là đất quận Cửu Chân.

Từ đây trở lên, nước ta bị thuộc về Tây Hán, Đông Hán, Ngô, Tấn, Tống, Tề, Lương. Kể từ Tân Mùi, thuộc Hán, Vũ đế, Nguyên Phong thứ 1 (110 tr.c.ng.) đến năm Canh Thân, thuộc Lương, Vũ đế, Đại Đồng thứ 6 (540), cộng sáu trăm bốn mươi chín năm (110 tr.c.ng. - 540 tr.c.ng.).

93 Danh từ văn hiến ở đây theo nghĩa cũ: văn là sách vở học hành; hiến là nhiều người hiền tài, tức là một nước có một nền văn minh cổ.

94 Bản in Cm. tránh tên húy Tụ Đức, chép đổi là Thời, theo sách Toàn thư và Sử ký đều in là "Thì", nay cải chính cho đúng âm.

95 Nguyên văn chép là "nhục đản", nghĩa là không mặc áo, để mình trần, xin chịu tội chết.

96 Lữ Đại từ chối không nhận việc anh em Sĩ Huy cởi trần chịu tội, mà bảo mặc áo lại.

97 Mỗi khi triều đình đặc mệnh viên quan nào đi ra nước ngoài được giữ toàn quyền hành động mọi việc, thì giao cho phù tiết để làm tin.

98 Làm chúa một phương, uy quyền cũng như vua các chư hầu. Chữ "mục" nghĩa đen là chặn dắt, người giữ chức châu mục có nhiệm vụ chặn dắt dân trong địa phương mình.

99 Nhà Ngô đổi tên quận Hợp Phố làm Châu Quan. Thành cũ quận Châu Quan ở phía nam huyện Hợp Phố thuộc tỉnh Quảng Đông bây giờ. Xem thêm Lời chua của Cm. ở sau.

100 Ý nói nơi xa xôi ngoài Trung Quốc.

101 Một chức quan huyện ghi chép công lao mọi người.

102 Xem chú thích chữ "mục" ở trang 137.

103 Xem chú thích chữ "phương bá" ở trên (Tb.2, 16).

104 Vương kỳ là đô thành thiên tử, ngoài vương kỳ cứ năm trăm dặm chia ra một khu vực gọi là phục, có hầu phục, điện phục, tuy phục, yêu phục và hoang phục. Như thế là hoang phục ở xa vương kỳ 2500 dặm, vì những khu vực này dầu ở xa vẫn phải thần phục thiên tử, nên gọi là "phục".

105 Theo Hán văn, chữ "Âu" có hai nghĩa: a) tiếng gọi chung các bà già, có ý tôn kính, thí dụ: bà mẹ đại thần nhà Hán được tôn gọi là Vạn Thạch Âu; b) nghĩa cũng như Âu chiểu, là bảo vệ nhi đồng. Theo Thanh Hóa ký

thắng (t.65) của Vương Duy Trinh, bà Triệu tức là Lệ Hải Bà vương, họ Triệu, húy Trinh, tiểu tư là Nữ Âu, là em gái Triệu Quốc Đạt.

106 Trưng Trắc và Trưng Nhị (x. Tb.II, 9-14).

107 Theo sách Trung Quốc, có nhiều nơi gọi là "Phu nhân thành", nhưng thành Phu nhân nói đây là ngôi thành ở Tây bắc huyện Tương Dương, tỉnh Hồ Bắc, do chuyện sau đây trong Tấn thư : "Khi Chu Tự đóng quân ở Tương Dương, có Phù Phi đem quân đến đánh. Lúc đó bà mẹ Tự là Hàn Thị lên mặt thành, đi bộ xem xét. Bà bảo rằng góc Tây bắc là nơi sẽ bị đánh trước. Bà đem các tì thiếp và phụ nữ ở trong thành ra đắp thêm một cái thành ở dốc thành cũ, để chống cự với giặc. Khi giặc đánh Tây bắc, thành cũ quả nhiên bị vỡ, quân đội cố giữ ở nơi thành mới, quân Phù Phi đánh không được, phải rút đi. Vì thế người Tương Dương gọi thành ấy là "Phu nhân thành" (Từ Hải , trang 367).

108 Theo Đường thư , Bình Dương công chúa là con gái Đường Cao Tổ. Chồng công chúa là Sài Thiệu cũng là một tay võ tướng. Khi Cao Tổ bình định thiên hạ, Bình Dương công chúa đứng ra chiêu mộ dân chúng, lập một đội quân có tới bảy vạn, thanh thế ngang với quân họ Sài. Cả hai đội quân cùng kéo vào kinh đô cùng giúp Cao Tổ, cho nên thời đó người ta gọi đội quân của Bình Dương công chúa là Nương tử quân . (Từ Hải , trang 386).

109 Kinh đô của nhà Ngô.

110 Tên cũ của Kiến Nghiệp, do nhà Tần đặt.

111 Cây kích dài, một thứ binh khí xưa.

112 Gấm bản thổ.

113 Xem chú thích ở trang 140.

114 Xem chú thích chữ "phù tiết" ở trang 136.

115 Xem chú thích chữ "mục" ở trang 139.

116 Nay Khoái Châu thuộc tỉnh Hưng Yên, Tiên Hưng thuộc tỉnh Thái Bình.

117 Chỉ Vương Cơ.

118 Quan chuyên coi về việc binh.

119 Chỉ các chúa Nguyễn từ Nguyễn Hoàng đến Duệ Tông, Nguyễn Phúc Thuần.

120 Triều Nguyễn.

121 Ba triều đại Hạ, Thương, Chu (Tam Đại) đều đóng đô ở khoảng đất giữa Lạc Thủy và Hoàng Hà, khi bắt đầu dự định đóng đô ở nơi nào thì dùng ngọc thổ khuê để suy trắc, dùng rùa thần để bói. Chu công Đán khi bói về địa thế ở Lạc Thủy có nói: "Ta đã bói phía Đông Giản Thủy, cũng chỉ có Lạc Thủy là căn mực. Vì thế ta mới sai người vẽ địa đồ Lạc Thủy và dâng lời bói lên vua". Kinh thư , (thiên Lạc cáo).

122 Ba triều đại Hạ, Thương, Chu (Tam Đại) đều đóng đô ở khoảng đất giữa Lạc Thủy và Hoàng Hà, khi bắt đầu dự định đóng đô ở nơi nào thì

dùng ngọc thổ khuê để suy trắc, dùng rùa thần để bói. Chu công Đán khi bói về địa thế ở Lạc Thủy có nói: "Ta đã bói phía Đông Giản Thủy, cũng chỉ có Lạc Thủy là cần mực. Vì thế ta mới sai người vẽ địa đồ Lạc Thủy và dâng lời bói lên vua". Kinh thư , (thiên Lạc cáo).

123 Cửa ải Hải Vân ở trên đỉnh núi Hải Vân, thuộc địa phận huyện Phú Lộc, phủ Thừa Thiên, lập ra từ năm Minh Mạng thứ 7 (1826), đằng trước cửa ải có khắc ba chữ "Hải Vân quan", đằng sau cửa ải khắc 6 chữ "Thiên hạ đệ nhất hùng quan", có quân lính canh giữ, có kính thiên lý để chiếu trông ra ngoài biển. Tàu thuyền muốn vào cửa biển Đà Nẵng, trước hết phải báo ở cửa ải này. Năm 1836, Minh Mạng đúc chín cái đỉnh, lấy hình cửa ải này đúc vào "dụ đỉnh" (tên một trong chín cái đỉnh). Đèo Hải Vân rất hiểm, người đi phải như vượn leo, chim chuyền, mới có thể vượt qua được. Chân đèo liền với bãi biển, ở đây có hang dơi. Tương truyền: ngày trước, chỗ hang dơi, có sóng thần, làm thuyền bè bị đắm, nên ngạn ngữ có câu: "Đi bộ thì sợ Hải Vân, đi thủy thì sợ sóng thần hang dơi". (Đại nam nhất thống chí , mục Sơn xuyên và Quan tán phủ Thừa Thiên, quyển 2, tờ 25 và 48).

124 Ở giữa địa phận huyện Bình Chính tỉnh Quảng Bình và huyện Kỳ Anh tỉnh Hà Tĩnh, núi non chông chênh, kéo dài từ đất liền đến bãi biển, trông như một bức tường thành. Đèo Ngang là nơi hiểm yếu giữa hai miền Nam và Bắc. Giữa thế kỷ thứ XVI, Nguyễn Bình Khiêm (Trạng Trình) bảo Nguyễn Hoàng: "Hoành sơn thất đại, khả dĩ vạn đại dung thân" (một dải Hoành Sơn, có thể dung thân được muôn đời), tức là chỗ này. Năm 1836, Minh Mạng đúc chín cái đỉnh, lấy hình núi này đúc vào "huyền đỉnh". (Sách dẫn trên, mục Sơn xuyên tỉnh Quảng Bình, quyển 8 tờ 20).

125 Ở địa phận huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên, hình thế khúc khuỷu quanh co, thác ghềnh phức ngầm ở dưới nước, rất là hiểm trở. Gia Long có đặt tẩn thủ để phòng ngự, có 3 đội quân đi tuần ngoài biển và hộ vệ thuyền quan khi ra khi vào. Năm Minh Mạng thứ 15 (1834) dựng vọng lâu ở trấn sở, có kính thiên lý để dò xét tàu thuyền ngoài khơi. Khi đúc chín cái đỉnh, Minh Mạng cho vẽ hình thế cửa Thuận này đúc vào "nghị đỉnh". (Sách dẫn trên, mục Quan tẩn phủ Thừa Thiên, quyển 2, tờ 50).

126 Ở địa phận huyện Hương Trà, thế núi gồ ghề hùng vĩ, trông như hình kho lúc, nên gọi là Thương Sơn. Trên chót có giếng nước rất trong. Thương Sơn là một núi vừa đẹp vừa lạ. Khi đúc chín cái đỉnh, Minh Mạng lấy hình núi này đúc vào "chương đỉnh" (Sách dẫn trên, mục Sơn xuyên phủ Thừa Thiên, quyển 2, tờ 21).

127 Xem Toàn thư , Ngoại kỷ, 4, 8b.

127 Kinh đô nhà Tấn.

128 Công văn của cơ quan đề ở trong hai mảnh ván gỗ. Xem thêm lời chua của Cương mục ở dưới.

129 Đây là dịch đúng nguyên văn dẫn trong Cương mục , không biết Cương mục dùng bản Thủy kinh chú nào. Nay theo bản Thủy kinh chú hiệu đính đời Kiền Long thì thấy như sau "Ở huyện Lư Dung thuộc quận Nhật Nam. Sông Lư Dung phát nguyên ở phía tây nam, miền núi cao ở phía nam thành Khu Túc. Phía nam các núi dài liên tiếp, ở phía Tây Thiên chương lĩnh, có sông Lư Dung chảy ra, đi lẫn vào khe núi, vòng ra phía Bắc Tây vệ, rồi đi sang Đông qua phía Bắc thành Khu Túc rồi lại sang

Đông" (c.33, trang 50).

130 Ni Kiền hay Ni Kiện, một tên riêng của Ấn Độ dùng để gọi phái đạo gia tu luyện khổ hạnh, nghĩa là thoát ly sự bó buộc của tam giới (dục giới, sắc giới và vô sắc giới). Phái này tu luyện bằng cách ở trần truồng, lấy tro than trát vào thân thể. Vì thân thể trần truồng không biết hổ thẹn, nên Kinh Phật gọi phái này là "vô tâm ngoại đạo". Môn đồ ngoại đạo ấy gọi là "Ni Kiện tử". (Từ Hải trang 446).

131 Dịch nghĩa nguyên văn là chữ "thập vi". Chữ "vi" là danh từ hình học, tính vòng tròn. Có nhiều thuyết: một thuyết nói 5 tắc là một vi; một thuyết nói 3 tắc; lại một thuyết nữa nói một ôm là một vi. (Từ Hải trang 306).

132 Nhà Tề lúc đó đóng đô ở Kiến Nghiệp, tức là Nam Kinh hiện nay.

133 Một chức có từ đời Hán, liên dưới thừa tống. Về đời Lục triều, trưởng sử là chức quan đứng đầu các quan giúp việc một thứ sử. Chức ấy cũng tương tự chức trưởng phòng hiện nay. (Từ Hải , trang 1399).

134 Chỉ Phòng Pháp Thừa.

135 Theo Tổng Sử , truyện Trương Thủ , Lục triều là danh từ gọi gộp cả mấy triều đại của Trung Quốc: Ngô (222-280), Đông Tấn (317-420), Tề (479-502), Lương (502-556), Trần (557-589). Sáu triều đại này kế tiếp nhau đóng đô ở Kiến Khang, tức Nam Kinh bây giờ.

Quốc Sử Quán Triều Nguyễn

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Tiền Biên-Quyển thứ IV

Năm Tân Dậu (541). (Lương, năm Đại Đồng thứ 7).

Tháng 12, mùa đông. Người Giao Chỉ là Lý Bôn khởi binh, đánh đuổi thứ sử triều Lương là Tiêu Dư, rồi đóng giữ thành Long Biên.

Tổ tiên Lý Bôn gốc ở phương Bắc (Trung Quốc), cuối đời Tây Hán, tránh loạn sang ở phương Nam, đến Lý Bôn là đời thứ bảy đã thành người phương Nam. Lý Bôn tài kiêm văn võ làm quan triều Lương, coi đạo quân Cửu Đức. Vì bất đắc chí, nên về Thái Bình khởi binh. Tù trưởng huyện Chu Diên là Triệu Túc cũng đem quân theo Lý Bôn. Tiêu Tư biết rõ việc ấy, đem tiền của đút lót cho Lý Bôn rồi chạy về Quảng Châu. Lý Bôn liền giữ thành Long Biên.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), Lý Bôn là dòng dõi nhà hào trưởng. Lúc ấy có Tinh Thiều là người học giỏi, văn hay, đã sang triều Lương ứng

tuyển để ra làm quan, nhưng Thượng thư¹³⁶ bộ Lại triều Lương là Thái Tổn cho rằng tiên tổ họ Tinh không có người hiển đạt, nên bổ cho làm Quảng Dương môn lang¹³⁷. Tinh Thiều lấy làm xấu hổ, trở về; mưu bàn việc khởi binh với Lý Bôn. Giữa lúc đó thứ sử Giao Châu là Tiêu Tư vì tàn bạo khắc nghiệt mất lòng dân. Hai người, Lý Bôn và Tinh Thiều, nhân đây liên kết với mấy châu, các tay hào kiệt đều hưởng ứng, theo cả.

Lời chua - Giao Chỉ: Xem Triệu Vũ vương, năm thứ 10 (Tb.I, 20). Sử cũ chép Lý Bôn người Thái Bình thuộc Long Hưng. Nay xét: tên Thái Bình đặt từ năm Vũ Đức thứ tư (621) triều Đường, tên Long Hưng đặt từ đời Trần (1225-1400). Đời Lương không có tên đất này. Sử cũ chỉ theo đó mà truy gọi thôi. Bây giờ ở xã Từ Đường, huyện Thụy Anh, phủ Thái Bình, tỉnh Nam Định¹³⁸ còn có đền thờ Lý Bôn.

Long Biên: Tức là Long Uyên. Xem thuộc Hán, năm Nguyên Phong thứ nhất (Tb.2, 7).

Chu Diên: Xem thuộc Hán năm Kiến Vũ thứ 16 (Tb.2, 10).

Quảng Châu: Tên mới đặt từ triều Ngô (222-280), đất Giao Châu bị chia lấy một số thuộc về Quảng Châu.

Thái Tôn: Người Khảo Thành, quận Tế Dương.

Tiêu Tư: Tước Vũ Lâm hầu, người cùng họ vua Lương.

Năm Quý Hợi (543). (Lương, năm Đại Đồng thứ 9).

Quân nước Lâm Ấp xâm lấn quận Nhật Nam, Lý Bôn sai tướng Phạm Tu đi đánh và phá được ở Cửu Đức.

Lời chua - Lâm Ấp: Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb.3, 20-21).

Nhật Nam: Xem Triệu Thuật Dương vương, năm đầu (Tb.2, 5-6).

Cửu Đức: Xem thuộc Ngô, Kiến Hành năm thứ 3 (Tb.3, 15).

Năm Giáp Tí (544). (Lý, Nam Việt đế Bôn, năm Thiên Đức thứ 1; Lương,

năm Đại Đồng thứ 10).

Tháng giêng, mùa xuân. Lý Bôn tự xưng là Nam Việt đế, đặt niên hiệu là Thiên Đức, tên nước là Vạn Xuân.

Lý Bôn nhân thắng quân địch, tự xưng đế, đặt niên hiệu gọi tên nước là Vạn Xuân, có ý mong xã tắc lâu dài đến muôn đời; dựng điện Vạn Xuân để làm chỗ triều hội.

Lời chua - Vạn Xuân: Theo sách Thái Bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử triều Tống, huyện Long Biên có đài Vạn Xuân¹³⁹. Đài này của Lý Bôn ở Giao Chỉ làm năm Đại Đồng triều Lương. Nay ở xã Vạn Phúc, huyện Thanh Trì, có hồ Vạn Xuân, còn gọi là đầm Vạn Phúc. Vậy điện Vạn Xuân có lẽ ở đây.

Đặt ra trăm quan.

Dùng Triệu Túc làm thái phó¹⁴⁰, Tinh Thiều làm tướng văn, Phạm Tu làm tướng võ.

Năm Ất Sửu (545). ([Tiền] Lý, năm Thiên Đức thứ 2; Lương, năm Đại Đồng thứ 11).

Tháng 6, mùa hạ. Triều Lương sai Dương Phiếu, Trần Bá Tiên sang đánh. Nam Việt đế Lý Bôn chạy sang Gia Ninh.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), trước kia, Lý Bôn giữ thành Giao Châu, nhà Lương sai thứ sử Cao Châu là Tôn Quýnh và thứ sử Tân Châu là Lư Tử Hùng đem quân sang đánh. Bấy giờ là mùa xuân, đương có khí lam chương, bọn Quýnh xin đợi đến mùa thu; nhưng tước Vũ Lâm hầu là Tư cú giục tiến quân. Đến quận Hợp Phố, thì quân bị vỡ, chúng lại quay về. Đến năm này, nhà Lương sai thứ sử Giao Châu là Dương Phiếu sang đánh Lý Bôn, cử Trần Bá Tiên làm tư mã; thứ sử Định Châu là Tiêu Bật cùng hợp với Dương Phiếu ở Tây Giang. Tiêu Bật biết ý các tướng sĩ sợ phải đi đánh xa, nên nói dối để Dương Phiếu ở lại. Dương Phiếu tập họp các tướng lại để hỏi mưu kế. Bá Tiên nói: "Quan thứ sử Định Châu muốn tạm an nhàn trước mắt, không nghĩ đến mưu kế lớn, Tiết hạ¹⁴¹ vâng mạng vua đi đánh kẻ có tội, dù sống chết thế nào cũng không quản ngại, lẽ nào dùng dằng không tiến quân để nuôi cho thế giặc thêm mạnh mà làm cho quân mình nản chí hay sao?". Bá Tiên liền thúc quân mình đi trước. Dương Phiếu cử Bá Tiên làm tiên phong; đến Giao Châu, Lý Bôn bị thua to, chạy sang thành Gia Ninh. Quân Lương tiến vây thành.

Lời chua - Gia Ninh: Theo Đường Nguyên Hòa (806-820) Quận huyện chí, Gia Ninh vốn là đất huyện Mi Linh do Hán đặt; nhà Ngô chia lập thành huyện Gia Ninh; sau để theo như thế.

Hợp Phố: Xem Thiệu Thuật Dương vương năm thứ 1 (b.2, 5).

Tây Giang: ở cách nửa dặm về phía Tây huyện Vĩnh Phúc thuộc phủ Quế Lâm (Trung Quốc).

Dương Phiếu: Người Tây Huyện thuộc Thiên Thủy.

Bá Tiên: Người Trường Thành thuộc Ngô Hưng, tức là Trần Cao Tổ sau này.

Tiêu Bột: Tôn thất nhà Lương.

Định Châu: Chỉ Tiêu Bột.

Tiết hạ: Nghĩa cũng như các hạ, chỉ Dương Phiến.

Năm Bính Dần (546). ([Tiền] Lý, năm Thiên Đức thứ 3; Lương, năm Trung Đại Đồng thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Bọn Dương Phiến đánh được thành Gia Ninh, Nam Việt để Lý Bôn chạy đi Tân Xương.

Lời chua - Tân Xương: Tức là Phong Châu. Xem thuộc Ngô, năm Kiến Thành thứ 3 (Tb.3, 14).

Mùa thu, tháng tám. Nam Việt để Lý Bôn đóng đồn ở hồ Diên Triệt. Quân Lương đến đánh, quân Lý Bôn bị vỡ, rút vào giữ động Khuất Lạo.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), Lý Bôn lại đem quân từ trong xứ người Lạo ra, đóng đồn ở hồ Diên Triệt. Quân Lương sợ, cứ đóng ở cửa hồ, không dám tiến. Bá Tiên bảo các tướng: "Quân ta ở đây đã lâu, mà lại không có quân tiếp viện. Bây giờ đã đi sâu vào trong nước người ta, nếu một trận đánh nào bất lợi, còn mong gì sống mà về được nữa? Chi bằng bây giờ nhân dịp quân địch đang thua luôn mấy trận, lòng người chưa có

kết, ta nên liều chết gắng sức quyết đánh bằng được. Nếu vô cơ cớ đóng ở đây thì việc hỏng mất!". Các tướng không ai trả lời. Đêm hôm ấy, nước sông bỗng lên to đến bảy thước, chảy rót vào trong hồ. Bá Tiên đốc thúc quân bản bộ mình theo dòng nước tiến đi trước. Quân Lương đánh trống, reo hò, kéo tràn vào. Quân Lý Bôn bị vỡ, lại trốn vào trong vùng người Lào.

Sử cũ chép: Nam Việt đế Lý Bôn lại rút lui, giữ trong động Khuất Lào, điều chỉnh binh lính, mưu tính chiến đấu về sau; giao cho tả tướng quân Triệu Quang Phục giữ nước, cầm quân chống nhau với Bá Tiên.

Lời chua - Hồ Diên Triệt: Theo lời chua của Hồ Tam Tỉnh trong sách Thanh Tông giám tập lãm , hồ này ở Tân Xương, tức là Phong Châu. Theo sách Phương dư kỷ yếu , của Cố Tổ Vũ¹⁴² đời Minh thì hồ Diên Triệt ở về phía Tây phủ Thái Nguyên, nay đã bị lấp. Trong hai thuyết ấy, chưa biết rõ ai phải, nay hãy ghi cả hai để cùng tham khảo.

Động Khuất Lào: Không rõ ở đâu.

Năm Đinh Mão (547). (Nhà [Tiền] Lý, Năm Thiên Đức thứ 4; Lương, năm Thái Thanh thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Triệu Quang Phục đóng giữ Dạ Trạch.

Quang Phục cầm cự với Bá Tiên, chưa phân thua được. Quân Bá Tiên nhiều và mạnh lắm. Quang Phục liệu mình không chống nổi, bèn lui giữ Dạ Trạch. Dạ Trạch là cái chằm, chu vi không biết bao dặm mà kể, cỏ cây rậm rạp, giữa chằm có bãi ở được, bốn mặt thì bùn lầy. Người ở đấy thuộc đường, dùng sào đẩy thuyền độc mộc để đi lại. Quang Phục đem hơn một vạn người vào giữ trong chằm ấy: ban ngày thì bật hũn khói bếp thổi nấu, đến đêm thì đem quân ra đánh úp trại quân Lương giết chết và bắt được địch rất nhiều; trông vào những lương thực bắt được để làm kế duy trì lâu dài. Bá Tiên cứ theo dõi để đánh nhưng rút cục vẫn không thắng được. Người trong nước bấy giờ gọi Quang Phục là Dạ Trạch vương.

Lời chua - Dạ Trạch: Bấy giờ thuộc huyện Đông An, phủ Khoái Châu. Theo sách Thanh Nhất thống chí, Dạ Trạch thuộc huyện Đông Kết, phủ Kiến Xương. Thời Lương Vũ đế, Trần Bá Tiên đánh Lý Bôn, Lý Bôn trốn vào trong chằm này, đêm đến đem quân ra đánh; nhân thế gọi là Dạ Trạch. Huyện Đông An trước kia gọi là Đông Kết.

Sử cũ chua: Tục truyền: con gái Hùng Vương là Tiên Dung mị nương¹⁴³ ra chơi ngoài cửa biển, khi thuyền trở về đến bãi Chử Gia, gặp Chử Đồng

Tử, hai người kết làm

vợ chồng, ở ngay trên bãi ấy, rồi bãi ấy trở thành một nơi đô hội. Bỗng một hôm, đương nửa đêm, tự nhiên mưa to gió lớn lôi cuốn cửa nhà đang ở, dân cư và gà chó bay mất cả, nên người thời đó gọi bãi ấy là bãi Tự Nhiên, chằm ấy là chằm Dạ Trạch. Việc này xuất xứ ở sách Lĩnh Nam trích quái, là một việc hoang đường, nay phụ chép để tham khảo.

Năm Mậu Thìn (548). ([Tiền] Lý, năm Thiên Đức thứ 5; Lương, năm Thái Thanh thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Nam Việt đế Lý Bôn mất ở động Khuất Lão.

Nam Việt đế Lý Bôn ở động Khuất Lão, bị cảm mạo khí lam chương đến năm này mất.

Lời phê - Nam đế nhà [Tiền] Lý dầu sức không địch nổi giặc Lương đến nổi công cuộc không thành, nhưng đã biết nhân thời cơ vùng dậy, tự làm chủ lấy nước mình, đủ làm thanh tể mở đường cho nhà Đinh, nhà Lý sau này. Vậy việc làm của Lý Nam đế há chẳng hay lắm sao? **Lời cần án** - Sử cũ chép năm Giáp Tí, niên hiệu Đại Đồng thứ 10 (544) nhà Lương, Lý

Bôn tự xưng đế, đặt niên hiệu là Thiên Đức, đến tháng 3, năm Mậu Thìn (548) thì mất. Như vậy năm Mậu Thìn còn là năm Thiên Đức thứ 5, Quang Phục vẫn chưa xưng vương. **Sử cũ** vội đem năm ấy chép làm năm đầu của Triệu Việt vương thì không hợp nghĩa và lệ, nay xin chép năm Mậu Thìn vẫn là năm Thiên Đức thứ 5, đến hẵn năm Kỷ Tị (549) mới chép làm năm thứ nhất của Triệu Quang Phục, để cho đúng khỏi ngang trái nghĩa và lệ (như phạm lệ ở đầu sách đã nêu ra) và không sai sự thực. Nhà [Tiền] Lý khởi từ năm Giáp Tí (544), mất năm Mậu Thìn (548), cộng được 5 năm.

Năm Kỷ Ty (549). (Triệu, Việt Vương Quang Phục năm thứ 1, Lương, năm Thái Thanh thứ 3).

Triệu Quang Phục tự xưng là Việt vương.

Quang Phục là con Triệu Túc, người huyện Chu Diên, là người có oai và hùng dũng, theo Nam Việt đế Lý Bôn đi đánh dẹp, có công, được phong làm tả tướng quân. Khi Lý Bôn mất, Quang Phục tự xưng làm vua. Lúc bấy giờ Quang Phục đóng quân ở Dạ Trạch, thấy quân Lương không rút lui, bèn đốt hương khấn trời thì có điềm tốt là được móng rồng để đánh lên mũ đầu mâu, dùng để uy hiếp quân giặc. Từ đó thanh thế quân đội lừng lẫy, đánh đâu được đấy.

Lời chua - Chu Diên: Xem thuộc Hán, năm Kiến Vũ thứ 16 (Tb.2, 10).

Móng rồng: Sử cũ chua rằng: tục truyền trong chằm Dạ Trạch có người tiên là Chủ Đồng Tử cưỡi rồng vàng từ trên trời bay xuống trút cái móng rồng trao cho Quang Phục bảo đem đính lên trên mũ đầu mâu để đi đánh giặc.

Đầu Mâu: Theo sách Thuyết Văn , đầu mâu là mũ trận. Thiên Duyệt mệnh trong kinh Thư chép: "Áo giáp mũ trụ là thứ gây ra việc binh nhung". Sách đó chua rằng mũ trụ tức là mũ đầu mâu.

Năm Canh Ngọ (550). (Triệu, Việt vương, năm thứ 2; Lương, Giản Văn đế, năm Đại Bảo thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Triệu Việt vương đánh bại được tướng nhà Lương là Dương Sàn; vào đóng ở trong thành Long Biên.

Khi ấy nhà Lương cho Bá Tiên làm Uy Minh tướng quân, thứ sử Giao Châu. Triệu Việt vương vẫn còn đóng giữ Dạ Trạch, Bá Tiên định làm kế

cầm cự lâu, cắt đứt đường tiếp viện lương thực để làm mòn mỏi quân đội Triệu Việt vương. Bấy giờ nhà Lương có loạn Hầu Cảnh, gọi Bá Tiên về, để tỳ tướng của Bá Tiên là Dương Sàn ở lại đánh Triệu Việt vương. Triệu vương đem quân ra đánh: Dương Sàn bị thua và chết, quân Lương tan vỡ, kéo nhau về Bắc (Trung Quốc). Trong nước được yên, Triệu Việt vương vào đóng ở thành Long Biên.

Lời chua - Hầu Cảnh: Người trấn Hoài Sóc nước Ngụy, phản bội nhà Ngụy, đầu hàng nhà Lương, được Lương Vũ đế thu nạp. Hầu Cảnh lại làm phản nhà Lương, đánh vây đài thành¹⁴⁴. Bá Tiên hội quân đánh Hầu Cảnh.

Lý Thiên Bảo giữ động Dã Năng, tự xưng là Đào Lang vương.

Trước kia, Lý Bôn lánh vào ở động Khuất Lão, anh ruột Lý Bôn là Thiên Bảo cùng với một viên tướng người cùng họ là Lý Phật Tử rút vào Cửu Chân. Bá Tiên đuổi đánh, quân Thiên Bảo bị thua, mới thu thập quân còn lại chạy sang vùng người Di, Lào ở biên giới Ai Lao. Thiên Bảo thấy động Dã Năng ở đầu nguồn sông Đào Giang là chỗ đất bằng phẳng và màu mỡ, bèn đắp thành ở đấy; nhân tên đất đặt hiệu nước, được dân chúng tôn làm chúa, xưng là Đào Lang vương.

Lời chua - Ai Lao¹⁴⁵ : Tên nước. Theo sách Hậu Hán thư , người Di Ai Lao gốc tính trước ở Lao Sơn¹⁴⁶ , sau dần sinh nở mãi, mới chia đặt ra các tiểu vương, thường hay ở rải rác những nơi khe núi. Theo sách Thái Bình hoàn vũ ký , của Nhạc Sử nhà Tống: "Nước Ai Lao, khoảng giữa niên hiệu Hán Vĩnh Bình (58-75), thuộc trong khu vực nhà Hán. Nhà Hán lấy đất của họ đặt ra hai huyện Ai Lao và Bác Nam, hợp lại làm quận Vĩnh Xương. Sách ấy chưa tức là quận Vân Nam bây giờ. Nước Lào phía tây thông với Đại Tần¹⁴⁷ , phía nam thông với Giao Chỉ. Theo sách Điền tái ký của Dương Thận¹⁴⁸ nhà Minh, đất Điền¹⁴⁹ trước kia ở về miền rừng núi Ai Lao thuộc Vĩnh Xương, tộc loại mỗi ngày một sinh nở nhiều, dòng giống tràn lan, cắt giữ từng vùng chia làm 99 bộ. Họ có sáu người tù trưởng, đều gọi là Chiêu. Đến đời Đường, họ Mông mới xưng là nước Nam Chiêu. Theo sách Quảng dư ký của Thái Phương Bính nhà Minh, Vĩnh Xương quân dân phủ thuộc Vân Nam trước là nước Ai Lao. Sau năm Khai Nguyên (713-741) đời Đường, mới bị nước Nam Chiêu chiếm giữ. Đến đời Tống, bị họ Đoàn, họ Cao chiếm giữ. Nhà Nguyên khai thác Vân Nam, lập ra Kim Xỉ tuyên phủ ti. Nhà Minh đổi đặt Vĩnh Xương quân dân chỉ huy sứ. Trong sách Dư địa chí , của Nguyễn Trãi nhà Lê, có chua rằng: "Bộ lạc Ai Lao nhiều lắm, đâu đâu cũng có, đều gọi là Lào".

Hợp các sách lại mà khảo cứu, thì Ai Lao này thuộc Vân Nam. Chỉ vì loài giống họ nhiều lắm, họ ở rải rác các nơi khe núi, nên các dân tộc ở ven biên giới nước ta, như là Lão Qua, Vạn Tượng cho đến cả các man ở Trấn Ninh, Trấn Man và Lạc Biên, tục đều gọi là Lao cả.

Về đoạn sử này, Sử cũ phần trên thì chép là chạy vào Cửu Chân, phần dưới thì chép là chạy sang vùng Di, Lào ở biên khu Ai Lao. Vậy có lẽ là Trần Man hay Nam Chương bấy giờ chăng?

Dã Năng động : Không biết ở đâu.

Năm Ất Hợi (555). (Triệu, Việt vương, năm thứ 7; Lương, Kính đế, năm Thiệu Thái thứ 1).

Lý Thiên Bảo mất, mọi người suy tôn Lý Phật Tử lên làm chủ soái.

Thiên Bảo mất ở động Dã Năng, không có con thừa tự, mọi người mới suy tôn Lý Phật Tử lên nối ngôi thay để thống suất quân và dân.

Năm Đinh Sửu (557). (Triệu, Việt vương, năm thứ 9; Trần, Vũ đế, năm Vĩnh Định thứ 1).

Lý Phật Tử đánh nhau với Triệu Việt vương, không thắng được, xin giảng

hoà.

Phật Tử kéo quân xuống phía đông, đánh nhau với Triệu Việt vương ở Thái Bình, năm lần giáp chiến chưa phân được thua. Quân Phật Tử phải lùi một ít rồi xin hòa. Việt vương nghĩ Phật Tử là người cùng họ với Lý Bôn trước, không nỡ tuyệt tình, mới lấy châu Quân Thần làm địa giới chia cho Lý Phật Tử ở về phía Tây nước mình. Lý Phật Tử mới dời sang ở thành Ô Diên.

Lời chua - Thái Bình : Tên đất. Thời bấy giờ Lý Phật Tử từ trong vùng Di Lao kéo quân xuống phía đông, đánh nhau với Triệu Việt vương ở đây; sau cắt chia địa giới ở châu Quân thần thuộc huyện Từ Liêm, thì Thái Bình phải thuộc về Phong Châu xưa, tức là Sơn Tây bây giờ. Có thể khảo thêm ở Địa lý chí trong Đường thư mà lấy làm bằng chứng: "Huyện Thái Bình bị cắt ra đặt làm Phong Khê". Lại nói: "Phong Khê thuộc Phong Châu". Nhưng các sách chép không rõ, nên chưa biết đích xác ở đâu. Hai thôn Đường, Nguyễn thuộc Thái Bình sẽ thấy sau này, có lẽ cũng là ở đây. Có nếu bảo đây là Thái Bình thuộc Sơn Nam thì không phải.

Quân Thần châu : Nay là hai làng Thượng Cát, Hạ Cát thuộc huyện Từ Liêm, tỉnh Hà Nội. Có thuyết cho rằng hai làng ấy xưa kia gọi là Thượng Cát Giới và Hạ Cát Giới, về sau đổi lại¹⁵⁰.

Ô Diên : Đất Giao Chỉ xưa, năm Vũ Đức thứ tư (621) nhà Đường đặt ra huyện Ô Diên, cùng với Từ Liêm và Vũ Lập là ba huyện đều thuộc Giao Chỉ. Sử cũ chua Ô Diên là xã Hạ Mỗ ở Từ Liêm. Xã ấy có đền thờ Bát Lang thần, có lẽ là Nhã Lang (con Lý Phật Tử) chăng.

Năm Tân Mão (571). (Lý, Hậu đế Phật Tử, năm thứ 1; Trần Tuyên đế, năm Đại Kiến thứ 3).

Lý Phật Tử đánh úp, lấy được nhà Triệu.

Sử cũ chép: Trước kia, Phật Tử giảng hòa với nhà Triệu, rồi cầu hôn cho con trai là Nhã Lang. Việt vương gả con gái là Cảo Nương cho Nhã Lang, và cho ở gửi rể. Nhã Lang nhân lấy trộm được cái móng rồng, trở về nước mưu với Phật Tử đánh úp nhà Triệu. Khi Phật Tử kéo quân đến đánh, Việt vương vội ra đối địch, thì cái móng rồng đã mất rồi, mới cùng với con gái là Cảo Nương chạy về phía nam. Bị quân Lý Phật Tử đuổi sát, Việt vương chạy đến cửa biển Đại Nha, hết đường chạy, gieo mình xuống biển chết.

Lời cần án - Sử cũ chép việc Triệu Việt vương được cái móng rồng của Chử Đồng Tử cho; việc Nhã Lang sang gửi rể rồi lấy trộm móng rồng;

việc Triệu Việt vương vì mất cái móng rồng mà bị thua. Dem những việc ấy kháp với chuyện Thục An Dương vương và Triệu Trọng Thủy trước kia giống nhau như hệt, kỳ quái trái thường không cần phải biện bạch cho lắm. Nhưng **Sử cũ** chép phần nhiều trùng điệp nhau, sai hẳn sự thực, đại loại như thế đấy. Nay muốn tìm ở **Sử cũ** lấy chuyện có thể tin ở đời này và truyền lại đời sau, thật cũng khó lắm. **Lời chùa - Cửa biển Đại Nha¹⁵¹** :
Xưa gọi là Đại Nha¹⁵², lại gọi là Đại Ác; nhà Lý đổi là Đại An. Nay ở cửa Liêu thuộc xã Quần Liêu¹⁵³ huyện Đại An có đền thờ Triệu Việt vương¹⁵⁴
.

Nhà Triệu mất. Nhà Triệu khởi năm Kỷ Tị, mất năm Canh Dần, cộng hai mươi hai năm (549-570).

Lý Phật Tử tự xưng đế, đóng đô ở Phong Châu.

Phật Tử đã diệt nhà Triệu, bèn theo hiệu Nam đế trước xưng là Hậu Nam đế, dời từ thành Ô Diên đến đóng ở Phong Châu.

Năm Nhâm Tuất (602). (Lý, Hậu đế, năm thứ 32; Tùy, Văn đế, năm Nhân Thọ thứ 2).

Đế Phật Tử sai Lý Đại Quyền giữ thành Long Biên, Lý Phổ Đỉnh giữ thành Ô Diên.

Lời chua - Lý Đại Quyền: Con người anh Lý Hậu đế. Sử cũ chép chữ Đại Quyền (___: quyền lớn) là Đại Quyền (___: thay quyền). Nay căn cứ vào Tùỳ thư , đính chính lại.

Phổ Đỉnh: Một tướng họ Lý khác.

Nhà Tùỳ sai Lưu Phương sang xâm lấn. Đế Phật Tử ra hàng.

Theo Tùỳ thư , Phật Tử giữ châu, tự xưng đế. Dương Tổ tiến cử thứ sử Qua Châu là Lưu Phương có tài lược làm tướng. Vua Tùỳ dùng Lưu Phương làm hành quân tổng quản đạo Giao Châu, thống lĩnh quân sĩ 27 dinh sang đánh. Quân tiến đến núi Đô Long, gặp hơn hai nghìn quân Phật Tử, Lưu Phương đánh phá được ngay. Khi kéo quân đến Phong Châu, Lưu Phương sai người hiểu dụ về họa phúc, Phật Tử sợ, xin hàng. Lưu Phương bắt Phật Tử đem về Bắc (Trung Quốc), còn những tướng cũ bắt được người nào kiệt liệt đều giết chết cả.

Lời chua - Dương Tố: Người Hoa Âm thuộc Hoảng Nông.

Lưu Phương: Người đất Trường An thuộc Kinh Triệu.

Qua Châu: Đồi Đường, thuộc đạo Sơn Nam.

Núi Đô Long: Theo Thanh Nhất thống chí , ở phủ Khánh Viễn đời Đường, thuộc An Nam quản, có núi Đô Long.

Nhà Hậu Lý mất. Nhà Hậu Lý khởi lên năm Tân Mão¹⁵⁵ , mất năm Nhâm Tuất, cộng ba mươi hai năm (571-602).

Năm Ất Sửu (605). (Tùy, Dượng đế, năm Đại Nghiệp thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà Tùy cho Lưu Phương làm chức hành quân tổng quản¹⁵⁶ đạo Hoan Châu, đi đánh Lâm Ấp, phá tan được nước ấy.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), các quan nhà Tùy bảo nước Lâm Ấp

có nhiều cửa báu lạ. Khi đó, thiên hạ (đất nước Trung Quốc) đâu đấy không có giặc giã gì cả, Lưu Phương mới bình được Giao Châu. Dượng đế cho Lưu Phương làm chức hành quân tổng quản đạo Hoan Châu, đi kinh lược nước Lâm Ấp. Quân Lưu Phương tiến đến cửa biển, vua Lâm Ấp là Phạn Chí sai quân đóng giữ các nơi hiểm yếu. Lưu Phương đánh đuổi được bọn này. Quân Lưu Phương vượt qua sông Chà¹⁵⁷ Lê, gặp quân Lâm Ấp cưỡi voi từ bốn mặt kéo ra đánh: quân Phương thua. Phương sai đào nhiều hố nhỏ, phủ cỏ lên trên, rồi đem quân ra đánh, giả cách thua: quân Lâm Ấp đuổi theo, voi sa xuống hố, nhiều con ngã què. Quân Phương lấy nỏ bắn voi, voi lùi chạy, chà đạp cả vào trận địa Lâm Ấp. Nhân đó Phương tung quân tinh nhuệ ra đánh kịch liệt: quân Lâm Ấp bị thua. Phương thúc quân đuổi theo, vượt qua phía nam cột đồng của Mã Viện, tám ngày thì đến kinh đô nước Lâm Ấp. Tháng tư, Phạn Chí bỏ thành, chạy ra phía biển. Lưu Phương vào thành, tước lấy 18 cái thần chủ thờ ở miếu. Những thần chủ ấy đều đúc bằng vàng. Sau đó

Lưu Phương đục bia ghi công rồi kéo về. Trong trận này quân Tùy bị chân phù thũng, chết đến bốn năm phần mười; Lưu Phương cũng bị bệnh, chết ở dọc đường.

Lời phê - Binh đao là hung khí, thánh nhân bất đắc dĩ mới phải dùng để ngăn bọn gian bạo, giữ cho dân được yên ổn, đâu lại hám của, tham lợi, cầu làm thỏa thích lòng ham muốn của mình, để cho dân tàn nước hại, không hề tơ hào đoái hoài thương xót, sao lại nhẫn tâm đến thế được? Cổ

nhân nói: "Một tướng thành công, hàng vạn xương cốt người khác phải khô héo", điều ấy không cần nói đến, huống chi tướng Tùy cũng không khỏi chết đường, nước Tùy rồi cũng mất theo. Việc này thực đáng là bài học sâu cay cho những kẻ sinh dùng võ lực! **Lời chua** - Hoan Châu: Đời Hùng Vương xưa là bộ Hoài Hoan; đời Tần, thuộc Tượng quận; đời Hán, thuộc quận Nhật Nam; nhà Lương đổi là Đức Châu; nhà Tùy năm Khai Hoàng (581-600) đổi là Hoan Châu đến năm Đại Nghiệp (605-616), đổi là Nhật Nam. Nhà Đường, năm Trinh Quán (627-649) lại đặt làm Hoan Châu. Triều Đinh, Lê cũng theo tên này. Đến nhà Lý đổi là châu Nghệ An; nhà Trần đổi là trấn Lâm Giang; thuộc Minh đổi làm các phủ Nghệ An và Diễn Châu; nhà Lê, năm Quang Thuận (1460- 1469) đặt làm Nghệ An thừa tuyên. Nay là tỉnh Nghệ An.

Lâm Ấp: Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb.3, 20-21).

Chà Lê: Sách Thông giám tập lãm chua là ở phía bắc nước Chiêm Thành, nay chưa rõ chỗ nào.

Kinh Đô nước Lâm Ấp: Nay xét các xã sau đây đều có di tích thành cũ vua Chiêm, còn kinh đô nước Chiêm thì không rõ ở đâu: xã Trung Ái ở huyện Bình Chính và xã Uẩn Áo ở huyện Lệ Thủy thuộc tỉnh Quảng Bình; xã Nguyệt Biều ở huyện Hương Thủy và xã Thành Trung ở huyện Quảng Điền thuộc tỉnh Thừa Thiên; xã Thăng Bình ở huyện Diên Phúc thuộc tỉnh

Quảng Nam; hai thôn Nam An, Bắc Thuận ở huyện Tuy Viễn thuộc tỉnh Bình Định.

Đồng Trị (cột đồng): Xem thuộc Hán, năm Kiến Vũ thứ 19 (Tb.2, 12-14).

Năm Tân Tị (621). (Đường, Cao tổ, năm Vũ Đức thứ 4).

Nhà Đường cử Khâu Hòa làm đại tổng quản¹⁵⁸ Giao Châu.

Theo Đường thư , cuối năm Đại Nghiệp (605-616), trong nước (Trung Quốc dưới triều Tùy) khổ sở vì nạn quan lại tham nhũng, xâm hại, thường thường nổi dậy làm phản. Dượng đế thấy Khâu Hòa nhận chức ở đâu cũng tỏ ra là người tốt, bèn bổ làm thái thú Giao Chỉ. Khâu Hòa gần gũi nhân dân, hết lòng vỗ về chúng; những miền biên viễn đều được yên ổn. Các nước ở về phía tây nước Lâm Ấp thường đưa biếu Khâu Hòa hạt trai sáng, văn tê vàng bạc, của báu. Vì thế, Khâu Hòa giàu ngang với bọn vua chúa. Vua nhà Lương là Tiêu Tiển nghe thấy vậy, sai Ninh Trường Chân đem quân Man, Lý sang đánh Khâu Hòa, Khâu Hòa sợ, muốn ra đón tiếp xin hàng, trưởng sử Cao Sĩ Liêm bảo Khâu Hòa rằng: "Quân của Trường Chân dẫu nhiều thực, nhưng từ xa đến đây, chắc cũng không thể ở lâu được. Quân sĩ trong thành còn có thể đánh nổi, việc gì mà phải chịu người ta áp chế!". Khâu Hòa theo lời Sĩ Liêm, cho Liêm làm hành quân tư mã,

đón đánh đuổi được quân Trường Chân. Người quận Giao Chỉ thấy thế dựng bia ghi công Khâu Hòa. Khi nhà Tùy mất, Khâu Hòa xin thần phục nhà Đường, nhà Đường cho Khâu Hòa làm đại tổng quản Giao Châu, phong tước Đàm quốc công.

Lời chua - Khâu Hòa: Theo truyện Khâu Hòa trong Đường thư , Khâu Hòa, người đất Lạc Dương, trước làm quan nhà Chu đến chức khai phủ nghị đồng tam ti; sau theo nhà Tùy, làm quan ở ba châu Tư, Lương, Bô, đều có tiếng là người khoan hòa.

Tiêu Tiễn: Cháu bốn đời Tuyên đế nhà Lương. Theo Cương mục (Trung Quốc), năm Đại Nghiệp thứ 13 (617) đời Dương đế nhà Tùy, Tiêu Tiễn khởi binh tự xưng là

Lương vương; đến đời Cung đế năm Nghĩa Ninh thứ hai (618), tự xưng là đế, chiếm địa vực phía đông từ Cửu Giang, phía tây đến Tam Hiệp, phía nam đến tận Giao Chỉ, phía bắc tới Hán Xuyên. Về sau, Tiêu Tiễn đầu hàng nhà Đường.

Nịnh Trường Chân: Theo Khâm Châu chí của Chu Xuân Niên, Trường Chân là con Nịnh Mãnh Lực, thứ sử Khâm Châu. Khi Mãnh Lực chết, Trường Chân thay cha làm thứ sử. Trường Chân có quân đội mạnh, gồm

có cả mấy quận Uất Châu. Sau Trường Chân hàng nhà Đường, từ đó mấy châu Giao (châu), Ái (châu) mới giao thông được với nhau.

Cao Sĩ Liêm: Người đất Tu thuộc Bột Hải. Khoảng năm Nhân Thọ (601-604), đậu văn tài giáp khoa, được bổ làm tri lễ lang, sau vì can cữu, bị giáng chức làm chủ bạ Chu Diên, Khâu Hòa cử lên làm tư pháp thư tá; về sau, cùng với Khâu Hòa cùng ra hàng nhà Đường, làm quan đến chức hữu bộc xạ.

Năm Kỷ Mão (679). (Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1).

Tháng 8, mùa thu. Nhà Đường bắt đầu đặt ra An Nam đô hộ phủ, phủ lý ở Giao Châu.

Theo Đường thư , An Nam đô hộ phủ vốn là quận Giao Chỉ, phủ lý ở Giao Chỉ, thống trị 12 châu, là: Giao Châu, Lục Châu, Phong Châu, Ái Châu, Hoan Châu, Trường Châu, Phúc Lộc châu, Thang Châu, Chi Châu, Vũ Nga châu, Diên Châu, Vũ An châu.

Lời cần án - Theo Sử của Ngô [Thì] Sĩ, nhà Đường đổi quận Giao Chỉ làm An Nam đô hộ phủ gồm có An Nam (nên chép là Giao Châu), Ái Châu,

Phúc Lộc châu, Hoan Châu, Phong Châu, Lục Châu, Diên Châu, Trường Châu. Các châu trên đây đều ở trong địa giới nước ta. Còn như Thang Châu, Chi Châu, Vũ Nga châu, Vũ An châu, chưa chắc đã phải là đất An Nam cả. Vì tại cương giới các châu ấy giáp với Nam Giao nên cũng dễ thuộc về đô hộ phủ đó thôi. Nay xét: Theo sách **Thái Bình hoàn vũ ký** của Nhạc Sử nhà Tống, đất Trường Châu cùng với Cửu Chân là một, thì Trường Châu phải ở gần đất Thanh Hóa bây giờ, nhưng chưa biết đích xác là chỗ nào. Theo sách **Thanh Nhất thống chí**, ở Khâm Châu có ba huyện Ô Lôi, Hoa Thanh và Ninh Hải, hiện còn có thành cũ bỏ hoang. Vậy thì Lục Châu thuộc về Khâm Châu nhà Thanh, nếu bảo là ở địa giới nước ta cả thì e lắm chẳng. Lại như Địa dư chí trong **Lịch triều hiến chương** của Phan Huy Chú bảo Hưng Hóa là Chi Châu đời Đường, Tuyên Quang là Thang Châu đời Đường; Thái Nguyên là Vũ Nga châu đời Đường; An Bang tức bây giờ là Quảng Yên, đời Đường gọi là Vũ An châu. Không biết Phan Huy Chú căn cứ vào đâu mà chép thế, nhưng cũng ghi lại để tham khảo.

Lời chua - Theo Địa lý chí trong Đường thư :

Giao Châu **thống lĩnh 8 huyện** là Tống Bình, Nam Định, Thái Bình, Giao Chỉ, Chu Diên, Long Biên, Bình Đạo và Vũ Bình.

Lục Châu **thống lĩnh 3 huyện**, là: Ô Lôi, Hoa Thanh và Ninh Hải.

Phong Châu **thống lĩnh 5 huyện**, là: Gia Ninh, Thừa Hóa, Tân Xương, Cao

Sơn và Châu Lục.

Ái Châu thống lĩnh 6 huyện, là: Cửu Chân, An Thuận, Sùng Bình, Quân Ninh, Nhật Nam và Trường Lâm.

Hoan Châu thống lĩnh 4 huyện, là: Cửu Đức, Phố Dương, Việt Thường và Hoài Hoan.

Trường Châu thống lĩnh 4 huyện, là: Văn Dương, Đồng Thái, Trường Sơn và Kỳ Thường.

Phúc Lộc châu thống lĩnh 3 huyện, là: Nhu Viễn, Đường Lâm và Phúc Lộc.

Thang Châu thống lĩnh 3 huyện, là: Dương Tuyền, Lục Thủy và La Thiều.

Chi Châu thống lĩnh 7 huyện, là: Hân Thành, Phú Xuyên, Bình Tây, Lạc Quang, Lạc Diễm, Đa Vân và Ân Long.

Vũ Nga thống lĩnh 7 huyện, là: Vũ Nga, Như Mã, Vũ Nghĩa, Vũ Di, Vũ Duyên, Vũ Lao và Lương Sơn.

Diễn Châu thống lĩnh 7 huyện, là: Trung Nghĩa, Hoài Hoan, Long Trì, Tư Nông, Vũ Lang, Vũ Dung và Vũ Kim.

Vũ An châu thống lĩnh 2 huyện, là: Vũ An và Lâm Giang.

Năm Điều Lộ thứ nhất: Sử cũ chép lầm là năm Vũ Đức thứ năm; nay theo Đường thư, đổi lại.

Giao Châu: Đặt từ đời Hán, lấy 7 quận ở Giao Chỉ lệ thuộc Giao Châu.

Phong Châu: Xem Hùng vương (Tb, 1, 2, ...)

Ái Châu: Xem thuộc Lương, Vũ đế, năm Phổ Thông thứ 4 (Tb.3, 33)¹⁵⁹.

Chi Châu: Bộ Tân Hưng xưa, nay là tỉnh Hưng Hóa.

Diễn Châu: Bộ Việt Thường xưa, nay là phủ Diễn Châu thuộc tỉnh Nghệ An.

Phúc Lộc châu: Nay ở địa giới tỉnh Thanh Hóa, nhưng chưa rõ chỗ nào.

Trường Châu, Thang Châu: Bộ Vũ Định xưa, nay là Tuyên Quang.

Vũ Nga châu: Bộ Vũ Định xưa, nay là Thái Nguyên. (Hoài Hoan nguyên thuộc Hoan Châu, đầu năm Trinh Quán (627-650) đổi tên là Diễn Châu, rồi lại bỏ. Năm Quảng Đức thứ hai (764) lại tách đất ở Hoan Châu đặt ra Hoài Hoan).

Năm Đinh Hợi (687). (Đường, Trung Tông, năm Tự Thánh thứ 4).

Tháng 7, mùa thu. Đám người Lý¹⁶⁰ làm loạn, giết đô hộ Lưu Diên Hựu.
Tư mã Quế Châu là Tào Huyền Tĩnh đi đánh, bình được.

Theo Đường thư , trước kia, đám người Lý hằng năm nộp tô có một nửa số đã quy định. Diên Hựu bắt phải nộp cả số ấy. Mọi người đều oán, mưu định cùng nhau dấy loạn. Diên Hựu giết chết người cầm đầu là Lý Tự Tiên. Dư đảng của Tự Tiên là bọn Đinh Kiến nổi lên làm phản, họp nhau lại vây phủ thành. Trong thành quân ít, không thể chống lại được, bèn đóng cửa thành, đợi quân cứu viện. Phùng Tử Du là một đại tộc ở Quảng Châu, nhân dịp đó, mong để lập công, đóng quân lại không đi cứu. Diên Hựu bị giết. Về sau, tư mã Quế Châu là Tào Huyền Tĩnh đem quân sang đánh, chém được Đinh Kiến.

Lời chua - Diên Hựu: Theo truyện Lưu Diên Hựu trong Đường thư , Hựu là người đất Bành Thành thuộc Từ Châu, đậu tiến sĩ có sở năng về nghề làm quan lại, trước đã làm thứ sử Cơ Châu, sau đổi sang làm đô hộ An Nam.

Huyền Tĩnh: Sử cũ chép là Trục Tĩnh.

Tự Tiên: Sử cũ chép là "Tiên".

Tử Du: Sử cũ chép là Do đều lâm; nay theo Đường thư, đổi lại.

Năm Nhâm Tuất (722). (Đường, Huyền tông, năm Khai Nguyên thứ 10).

Tháng 7, mùa thu. Ở Hoan Châu Mai Thúc Loan giữ lấy châu, tự xưng đế. Nhà Đường, sai bọn nội thị Dương Tự Húc sang đánh, phá được.

Theo Đường thư , khoảng năm Khai Nguyên (713-741), An Nam có Mai Thúc Loan làm phản, tự xưng là Hắc đế, chiêu tập quân 32 châu, ngoài liên kết với các nước Lâm Ấp, Chân Lạp và Kim Lâm, giữ vùng biển nam, quân số có đến 40 vạn. Tự Húc xin đi đánh, chiêu mộ 10 vạn quân, cùng với Quang Sở Khách tiến quân theo đường cũ của Mã Viện, nhân lúc bất ý, sập đến đánh. Thúc Loan hoang mang nao núng, không kịp mưu tính cách đối phó, bị thua to. Tự Húc mới chôn những xác chết chung vào một nơi, đắp thành cái gò cao (Kinh quán), để ghi chiến công của mình, rồi rút quân về.

Lời cần án - Khoảng năm Khai Nguyên (713-741) nhà Đường, An Nam đô hộ phủ vẫn còn ở Giao Châu, thống trị 12 châu, 59 huyện, đều đặt các quan thú, tể để quản trị; Việc đánh thuế tô¹, thuế điệu² và bắt lính đều tuân theo lệnh nhà Đường; lúc Mai Thúc Loan khởi lên, thì phủ đô hộ với các châu Phong, Ái, Lục, Diên chưa nghe thấy có đâu là thuộc về Mai Thúc Loan đóng giữ, như vậy Mai Thúc Loan làm thế nào mà chiêu tập

được người 32 châu, có số quân đến 40 vạn? Trộm nghĩ Thúc Loạn chẳng qua giữ được một châu, thế lực cũng nhỏ. Bấy giờ Đường Huyền Tông thích lập công ở biên giới, bọn Tư Húc và Sở Khách thì lợi dụng xứ này ở nơi hiểm trở xa xôi, nên mới thôi phòng thanh thế bên địch để cầu lấy công cán và phong thưởng đó thôi. Nếu không phải thế thì sau giáp binh và đất đai như thế, mà quân nhà Đường mới thoát kéo đến đã vội kinh hãi tan rã ngay? **Sử cũ** cũng chép Thúc Loạn ngoài liên kết với các nước Lâm Ấp, Chân Lạp, số quân có 30 vạn có lẽ cũng cứ dựa qua vào Đường thư, chứ chưa xét đến sự thực. **Lời chua** - Dương Tư Húc: **Theo truyện** Dương Tư Húc trong Đường thư, Tư Húc là hoạn quan người Thạch Thành thuộc La Châu, gốc tích là họ Tô.

Quang Sở Khách (**Sử cũ** chép Nguyên Sở Khách là lầm): Người Giang Lăng, hồi đầu niên hiệu Khai Nguyên, sang làm An Nam đô hộ.

Chân Lạp: Tên nước. Xem thuộc Đường, Tuyên Tông, năm Đại Trung thứ 12 (Tb.4, 39).

Kim Lân: Tên nước. Theo sách Thái Bình ngự lãm đời Tống nước Kim Lân còn có tên gọi là Kim Trần. Ngoại quốc truyện chép: từ phía tây Phù Nam đi hơn 2.000 dặm thì đến Kim Lân.

Đường cũ của Mã Viện: Theo sách Khâm Châu chí của Chu Xuân Niên, núi Ô Lợi liên tiếp chạy ra biển lớn, (đứng đó) nhìn về phía tây thấy Hải Đông phủ thuộc Giao Chỉ. Mã Phục Ba khi vào An Nam đi theo đường này. Ở đây có miếu thờ Mã Phục Ba. Theo sách Quận quốc lợi bệnh thư của Cố Viêm Vũ, triều Minh: từ Mã Phục Ba về sau, thủy quân (Trung Quốc) đều đi từ phía nam Khâm Châu ra biển lớn, giương buồm đi một ngày tới trấn Triều Dương thuộc Giao Châu. Nơi đường cũ Mã Viện, tức là đường này.

Mai Thúc Loan: Người Mai Phụ, huyện Thiên Lộc huyện Hoan Châu, bây giờ thuộc huyện Can Lộc, phủ Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Thúc Loan người đen lăm, nên người Hoan Châu gọi là Hắc đế. Nay còn có vết thành cũ ở núi Vệ thuộc huyện Nam Đường và có đền thờ ở xã Hương Lãm thuộc huyện ấy. Đền này được liệt vào hàng đền thờ đế vương các triều đại.

Năm Đinh Dậu (757). (Đường, Túc Tông, năm Chí Đức thứ 2).

Nhà Đường đổi An Nam đô hộ phủ làm Trấn Nam đô hộ phủ.

Lời chú - Trấn Nam đô hộ: trị sở và các châu thống trị, xem: thuộc Đường, Cao Tông Điều lộ năm đầu (Tb.4, 18). Năm Đinh Mùi (767).

(Đường, Đại Tông, năm Đại Lịch thứ 2).

Nước Côn Luân, nước Chà Bà¹⁶¹ vào lần cướp. Kinh lược sứ¹⁶² là Trương Bá Nghi đánh phá được; đắp La Thành.

Theo sách An Nam kỷ yếu, Côn Luân và Chà Bà đánh hãm châu thành. Trương Bá Nghi cầu viện với đô úy quận Vũ Định là Cao Chính Bình. Viện binh đến đánh phá được quân giặc ở Chu Diên. Bá Nghi lại đắp La Thành.

Lời chua - Chà Bà: Theo Nam Man truyện trong Đường thư , nước Chà Bà, phía đông giáp Lục Chân Lạp, phía tây giáp Đông Thiên Trúc, phía nam liền với biển, phía bắc giáp Nam Chiếu. Chà Bà có 18 nước phụ thuộc; lại có bộ Tiểu Côn Luân và nước Đại Côn Luân.

Côn Luân: Theo Quận quốc lợi bệnh thư của Cố Viêm Vũ, Côn Luân ở về phía nam nước Lâm Ấp. Căn cứ vào tài liệu đó thì đất đai của nước Chà Bà bao gồm cả các nước Tiêm La, Diến Điện; chỉ vì nước Chà Bà không có thống thuộc, xứ sở nào hùng trưởng ấy, đều sống về nghề đi cướp bóc; nay bị các nước Tiêm La, Diến Điện kiêm tính mất rồi. Những xứ Tất Lực, Hạ Liêu, Giang Lưu Ba và Ma Lục Giáp cũng đều bị người Tây Dương chiếm cứ cả. Người ta hãy còn gọi người bản thổ là Chà Bà. Côn

Luân lại là thuộc quốc của nó. Nay về hải phận Vĩnh Long, còn có cù lao Đại Côn Luân, Tiểu Côn Luân, dân Hán¹⁶³ đến ở làm ăn tại đó cũng đã lâu đời.

Vũ Định: Theo Địa lý chí trong Đường thư , là tên một cơ mi châu¹⁶⁴ .

Bá Nghi: Theo Truyện Lý Quang Bất trong Đường thư , Bá Nghi người Ngụy Châu, lúc trước vì có chiến công, nên lệ thuộc vào quân Lý Quang Bất.

Chu Diên: Xem Hùng Vương (Tb.I, 3...)

La Thành: Xem thuộc Đường, Ý Tông, năm Hàm Thông thứ 7 (Tb.5, 10...).

Vua nhà Đường hạ chiếu nêu khen người đàn bà tiết nghĩa ở Giao Châu là Kim thị.

Theo truyện Liệt Nữ trong Đường thư, tiết phụ Kim thị là mẹ tướng giặc

Đào Tề Lượng. Kim thị thường lấy điều trung nghĩa khuyên bảo Tề Lượng, nhưng Tề Lượng ngoan ngạnh, không chịu vâng lời, Kim thị liền từ con, tự làm ruộng lấy thóc ăn, tự dệt vải may áo mặc, xóm làng đều cho là một người gương mẫu. Vua Đường hạ chiếu cho hai người đến hầu hạ nuôi nấng, và quan sở tại phải thường lui tới thăm hỏi suốt đời Kim thị.

Lời chua - Đào Tề Lượng: **Người Giao Châu.**

Năm Mậu Thân (768). (Đường, năm Đại Lịch thứ 3).

Nhà Đường lại đổi Trấn Nam làm An Nam đô hộ phủ.

Năm Tân Mùi (791). (Đường, Đức Tông, năm Trinh Nguyên thứ 7).

Tháng 4, mùa hạ. Người Đường Lâm thuộc Phong Châu là Phùng Hưng khởi binh, đánh phủ đô hộ và chiếm giữ phủ lý.

Trước kia Phùng Hưng người Đường Lâm thuộc Phong Châu, vốn là nhà hào phú, lại có sức khỏe, có thể vật nổi trâu, đánh được hổ. Khoảng năm

Đại Lịch (766-779) nhà Đường, nhân thời buổi loạn lạc, Phùng Hưng cùng với em là Phùng Hải đem quân uy phục được các ấp láng giềng, tự xưng là đô quân; Phùng Hải xưng là đô bảo. Khi bấy giờ chính sách của đô hộ¹⁶⁵ là Cao Chính Bình, đánh thuế nặng lắm. Phùng Hưng đánh Chính Bình mãi không được, mới dùng kế của người làng là Đỗ Anh Hàn, đem quân đến vây phủ: Chính Bình vì lo sợ mà chết. Phùng Hưng vào ở trong phủ lạy, được ít lâu thì mất. Dân chúng lập con là An lên làm đô phủ quân, tôn Hưng làm Bố Cái đại vương.

Lời chùa - Cao Chính Bình: Theo sách An nam kỷ yếu, Cao Chính Bình người thời Đại Tông nhà Đường, trước làm đô úy Vũ Định, vì có công đem quân cứu viện Trương Bá Nghi, được phong làm đô hộ.

Đường Lâm: Tên xã xưa. Sử cũ chùa ở huyện Phúc Lộc. Phúc Lộc nay đổi tên là Phúc Thọ thuộc tỉnh Sơn Tây. Xét theo Sơn Tây tỉnh sách¹⁶⁶, xã Cam Lâm thuộc huyện Phúc Thọ, xưa gọi là Đường Lâm¹⁶⁷. Phùng Hưng và Ngô Quyền đều là người xã này cả. Bây giờ vẫn còn đền thờ.

Phong Châu: Sử cũ chép lầm là Giao Châu, nay sửa lại. Xét Đường thư, bản kỷ, đời Đức Tông, năm Trinh Nguyên thứ 7 (791), chỉ chép rằng từ trưởng An Nam là Đỗ Anh Hàn làm phản, chứ không chép việc Phùng Hưng, có lẽ vì ở cách xa nước ta, nên không rõ có việc Phùng Hưng.

Bố Cái: Sử cũ chưa tặc cổ nước ta gọi cha là bố gọi mẹ là cái, nên đặt Bố Cái làm tôn hiệu.

Tháng 7, mùa thu. Nhà Đường dùng Triệu Xương làm đô hộ.

Theo sách An Nam kỷ yếu , bấy giờ Giao Châu chưa yên, Triệu Xương đến nơi, vỗ về phủ dụ, lòng dân mới yên. Triệu Xương sai sứ đến dụ Phùng An, Phùng An đem quân ra hàng, Triệu Xương được gia phong làm kinh lược chiêu thảo xử trí sứ, Triệu Xương đắp thêm La Thành, đi thăm khắp nơi núi sông danh thắng, cổ tích, đền miếu ở các đô quận, chép làm sách Phủ chí. Triệu Xương ở phủ được mười năm, vì đau chân, dâng biểu xin người khác sang thay.

Lời chùa - Triệu Xương: Theo Đường thư , Triệu Xương tên tự là Hồng Tô, người Thiên Thủy, được thăng dần đến chức thứ sử Kiền Châu. Khi Đỗ Anh Hàn ở An Nam làm phản, nhà Đường dùng Xương làm đô hộ, dân Giao Châu hưởng ứng giáo hóa, không dám ngang ngược, Xương làm được mười năm, vì đau chân, xin về.

Năm Tân Tị (801). (Đường, năm Trinh Nguyên thứ 17).

Nhà Đường dùng Bùi Thái làm đô hộ.

Triệu Xương xin người sang thay, nhà Đường sai lang trung bộ Binh là Bùi Thái sang thay. Bùi Thái đến nơi, bắt quân sĩ lấp bỏ những hào rãnh ở trong thành, hợp làm một thành, lại đắp thành ở các châu Hoan và Ái. Sau đó Bùi Thái bị bộ tướng trong châu là Vương Quý Nguyên đuổi đi.

Năm Quý Mùi (803). (Đường, năm Trinh Nguyên thứ 19).

Tháng 12, nhà Đường lại cử Triệu Xương sang làm đô hộ.

Theo Đường thư , bấy giờ Triệu Xương về triều làm tể tửu chưa được bao lâu, bộ tướng Giao Châu đánh đuổi Bùi Thái. Đức Tông vời Triệu Xương tới để hỏi tình hình. Triệu Xương bấy giờ đã ngoài 70 tuổi, râu bày rõ ràng không lẫn; Đức Tông lấy làm lạ, lại cử sang làm đô hộ. Khi tờ chiếu đến nơi, người Giao Châu cùng nhau mừng rỡ; quân làm phản liền yên ngay. Triệu Xương sau thắng làm tiết độ

sứ¹⁶⁸ đất Lĩnh Nam, dẹp yên và hàng phục được những nơi biên viễn. Vì

có công, Xương được thăng thượng thư bộ Công, tước thái tử thiếu bảo, năm chết đã tám mươi năm tuổi, vua Đường truy tặng cho Xương chức Dương Châu đại đô đốc.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Diên Hựu ngược đãi dân Lý, gây ra cuộc khởi loạn của Đinh Kiến. Chính Bình đánh thuế dân Giao Châu quá nặng¹⁶⁹, đã thúc đẩy Đỗ Anh Hàn khởi binh. Triệu Xương đến lần trước, yên ngay được dân; đến lần sau, dẹp xong được loạn. Quan lại ở biên cảnh tốt hay xấu, quan hệ đến như thế. Chẳng qua hồi đó người Bắc (Trung Quốc) cho Giao Châu ta là nơi hẻo lánh xa xôi, coi nhẹ việc kén chọn người giỏi, nên dân thời bấy giờ phải cảnh lầm than, không kêu đâu được. Đọc sử đến đây, đáng vì dân thời ấy mà ngậm ngùi than thở! **Năm Mậu Tý (808). (Đường, Hiến Tông, năm Nguyên Hòa thứ 3).**

Nhà Đường dùng Trương Chu làm đô hộ. Trương Chu sửa đắp lại thành Đại La.

Theo sách *An Nam kỷ yếu*, Trương Chu làm kinh lược phán quan, khi thăng lên làm đô hộ, hấn sửa đắp lại thành Đại La, đóng chiến thuyền "mông đồng" ba trăm chiếc mỗi chiếc có 25 quân chiến, 23 tay chèo. Khi thuyền đang chèo, xuôi ngược như bay. Hai thành Hoan Châu và Ái Châu trước kia bị Hoàn vương¹⁷⁰ đánh phá, bấy giờ đều sửa đắp lại.

Lời chua - Theo sách Thái Bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử nhà Tống, năm Nguyên Hòa thứ 4 (809) đô hộ An Nam là Trương Chu đánh viên Hoan - Ái đô thống giặc của Hoàn vương quốc, giết được hơn ba vạn người.

Mông đồng: Thử thuyền hẹp mà dài, dùng để xông đánh thuyền giặc.

Hai thành Hoan, Ái: Trước kia do Bùi Thái đắp.

Hoàn vương: Tên gọi vua nước Lâm Ấp.

Năm Kỷ Hợi (819). (Đường, năm Nguyên Hòa thứ 14).

Thử sử Hoan Châu là Dương Thanh làm phản, đánh úp phủ thành, giết đô hộ Lý Tượng Cổ.

Theo Cương mục (Trung Quốc), Tượng Cổ là người tham lam khắc nghiệt, mất lòng mọi người. Dương Thanh là nhà nhiều đời làm tù trưởng dân Man. Tượng Cổ cho làm nha tướng¹⁷¹ sai đi đánh Man Hoàng Động,

Dương Thanh nhận thấy lòng người ai cũng oán giận Tượng Cổ, đang đêm, quay về đánh úp lấy phủ thành, giết Lý Tượng Cổ.

Theo Đường thư , Dương Thanh là Man Tù¹⁷² , vẫn uất ức muốn khởi loạn. Nhân dịp đi đánh giặc Hoàng Động, được Lý Tượng Cổ giúp cho binh sĩ, Dương Thanh liền đem quân quay lại đánh úp lấy châu thành, giết Lý Tượng Cổ. Nhà Đường hạ chiếu tha tội Dương Thanh và cho làm Thứ sử Quỳnh Châu, dùng Quế Trọng Vũ làm Đô hộ. Dương Thanh chống cự lại, không tuân lệnh. Quế Trọng Vũ đi dụ riêng từng người đầu sỏ trong đám dân Man, rồi đánh chém được Dương Thanh, tru di cả họ.

Lời chua - Tượng Cổ: Theo Đường thư truyện Tào Vương Minh , Tượng Cổ là con Lý Cao, tông thất nhà Đường, năm Nguyên Hòa thứ 14 (819), làm đô hộ An Nam.

Quế Trọng Vũ: Sử cũ chép sai là Quế Trọng; nay chữa lại.

Hoàng Động: Theo Đường thư, Nam man truyện , các người Man ở Tây Nguyên có họ Hoàng ở động Hoàng Chanh, đất giáp với Nam Chiếu, gọi là Man Hoàng Động, đánh mười tám châu Quế Quân, đi đến đâu đốt cướp đến đấy; người Đường gọi là Hoàng tặc. Khi quân phủ đô hộ nổi loạn,

Hoàng tặc giúp Dương Thanh giết Lý Tượng Cổ.

Quỳnh Châu: Theo Thanh Nhất thống chí , là đất Châu Nhai đời Hán, nhà Đường chia đặt ra Quỳnh Châu, thuộc Lĩnh Nam đạo.

Nhà Đường dùng Mã Tổng làm đô hộ.

Theo Đường thư , Mã Tổng, do chức thứ sử Kiền Châu thăng lên làm đô hộ An Nam, là người thanh liêm, không quấy nhiễu dân, đem học thuật nho gia rèn luyện phong tục, chính sự tốt đẹp, người Lý người Lào đều yên cả. Mã Tổng dựng hai cột đồng, ghi chép công đức nhà Đường và tỏ ra mình là con cháu Phục Ba (Mã Viện).

Lời cần án - Mã Tổng làm Đô hộ, chính sự tốt đẹp , Sử cũ bỏ sót không chép. Nay khảo trong Đường thư, xin bổ sung vào; Nhưng chính truyện Mã Tổng chỉ cho biết là vào khoảng năm Nguyên Hòa (806-802) chứ không chép rõ năm, tháng, cho nên nay chép luôn vào cuối năm Nguyên Hòa để giữ lấy sự thực. Lời chua - Mã Tổng: Theo truyện Mã Tổng , Tổng tên tự là Nguyên Hội, người Phù Phong.

Kiến Châu: Theo địa lý chí trong Đường thư , Kiến Châu thuộc đạo Giang

Nam.

Đồng trụ: Xem thuộc Hán, năm Kiến Vũ thứ 19 (Tb.II, 12).

Năm Giáp Thìn (824). (Đường, Mục Tông, năm Trường Khánh thứ 4).

Tháng 11, mùa đông. Đô hộ là Lý Nguyên Gia dời phủ thành ra ngoài cửa Đông Quan.

Theo sách An Nam kỷ yếu , Lý Nguyên Gia cho rằng trước cửa thành là dòng nước chảy ngược, sợ người Giao Châu hay làm phản. Vì thế dời phủ trị (tới trên bờ) sông Tô Lịch. Khi đang đắp cái thành nhỏ, có người đến xem bảo rằng: "Nhà ngươi không đủ sức đắp cái thành lớn, 50 năm nữa có người họ Cao sẽ đóng đô dựng phủ ở đây". Đến giữa niên hiệu Hàm Thông (860-873), Cao Biền đắp La Thành, đúng như lời người ấy.

Lời chua - Tô Lịch: Một nhánh của sông Nhị Hà. Theo Thanh nhất thống chí , sông Tô Lịch đi từ phía đông thành phủ Giao Châu, chuyển sang phía bắc rồi đi sang phía tây, thẳng đến sông Nhuệ. Xưa kia có người tên là Tô Lịch ở đất, cho nên gọi sông ấy là sông Tô Lịch. Hồi đầu niên hiệu Vĩnh Lạc (1403-1424) nhà Minh, Hoàng Phúc lại đào thêm, nhân đổi tên gọi là

sông Lai Tô. Nay ở phía đông tỉnh Hà Nội, đất huyện Thọ Xương có cái cửa sông, đây là chỗ phân lưu từ sông Nhị Hà.

Năm Ất Tỵ (825). (Đường, Kinh Tông, năm Bảo Lịch thứ 1).

Nhà Đường dời phủ lý đô hộ sang Tống Bình.

Lời chua - Tống Bình: Theo sách Phương dư kỷ yếu¹⁷³ của Cố Tổ Vũ, Tống Bình ở phía nam phủ lý. Nó là đất huyện Long Biên đời Hán; đầu đời Lưu Tống tách ra đặt làm huyện Tống Bình, đời Tùy thuộc về Giao Châu. Vậy thì Tống Bình phải ở miền ngoại ô phủ Đô hộ cũ. Theo Thanh nhất thống chí, huyện Tống Bình thuộc Giao Châu xưa, ở đây còn có thành cũ Liên Thụ ở phía tây huyện 75 dặm. Nay xét thành Liên Thụ là trị sở quận Giao Chỉ hồi đầu đời Hán, ở vào xã Lũng Khê huyện Siêu Loại tỉnh Bắc Ninh hiện nay, cách tỉnh thành Hà Nội hơn 30 dặm.

Năm Mậu Thân (828). (Đường, Văn Tông, năm Thái Hòa thứ 2).

Thứ sử Phong Châu là Vương Thảng Triều làm phản. Đô hộ là Hàn Ước đánh giết được.

Theo Đường thư , Hàn Ước là người có chí dũng quyết, lõm bõm sử sách, có tài hành chính; trước đã làm thứ sử Kiên Châu. Đến khi Thăng Triều làm phản, Hàn Ước lĩnh chức An Nam đô hộ, đánh dẹp yên, Thăng Triều bị giết. Sau, quân phủ đô hộ nổi loạn, Hàn Ước bị đuổi, chạy về Quảng Châu.

Lời chua - Hàn Ước: Theo truyện Vương Phan trong Đường thư , Hàn Ước người Vũ Lăng thuộc Lăng Châu, tiến thân bằng tiền và thóc¹⁷⁴ .

Năm Bính Thìn (836). (Đường, năm Khai Thành thứ 1).

Nhà Đường dùng Mã Thục làm đô hộ.

Theo Đường thư, hồi đầu năm Khai Thành (836-840), Mã Thục làm An Nam đô hộ, là người giỏi việc hành chính, cách ăn ở văn nhã, làm việc quan thanh liêm trong sạch, không phiền nhiễu, dân các động đều được yên ổn. Thủ lĩnh các châu cơ mi¹⁷⁵ đầu thần phục, xin chịu theo khuôn phép về việc thuế má. Năm Khai Thành thứ ba (838), Mã Thục tâu xin đổi huyện Vũ Lục, làm châu Vũ Lục, kén người thủ lĩnh ở đấy cho làm thứ sử. Vua Đường y theo lời xin ấy. Nhưng rồi ra lại bỏ, không đặt làm châu

nữa. Lúc ấy có điềm: một cái ao trước vẫn sản ngọc châu, rồi một đạo tự nhiên mất đi, nay trong cái ao ấy lại sinh sản ngọc châu như cũ. Vì Mã Thục là viên quan có chính tích trội nhất nên được thăng làm quan sát sứ ở Kiềm Trung.

Lời cần án - Theo **Liệt truyện** trong **Đường thư**, Mã Thục làm đô hộ, chính sự trong sạch, dân các động được yên. Hạt châu ở ao lại sinh sản như xưa: đó là tiết thanh bạch cảm đến cả loài vật. Sách **Thanh nhất thống chí** liệt tên Mã Thục vào hàng các quan có tiếng ở An Nam, cùng với Triệu Xương, Vương Thúc đều xứng đáng là những người trội nhất trong đám thú lệnh. Lại theo **Địa lý chí** trong **Đường thư**, năm Khai Thành thứ ba (838), Mã Thục dâng biểu xin đặt châu Vũ Lục. Việc ấy có chứng cứ rõ ràng, thế mà Sử cũ bỏ sót không chép, chỉ chép "Thuộc Đường, năm Hội Xương thứ nhất (841), Vũ Hồn thay Hàn Ước làm kinh lược sứ". Nay xét **Đường thư Bản kỷ**, đời Văn Tông, năm Thái Hòa thứ ba (829), Ước bị quân nổi loạn đuổi. Kể từ năm Thái Hòa thứ hai (828) đến năm Hội Xương thứ nhất (841), trong khoảng đó còn có niên hiệu Khai Thành (836-840) gồm 5 năm phải còn có Mã Thục làm đô hộ. Vậy thì Vũ Hồn kế chân Mã Thục, chứ không phải thay chân Hàn Ước. Nay theo **Đường thư**, xin bỏ chính để nêu rõ người thú mục tốt và chữa chỗ sai lầm. **Lời chua** - Mã Thục: Theo truyện Mã Thục , Thục là người Phù Phong, đậu tiến sĩ, lại đậu khoa chế sách.

Cơ mi: Theo Địa lý chí trong Đường thư , Thái Tông nhà Đường, sau khi

bình định các Phiên Quốc¹⁷⁶ thì Man Di các nơi dần dần nội thuộc, lúc ấy nhà Đường lấy ngay các bộ lạc của họ đặt thành châu, huyện, dùng người thủ lĩnh bộ lạc làm đô đốc, làm thứ sử, họ đều được cha truyền con nối, gọi là "cơ mi". Theo sách Cương mục tập lãm dẫn thiên Hán quan nghi nói rằng: (đồ vật làm đầu) ngựa gọi là cơ , (đồ vật dằm hai má) trâu gọi là mi . Ý nói kiềm chế các rợ mọi (tứ di) phải lỏng lẻo như đem buộc "cơ", "mi" cho loài trâu ngựa.

Vũ Lục châu: Tên một châu cơ mi, nay không biết ở đâu.

Trì châu: Theo Hán Thư , khi Mạnh Thường làm Thái thú Hợp Phố, hạt châu (ngọc trai) đã mất đi ở Hợp Phố, lại thấy trở lại. Trong Thanh Nhất thống chí có chép

"Châu trì" (hồ sản hạt trai) ở phía đông nam huyện Hợp Phố, là nơi người trong quận đến mò hạt châu.

Năm Tân Dậu (841). (Đường, Vũ Tông, năm Hội Xương thứ 1).

Nhà Đường dùng Vũ Hồn làm Kinh lược sứ.

Vũ Hồn đến nơi, bắt tướng sĩ sửa phủ thành; quân lính ở phủ Đô Hộ lại khởi loạn, đốt lầu thành, cướp kho đạn. Vũ Hồn phải chạy về Quảng Châu. Viên giám quân là Đoàn Sĩ Tắc dẹp yên đám quân lính làm loạn, Giao Châu mới được yên.

Năm Bính Dần (846). (Đường, năm Hội Xương thứ 6).

Tháng 9, mùa thu. Quân Man Nam Chiếu vào lần cướp. Kinh lược sứ Bùi Nguyên Dụ đem quân các đạo đánh bại được địch.

Lời chua - Đường thư Bản kỷ chép là "tháng 9 năm Hội Xương thứ 6", Sử cũ chép sai là tháng 7, mùa thu.

Nam Chiếu, theo Lời chua của sách Cương mục (Trung Quốc), gốc tích người Nam Chiếu vốn là giống Man Di ở Ai Lao. Vị trí ở phía tây Diêu Châu. Theo Địa lý chí trong Đường thư, Nam Chiếu ở quận Vân Nam thuộc Diêu Châu, phía đông nam giáp Giao Chỉ, phía tây bắc giáp Thổ Phồn. Tiếng Man gọi vua là Chiếu. Trước kia có 6 Chiếu, Tức là: Mông Tuấn, Việt Tích, Lãng Khung, Đẳng Đạm, Thi Lãng và Mông Xá. Mông Xá ở mãi về phía nam, nên gọi là Nam Chiếu. Đến năm Khai Nguyên

(713-741) nhà Đường Nam Chiếu dưới đời Bì La Cáp, mỗi ngày một mạnh lớn thêm lên, còn năm Chiếu kia thì suy yếu đi. Lúc đó, Bì La Cáp mới lấy tiền của đút lót cho tiết độ sứ Kiếm Nam là Vương Dục, xin hợp 6 đất Chiếu làm một. Triều đình ưng theo và đặt tên cho là Quy Nghĩa. Từ bấy giờ chúng mới lấy vũ lực phục được các Man khác, phá được Thổ Phồn, dời sang ở thành Thái Hòa, thành ra sau này Nam Chiếu làm mối lo cho miền biên giới. Theo Đường thư, truyện Nam Chiếu, Nam Chiếu từ năm Khai Nguyên (713-741), Bì La Cáp hợp 6 Chiếu làm một, truyền mãi đến con Phong Hựu là Từ Long, năm Hàm Thông thứ I (860), tiếm xưng đế, đặt niên hiệu là Kiến Cực, gọi tên nước là Đại Lễ, thường sang lấn cướp Giao Châu, bị Cao Biền đánh, thua chạy về nước.

Năm Đinh Sụ (857). (Đường, Tuyên Tông, năm Đại Trung thứ 11).

Tháng 4, mùa hạ. Nhà Đường dùng Chu Nhai làm kinh lược sứ.

Khi bấy giờ ở Giao Châu thường hay có giặc cướp ở nơi biên giới, Chu Nhai đang làm hữu can ngưu vệ đại tướng quân, đổi sang làm kinh lược sứ, không bao lâu lại về Quảng Châu.

Năm Mậu Dần (858). (Đường, năm Đại Trung thứ 12).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà Đường dùng Vương Thức làm kinh lược đô hộ sứ.

Theo Đường thư , Vương Thức đang làm thứ sử Tấn Câu, vì có tiếng giỏi, được thăng làm An Nam đô hộ: Người làm đô hộ trước, gặp lúc đang đại hạn, ruộng bị khô, lại làm lũy gỗ¹⁷⁷ (để ngăn ngừa giặc cướp), bắt dân hàng năm nộp tiền. Đã không làm hoàn thành cho kịp thời, lại hạch sách và bắt dân đóng góp rất gắt gao! Đến khi Vương Thức sang làm đô hộ, Thức trích lấy tiền thuế một năm mua cây táo gai (cức mộc)¹⁷⁸ , ken làm lũy suốt 12 dặm, bãi bỏ thuế ngoại phụ hàng năm để nhẹ cho thường dân; lại đào hào, rào lũy, ngoài trồng tre gai, giặc cướp không thể vào được. Sau, quân Man cướp Cẩm Điền bộ, Vương Thức sai người dịch lời mình hiểu dụ họ, một đêm kia quân Man kéo đi, sai người đến tạ rằng: "Chúng tôi tự đến bắt quân Lao làm phản, chứ không phải làm giặc đâu".

Theo Cương mục (Trung Quốc), Vương Thức là người có tài năng và mưu lược, khi mới đến phủ, thấy đô hiệu là La Hành Cung đã từ lâu vẫn chuyên giữ chính quyền, số quân tinh nhuệ dưới cờ chỉ huy của hắn có tới hai nghìn người, còn quân của phủ đô hộ chỉ có mấy trăm người gầy yếu. Vương Thức đến nơi đem Hành Cung ra phạt trượng và cách thức.

Lời chua - Vương Thúc: theo truyện Vương Bá trong Đường thư , Vương Thúc người đất Thái Nguyên, đậu khoa hiền lương phương chính¹⁷⁹ khoảng giữa niên hiệu Đại Trung (847-859), làm thứ sử Tấn Châu, cứu sống được mấy nghìn dân xiêu giạt, vì thế nổi tiếng được thăng làm đô hộ An Nam.

Cúc mộc: Tên một thứ cây, dùng làm lũy, bền được vài mươi năm. Theo lời chua trong Cương mục¹⁸⁰ , khoảng giữa niên hiệu Vĩnh Lạc (1403-1424) đời Minh, thượng thư Trần Hiệp, khi ở Giao Chỉ tìm được sách An Nam chí (có chép) Vương Thúc đời Đường trồng cây táo gai làm chiến hào chìm¹⁸¹ , xung quanh hào trồng tre gai, giặc cướp không xâm phạm được. Nay ở Giao Chỉ có cây táo gai.

Cầm Điền: Chưa biết rõ ở đâu.

Bộ: Tức là bến đò; Cầm điền bộ tức là bến đò Cầm Điền. Theo sách Thanh Xương tạp ký , ở Lĩnh Nam gọi Tân (bến sông) là Bộ.

Tháng 5, mùa hạ. Quân Thổ man đến lấn cướp. Vương Thúc đánh lui được địch.

Theo truyện Nam Chiếu trong Đường thư , trước kia Lý Trác làm kinh lược sứ, khắc nghiệt tham ô, tự tư tự lợi, cứ mỗi đầu muối đổi lấy một con trâu, người Man Di không chịu nổi. Họ liên kết với tướng Nam Chiếu là Đoàn Tù Thiên cướp phủ đô hộ. Họ tự xưng là Bạch Y một mệnh quân (Quân Áo trắng liều mạng). Lý Trác lại giết tù trưởng người Man là Đỗ Tồn Thành; dân chúng Thổ Man đều oán giận, dắt người Nam Chiếu vào cướp vùng biên giới. Vì thế Giao Châu mới xảy ra mối lo ở biên cương; đến đây người Man lại vào cướp. Vương Thức đánh lui được quân Man.

Tháng 7, mùa thu. Dân Giao Châu nổi loạn, vây phủ thành Vương Thức bắt giết dân nổi loạn.

Theo sách An Nam kỷ yếu , khi bấy giờ có gian dân¹⁸² họp nhau làm loạn. Nhân ban đêm, họ đánh trống reo hò, kéo đến vây thành, phao đồn là quan kinh lược sứ Chu Nhai sai đạo binh dưới cờ là Hoàng đầu quân¹⁸³ vượt biển sang đánh úp, xin đưa quan đô hộ¹⁸⁴ về Bắc (Trung Quốc). Nay ta đến đóng ở thành này để chống lại với Hoàng đầu quân từ Bắc phương kéo sang. Vương Thức đang ăn cơm; có người khuyên nên lánh đi. Vương Thức trả lời: "Ta nếu dời chân một chút thì thành này vỡ ngay". Vương Thức cứ ngồi ăn thông thả đến xong bữa. Đoạn, Vương Thức đóng áo giáp, đem những kẻ tả hữu lên thành,

kéo cờ đại tướng, ngồi đẩy quả trách dân nổi loạn, thì chúng trở tan chạy. Ngay hôm sau Vương Thúc cho bắt và giết hết.

Giao Châu bấy giờ luôn luôn đói kém và loạn lạc, đến nỗi hàng 6 năm không có thuế nộp lên trên, trong quân lính không có khi nào khao thưởng. Vương Thúc mới sửa lễ cống, khao các quân sĩ. Từ đấy các nước Chiêm Thành, Chân Lạp đều sai sứ đi lại và trả lại những dân đã cướp đi từ trước.

Lời chua - Hoàng đầu quân: Theo Đường thư , lính thú đóng ở Trung Vũ mặc áo cánh rộng vạt ngắn đầu đội khăn vàng, nên phương nam gọi là Hoàng đầu quân, đó là tứ lính tinh nhuệ trong nước. Lúc đó kinh lược sứ là Chu Nhai đã về Quảng Châu, nên đám dân nổi loạn phao đồn như vậy.

Chiêm Thành: Tức là Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb.3, 20).

Chân Lạp: Tên nước, ở về phía nam Lâm Ấp. Theo Đường thư , Chân Lạp còn có tên là Cát Miệt (Khor Me). Chân Lạp vốn xưa là thuộc quốc của Phù Nam, sau năm Thần Long (705-706) đời Đường, chia làm hai: nửa về phía bắc có nhiều gò núi, gọi là Lục Chân Lạp, tức nay là Cao Miên; nửa

ở về phía nam liền biển, nhiều hồ, nhiều chằm, nên gọi là Thủy Chân Lạp, nay là sáu tỉnh Nam Kỳ¹⁸⁵.

Năm Canh Thìn (860). (Đường, Ý Tông, năm Hàm Thông thứ 1). Tháng 3, mùa xuân. Nhà Đường cho Lý Hộ sang làm đô hộ.

Theo Cương mục (Trung Quốc), giặc ở Chiết Đông là Cửu Phủ làm loạn, vua Đường bàn với các quan kén tướng đi đánh, Hạ Hầu Ti nói: "Vương Thức, con nhà nhỏ, trước làm quan ở An Nam, đã có công, có thể dùng được". Vì thế mới vời Vương Thức cho làm Quan sát sứ Chiết Đông, dùng Lý Hộ sang thay Vương Thức làm Đô hộ.

Tháng 12, mùa đông. Nam Chiếu đánh phá phủ thành, Đô hộ Lý Hộ bỏ châu lỵ chạy.

Theo sách Thông giám, khi Lý Hộ mới đến Đô hộ phủ, giết người tù trưởng dân Man là Đỗ Thủ Trùng. Đồng đảng của Thủ Trùng mới xui người Nam Chiếu đánh phá phủ thành, Lý Hộ chạy về Vũ Châu.

Năm Tân Tị (861). (Đường, năm Hàm Thông thứ 2).

Tháng 6, mùa hạ. Nhà Đường dùng Vương Khoan làm Kinh lược sứ.

Lý Hộ bị thua, nhà Đường đem quân Ung quân và quân các đạo lân cận sang cứu.

Theo sách Thông giám, Lý Hộ từ Vũ Châu tập hợp lính thổ, kéo về đánh các quân Man, lấy lại được châu thành. Vua Đường trách Lý Hộ về tội bỏ thành trì, giáng chức cho làm tư hộ Đàm Châu. Sau đó vua Đường cho rằng họ Đỗ của Thủ Trùng hầy còn mạnh lắm, cốt sao nhuế nhóa để mong thu dùng được họ, bèn cho Tôn Thành, cha Thủ Trùng, làm Kim ngô tướng quân. Vua Đường lại quở trách Lý Hộ về tội giết Thủ Trùng, liền đày đi Nhai Châu một thời hạn, lâu dùng phòng ngự sứ Diêm Châu là Vương Khoan sang thay Lý Hộ.

Lời chua - Ung Quân: Tức là Ung Châu một khu vực hành chính do nhà Đường đặt. Theo sách Cương mục tập lãm , quân cũng như phủ.

Đam Châu: Tức là Đàm Nhĩ, đời Đường thuộc về đạo Lĩnh Nam. Xem: Triệu Thuật Dương vương, năm Kiến Đức thứ nhất (Tb.2, 4-6).

Đây trở lên, từ năm Tân Dậu, thuộc nhà Lương, niên hiệu Đại Đồng thứ 7, đến năm Tân Ty thuộc nhà Đường, niên hiệu Hàm Thông thứ 2, cộng ba trăm hai mươi một năm (541-861).

136 Chức quan đứng đầu một bộ được đặt ra từ thời Hán. Thời kỳ đầu Thượng thư còn gọi là Tào.

137 Một chức quan trông coi cổng thành ở thời nhà Lương. Quảng Dương môn lang là canh gác cổng thành thứ nhất ở phía tây nam thành Kiến Khang.

138 Nay là thôn Tử Các thuộc xã Thái Đô, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

139 Nguyên văn là Vạn Xuân đài. "Đài" là một kiến trúc vật xây cao, có thể nhìn ngó xuống dưới thấp.

140 Chức quan đứng đầu triều, như Tể tướng.

141 Chỉ Dương Phiếu.

142 Tức là tên gọi của Độc sử phương dư kỷ yếu . Cố Tổ Vũ (1624-1680), tên tự là Phục Sơ, lại có tự nữa là Cảnh Phạm, quê ở Vô Tích thuộc Giang Tô, người cuối đời Minh đầu đời Thanh. Sách này gồm 130 quyển, trong có 9 quyển chép về hình thế cương vực châu quận các triều đại, 114 quyển chép về Nam Bắc trực lệ 13 tỉnh, 6 quyển chép về nguyên ủy núi sông, 1 quyển chép về phân dã thiên văn. (theo Trung Quốc văn học gia đại từ điển , trang 1354-1355, Từ nguyên tập dục, trang 59).

143 Tiếng "mị nương" ở đời Hùng Vương cũng như tiếng công chúa ở đời sau, chứ không phải tên riêng.

144 Tức là cấm thành, nơi vua ở.

145 Tức là Lào.

146 Miền núi nước Lào.

147 Tức là Đại Tần Bà La Môn gọi tắt, ở biên giới Ấn Độ (theo Tập san bác tử, tập IV, năm 1904, trang 371).

148 Dương Thận (1488-1559), tự Dụng Tu, hiệu Thăng An, người Tân Đô đời Minh. Ngài cuốn Điền tái ký này, Thận còn có cuốn Điền trình ký và nhiều tác phẩm nữa (theo Trung quốc văn học gia đại từ điển trang 1083-1084).

149 Một tên riêng tỉnh Vân Nam.

150 Hai chữ "cát" khác nhau: chữ cát ở tên cũ ____ nghĩa là cắt; chữ cát ____ ở tên sau nghĩa là dây sắn.

151 Hai chữ "nha" theo tiếng Việt thì âm như nhau, nhưng theo chữ Hán, mặt chữ khác nhau.

152 Hai chữ "nha" theo tiếng Việt thì âm như nhau, nhưng theo chữ Hán, mặt chữ khác nhau.

153 Tên nôm là Cồn Liêu, nay thuộc Nam Định.

154 Cửa biển Đại Nha nay là cửa Tam Tòa lục bộ, đây cũng có đền thờ

Triệu Việt vương, lại có bia chép chuyện rõ lắm.

155 Sách Cương mục in gọi sai là Kỷ Mão, thật ra phải là Tân Mão mới đúng: Kỷ Mão là năm 559 (Triệu Việt vương năm thứ 11), tính đến Nhâm Tuất là năm 602 thì sẽ là 44 năm, chứ không phải là 32 năm. Vậy xin chữa là Tân Mão .

156 Một chức quan mang tính thi hành nhiệm vụ, không đặt thưởng xuyên.

157 Còn có âm nữa là "đồ", nên cũng đọc là "đồ", nhưng theo âm "chà" mới đúng với tên đất mà ta còn biết được.

158 Chức quan đứng đầu Giao Châu, trông coi quân dân, như chức Thứ sử các đời trước.

159 Sách Cương mục in sai là năm Phổ Thông thứ 6, thực ra là năm Phổ Thông thứ 4 (523) (Tb.3, 33). Vậy xin đính chính lại.

160 Tên một dân tộc thiểu số xưa.

161 Chế độ tô, điều nhà Đường mỗi suất đinh được một khoảnh ruộng, hàng năm, phải nộp hai hộc thóc, gọi là tô ; mỗi năm lại phải nộp hai tấm lụa, ba lạng bông (nếu không nộp lụa mà nộp vải thì phải tăng thêm một phần năm), ba cân gai, hoặc nộp bạc thì phải mười bốn lạng, gọi là điệu .

162 Chế độ tô, điều nhà Đường mỗi suất đinh được một khoảnh ruộng, hàng năm, phải nộp hai hộc thóc, gọi là tô ; mỗi năm lại phải nộp hai tấm lụa, ba lạng bông (nếu không nộp lụa mà nộp vải thì phải tăng thêm một

phần năm), ba cân gai, hoặc nộp bạc thì phải mười bốn lạng, gọi là điệu .

161 Cũng đọc là Bồ Đà hoặc Xà Bà.

162 Một chức quan ở thời nhà Đường, đứng đầu miền đất nước ta, như chức Thứ sử thời trước.

163 Tức là nhân dân theo văn hóa Hán tộc (Trung Hoa).

164 Theo nghĩa đen, cơ là cái dây giàng đầu con ngựa; mi là cái giàn hai má trâu bò. Cơ mi là giàng buộc lỏng lẻo, có đặt ra châu nhưng không bắt theo đúng kỷ luật chế độ.

165 Một chức quan được đặt ra từ thời nhà Đường. Đứng đầu phủ An Nam đô hộ, tức cai quản toàn bộ quân dân miền đất nước ta.

166 Tập khai về địa chí của tỉnh Sơn Tây.

167 Nay thuộc thị xã Sơn Tây (ngoại thị).

168 Một chức quan ở thời Đường, đứng đầu cai quản toàn bộ miền đất nước ta.

169 Bắt dân hằng năm đóng thuế vào cả một kỳ.

170 Tức vua nước Chiêm Thành.

171 Một chức võ quan cấp bậc thấp.

172 Tù tức là Tù trưởng, người đứng đầu các người Man.

173 Xem chú giải ở trên, năm 546.

174 Quyên tiền và thóc để được làm quan.

175 Xem chú giải ở trên, năm 757.

176 Các nước ở ngoài Trung Quốc mà thần phục Trung Quốc như: Cao Ly, Bách Lê, Thổ Phồn, Đột Quyết, v.v...

177 Nguyên văn là "một sách".

178 Xem Lời chua ở dưới.

179 Tên một khoa thi để kén nhân tài có từ đời Hán. Khoa thi này chuyên tuyển lấy những người có tài văn học để bổ làm quan. Đời Đường, Tống vẫn còn noi theo.

180 Cương mục là một bộ sử Trung Quốc mà sách Cương mục ta theo dùng làm mẫu (xem phạm lệ). Sách Cương mục (Trung Quốc), tác giả là Chu Hi đời Tống (thế kỷ XI): thế mà lời chua ở đây lại nói: "Theo lời chua trong Cương mục thì khoảng năm Vĩnh Lạc (1403-1424) đời Minh v.v...". Mới xem, có thể ngờ là không đúng. Nhưng xét kỹ về lại lịch sách Cương mục, ta cũng có thể tin là không sai. Khoảng thế kỷ XI, Chu Hi nhân sách Tự Trị thông giám của Tư Mã Quang làm thành sách Thông giám Cương mục (gọi tắt: Cương mục), phỏng theo lối Xuân thu, chia ra phần cương và phần mục. Sau giao cho học trò là Triệu Sư Uyên làm trọn bộ gồm 59 quyển. Sau nữa Kim Lý Tường làm thêm Tiền Biên. Đến đời Minh, Thương Lạc làm tục Hậu biên. Đến đời Kiến Long (thế kỷ XVII). Tất Nguyên lại theo lối Tự Trị thông giám làm tiếp từ Tống đến Nguyên,

gồm 320 quyển. Sách này tuy không tinh tường bằng sách của Tư Mã Quang, nhưng rất thông dụng.

181 Nguyên văn là "Đường Vương Thúc thụ cục mộc vi một hào, chu thực chính trúc".

182 Theo nghĩa đen, gian dân là người dân không làm ăn chính đáng theo đúng pháp luật.

183 Vì ai nấy bịt đầu bằng khăn màu vàng, nên gọi là "Hoàng đầu quân" (theo chú thích của Đại việt sử ký , quyển 6, tờ 14b) xem thêm Lời chua của Cương mục ở dưới.

184 Chỉ Vương Thúc.

185 Gia Định, Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang và Hà Tiên.

Quốc Sử Quán Triều Nguyễn

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Tiền Biên-Quyển thứ V

Năm Nhâm Ngọ (826). (Đường, năm Hàm Thông thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Nam Chiếu lại vào lần cướp. Nhà Đường cho Thái Tập sang làm kinh lược sứ, đem quân chống nhau với quân Nam Chiếu.

Theo Cương mục (Trung Quốc), nước Nam Chiếu vào lần cướp, Vương Khoan nhiều lần cáo cấp với nhà Đường. Vua Đường dùng Thái Tập, nguyên quan sát sứ Hồ Nam, sang thay Vương Khoan, vẫn điều động quân các đạo Hứa, Hoạt, Từ, Biện, Kinh, Tương, Đàm, Ngạc, tất cả là ba vạn người, giao cho Thái Tập để chống nhau với Nam Chiếu. Thế lực quân Đường đã mạnh, người Man phải rút lui.

Lời chua - Hứa, Hoạt, Từ, Biện, Kinh, Tương, Đàm, Ngạc: Tên tám châu (Trung Quốc).

Tháng 5, mùa hạ. Nhà Đường chia đất Lĩnh Nam làm hai đạo; Đông và Tây. Dùng Vi Trụ và Thái Kinh sang làm tiết độ sứ.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), tả thứ tử¹⁸⁶ Thái Kinh có tính tham tàn, hay dối trá. Tể tướng bấy giờ tưởng hấn là người có tài cai trị, tâu xin cho Kinh đi khu xử các việc ở Lĩnh Nam. Đất Lĩnh Nam trước kia chia làm năm quản¹⁸⁷ là Quảng, Quế, Ung, Dung và An Nam, đều lệ thuộc Lĩnh Nam. Theo lời tâu xin của Thái Kinh, nhà Đường chia Quảng Châu làm Đông Đạo, Ung Châu làm Tây Đạo, giao cho Vi Trụ và Thái Kinh mỗi người coi một đạo. Thái Tập bấy giờ cầm quân các đạo đóng ở An Nam. Thái Kinh ghen ghét, sợ Thái Tập lập công, bèn tâu với vua Đường rằng quân Man đã lánh xa, nơi biên viễn không có gì đáng lo ngại, xin bãi bỏ lính thú. Vua Đường nghe theo lời Thái Kinh. Thái Tập nhiều lần tâu rằng quân Man vẫn rình chỗ sơ hở của ta, không thể không có quân đóng để phòng bị; vậy xin lưu lại năm nghìn quân. Vua Đường không nghe. Thái Tập có làm bài trạng nói mười điều tất chết gửi lên tòa Trung thư. Tể tướng lúc đó cả nghe lời Thái Kinh, không xét gì lời trạng cả. Thái Kinh cai trị làm nhiều điều hà khắc thảm hại. Nhân dân khắp nơi ai cũng ta oán. Rồi bị quân sĩ đuổi đi, Kinh phải giáng chức làm tư hộ Nhai Châu, nhưng hấn không chịu đến Nhai Châu nhận chức, khi hấn về đến Linh Lăng, vua Đường hạ lệnh bắt phải tự tử.

Lời chua - Quảng, Quế: Sử cũ chép sai là Liêm, Quế. - Vi Trụ: Người Vạn Niên thuộc Kinh Triệu. Theo truyện Vi Đan trong Đường thư, con Đan là Trụ được thăng làm tiết độ sứ Lĩnh Nam.

Năm Quý Mùi (863). (Đường, năm Hán Thông thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Nam Chiêu đánh phá phủ đô hộ. Kinh lược sứ Thái Tập và ngu hậu Nguyên Duy Đức đều bị chết.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), nước Nam Chếu thống suất quân các Man gồm năm vạn người đến lấn cướp. Thái Tập cáo cấp với nhà Đường. Vua Đường hạ sắc điều động hai nghìn quân ở Kinh, Hồ và ba nghìn quân ở Quế Quảng sang cứu viện. Các quân ấy chưa đến nơi, Nam Chiêu đã vây thành phủ; quân cứu viện không tới được, thành liền bị phá. Thái Tập quanh mình không còn ai, đi bộ gắng sức cố đánh, khắp mình bị mười mũi tên. Tập muốn chạy xuống thuyền giám quân, thì thuyền đã lìa khỏi bờ, liền nhảy xuống sông chết. Các tướng sĩ Kinh Nam hơn 400 người, chạy đến bến nước ở phía

đông thành; ngu hậu là Nguyên Duy Đức bảo mọi người: "Bọn ta không có thuyền, xuống nước thế nào cũng chết, chi bằng quay lại cùng đánh

nhau với quân Man, cứ một mạng đổi lấy hai quân Man, cũng vẫn có lợi". Nói xong, liền kéo về phía thành, tung quân ra giết được hơn hai nghìn người Man. Đêm đến, tướng Man là Dương Tư Tấn kéo ra tiếp cứu, bọn Duy Đức bị thua trận bị chết. Nước Nam Chiếu hai lần đánh phá phủ đô hộ, vừa giết vừa bắt làm tù binh tổng số đến mười lăm vạn người. Chúng lưu lại hai vạn quân Man, sai tướng là Dương Tư Tấn ở lại giữ thành phủ. Các Di, Lào ở miền Khê động đều đầu hàng chúng.

Lời chua - Theo sách Điền tá ký của Dương Thận, năm Hàm Thông thứ 4 (863) đời Đường, người Nam Chiếu là Mông Thế Long cướp Giao Chỉ, vừa giết vừa bắt làm tù binh gần mười lăm vạn người, lưu lại hai vạn quân Man, sai tướng của chúng là Dương Tư Tấn ở lại chiếm đóng. Các Di, Lào ở miền Khê động đều ra hàng cả. Đến năm Hàm Thông thứ 5 (864), chúng lại sang cướp Ung Châu, bị thua, rút về. Năm Hàm Thông thứ 7 (866), tiết độ sứ Cao Biền đánh phá tan hủ, Giao Chỉ lại yên. Xem thế thì Nam Chiếu lúc bấy giờ là Nam Chiếu dưới thời Mông Thế Long.

Tháng 6, mùa hạ. Nhà Đường bãi bỏ phủ đô hộ, đặt ra Hành Giao Châu ở trấn Hải Môn; dùng Tống Nhung làm thứ sử, Khang Thừa Huân giữ chức kiêm Lĩnh Nam chư quân hành doanh.

Theo sách An Nam kỷ yếu, bấy giờ Nam Chiếu đánh phá phủ thành, nhà Đường gọi quân các đạo về giữ Lĩnh Nam Tây Đạo, bãi bỏ phủ đô hộ, đặt

Hành Giao Châu ở trấn Hải Môn, dùng hữu giám môn vệ tướng quân
Tống Nhung làm chức Hành Giao Châu thứ sử, Vũ Nghĩa tiết độ sứ
Khang Thừa Huấn kiêm tiết độ sứ Lĩnh Nam và chư quân hành doanh.

Theo sách **Cương mục** (Trung Quốc), Khang Thừa Huấn đến Ung Châu, không đặt quân xích hậu¹⁸⁸. Khi Nam Chiếu đem sáu vạn người sắp tiến vào địa giới, Thừa Huấn sai quân ra chống cự, thì cả tám nghìn người trong năm đạo quân đều bị chết, duy có quân Thiên Bình đến sau được thoát. Thừa Huấn không biết xoay xử ra sao. Phó sứ Lý Hành Tổ đem quân sửa hào lũy vừa mới xong; quân Man bỏ vây đến bốn ngày. Lúc khi giới chuẩn bị gần đủ, các tướng xin: đêm đến, chia từng đạo quân đánh phá đánh phá vào doanh trại quân Man. Khang Thừa Huấn không nghe. Có viên tiểu hiệu trong quân Thiên Bình, hai ba lần cố tranh cãi, Thừa Huấn mới chịu nghe. Viên tiểu hiệu này đem ba trăm dũng sĩ đang đêm dùng dây từng người một ra khỏi thành, phóng lửa đốt các dinh trại quân Man, chém được hơn năm trăm thủ cấp. Quân Man phải cởi vòng vây, rút đi. Khang Thừa Huấn mạo nhận lấy công ấy, tâu tin thắng trận lên triều đình. Nhà Đường thăng Thừa Huấn lên chức kiểm hiệu hữu bộc xạ, các con em thân cận của hắn đều được tâu là có công và đều được thưởng. Còn viên tiểu hiệu có công đốt dinh trại địch không được thăng một cấp bậc nào cả. Vì thế, trong quân ai cũng oán giận.

Lời chua - Khang Thừa Huấn: Theo truyện Khang Nhật Tri trong Đường thư, Thừa Huấn là người Linh Châu, con Khang Nhật Tri. Vì ông cha có

công, Thừa Huấn được bổ làm quan, dần lên đến chức hữu thần vũ tướng quân, thăng làm Vũ Nghĩa tiết độ sứ, rồi đổi sang Lĩnh Nam Tây Đạo.

Hải Môn: Theo Thanh nhất thống chí , trấn Hải Môn ở cách 15 dặm về phía tây huyện Bắc Bạch thuộc châu Uất Lâm bây giờ, xưa kia là đường đi vào đất An Nam. Cao Biền luyện tập quân lính ở đó, và từ đây tiến quân lấy lại An Nam. Có người bảo Hải Môn trấn ở Hải Dương, đó là nhận lầm chữ Hải Môn là nơi cửa biển (hải môn) mà Ngô Quyền trông cộc để đánh Hoàng Tháo.

Tháng 7, mùa thu. Nhà Đường lại đặt phủ đô hộ ở Hành Giao Châu; dùng Tống Nhung làm kinh lược sứ, đem quân Sơn Đông sang đóng giữ.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), quân các đạo nhà Đường sang cứu viện An Nam thường tụ tập đóng đồn ở Lĩnh Nam, việc vận tải lương thực vừa nhọc vừa tốn. Trần Bàn Thạch, người Nhuận

Châu, dâng sớ xin đóng thứ thuyền lớn trọng tải được nghìn hộc, để trở gạo từ Phúc Kiến đi đường biển không đầy một tháng đến Quảng Châu. Vua Đường nghe theo, nên lương ăn của quân lính mới đầy đủ. Nhưng các quan cứ mượn tiếng "hòa cô"¹⁸⁹, chiếm đoạt thuyền buôn, khi đi ra biển, có chiếc bị sóng gió làm chìm đắm thì viên chức có trách nhiệm lại giam

giữ viên cương lại¹⁹⁰ và bắt người chủ thuyền phải đền số gạo bị mất. Người ta phải khổ về việc này.

Lời chua - Cương Lại: Cũng như Cương Điền, theo lời chua của Cương mục tập lãm , là Lại Viên giữ giấy má sổ sách về việc chở lương thực.

Năm Giáp Thân (864). (Đường, năm Hàm Thông thứ 5).

Nhà Đường dùng tổng quản kinh lược sứ Trương Nhân kiêm giữ cả các công việc Giao Châu.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), bấy giờ Nam Chiếu lần cướp Ung Châu, quan quân nhà Đường thua thiệt nặng. Thừa Huấn mạo nhận có công, được thăng chức Kiểm hiệu Lĩnh Nam tiết độ. Vi Trự biết rõ việc làm của Thừa Huấn, viết thư trình bày lên tể tướng. Nhà Đường bèn bãi chức Thừa Huấn, dùng Trương Nhân sang thay, và thêm ba vạn năm nghìn quân cho trấn Hải Môn, sai Trương Nhân tiến lấy thành phủ đô hộ.

Tháng 7, mùa thu. Nhà Đường dùng Cao Biền làm đô hộ tổng quản kinh lược chiêu thảo sứ.

Theo sách An Nam kỷ yếu, Trương Nhân dùng dẫu không chịu tiến quân Hạ Hầu Ti tiến cử Kiêu Vệ tướng quân Cao Biền sang thay; Trương Nhân giao lại cho Cao Biền tất cả những quân mà Nhân đã coi quản.

Lời chua - Cao Biền: Theo truyện Cao Biền trong Đường thư , Biền, tiểu tự là Thiên Lý, người U Châu, là cháu Sùng Văn, một nhà truyền đời làm quân Cẩm Vệ. Cao Biền, từ khi còn nhỏ, rất chịu khó trau dồi về văn học. Giao du với các nho sĩ, Biền bàn luận đường lối chính trị một cách rành rỏi. Những người trong hai quân Cẩm, Vệ¹⁹¹ lại càng khen ngợi Biền. Biền theo hầu Chu Thúc Minh, làm tư mã¹⁹² . Bấy giờ có hai con chim điêu (thuộc loại chim cắt) đang song song bay với nhau, Cao Biền giương cung định bắn và khấn: "Nếu ta sau này làm nên sang cả, thì bắn trúng nhé!". Khấn rồi bắn một phát trúng cả đôi. Mọi người đều quá đỗi kinh ngạc, nhân thế gọi Biền là Lạc Điêu thị ngự (quan thị ngự bắn rơi chim điêu). Biền làm quan, được thăng dần đến hữu thần sách đô ngu hâu, vì có công, lại được thăng làm phòng ngự sứ Tân Châu. Hồi Nam Chiếu đánh phá Giao Châu, Biền được cử sang thay Trương Nhân đánh Nam Chiếu.

Hạ Hầu Ti: Theo truyện Lưu Triện , Hạ Hầu Ti tên tự là Hiếu Học, người đất Tiêu thuộc Bạc Châu.

Năm Ất Dậu (865). (Đường, năm Hàm Thông thứ 6).

Tháng 7, mùa thu. Cao Biền tiến quân sang Phong Châu, đánh và phá tan được quân Man.

Theo sách *Cương mục* (Trung Quốc), Cao Biền đang rèn luyện quân lính ở trấn Hải Môn, chưa tiến quân; giám quân là Lý Duy Chu ghét Biền, muốn hại Biền, nên nhiều lần cứ thúc Biền tiến quân. Biền đem hơn năm nghìn người vượt biển đi trước, hẹn Duy Chu cho quân tiếp ứng viện trợ cho. Khi Biền đem quân đi rồi, Duy Chu giữ chặt quân còn lại, không chịu điều động xuất phát. Tháng chín, quân Cao Biền đến Nam Định¹⁹³, thấy dân Man Phong Châu ngót năm vạn người đang gặt lúa ở đồng ruộng, Biền ập lại đánh tan được, chém được Man tướng là bọn Trương Thuyên, thu lấy lúa của dân đã gặt để làm lương ăn cho quân.

Lời chua - Nam Định: Theo Địa lý chí trong Đường thư, Nam Định đặt năm Vũ Đức thứ 4 (621), thuộc Giao Châu. Theo Thái Bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử đời Tống, ở huyện Nam Định có núi Đông Cứu. Theo Thanh nhất thống chí, núi Đông Cứu ở châu Gia Lâm. Nay xét núi Đông Cứu ở huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, vậy huyện Nam Định phải ở địa giới Gia Lâm và Gia Bình.

Phong Châu: [Xem đời Hùng Vương \(Tb.I, 2\).](#)

[Năm Bính Tuất \(866\). \(Đường, năm Hàm Thông thứ 7\).](#)

Tháng 4, mùa hạ. Cao Biền đánh lấy lại được thành Giao Châu. Nhà Đường thăng cho Biền lên chức kiểm hiệu Công bộ Thượng thư.

Theo Đường thư , bấy giờ thủ lĩnh man Nam Chiếu tên là Tù Long, bỏ Đoàn Tù Thiên làm tiết độ sứ ở Thiện Xiển, sai Dương Tập Tư giúp Tù Thiên sang lấn cướp, cho Phạm Ni Ta làm phủ đô thống, Triệu Nặc Mi làm đô thống ở Phù Da.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), Cao Biền tiến quân thường đánh phá được quân Nam Chiếu. Những tin thắng trận ấy gửi đến trấn Hải Môn đều bị Duy Chu dìm đi cả. Chu lại tâu với vua Đường rằng Biền có ý nuông giặc, không chịu tiến quân. Vua Đường nổi giận, muốn giáng chức Cao Biền, dùng hữu vũ vệ tướng quân Vương Ân Quyền sang thay và gọi Biền về triều. Ngày tháng ấy, Biền lại đánh thắng quân Nam Chiếu được một trận lớn, vừa giết vừa bắt được nhiều lắm, rồi bao vây thành Giao Châu đến hơn mười ngày; quân Man bị khốn quẫn lắm. Khi thành sắp sửa bị hạ thì Biền nhận được công văn của Vương Ân Quyền cho biết rằng Ân

Quyền đã cùng với Duy Chu đem đại quân do cửa biển xuất phát rồi. Biền lập tức giao việc quân cho Vi Trọng Tể, rồi cùng với hơn trăm người thủ hạ trở về Bắc. Trước đây, tiểu sứ Vương Tuệ Tán do Trọng Tể sai phái và tiểu hiệu Tăng Cồn do Cao Biền cất cử, cùng nhau đem thư báo tin thắng trận về tâu với vua Đường. Khi đi trên biển, hai người trông thấy bóng cờ từ phía đông sang, hỏi những thuyền đi biển, họ cho biết đấy là quan kinh lược mới¹⁹⁴ và quan giám quân¹⁹⁵ sang đấy. Hai người bàn nhau: Duy Chu thế nào cũng cướp lấy tờ biểu này của ta. Họ liền cùng nhau trốn vào trong hải đảo, đợi Duy Chu đi khỏi, lập tức lên đường đi gấp về kinh đô. Vua Đường nhận được sớ biểu, mừng lắm, thăng chức cho Cao Biền lên kiểm hiệu Công bộ thượng thư, lại cho trở lại trấn. Bảy giờ, Cao Biền mới đến trấn Hải Môn, lại trở lại. Án Quyền là người mờ tối biếng nhác, Duy Chu là người tàn ác, tham lam, các tướng không ai chịu cộng sự với họ, nên đã bỏ lỏng vòng vây, quân Man trốn thoát mất quá nửa. Cao Biền khi đến nơi, lại đốc thúc tướng sĩ đánh và hạ được thành, chém hơn ba vạn thủ cấp, giết được Tù Thiên và thổ man là Chu Cổ Đạo đã làm người dẫn đường cho quân Nam Chiếu. Quân Nam Chiếu phải chạy trốn. Cao Biền lại phá được hai động thổ mán hòa theo Nam Chiếu và giết những tù trưởng của họ. Các thổ mán khác đem dân chúng đến quy phục với Cao Biền có tới một vạn bảy nghìn người.

Lời chua - Thiên Xiển: Theo Nam Man truyện trong Đường thư , Thiên Xiển là một kinh đô của nước Nam Chiếu, ở về phía tây bắc Giao Châu.

Phù Da: Theo Thanh nhất thống chí , phủ An Nam đô hộ có huyện Phù Da thuộc châu Vũ Định. Lại theo Vân Nam cổ tích , Vân Nam có thành Phủ Da ở huyện La Thứ¹⁹⁶ .

Tháng 11, mùa đông. Giặc Man đã dẹp yên. Nhà Đường đặt Tĩnh hải quân, dùng Cao Biền làm tiết độ sứ.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), kể từ khi Lý Trác sách nhiễu nhân dân, dân các Man nổi lên gần 10 năm; đến nay mới bình định xong, nhà Đường đặt Tĩnh Hải quân ở An Nam, dùng Cao Biền làm tiết độ sứ. Bắt đầu từ đây, An Nam đổi tên là Tĩnh Hải quân tiết trấn.

Cao Biền vào ở phủ lý, đắp Đại La thành.

Theo sách An Nam kỷ yếu, Cao Biền đắp Đại La thành, và làm ra sổ sách chép rõ bờ cõi, số lính thú trong trấn và các thuế má cống nạp. Người Giao Châu kính sợ Cao Biền, gọi Biền là Cao vương.

Sử cũ chép: La Thành của Cao Biền đắp chu vi một nghìn chín trăm tám mươi hai trượng linh trăm thước (1982 trượng, 5 thước)¹⁹⁷ ; thân thành cao

hai trượng, sáu thước (2 trượng, 6 thước); chân thành rộng hai trượng, năm thước (2 trượng, 5 thước); nữ tường¹⁹⁸ bốn mặt cao năm thước, năm tấc (5 thước 5 tấc); năm mươi năm lâu vọng địch; sáu nơi ứng môn¹⁹⁹, ba cái hào nước, ba mươi tư đường đi. Lại còn đắp con đê vòng quanh ngoài thành dài hai nghìn một trăm hai mươi năm trượng, tám thước (2125 trượng, 8 thước), đê cao một trượng, năm thước, chân đê rộng hai trượng, và làm hơn bốn mươi vạn gian nhà.

Cao Biền đi tuần xem xét đến hai châu Ung, Quảng thấy trên đường biển có nhiều đá mọc ngầm, làm cho việc vận tải lương thực không được thông đồng. Biền sai trưởng sử là Lâm Phúng và Hồ Nam tướng quân là Dư Tồn Cổ đem quân bản bộ và thủy thủ hơn một nghìn người đi khai đào. Lúc đi, Biền có dụ bảo họ rằng: "Đạo trời thường giúp lẽ phải, thần linh hay phò người ngay. Bây giờ đi khai đường biển để giúp đời sống cho nhân dân, nếu ta không vụ lợi riêng thì việc làm có gì là khó?". Lâm Phúng ra đi, khởi công làm việc khơi đục, giữa vời vấp phải có hai hòn đá lớn dằng dẳng dài đến mấy trượng, rìu búa đục mãi cũng không ăn thua gì, tự nhiên có sấm sét đánh luôn mấy trăm tiếng: tảng đá lớn đều bị vỡ tan. Về phía tây lại có hai hòn đá lớn mọc sừng sững đối nhau, các thợ đều phải bó tay. Thế rồi lại có sấm sét đánh như trước, làm tan cả ra. Đường biển do vậy mới được thông đồng. Nhân thế gọi tên nơi ấy là Thiên Uy cảng (cảng oai trời).

Lời phê - Nay xét: trong **Đường thư**, Cao Biền bị liệt vào truyện **Bạn**

thần²⁰⁰ ; do vì Biền ăn ở hai lòng, nên mắc phải tai vạ, chứ có gì đáng khen! Còn như việc dẹp yên Nam Chiếu chẳng qua chuyên nhờ oai võ mà thắng được chúng đó thôi. Con sông mà Biền đứng đèo nay ở vào đâu cũng không biết rõ. Nếu bảo ở tỉnh Nghệ An bây giờ thì vẫn còn nghẽn tắc, nào đã thông suốt được đâu? Lời **Sử cũ** chép đây so với lời truyện **Cao Biền** trong **Đường thư** khen là thần tiên cũng chỉ là một lối hoang đường tầm bậy giống nhau mà thôi. Vậy mà **Sử cũ** khen việc Biền đèo cãng là được trời giúp, tưởng cũng là chuyện nghe theo truyền văn mà vội tin đấy.

Lời cần án - Đại La ở Long Biền là cái thành do Trương Bá Nghi nhà Đường đã đắp trước, Triệu Xương, Lý Nguyên Gia tiếp tục sửa đắp lại, chứ không phải bắt đầu từ Cao Biền. **Sử cũ** chép rằng Cao Biền đắp La Thành, làm nhà cửa có tới hơn bốn mươi vạn gian, tưởng cũng là lời truyền văn không đúng sự thực e khó tin được hết cả. **Sử cũ** lại chép: "Cao Biền đi tuần xem xét Ung Châu và Quảng Châu, khơi thông đường biển, gọi là Thiên Uy cãng". Nay xét **Địa lý chí** trong **Đường thư**, ở huyện Bắc Bạch có cái ghềnh Bắc thú (Bắc thú than). Khoảng giữa niên hiệu Hàm Thông (860-873) nhà Đường, Cao

Biền mộ người đục phẳng những đá mọc ngầm để cho thuyền bè được thông đồng qua lại. Theo **Thanh nhất thống chí**, huyện Bắc Bạch nay thuộc châu Uất Lâm. Vậy thì nơi mà Cao Biền khơi đục không phải ở địa giới nước ta. Có người bảo đó là Thiết Cãng ở Nghệ An, vì nó có tên nữa là Thiên Uy cãng; nhưng không phải. Việc **Sử cũ** chép đó e cũng không đúng. Nay xin lược bớt, ghi phụ sơ qua ở đây để tiện tham khảo. **Lời chua** - Đại La Thành: Thành này do Trương Bá Nghi đắp từ năm Đại Lịch thứ 2

(767) đời Đường; năm Trinh Nguyên thứ 7 (791), Triệu Xương đắp thêm; năm Nguyên Hòa thứ 3 (808), Trương Chu lại sửa đắp lại; năm Trường Khánh thứ 4 (824), Lý Nguyên Gia đời phủ trị tới bên sông Tô Lịch, đắp một cái thành nhỏ, gọi là La Thành; năm Hàm Thông thứ 7 (866), Cao Biền đắp ngoại thành bao quanh "kim thành"²⁰¹, cũng gọi tên là La Thành. Theo Thanh nhất thống chí thành Đại La ở ngoài phủ thành Giao Châu, quận trị Giao Chỉ đời Hán, phủ trị đô hộ đời Đường đều ở đây. Lâu ngày đổ nát, vết cũ khó xét thấy. Đó tức là những lũy đất ở bốn mặt ngoài tỉnh thành Hà Nội ngày nay. Những thành đất mà các đời Lý, Trần về sau đã sửa đắp nhiều lần, tục cũng gọi là La Thành. Nếu bảo đấy là vết thành cũ của Cao Biền thì thật không đúng.

Năm Ất Mùi (875). (Đường, Hi Tông, năm Kiến Phù thứ 2).

Nhà Đường đổi Cao Biền đi làm tiết độ sứ Tây Xuyên, dùng Cao Tầm sang thay.

Theo sách An Nam kỷ yếu, Cao Tầm là cháu họ Cao Biền, đã từng làm tiên phong, xông pha tên đạn, nêu gương mẫu cho các quân sĩ. Cao Biền tiến cử Cao Tầm sang thay cho mình. Vua Đường nghe theo. Cao Biền ở phủ đô hộ tất cả được chín năm.

Năm Canh Tí (880). (Đường, năm Quảng Minh thứ 1). Tháng 3, mùa xuân. Quân phủ đô hộ nổi loạn. Tiết độ sứ Tăng Cỗn phủ dụ được yên.

Theo sách *An Nam kỷ yếu*, trước kia, Tăng Cỗn làm chức tiểu hiệu dưới quyền Cao Biền, Tăng Cỗn là người giỏi về chính trị. Khoảng giữa niên hiệu Kiến Phù (874-879), nhà Đường dùng Tăng Cỗn thay Cao Tầm làm tiết độ sứ. Năm này (880) quân trong phủ nổi loạn, các thuộc hạ xin Tăng Cỗn rút ra ngoài thành để lánh nạn. Cỗn không nghe, đem điều uy đức ra phủ dụ: quân nổi loạn yên ngay, đến quy phục với Cỗn. Cỗn không nhắc hỏi đến lỗi của họ nữa. Vì thế, trong số quân các đạo đi thú ở Ung Quán hễ ai theo về với Cỗn thì đều được dung nạp cả. Tăng Cỗn là người có tiếng khéo vỗ về cai trị nhân dân, được người Giao Châu gọi là "ông thượng Tăng" (Tăng thượng thư). Cỗn có soạn sách *Giao Châu ký lưu hành* ở đời. Cỗn làm việc ở trấn 14 năm. Đến đời Đường Chiêu Tông, năm Cảnh Phúc thứ 1 (892), Chu Toàn Dục mới sang thay Cỗn làm tiết độ sứ.

Lời cảnh án - Sử cũ chép quân trong phủ nổi loạn, tiết độ sứ Tăng Cỗn trốn ra ngoài thành. Nay xét Tăng Cỗn là người có tiếng về chính trị, e **Sử cũ** chép làm chằng, nên nay căn cứ vào sách *An Nam kỷ yếu* của Cao Hùng Trưng mà cải chính lại. **Năm Bính Dần (906)**. (Đường, Chiêu Tuyên đế, năm Thiên Hựu thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà Đường gia phong chức đồng bình chương sự²⁰² cho quan Tĩnh Hải quân tiết độ sứ là Khúc Thừa Dụ.

Họ Khúc là một họ lớn lâu đời ở Hồng Châu. Thừa Dụ, tính khoan hòa, hay thương người, được dân chúng suy tôn.

Gặp thời buổi loạn lạc, nhân danh là hào trưởng một xứ, Thừa Dụ tự xưng là Tiết độ sứ và xin mệnh lệnh với nhà Đường; nhân thế vua Đường cho làm chức ấy.

Lời chua - Theo sách Thông giám , tháng giêng năm Thiên Hựu thứ 3 (906), nhà Đường gia phong cho Thừa Dụ chức đồng bình chương sự. Sách Vân Đài loại ngữ , Lê

Quý Đôn chép: Thừa Dụ tức là Khúc Tiên chúa. Khúc Hạo và Khúc Thừa Mỹ đều là con cháu.

Hồng Châu: Tên đất xưa, đời Lê là hai phủ Thượng Hồng và Hạ Hồng, nay là hai phủ Bình Giang và Ninh Giang, đều thuộc tỉnh Hải Dương.

Năm Đinh Mão (907). (Đường, năm Thiên Hựu thứ 4; Lương, Thái Tổ, năm Khai Bình thứ 1).

Khúc Thừa Dụ mất, con là Hạo giữ Giao Châu, tự xưng là tiết độ sứ.

Khúc Hạo nhờ vào cơ nghiệp cũ, giữ lấy La Thành, tự xưng là tiết độ sứ, chia đặt các lộ, phủ, châu, và xã ở các xứ; đặt ra chánh lệnh trưởng và tá lệnh trưởng²⁰³, bình quân thuế ruộng, tha bỏ lực dịch; lập sổ khai hộ khẩu, kê rõ họ tên quê quán, giao cho giáp trưởng trông coi. Chính sự cốt chuộng khoan dung giản dị. Nhân dân đều được yên vui. Khi đó, nhà Lương dùng tiết độ sứ Quảng Châu là Lưu Ân kiêm lĩnh chức Tĩnh Hải quân tiết độ sứ và phong cho tước Nam Bình vương. Lưu Ân giữ thành Phiên Ngung. Khúc Hạo giữ Giao Châu, tự xưng là tiết độ sứ, hai bên chực thôn tính lẫn nhau.

Lời chua - Khúc Hạo: Theo sách An Nam kỷ yếu, Khúc Hạo người Giao Chỉ. Cuối đời Đường, Khúc Hạo làm tiết độ sứ thay cho Độc Cô Tổn: đổi các hương ở các huyện làm giáp, đặt mỗi giáp một quân giáp và một phó tri giáp để giữ việc đánh thuế. Khúc Hạo giữ chức tiết độ sứ được bốn năm thì mất. Nay xét việc chép trong An Nam kỷ yếu có hơi khác với lời Sử cũ, xin ghi cả hai để tham khảo.

Quảng Châu: Tên đất, đặt từ đời Ngô. Xem Lương, Đại Đồng năm 7 (Tb.4, 2).

Phiên Ngung: Xem Triệu Vũ vương, năm thứ nhất (Tb.I, 19).

Năm Đinh Sửu (917). (Lương, Mạt đế, năm Trinh Minh thứ 3).

Khúc Hạo sai con là Thừa Mỹ sang thông hảo với nhà Nam Hán.

Khi bấy giờ Lưu Ẩn đã chết, em là Lưu Nham nối ngôi đặt quốc hiệu là Hán, niên hiệu là Kiên Hanh. Đó là nhà Nam Hán. Khúc Hạo sai Thừa Mỹ sang Nam Hán kết mối hòa hảo. Thực ra, đó là mượn tiếng hòa hảo để dò xét tình hình hư thực.

Khúc Hạo mất, con là Thừa Mỹ lên thay.

Năm Kỷ Mão (919). (Lương, năm Trinh Minh thứ 5).

Nhà Lương trao chức tiết độ sứ cho Khúc Thừa Mỹ.

Theo sách An Nam kỷ yếu, trước kia, Thừa Mỹ sai sứ sang nhà Lương xin lĩnh "tiết việt"²⁰⁴ ; nhân thế, nhà Lương cho làm tiết độ sứ, coi quản Giao Châu.

Năm Quý Mùi (923). (Lương, năm Long Đức thứ 3; Đường, Trang Tông, năm Đồng Quang thứ 1).

Tháng 7, mùa thu. Chúa Nam Hán là Lưu Cung sai Lý Khắc Chính sang xâm lấn. Khúc Thừa Mỹ đánh chống lại, không được, bị bắt.

Theo sách An Nam kỷ yếu , trước kia, Lưu Cung nghe nói Thừa Mỹ đã nhận "tiết việt" của nhà Lương, giận lắm, sai tướng giỏi là Lý Khắc Chính đem quân sang đánh, bắt được Thừa Mỹ đưa về.

Lời chua - Chúa Nam Hán trước tên là Nham, sau đổi là Cung là vì có điềm "rồng trắng" hiện hình. Về sau cho tên Cung không lợi, lại đổi là

Yêm, nghĩa là có vẻ cao sáng vì lấy nghĩa "rồng bay trên trời".

Nha tướng²⁰⁵ của Khúc Hạo là Dương Diên Nghệ nổi quân đánh đuổi Lý Khắc Chính.

Theo sách *An Nam kỷ yếu*, chúa Nam Hán sau khi bắt được Thừa Mỹ, sai tướng là Lý Tiên sang làm thứ sử, cùng với Khắc Chính đóng giữ Giao Châu. Dương Diên Nghệ lấy tư cách là tướng cũ của Khúc Hạo, tập hợp quân sĩ, đánh bại Khắc Chính. Khắc Chính phải chạy về Nam Hán. Chúa Nam Hán ý muốn chiêu dụ, tạm phong tước vị cho Diên Nghệ. Chúa Nam Hán bảo những kẻ tả hữu mình rằng: "Dân Giao Châu thích nổi loạn, ta chỉ có thể cơ mi²⁰⁶ được thôi".

Lời chua - Dương Diên Nghệ: Người Ái Châu. Sách *An Nam kỷ yếu* chép là Đình Nghệ. Nay theo sách *Cương mục* (Trung Quốc) đổi lại là Diên Nghệ.

Năm Tân Mão (931). (Hậu Đường, Minh Tông, năm Trường Hưng thứ 2).

Tháng 12, mùa đông. Dương Diên Nghệ đánh đuổi Lý Tiên, giết Trần

Bảo, lấy lại Giao Châu, tự xưng là tiết độ sứ.

Trước kia, Diên Nghệ vẫn có chí định khôi phục Giao Châu có nuôi ba nghìn tráng sĩ làm nha binh²⁰⁷. Lý Tiến biết việc đó, cho người gấp về báo với chúa Nam Hán. Diên Nghệ liền kéo quân vây đánh Lý Tiến. Chúa Nam Hán sai thừa chỉ là Trần Bảo đem quân sang cứu. Quân Trần Bảo chưa đến nơi thì thành đã bị đánh phá, Lý Tiến phải trốn về. Trần Bảo đến nơi, cho quân vây thành; Diên Nghệ ra đánh, Trần Bảo bị thua và chết. Diên Nghệ tự xưng là tiết độ sứ, quản lĩnh công việc Giao Châu.

Năm Đinh Dậu (937). (Tấn, Cao tổ, năm Thiên Phúc thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Nha tướng của Dương Diên Nghệ là Kiều Công Tiễn giết Diên Nghệ và lên thay Diên Nghệ.

Lời chua - Kiều Công Tiễn: Theo sách An Nam kỷ yếu, Tiễn là người Phong Châu.

Năm Mậu Tuất (938). (Tấn năm Thiên Phúc thứ 3).

Tháng 9, mùa thu. Một nha tướng khác của Diên Nghệ là Ngô Quyền khởi binh, đánh giết Kiều Công Tiễn. Chúa Nam Hán, Lưu Cung sai con là Hoảng Tháo sang cứu viện. Ngô Quyền đón đánh ở sông Bạch Đằng: quân Nam Hán bị thua, Hoảng Tháo bị chết đuối.

Ngô Quyền, người xã Đường Lâm, thuộc dòng quý tộc đã lâu đời, cha là Mân trước làm quan mục ngay châu nhà. Khi Ngô Quyền mới sinh, có điềm sáng rực cả nhà, trạng mạo đặc biệt khác thường, trên lưng có ba nốt ruồi đen. Người xem tướng lấy làm lạ, bảo rằng sau này có thể làm chúa một phương. Vì thế mới gọi tên là Quyền. Khi Quyền lớn lên, mặt mũi khôi ngô, mắt sáng như chớp, chân bước khoan thai như dáng con hổ, có trí dũng, sức khỏe cất nổi cái vạc, làm nha tướng của Diên Nghệ. Diên Nghệ gả con gái cho. Ngô Quyền coi giữ Ái Châu. Khi Công Tiễn giết Diên Nghệ, Ngô Quyền đem quân từ Ái Châu ra đánh, giết được Công Tiễn.

Theo sách *Cương mục* (Trung Quốc), Công Tiễn sai sứ đem của đút lót cho chúa Nam Hán để xin cứu viện. Chúa Nam Hán là Lưu Cung định nhân dịp rối loạn ấy sang lấy Giao Châu, mới cho con là Vạn vương Hoảng Tháo làm Giao vương, đem quân sang cứu Công Tiễn. Lưu Cung có hỏi Sùng Văn sứ là Tiêu Ích về sách lược; Tiêu Ích trả lời: "Hiện này mưa dầm đã suốt mấy tuần, đường biển hiểm trở xa khơi; Ngô Quyền lại là người giỏi lắm, chớ nên coi thường. Đại quân phải nên giữ gìn thận

trọng, dùng nhiều người đưa đường rồi sau hãy tiến". Lưu Cung không nghe, sai Hoảng Tháo đem thuyền chiến kéo thẳng sang đánh Giao Châu. Khi ấy, Ngô Quyền đã giết được Công Tiện, đem quân đón đánh. Trước hết lấy các cọc gỗ đầu đẽo nhọn và bịt sắt trồng ngầm ở cửa biển, nhân lúc nước triều lên cho các thuyền nhẹ ra khiêu chiến, rồi giả cách thua chạy. Hoảng Tháo đuổi đánh, thỉnh linh nước triều rút cạn, thuyền chiến mắc phải cọc bịt sắt, không trở về được: quân Nam Hán bị thua to, Hoảng Tháo bị chết đuối.

Theo Ngũ đại sử, tướng cũ của Diên Ngô là Ngô Quyền đánh Giao Châu, Công Tiện cho người sang Nam Hán xin quân cứu viện. Lưu Cung phong Hoảng Tháo làm Giao Vương, xuất quân tới sông Bạch Đằng để đánh Ngô Quyền. Lưu Cung thì đem quân đóng ở trấn Hải Môn. Ngô Quyền ra đón đánh, Hoảng Tháo bị thua và chết, Lưu Cung thu quân kéo về.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Trận thắng lợi trên sông Bạch Đằng là cơ sở sau này cho việc phục lại quốc thống. Những chiến công các đời Đinh, Lê, Lý, Trần vẫn còn nhờ vào uy thanh lẫm liệt để lại ấy. Trận Bạch Đằng này là vũ công cao cả, vang dội đến nghìn thu, há phải chỉ lừng lẫy ở một thời bấy giờ mà thôi đâu? **Lời phê** - Ngô Quyền gặp được nguy triều Nam Hán là một nước nhỏ, Hoảng Tháo là thằng hèn kém, nên mới có được trận thắng trên sông Bạch Đằng. Đó là một việc may, có gì đáng khen. Nếu gặp phải tay Trần Bá Tiên, mà bảo rằng Ngô Quyền không phải theo gót

Lý Nam Đế, Triệu Việt Vương, thì ít có lầm! Lờì chua - Đường Lâm: Tên xã xưa. Xem thuộc Đường, năm Trinh Nguyên thứ 7 (Tb.4, 26). Theo sách An Nam kỷ yếu , Ngô Quyền, người Ái Châu. Vậy rõ sách nào chép đúng.

Sông Bạch Đằng: Bắt đầu từ sông Lục Đầu thuộc địa hạt tỉnh Bắc Ninh phân lưu chạy vào địa hạt tỉnh Hải Dương: Một chi theo Mỹ Giang, một chi theo Châu Cốc Sơn, hai chi hợp lại ở xã Đoan Lễ. Khúc sông hợp lại này gọi là sông Bạch Đằng. Sông Bạch Đằng phía nam giáp giới huyện Thủy Đường, tỉnh Hải Dương; phía bắc giáp giới huyện Yên Hưng tỉnh Quảng Yên; chuyển về phía nam 29 dặm, đổ ra cửa biển Nam Triệu. Theo sách Địa lý chí²⁰⁸ của Nguyễn Trãi, sông Bạch Đằng có tên gọi nữa là sông Vân Cù, rộng hơn 2 dặm, ở đó có nhiều núi cao ngất, nhiều ngành sông đổ lại, sóng cồn man mác giáp tận chân trời, cây cối um tùm che lấp bờ bên, thực là một nơi hiểm yếu về đường biển. Ngô vương Quyền đời Tiền Ngô đánh bại Hoàng Tháo, Hưng Đạo vương đời Trần chiến thắng quân Nguyên đều ở trên sông Bạch Đằng này.

Năm Kỷ Hợi (939). (Ngô vương Quyền, năm thứ 1; Tấn, năm Thiên Phúc thứ 4).

Mùa xuân. Ngô Quyền tự xưng vương, đóng đô ở Cổ Loa.

Lời tán tụng của Ngô [Thì] Sĩ - Vua Ngô Quyền giết giặc nội phản để trả thù cho chúa, đuổi quân ngoại xâm để cứu nạn cho nước, xây dựng quốc gia, đem lại chính thống, công nghiệp thực là vĩ đại. **Lời chùa** - Cổ Loa: **Xem An Dương vương năm thứ 3 (Tb.I, 9).**

Lập Dương thị làm hoàng hậu.

Dương Hậu là con gái Diên Nghệ. Trước kia, Ngô Quyền làm nha tướng của Diên Nghệ, Diên Nghệ gả con gái cho; đến đây lập Dương thị làm hoàng hậu.

Đặt trăm quan, dựng nghi lễ trong triều, định màu sắc các đồ mặc.

Năm Giáp Thìn (944). (Ngô vương năm thứ 6; Tấn, Tề vương, năm Khai Vận thứ 1).

Ngô vương Quyền mất.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Nhà Tiền Ngô khởi lên, không những có công

đánh giặc thắng lợi, lại còn đặt ra trăm quan, dựng ra nghi lễ trong triều, định màu sắc các đồ mặc, ta cũng đã thấy sơ qua về quy mô đế vương; thế mà hưởng ngôi vua không được lâu dài, chưa thấy có kết quả gì về chính trị, thật là đáng tiếc! Năm Ất Tị (945). (Tấn, năm Khai Vận thứ 2).

Tam Kha, em Dương hậu, tự xưng là Bình Vương.

Lời chua - Dương Tam Kha: Theo lời chua trong Sử ký của Ngô [Thì] Sĩ, Tam Kha người làng Dương Xá, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Con cả Ngô vương Quyền là Xương Ngập chạy đến Nam Sách, nương nhờ Phạm Lệnh Công.

Trước kia, Ngô vương Quyền, khi bệnh kịch, có trời trăng dẫn Tam Kha giúp con mình là Xương Ngập. Tam Kha liền cướp lấy ngôi, tiến xưng là Bình vương. Xương Ngập sợ, chạy đến Nam Sách Giang, ẩn náu tại nhà Phạm Lệnh Công ở Trà Hương. Tam Kha nuôi con thứ hai của Ngô vương Quyền là Xương Văn làm con mình. Các con vợ thứ của Ngô vương là Nam Hưng, Kiên Hưng còn nhỏ, đều theo Dương hậu. Tam Kha sai Dương Cát Lợi và Đỗ Cảnh Thạc đem quân đi lòng Xương Ngập: trước sau đến ba lần đều không bắt được. Phạm Lệnh Công đem Xương Ngập giấu vào trong động núi. Tam Kha biết tin, lại cho sục sạo, cuối cùng vẫn

không tìm thấy.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Việc làm của Phạm Lệnh Công thật là trung nghĩa. Tam Kha là kẻ bầy tôi, đuổi con cả của vua đi mà cướp lấy ngôi, thế mà Phạm Lệnh Công dám giấu Xương Ngập một chỗ, là có ý muốn bảo toàn lấy dòng dõi họ Ngô. Tại đây ta thấy việc Chử Cữu và Trình Anh²⁰⁹ lại tái diễn. Ai dám bảo trong cả một nước to lớn mà không có trung thần nghĩa sĩ hay sao? **Lời chua** - Nam Sách Giang: **Nay là phủ Nam Sách thuộc tỉnh Hải Dương.**

Trà Hương: Tức là huyện Kim Thành, xưa gọi là Trà Hương, đều thuộc tỉnh Hải Dương.

Đỗ Cảnh Thạc: Người huyện Thuận Đức thuộc Quảng Đông.

Trình Anh, Chử Cữu: Theo Sử ký của Tư Mã Thiên, về đời Cảnh Công nước Tấn năm thứ 3, Đồ Ngạn Giả (quan tư khấu nước Tấn) giết con Triệu Thuần là Triệu Sóc và diệt cả họ Triệu, Trình Anh và Chử Cữu, là bạn của Triệu Sóc, cùng nhau liều chết đem giấu con Triệu Sóc là Triệu Vũ để bảo tồn lấy dòng dõi họ Triệu.

Năm Canh Tuất (950). (Hán, Ân đế, năm Kiền Hựu thứ 3).

Ngô Xương Văn đánh Tam Kha truất bỏ đi.

Tam Kha sai Xương Văn cùng hai quan sứ là Dương Cát Lợi và Đỗ Cảnh Thạc đem quân đi đánh hai thôn ở Thái Bình. Khi đi đến huyện Từ Liêm, Xương Văn bảo hai quan sứ rằng: "Đức trạch của Tiên vương²¹⁰ ta thăm khắp lòng dân, tất cả các chính lệnh thi hành không ai là không vui lòng theo cả. Chẳng may Tiên vương ta mất đi. Bây giờ Bình vương là kẻ bất nghĩa, tự cướp lấy ngôi, còn tội gì hơn nữa! Nay lại sai chúng ta đi đánh các ấp vô tội kia, may mà được đã vậy, nếu họ không phục thì làm thế nào?". Hai quan sứ trả lời: "Tướng quân bảo sao chúng tôi cũng xin vâng mệnh". Xương Văn bảo: "Ý tôi muốn đem quân quay về đánh úp Bình Vương để phục lại cơ nghiệp của tiền nhân, có nên không?". Hai quan sứ đều lấy làm phải. Bấy giờ mới trở về đánh úp Tam Kha. Mọi người muốn giết đi, nhưng Xương Văn bảo rằng: "Bình vương đối với ta cũng có ơn, nữ nào đem giết?". Rồi giáng Tam Kha xuống làm Trương Dương công, nhân chỗ ở ấy cho làm thực ấp²¹¹. Tam Kha tiếm ngôi được 6 năm.

Lời chua - Hai thôn Thái Bình: Sử cũ chép là hai thôn Đường, Nguyễn thuộc Thái Bình.

Thái Bình: Xem Triệu Việt vương năm thứ 9 (Tb.4, II).

Trương Dương: Sử cũ chua: tức là bến đò Chương Dương, bây giờ ở huyện Thượng Phúc.

Năm Tân Hợi (951). (Ngô, Nam Tấn vương Xương Văn, năm thứ 1; Chu, Thái tổ, năm Quảng Thuận thứ 1).

Ngô Xương Văn lên ngôi xưng là Nam Tấn vương.

Xương Văn, là con thứ Ngô Vương Quyền, sau khi truất bỏ Tam Kha, lên ngôi vua. Ấy là nhà Hậu Ngô.

Sai sứ giả đón anh là Xương Ngập về. Xương Ngập xưng là Thiên Sách vương.

Đón Xương Ngập ở Trà Hương về kinh đô, cùng nhau trông coi việc nước.

Đinh Bộ Lĩnh khởi binh ở Hoa Lư. Vua Nam Tấn đánh không được.

Bộ Lĩnh, người Hoa Lư, từ bé đã có chí khí lớn. Bấy giờ trong nước rối loạn, Bộ Lĩnh cùng với con là Đinh Liễn đi theo sứ quân Trần Minh Công. Minh Công thấy Bộ Lĩnh là người khôi ngô, khác thường, và có độ lượng, nên giao cho binh quyền. Sau khi Minh Công mất, Bộ Lĩnh thống lĩnh cả các quân, về giữ Hoa Lư. Nam Tấn vương cùng với Thiên Sách vương đem quân đến đánh, Bộ Lĩnh sợ, sai con là Liễn vào làm con tin để hoãn binh. Khi Đinh Liễn đến, hai vương liền bắt cả Đinh Liễn đem đi đánh, hơn một tháng cũng chưa đánh được, mới treo Liễn lên đầu ngọn sào, sai người bảo Bộ Lĩnh: "Nếu không hàng thì sẽ giết Liễn!". Bộ Lĩnh giận, nói: "Tài trai đã quyết chí công danh, khi nào lại chịu bắt chước như đàn bà con trẻ!". Rồi sai hơn mười tay nỏ cùng nhắm chực bắn vào Liễn. Hai vương thấy thế, kinh hãi bảo nhau: "Ta treo con hắn là cốt muốn cho hắn đầu hàng ngay, nay hắn tàn nhẫn như vậy, thì dẫu giết con hắn đi cũng chẳng ích gì". Hai vương bèn không giết Đinh Liễn nữa, rút quân về. Sau, Đinh Liễn lại trở về Hoa Lư.

Lời căn án - Hoa Lư ở về sơn phận hai xã Uy Viễn và Uy Tế thuộc Ninh Bình. Nơi đây bốn mặt đều có núi đá đứng thẳng như bức vách, trong có một chỗ hơi bằng phẳng rộng rãi, người xứ ấy gọi là động Hoa Lư. Theo sách **An Nam kỷ yếu**, Hoa Lư ở về huyện Lê Bình. Lê Bình bây giờ là Gia

Viễn, trong lòng động rộng hàng hai trượng có một cái lạch nước quanh co khuất khúc chảy đến phía nam thành Hoa Lư. Thành Hoa Lư cũng ở huyện Lê Bình. Họ Đinh nhân thế núi đắp thành ấy chu vi năm trăm trượng. Vết thành cũ vẫn còn. Như thế thì động Hoa Lư là chỗ Đinh Tiên Hoàng khởi binh; Thành Hoa Lư ở Trường Yên là nơi đóng đô của họ Đinh. Có thuyết cho rằng hai phủ Yên Khánh và Thiên Quan xưa kia đều gọi là Hoa Lư cả; nếu bảo động Hoa Lư ở trong núi Trường Yên thì lầm. Năm Giáp Dần (954). (Ngô, Nam Tấn vương năm thứ 4; Chu, Thế tông, năm Hiện Đức thứ 1).

Xương Ngập mất. Nam Tấn vương sai sứ sang Nam Hán.

Trước kia, Thiên Sách vương Xương Ngập chuyên quyền, Nam Tấn vương không tham dự chính sự nữa. Hai bên do vậy có sự xích mích. Đến nay, Xương Ngập mất, Nam Tấn vương mới chính mình cầm chính quyền, sai sứ sang xin mệnh lệnh chúa Nam Hán là Lưu Thạnh. Nam Hán phong cho Nam Tấn vương chức Tĩnh Hải quân tiết độ sứ kiêm đô hộ.

Theo Ngũ đại sử (Nam Hán thế gia) có chép về Ngô Xương Tấn, người Giao Châu: Xương Tấn là con Ngô Quyền. Ngô Quyền giữ Giao Châu, khi mất rồi, Xương Ngập lên thay. Xương Ngập mất, em là Xương Tấn lên thay, sai sứ đến Lưu Thạnh xin "tiết việt"²¹² Lưu Thạnh sai cấp sự trung là Lý Dư đem cờ "tinh" sang để chiêu dụ. Lý Dư đi đến Bạch Châu,

Xương Tấn sai người đến ngăn lại, bảo rằng: "Giặc biển làm loạn, đường sá khó đi", thành thử Lý Dư không sang được tới nơi.

Lời cần án - Sử cũ chép Nam Tấn vương Xương Văn xin mệnh lệnh chúa Nam Hán; còn **Ngũ đại sử** chép tên là Xương Tấn: sự việc hơi giống nhau, nhưng tên gọi mỗi đảng một khác. Có lẽ bấy giờ Xương Văn đổi tên là Xương Tấn để giao thiệp với nhà Nam Hán, mà người chép **Ngũ đại sử** ở đương thời không biết được rành mạch tường

tận nên mới trái ngược nhau như thế. Việc này thuộc về nước ta, nên theo **Sử cũ** là phải. Đến như **Sử cũ** chép chúa Nam Hán bấy giờ là Lưu Xưởng, có lẽ vì chưa khảo kỹ chăng. Vì xét: Lưu Xưởng nối ngôi nhằm đời Chu Thế Tông năm Hiên Đức thứ 5 (958), thì năm Hiên Đức thứ 1 (954) Lưu Thanh vẫn còn làm chúa Nam Hán. **Năm Ất Sửu (965). (Ngô, Nam Tấn vương năm thứ 15; Tống, Thái tổ; năm Kiến Đức thứ 3).**

Nam Tấn vương Xương Văn đi đánh Thái Bình, mất tại trận.

Nam Tấn vương đem quân đi đánh hai thôn ở Thái Bình. Quân đến nơi, cắm thuyền, lên bộ đánh nhau. Nam Tấn vương bị trúng tên nỏ mai phục bắn chết! Trị vì được 15 năm.

Theo Sử ký của Ngô [Thì] Sĩ, khi bấy giờ có người quận Thao Giang là Chu Thái quật cường không thần phục. Nam Tấn vương thân đi đánh, chém được Chu Thái. Do trận thắng ấy, Nam Tấn vương quen mui sinh kiêu, nên mới mắc nạn về việc đi đánh hai thôn này.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Nam Tấn nhà Ngô dùng chính nghĩa trừ kẻ tàn bạo, lấy lại được cơ nghiệp cũ. Công việc ấy cũng đã yên ủi vong linh tiên tổ mình, làm nguôi lòng bức tức của quỷ thần, của nhân dân. Thế mà, chỉ vì hiền lành nhũn nhờ, đã không trừng trị Tam Kha về tội cướp nước, lại còn gây ra chiến tranh bản thủ ở Thái Bình, cuối cùng tự rước lấy tai nạn, thật đáng tiếc! Nhà Ngô mất. Ngô vương Quyền khởi lên năm Kỷ Hợi, mất năm Giáp Thìn, được 6 năm (939- 944); Nam Tấn Xương Văn từ năm Tân Hợi đến năm Ất Sửu, được 15 năm (951-965). Cộng tất cả là 21 năm

Năm Bính Dần (966). (Tổng, năm Kiền Đức thứ 4).

Ngô Xương Xí giữ Bình Kiều, Đỗ Cảnh Thạc giữ Đỗ Động, cùng với thổ hào các huyện áp tụ tập quân đánh lẫn nhau.

Từ khi Tam Kha cướp ngôi nhà Ngô, thổ hào các nơi đua nhau nổi dậy.

Xương Văn tuy lấy lại được nước, nhưng chính sự cầu thả, không thể thống nhất được; đến khi đi đánh Thái Bình, không được, bị chết trận, từ đó trong nước rối loạn. Một viên tướng người họ Ngô là Ngô Xương Xí tụ tập quân giữ Bình Kiều. Nha tướng nhà Ngô là Đỗ Cảnh Thạc giữ Đỗ Động Giang. Thổ hào các nơi khác cũng nổi lên mỗi người giữ một nơi, ai cũng xưng hùng trưởng. Sau Tiên Hoàng nhà Đinh nổi lên, dẹp yên được cả, từ đấy giang sơn mới thống nhất.

Trước kia, thổ hào các nơi nổi lên như sau:

- Trần Lãm, tự xưng là Trần Minh Công, giữ Bồ Hải khẩu;
- Kiều Công Hãn tự xưng là Kiều Tam Chế, giữ Phong Châu;
- Nguyễn Khoan tự xưng là Nguyễn Thái Bình, giữ Nguyễn Gia Loan ở Tam Đái;
- Ngô Nhật Khánh tự xưng là Ngô Lãm Công, giữ Đường Lâm (có chỗ chép là Giao Thủy).

- Lý Khuê tự xưng là Lý Lăng Công, giữ Siêu Loại;
- Nguyễn Thủ Tiệp tự xưng là Nguyễn Lệnh công, giữ Tiên Du;
- Lữ Đường tự xưng là Lữ Tá Công, giữ Tế Giang;
- Nguyễn Siêu tự xưng là Nguyễn Hữu Công, giữ Tây Phù Liệt;
- Kiều Thuận tự xưng là Kiều Lệnh Công, giữ Hối Hồ;
- Phạm Bạch Hổ tự xưng là Phạm Phòng Át, giữ Đằng Châu.

Các thổ hào ấy thôn tính lẫn nhau. Đến đây, bọn Ngô Xương Xí và Đỗ Cảnh Thạc lại chiếm giữ Bình Kiều và Đỗ Động, trước sau tất cả 12 sứ quân.

Lời cảnh án - Sử cũ chép "Ngô sứ quân 1 gồm 2 năm", để kế tiếp vào thế thứ Nam Tấn vương, vì **Sử cũ** nhận rằng sứ quân Ngô Xương Xí là con

Ngô Xương Ngập. Nhưng nay xét: sau khi Nam Tấn vương mất, Xương Xí chiếm giữ Bình Kiều, thế lực rất yếu ớt, không khác gì các sứ quân ở các nơi khác; cho nên đem liệt cả vào một hàng sứ quân. Lại xét: **Sử cũ** chép Nam Tấn mất rồi, mười hai sứ quân đua nhau nổi lên, bắt đầu chép Ngô Xương Xí, cuối cùng chép Trần Minh Công; dưới đoạn ấy chép tiếp Đinh Bộ Lĩnh tự xưng Vạn Thắng vương rồi kể lại chuyện Bộ Lĩnh đi theo Trần Minh Công, khi Minh Công mất mới đứng quân lĩnh quân đội thay. Xét kỹ ra, thì ngay từ năm thứ nhất đời Nam Tấn, đã thấy có chép "Bộ Lĩnh giữ Hoa Lư, Nam Tấn vương và Thiên Sách vương đến đánh không được". Vậy thì Trần Minh Công khởi binh phải ở vào trước khi Xương Văn chưa lấy lại được nước. Cứ thế mà suy ra, mười hai sứ quân chiếm giữ các huyện ấy phải có kẻ trước kẻ sau, không giống nhau, chứ không phải đến khi Nam Tấn vương mất rồi, mười hai sứ quân mới đồng thời nổi dậy. Nhưng **Sử cũ** vì không biết rõ năm tháng của từng sứ quân, nên mới nói tổng hợp ở cả một chỗ ấy đấy thôi. Nay không có văn kiện chép rõ có thể chứng thực được, nên hãy xin ghi để xét sau. **Lời chua -** Ngô Xương Xí: **Con Thiên Sách vương Ngô Xương Ngập.**

Bình Kiều: **Chưa rõ ở đâu.**

Đỗ Động Giang: **Sông Đỗ Động, phát nguyên từ các đầm lớn ở xã Đan Viên thuộc huyện Thanh Oai, chảy qua các xã Sinh Quả, Ước Lý, đi khuất khúc đến xã Thượng Cung, huyện Thượng Phúc, thì hợp với sông Nhuệ.**
Sử ký của Ngô [Thì] Sĩ chua: "Bây giờ ở làng Bảo Đà huyện Thanh Oai

còn có vết cũ thành của sứ quân"²¹⁴ . Có thuyết cho rằng Đỗ Động Giang là một tên khác của Nhuệ Giang, thế là lầm.

Bồ Hải Khẩu: Tên đất. Năm Thiên Thành thứ 3, đời Lý Thái Tông, nhà vua đi Bồ Hải Khẩu, cày ruộng tịch điền. Theo Nam Định tỉnh sách²¹⁵ , xã Kỳ Bồ, thuộc huyện Vũ Tiên, phủ Kiến Xương, là nơi trước kia sứ quân Trần Lãm tụ tập quân đóng giữ. Bây giờ chỗ ấy còn là cửa biển, nên gọi là Bồ Hải Khẩu.

Phong Châu: Xem đời Hùng Vương (Tb.I, 1-2). Sơn Tây tỉnh sách²¹⁶ có chép ở xã Phù Lập, huyện Bạch Hạc, phủ Vĩnh Tường, có vết thành sứ quân, tức là thành của Kiều Tam Chế đã đắp.

Tam Đái: Tên Châu. Bây giờ là phủ Vĩnh Tường, xưa thuộc Phong Châu.

Nguyễn Gia Loan: Tên núi. Theo Sổ địa danh tỉnh Sơn Tây²¹⁷ , núi ấy còn có tên gọi là núi Độc Nhĩ và tên gọi nữa là Biện Sơn, ở xã Vĩnh Mỹ huyện Yên Lạc là nơi trị sở của sứ quân Nguyễn Khoan khi giữ Tam Đái vì thế gọi là Nguyễn Gia Loan.

Đường Lâm: Tên xã. Xem thuộc Đường, năm Trinh Nguyên thứ 7 (Tb.IV,

26).

Nhật Khánh: Người họ Ngô Quyền, bị Đinh Tiên Hoàng dẹp yên được.
Việc này xem năm Thái Bình thứ 10, đời Đinh Tiên Hoàng (Chb.I, 11).

Thủ Tiệp: Còn một tên hiệu nữa là Ba An quân, mình dài tiếng to, ai nghe thấy tiếng nói cũng phải giật mình, người ta gọi là ông Sấm (Lôi Công).
Đến khi khởi binh, Thủ Tiệp tự xưng là Nguyễn Lệnh công, đóng giữ huyện Tiên Du, sau lấy cả Vũ Ninh, tự xưng là Vũ Ninh vương, không rõ là người ở xứ nào.

Tiên Du: Tên huyện. Bây giờ thuộc phủ Từ Sơn²¹⁸, tỉnh Bắc Ninh.

Siêu Loại: Tên huyện.

Tế Giang: Tên huyện xưa, bây giờ là Văn Giang²¹⁹, đều thuộc phủ Thuận An, tỉnh Bắc Ninh.

Tây Phù Liệt: Tên đất. Bây giờ là xã Tây Phù Liệt thuộc huyện Thanh Trì,

Hà Nội.

Hồi Hồ: Thuộc huyện Cẩm Khê, tỉnh Sơn Tây. Cẩm Khê xưa là Hoa Khê. Theo Sổ địa danh tỉnh Sơn Tây, ở xã Trương Xá thuộc Cẩm Khê, có vết cũ thành của sứ quân Kiều Công.

Đặng Châu: Tên đất. Nhà Trần gọi là Khoái Lộ, nhà Lê gọi là Khoái Châu, đều là đất này cả. Bây giờ ở xã Đặng Châu, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, còn có đền thờ Phạm sứ quân.

Trần Lãm, Kiều Công Hãn, Nguyễn Khoan, Lý Khuê, Lữ Đường, Nguyễn Siêu, Kiều Thuận, Phạm Bạch Hổ: **Đều không rõ người ở đâu.**

Năm Đinh Mão (967). (Tổng, năm Kiền Đức thứ 5).

Đinh Bộ Lĩnh ở Hoa Lư đánh và dẹp yên được sứ quân các bộ, tự xưng là Vạn Thắng vương.

Thế lực quân đội của Bộ Lĩnh mỗi ngày một mạnh, đánh đâu được đấy.

Lại phá được đám giặc ở Đỗ Động Giang. Các bộ đều dẹp yên được cả. Quan lại và nhân dân các châu các phủ không ai không quy phục.

Theo Ngũ đại sử, năm Đại Bảo thứ 8 đời Lưu Xưởng²²⁰, Xương Văn ở Giao Châu mất (965), người giúp việc là Lữ Xử Bình cùng với thứ sử Phong Châu là Kiều Tri Hựu tranh nhau lên làm vua. Đinh Liễn đem quân đánh phá được. Lưu Xưởng cho Đinh Liễn làm tiết độ sứ Giao Châu.

Theo sách Thập quốc Xuân thu của Ngô Nhậm Thần nhà Thanh, thì năm Đại Bảo thứ 3 đời Hậu Chúa Nam Hán Lưu Xưởng, Đinh Bộ Lĩnh giữ công việc Giao Chỉ, hiệu là Đại Thắng vương. Trước kia, Ngô Xương Văn mất, tướng tá của Xương Văn là Lữ Xử Bình cùng với thứ sử Phong Châu là Kiều Tri Hựu gây loạn, Bộ Lĩnh cùng với con là Đinh Liễn đánh bại Xử Bình, được dân chúng suy tôn làm vua.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Theo khí vận (tuần hoàn) của trời đất, dĩ tất mãi tất có lúc hanh thông. Xem như ở Trung Quốc, sau những loạn lạc về thời Ngũ Đại (907- 959) thì có Thái tổ nhà Tống nổi lên; ở nước Nam ta, sau những cuộc tranh giành của Mười hai sứ quân thì có Đinh Tiên Hoàng trỗi dậy. Những việc đó không phải là ngẫu nhiên, mà chính là khí vận do trời định đoạt. **Lời cần án** - Nay xét: Dem việc chép về nhà Đinh trong **Ngũ đại sử** và **Thập quốc Xuân thu** so với **Sử cũ** của ta thì thấy hơi khác: năm Đại Bảo thứ 8 đời Lưu Xưởng (965) tức là năm Kiền Đức thứ 3 nhà

Tổng (965), những cũng xin chép cả, để giúp việc tra cứu. Đây trở lên, từ năm Nhâm Ngọ, thuộc Đường, năm Hàm Thông thứ 3 (862) đến năm Đinh Mão, ngang với nà Tống năm Kiến Đức thứ 5 (967), cộng một trăm linh sáu năm.

186 Một chức quan đời Đường.

187 Năm khu vực hành chính, giống như năm phủ.

188 Quân do thám binh tình bên địch, tức là tình báo.

189 Thuê mướn bằng điều kiện hai bên cùng thỏa thuận.

190 Xem Lời chua ở dưới của Cương mục .

191 Nguyên văn theo Đường thư chép là "lưỡng quân trung nhân" (người trong hai quân). Đến chỗ Lời chua lại dẫn Cương mục (Trung Quốc), nêu dị đồng: "Lưỡng kinh hoạn quan" (quan thị ở hai kinh đô Trường An và Lạc Dương). Chúng tôi tham khảo các bản sử khác, thấy sử Toàn thư ngoại kỷ , 5, 12b chép là "quân trung chi nhân" (người trong quân đội) và Đại Việt sử ký, Ngoại kỷ 6 , 18a cũng chép là "lưỡng quân trung nhân". Cho nên chúng tôi dịch là người trong hai quân Cẩm, Vệ (tức Vệ binh và Cẩm quân). Vì đời Đường bấy giờ chia quân Cẩm Vệ làm hai: Nam Nha và Bắc Nha. Nam Nha gọi là Vệ binh, Bắc Nha gọi là Cẩm quân.

192 Quan chế đời Đường, các tiết độ sứ đều có hành quân tư mã, và ở mỗi châu lại có đặt một tư mã, cấp bậc bằng chức đồng tri phủ đời sau. Vậy chức tư mã Cao Biền làm đây chỉ là hành quân tư mã, chứ không phải là tư mã trong tam công.

193 Có bản chép không có chữ Nam Định.

194 Chỉ Vương Ân Quyền.

195 Chỉ Lý Duy Chu.

196 Huyện La Thử nay thuộc đạo Điền Trung tỉnh Vân Nam (Từ Nguyên , Tập mùi, trang 106).

197 Một trượng là 10 thước, mỗi thước Trung Quốc bằng 0 m 3333; vậy một trượng bằng: $0,3333 \times 10 = 3 \text{ m } 33$.

198 Bức tường nhỏ đắp trên tường thành lớn: dê con chạch đắp trên mặt dê tức là một thứ nữ tường.

199 Thử thành đắp vòng ngoài cửa thành. Nghĩa đen chữ "úng môn" là nơi cửa có thành đắp dê để bảo vệ.

200 Phần tiêu sử những bày tôi phản nghịch.

201 Ý nói thành lũy kiên cố như đúc bằng loài kim vậy.

202 Chức quan đứng vào hàng đầu triều, tương đương với Tể tướng. Ở đây là gia thêm.

203 Tá tước như phó, có nhiệm vụ giúp việc cho viên chánh lệnh trưởng.

204 "Tiết" nghĩa là cờ tiết mao; "việt" nghĩa là lưỡi búa lớn có cán dài.

Khi xưa, một ông vua phong ai làm đại tướng thì giao cho hai thứ ấy để làm tượng trưng cho sự thay quyền mình. Do đó, chữ "tiết việt" đã trở nên danh từ và các đồ vật ban cho ai khi cho người ấy làm một chức quan to,

đầu một xứ.

205 Xem chú giải ở trên, năm 819.

206 Giữ lỏng lẻo. Xem thêm chú giải chữ "cơ mi châu" ở trên.

207 Chữ "nha" này cũng như chữ "nha" trong nha tướng , tức là tướng và quân tinh nhuệ như nanh vuốt sắc bén hùng mạnh.

208 Thực ra tên sách này là Dư địa chí .

209 Xem Lời chua ở dưới của Cương mục .

210 Chỉ Ngô Quyền.

211 Cũng như thái ấp, đất được phong, có đặc quyền thu thuế và hưởng hoa lợi về thuế ruộng đất.

212 Xem chú giải ở Tb.V, 16.

213 Chỉ Ngô Xương Xí.

214Đại việt sử ký, Ngô kỷ , quyển 7, tờ 13a.

215 Xem chú giải chữ "tĩnh sách" ở Tb.4, 26.

216 Xem chú giải chữ "tĩnh sách" ở Tb.4, 26.

217 Xem chú giải chữ "tĩnh sách" ở Tb.4, 26.

218 Nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

219 Nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

220 Chúa Nam Hán.

Quốc Sử Quán Triều Nguyễn

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên-Quyển thứ I

Từ Mậu Thìn (968), Đinh Tiên Hoàng năm thứ 1 đến hết Đinh Mùi (1007), Lê Long Đĩnh năm Ứng Thiên thứ 14, gồm 40 năm (968-1007).

Mậu Thìn (968), Đinh Tiên Hoàng năm thứ 1 (Tổng, Thái tổ, năm Khai Bảo thứ 1).

Vạn Thắng vương lên ngôi Hoàng đế, quốc hiệu là Đại Cồ Việt (không rõ tháng nào).

Ngài, người động Hoa Lư, châu Đại Hoàng, cha là Công Trứ, mẹ là Đàm thị. Công Trứ, trước kia, làm nha tướng²²¹ của Dương Diên Nghệ, quyền tạm chức Thứ sử Hoan Châu²²², sau theo Ngô Vương, vẫn làm chức cũ. Khi Công Trứ mất rồi, ngài hãy còn nhỏ, Đàm thị đưa về ở động núi. Chăn trâu ngoài nội, chơi với đám trẻ con, ngài được chúng chịu phục cả. Hễ ngài đi đâu, chúng cứ phải tréo tay làm kiệu rước đi, giống như kiệu

thật; lại lấy bông lau làm cờ rước kèm hai bên làm như nghi vệ thiên tử. Kéo nhau đi đánh trẻ con thôn khác: đi đến đâu, ở đấy cũng phải phục tùng. Đám thì kiếm củi, thổi cơm; đám thì nộp lương, giúp việc. Mẹ thấy thế, mừng lắm, giết lợn nhà để khao chúng. Khi đã hơi lớn, ngài sai bảo được những người ở ấp lân cận. Phụ lão trong các sách²²³ đều bảo nhau rằng: "Chú bé này có độ lượng khác thường, chắc rồi làm nên sự nghiệp kia khác". Họ liền đem con em theo ngài, lập ngài làm trùm, đóng ở sách²²⁴ Đào Úc, ngày ngày đi đánh những sách²²⁵ khác chưa chịu phục.

Bấy giờ có Thúc Dự²²⁶ giữ sách Bông, chống nhau với ngài. Ngài vì quân ít, không địch nổi, thua chạy, qua cầu Đàm Gia. Cầu gãy, ngài sa lầy. Dự đuổi theo, toan đâm. Bỗng thấy rồng vàng che phủ hai bên, Dự sợ, rút lui. Ngài thu lượm quân gia còn sót, lại đánh: Dự phải hàng.

Hồi ấy phương Nam, phương Bắc đương rối ren. Sứ quân các bộ thay nhau nổi lên, mỗi người xưng hùng một nơi, chia cắt đất nước. Nghe biết Trần Minh Công là người có đức, ngài đến nương tựa, Minh Công sai giữ binh quyền. Khi Minh Công mất, ngài sẵn có quân ấy, giữ luôn Hoa Lư, chiêu mộ thu dùng hào kiệt, thủ hiểm một nơi. Hai vua Nam Tấn và Thiên Sách nhà Ngô đánh mãi không được. Kịp khi nhà Ngô mất, ngài hàng phục được Phạm Phòng Át, phá được Đỗ Động, hạ thành, đánh ấp, đến đâu thắng đấy, được tôn gọi là Vạn Thắng Vương. Dẹp tan mười hai Sứ quân, tự lập làm hoàng đế.

Lời chua - Đại Hoàng: Tên châu, bây giờ là huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình.

Đàm Gia: Tên thôn, bây giờ là xã Diêm Xá, huyện Gia Viễn.

Động Hoa Lư: Xem Nam Tấn Ngô Xương Văn năm thứ 1 (Tb.V, 24-25).

Mười hai Sứ quân: Xem ngang với Tống, năm Kiến Đức thứ 4 (Tb.V, 27-28).

Đỗ Động Giang: Xem ngang với Tống, năm Kiến Đức thứ 4 (Tb.V, 29).

Đóng đô ở Hoa Lư.

Nhà vua muốn đóng kinh đô ở thôn Đàm, nhưng vì ở đây, đất đã chật hẹp, lại không có thể hiểm trở, nên mới dựng kinh đô mới ở Hoa Lư: đắp thành, đào hào, làm cung điện, đặt nghi lễ trong triều.

Bầy tôi dâng tôn hiệu²²⁷ .

Tôn hiệu nhà vua là Đại Thắng Minh hoàng đế.

Đặt vạc, nuôi cạp để ra oai với người có tội.

Nhà vua muốn dùng oai lực để chế trị thiên hạ, mới đặt vạc lớn ở sân, nuôi hổ dữ ở cũi, hạ lệnh rằng: "Hễ kẻ nào vi phạm thì bắt bỏ vào nấu trong vạc, hay cho hổ ăn thịt". Ai nấy sợ hãi, không dám phạm pháp.

Lời phê - Đạo trời ưa kẻ khiêm nhường, đạo người răn người tự mãn. Tiên Hoàng nhà Đinh là người vô học, không có mưu mô gì, chỉ quan dữ tợn, kiêu căng, đến nỗi cuối cùng cả hai cha con đều bắt đắc kỳ tử, mới được hai đời đã mất! Nhân đức và tàn bạo thật khác nhau hẳn: đáng làm gương chung. Đinh kêu là Vạn Thắng, Tàn mong được vạn thế, xe trước xe sau cùng đi một vết, thương thay! **Kỷ Tị, năm thứ 2 (969). (Tổng, năm Khai Bảo thứ 2).**

Tháng 5, mùa hạ. Lập con là Liễn làm Nam Việt vương.

Canh Ngọ, năm Thái Bình thứ 1 (970). (Tổng, năm Khai Bảo thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Đặt niên hiệu²²⁸ sai sứ sang nhà Tống.

Bấy giờ chúa Nam Hán là Sưởng chống lại nhà Tống. Tống sai đại tướng Phan Mỹ đi đánh. Nhà vua nghe tin, sợ, mới sai sứ sang giao hảo với Tống.

Lập năm Hoàng hậu.

Năm Hoàng hậu: 1) Đan Gia; 2) Trinh Minh; 3) Kiều Quốc; 4) Cồ Quốc; 5) Ca Ông.

Lời bàn của Lê Văn Hưu - Đinh Tiên Hoàng đã không kê cứu cổ học, bày tôi lại không ai biết sửa chữa cho, đến nỗi say đắm tình riêng, lập nên một loạt cả năm Hoàng hậu! Sau này, Lê, Lý, nhiều vua cũng bắt chước, làm theo, là do Đinh Tiên Hoàng đầu tiên ra đó. Tân Mùi, năm thứ 2 (971).

(Tổng, năm Khai Bảo thứ 4).

Đặt phẩm cấp cho quan văn, quan võ: Nguyễn Bặc làm Định quốc công;
Lưu Cơ làm Đô hộ phủ sĩ su²²⁹ ; Lê Hoàn làm Thập Đạo²³⁰ tướng quân.

Lời chua - Đô hộ phủ: Theo Địa lý chí trong Đường thư , nhà Đường đặt
Đô hộ phủ, trị sở ở Long Biên; nhà Đinh vẫn để tên cũ ấy đặt quan cai trị.

Sĩ su: Tên chức quan. Có lẽ phỏng theo tên chức quan coi việc hình phạt
của đời Đường, Ngũ xua.

Nguyễn Bặc, Lưu Cơ: Đều là người động Hoa Lư, châu Đại Hoàng.

Lê Hoàn: Người xã Bảo Thái huyện Thanh Liêm²³¹ .

Ban hiệu Khuông Việt thái su cho Tăng thống Ngô Chân Lưu.

Nhà vua tôn sùng đạo Phật, mới đặt phẩm cấp cho tăng nhân và đạo sĩ:

ban hiệu Thái sư²³² cho Chân Lưu, lại cho Trương Ma Ni làm Tăng lục đạo sĩ²³³, Đặng Huyền Quang làm Sùng chân uy nghi²³⁴.

Nhâm Thân, năm thứ 3 (972). (Tổng, năm Khai Bảo thứ 5).

Sai Nam Việt vương Liễn sang nhà Tống.

Dem biểu sản vật địa phương.

Quý Dậu, năm thứ 4, (973). (Tổng, năm Khai Bảo thứ 6).

Sứ nhà Tống sang.

Bấy giờ Nam Việt vương Liễn đi sứ về, nhà Tống sai sứ sang phong nhà vua làm Giao Chỉ quận vương, Đinh Liễn làm Kiểm hiệu Thái sư Tĩnh Hải quân tiết độ sứ An Nam đô hộ. Bài chế văn đại lược nói: "Họ Đinh vốn dòng họ đàn anh, giữ được đất xa, có lòng hâm mộ phong thái văn minh, thường tỏ ý muốn phụ thuộc với Trung Quốc. Nay gặp buổi chín châu²³⁵ đã về một mối, Ngũ Lĩnh²³⁶ đã phẳng lặng thanh bình, họ Đinh sai

sứ trèo non vượt bể tới nơi, dâng đồ tiến cống. Đáng khen con²³⁷ biết giữ lễ phiên thần, nên ban cho cha²³⁸ theo lối cắt đất phong tước. Theo cấp bậc, cho được cầm binh quyền, tự chủ trong việc đánh dẹp ở phương xa²³⁹. Còn về công phú thì sắp xếp vào ngạch "tĩnh phú"²⁴⁰. Thế là để khen thưởng người già cả mà có đức hạnh, chứ há có hạn chế trong điển chương pháp độ thường đâu?".

Giáp Tuất, năm thứ 5 (974). (Tổng, năm Khai Bảo thứ 7).

Tháng 2, mùa xuân. Tổ chức quân đội trong mười đạo.

Chia trong nước làm mười đạo. Tổ chức quân đội: mỗi đạo mười quân, mỗi quân mười lữ, mỗi lữ mười tốt, mỗi tốt mười ngũ, mỗi ngũ mười người, đều đội mũ "tứ phương bình đỉnh".

Lời chua - Mũ "Bình đỉnh": Làm bằng da, bốn bề khâu giáp lại với nhau: trên hẹp, dưới rộng, chóp phẳng.

Mười đạo: Chia đặt thế nào không rõ.

Ất Hợi, năm thứ 6 (975). (Tổng, năm Khai Bảo thứ 8).

Mùa xuân. Quy định mũ áo quan văn, quan võ.

Mùa thu. Sứ Tống lại sang.

Bấy giờ nhà vua sai Trịnh Tú đem sản vật địa phương sang biếu nhà Tống. Tống sai hồng lô tự khanh Cao Bảo Tự cùng với Vương Ngạn Phù đem chế văn sang gia phong cho Nam Việt vương Liễn làm Khai phủ nghi đồng tam ti Kiểm hiệu Thái sư, Giao Chi quận vương. Từ đây, hễ sai sứ sang Tống đều cử Đinh Liễn đứng đầu.

Lời phê²⁴¹ - Sự thực bấy giờ thế nào thật không rõ được, hoặc giả có điều gì giấu giếm mà như thế chăng? **Lời cần án - Sử Cương mục tục biên** (Trung Quốc) chép rằng: Bộ Lĩnh đề cử con là Liễn làm Tiết độ sứ, rồi lại nhường ngôi cho con. Khi Nam Hán mất, Đinh Liễn vào cống. Sách **Đông Đô sự lược**²⁴² chép: Đinh Liễn nối ngôi cha. Lúc nhà Tống bình được đất Lĩnh Nam, Liễn sai sứ xin nội phụ. Có lẽ bấy giờ Tiên Hoàng cảm quyền trị vì trong nước, còn việc bang giao trọng đại thì giao cả cho Đinh Liễn, nhà Tống phong vương cho Đinh Liễn, chùng có ý để Liễn nối ngôi cha; về phần Tiên Hoàng, vì đã xưng Hoàng đế ở trong nước rồi, nên cũng

không thắc mắc về chuyện đó chẳng? **Lời chua** - Trịnh Tú: **Người châu Đại Hoàng.**

Bính Tí, năm thứ 7 (976). (Tổng, Thái Tông năm Thái Bình hưng quốc thứ 1).

Mùa xuân. Sai sứ sang nhà Tống.

Sai Trần Nguyên Thái đem biểu sản vật địa phương.

Đinh Sửu, năm thứ 8 (977). (Tổng, năm Thái Bình hưng quốc thứ 2).

Sai sứ sang Tống.

Mừng việc Tống Thái Tông (976-997) lên ngôi.

Mậu Dần, năm thứ 9 (978). (Tổng, năm Thái Bình hưng quốc thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Động đất.

Lập con nhỏ là Hạng Lang làm Thái tử, phong con thứ là Toàn làm Vệ vương.

Tháng hai. Mưa đá.

Lời chua - Mưa đá: Mưa thành băng; bởi vì khí dương bị khí âm lấn lướt, không dung nạp được nhau, nên tan ra thành mưa đá.

Tháng 6, mùa hạ. Hạn hán.

Lời bàn của Nguyễn Nghiễm, người làng Tiên Điền: Về việc Tiên Hoàng lập Hạng Lang, trước đó thì có động đất, sau đó thì có mưa đá, có hạn hán. Trời kia răn bảo trời trời ra đấy; thế mà cứ coi làm thường, không sớm tỉnh ngộ! Vậy, muốn không mất, phỏng được chăng? **Kỷ Mão, năm thứ 10 (979).** (Tống, năm Thái Bình hưng quốc thứ 4).

Mùa xuân. Nam Việt vương Liễn giết Thái tử Hạng Lang.

Liễn là con trưởng, khó nhọc mà có công to; khi nhà vua đã được nước, Liễn được phong là Nam Việt vương lại từng nhận tước phong của Tống. Khi có Hạng Lang, nhà vua tư vị cung chiều, lập làm thái tử. Vì thế, Liễn bất bình, sai người ngầm giết Hạng Lang.

Tháng 10 mùa đông. Chi hậu nội nhân²⁴³ Đỗ Thích giết nhà vua và Nam Việt vương Liễn. Bọn Định quốc công Nguyễn Bặc bắt được Đỗ Thích giết đi, rước Vệ vương Toàn lên ngôi.

Trước kia, Đỗ Thích làm chức lại²⁴⁴ ở Đồng Quan, đêm nằm ở trên cầu, bỗng thấy sao sa vào miệng, tự phụ là điềm lạ, manh tâm làm điều vượt phận mình. Đến đây, nhân dịp nhà vua đêm ăn yến, say rượu, nằm ở trong sân cung cấm, bèn giết nhà vua luôn với Nam Việt vương Liễn. Bấy giờ sự lòng bất giác gắt gao quá. Đỗ Thích nằm núp ở lòng máng trong cung, đã hơn ba ngày, khát lắm, gặp trời mưa, thò tay ra hứng nước uống. Cung nữ trông thấy, chạy báo Nguyễn Bặc. Nguyễn Bặc bắt lấy Thích, chém chết. Rồi cùng bọn Đinh Điền, Lê Hoàn rước Vệ vương Toàn lên ngôi; truy tôn nhà vua là Tiên Hoàng đế.

Đinh Tiên Hoàng ở ngôi 12 năm, thọ 56 tuổi.

Lời chua - Đỗ Thích: Người Đại Đê thuộc Thiên Bản²⁴⁵ .

Đồng (mộc bên chữ "đồng" là cùng) Quan: Sử của Ngô [Thì] Sĩ chép là Đồng (chấm thủy bên chữ "đồng" là trẻ con) Quan. Bây giờ không biết ở đâu.

Táng ở sơn lăng Hoa Lư.

Lời cần án - Về việc an táng Đinh Tiên Hoàng và Lê Đại Hành . Sử cũ đều chép táng ở sơn lăng Trường Yên. Nay theo Ninh Bình sách⁴ lăng Tiên Hoàng ở núi Mã Yên thuộc xã Trường Yên Thượng, lăng Đại Hành ở núi Phả Sơn thuộc xã Trường Yên Hạ. Thế thì hai xã Trường Yên tức là đất Hoa Lư, cố đô nhà Đinh, nhà Lê; đến niên hiệu Thuận Thiên thứ 1 (1010), nhà Lý mới đổi Hoa Lư làm phủ Trường Yên. Vậy tên gọi "Trường Yên" ở thời Đinh, Lê chưa có . Sử cũ chép thế thì lầm, nay xin đính chính. Tôn mẹ là Dương thị làm Hoàng thái hậu.

Thập đạo tướng quân Lê Hoàn tự xưng là Phó vương. Bọn Đinh quốc

công Nguyễn Bặc, Ngoại giáp²⁴⁷ Đinh Điền và Phạm Hạp dấy quân đánh Lê Hoàn, không được, đều tử tiết.

Nhà vua nối ngôi, mới lên sáu tuổi. Bọn Nguyễn Bặc đều là đại thần phụ chính; còn Lê Hoàn trong tay giữ cả binh quyền, tự do ra vào nơi cung cấm. Thái hậu phải lòng Hoàn, rồi cùng nhau tư thông, cho Hoàn quyền tạm làm công việc thay vua như Chu Công²⁴⁸ khi trước. Lê Hoàn cậy có Thái hậu cung yêu, không kiêng sợ chi cả. Bọn Nguyễn Bặc bàn với nhau: "Lê Hoàn sẽ bắt lợi cho "nhụ tử"²⁴⁹ ; chúng ta chịu ơn dày của nước, nếu không tính tước đi, giữ cho xã tắc được yên thì còn mặt mũi nào trông thấy Tiên đế²⁵⁰ ở suối vàng nữa?". Họ liền cùng nhau khởi binh, chia hai đường thủy bộ cùng tiến,

định kéo thẳng đến kinh đô để giết Lê Hoàn. Thái hậu nghe tin, bảo Lê Hoàn: "Bọn Bặc nổi loạn, quan gia²⁵¹ hãy còn thơ ấu, cớ gì đáng sao nổi giữa lúc quốc gia lâm nạn này! Ông nên tính đi". Lê Hoàn thưa: "Tôi đây làm phó vương, quyền giữ việc nước, dù sống chết cũng xin gánh lấy trách nhiệm". Hoàn liền sắp xếp quân đội, đánh nhau với Nguyễn Bặc, Đinh Điền ở Ái Châu. Bặc, Điền thua rồi, lại đem quân thủy ra đánh. Lê Hoàn theo chiều gió, phóng lửa đốt cả thuyền chiến: Đinh Điền bị chết tại trận; Hoàn bắt được Nguyễn Bặc, đưa về kinh đô. Trước mặt Nguyễn Bặc, Hoàn kể tội: "Đáng Tiên đế mắc nạn, thần và người đều căm giận, ngươi lại nhân lúc tang tóc rồi ren, đứng đầu làm giặc! Đạo tôi con đâu có như thế?". Rồi Hoàn giết hại Bặc. Nguyễn Bặc, Đinh Điền đã chết rồi, quân

của Phạm Hạp mất tinh thần, chạy lên Bắc Giang; Lê Hoàn đem quân đuổi theo, bắt đưa về kinh đô, giết chết.

Lời cần án - Sử cũ chép Nguyễn Bặc, Đinh Điền cùng nhau dấy quân, định kéo đến thẳng kinh đô để giết Lê Hoàn, nhưng địa điểm dấy quân ở đâu thì bỏ qua không chép. Nay xét: Lê Hoàn với Bặc, Điền đánh nhau ở Tây Đô, Tây Đô tức là Ái Châu². Hoặc giả khi đã bàn định về việc giết Hoàn, họ liền đến Ái Châu khởi binh, mà **Sử cũ** bỏ sót chăng? Vậy hãy để lại, đợi khảo sau . **Lời chua - Ngoại giáp: Tên chức quan.**

Đinh Điền: **Người động Hoa Lư²⁵³** , châu Đại Hoàng.

Phạm Hạp: **Người Nam Sách²⁵⁴** : bây giờ là phủ Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Bắc Giang²⁵⁵ : Tức Kinh Bắc. Xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 28-29).

Ngô Nhật Khánh đem người Chiêm Thành vào cướp.

Nhật Khánh là dòng dõi Tiên chúa Ngô Quyền, trước kia xưng là An Vương, cùng với mười hai Sứ quân giữ đất, tranh hùng. Đinh Tiên Hoàng đánh dẹp được Nhật Khánh rồi, lập mẹ y làm hoàng hậu, lấy em gái y cho Nam Việt vương Liễn, lại gả công chúa cho y. Nhưng Nhật Khánh vẫn không hết oán giận, bèn đem vợ trốn đi. Khi đến cửa biển Nam Giới, Khánh rút dao đeo bên mình ra rạch vào mặt vợ mà kể: "Cha mày lừa gạt hiếp tróc mẹ con ta. Ta đây há vì có mày mà quên được tội ác cha mày sao? Thôi, mày trở về, một mình ta đi, ta cầu người nào cứu được ta đây!". Đoạn, Nhật Khánh chạy sang Chiêm Thành. Đến đây, nghe tin Tiên Hoàng mất rồi, Nhật Khánh dẫn người Chiêm đi đường biển vào cướp. Khi qua cửa Đại Nha và cửa Tiểu Khang, gặp cơn phong ba, thuyền chìm đắm mất cả. Nhật Khánh chết đuối. Chúa Chăm (Chiêm Thành) may được thoát nạn, bèn thu thập những quân còn lại, rút về.

Lời chua - Nhật Khánh: Người xã Đường Lâm²⁵⁶; bây giờ là xã Cam Lâm thuộc huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây.

Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb.III, 20-21).

Cửa biển Nam Giới: Ở chỗ giáp giới hai huyện Thiên Lộc²⁵⁷ và Thạch Hà.

Cửa Đại Nha: (á bên chữ điều): Tức cửa Đại Nha (nha bên chữ điều).
Xem Lý Hậu đế năm thứ 1 (Tb.IV, 13).

Cửa Tiểu Khang: Ở địa phận huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình; bây giờ là cửa Kiền (cũng gọi cửa Còn hoặc cửa Quèn).

Canh Thìn năm thứ 11 (980). (Đế Toàn, vẫn theo niên hiệu Thái Bình. Từ tháng 7 năm Thái Bình thứ 11 trở về sau là triều Lê, Đại Hành hoàng đế, năm Thiên Phúc thứ 1. - Tống, năm Thái Bình hưng quốc thứ 5).

Tháng 7, mùa thu. Dương thị sai Lê Hoàn đem quân ra chống quân Tống. Lê Hoàn liền tự xưng là Hoàng đế, truất bỏ Đế Toàn lại làm Vệ vương. Nhà Đinh (968-980) mất.

Trước đây, viên quan giữ Ung Châu nhà Tống là Hầu Nhân Bảo dâng thư nói bên Giao Châu đương có nội loạn, ta có thể đem một ít quân sang cũng đủ lấy được, xin cho mình về triều đình để trình bày về tình hình này. Vua Tống mừng lắm, toan cho chạy ngựa trạm triệu Nhân Bảo về ngay. Lư Đa Tôn nói: "Nước kia bên trong rối loạn, đó là cơ trời làm mất. Ta nên xuất kỳ bất ý mà đánh úp. Thế gọi là "tiếng sét đánh mau, che tai không kịp". Nếu vờ Nhân Bảo về trước, mưu sẽ tất lộ; kẻ kia biết trước,

chuẩn bị đề phòng, thì ta chưa dễ đã lấy được. Chi bằng mật sai Nhân Bảo lo liệu việc ấy, rồi sẽ xuất quân đánh tràn sang, thế tất ăn chắc mười mươi". Vua Tống cho là phải, liền cho Nhân Bảo làm chức Giao Châu thủy lục chuyển vận sứ, bọn Tôn Toàn Hưng, Trần Khâm Tộ, Lưu Trùng, Giả Thực đều cho làm chức Binh mã đô bộ thự, hẹn ngày cùng kéo quân sang xâm.

Viên quan giữ Lạng Châu đem sự đó tâu lên, Dương hậu sai Lê Hoàn lựa tuyển dũng sĩ để kháng chiến: cho Phạm Cự Lạng²⁵⁸ làm Đại tướng quân, bày mưu kế đem quân ra đánh. Cự Lạng và các tướng đều mặc quân phục, vào thẳng điện đình, bảo mọi người rằng: "Nay, thưởng người có công mà phạt kẻ không vâng mạng, đó là phép hành binh. Bây giờ chúa thượng hãy còn thơ ấu, bọn ta đâu hết sức liều chết, may mà có chút công lao, thì ta biết cho? Chi bằng trước hãy tôn ngay Thập đạo tướng quân lên làm thiên tử, sau sẽ ra quân?". Quân sĩ đều tung hô "vạn tuế". Dương hậu thấy ai cũng một lòng hả hê mến phục, liền sai lấy áo long cổn khoác lên mình Lê Hoàn rồi chính Dương hậu khuyên mời Lê Hoàn làm vua. Hoàn bấy giờ mới lên ngôi, đổi niên hiệu, giáng chức Đế Toàn xuống làm Vệ vương như cũ.

Lời phê²⁵⁹ - Bờ cõi Bắc Nam tuy có khác, nhưng vận hội³ vẫn như nhau: nhà Lê thì có chuyện khoác áo long cổn, nhà Lý thì lời sấm truyền ghi trên thân cây, sao mà giống chuyện với bên Tống⁴ thế! Hay là người làm sử thấy thế, gò ép gán găm vào với nhau để cho thần dị câu chuyện, chứ trời

kia có ý làm ra như thế đâu? **Lời cần án - Sử Cương mục** (Trung Quốc) nêu lệ chép năm tháng: Khi thiên tử nối đời nhau, thì cứ ở dưới dòng⁵ viết tên thụy và tên hiệu bằng chữ đỏ. Chỗ "lời chua" trong **Sử** ấy nói rằng: "Về sau, nếu vua nào bị phế, không có thụy hiệu, thì chỉ chép là "Đế mỗ", chứ không dùng đến cái tước do người sau đã biếm truất mà đặt cho. Thí dụ như Hải Tây Công nhà Tấn bị Hoàn Ôn⁶ phế truất **Cương mục** chép chữ lớn là "Đế Dịch".

Phép chép thẳng tên húy như thế là vì thấy không có tên thụy. Đó là lệ ngoại của **Cương mục**. Thế mà **Sử cũ** (của ta), đối với Đinh Toàn chép là "Phế đế", nay xin sửa lại, chép là Đế Toàn, cho hợp ý nghĩa và thể lệ trong **sử Cương mục** trên. **Lời chua - Ung Châu: Theo** Thanh Nhất thống chí , **Ung Châu thuộc về Quảng Tây thống bộ.**

Hầu Nhân Bảo: **Sử Cương mục** tục biên (Trung Quốc) chép Nhân Bảo là chồng em gái Triệu Phổ. Lư Đa Tốn có hiềm khích với Triệu Phổ, bèn bắt Nhân Bảo ra làm Tri châu Ung Châu, chín năm không được đổi đi nơi khác. Nhân Bảo sợ rằng nay lần mai nữa sẽ chết già ở đất Lĩnh Ngoại, bây giờ mới dâng thư nói việc Giao Châu, xin về tận triều đình tỏ bày sự trạng.

Giao Châu: Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb.IV, 19).

Lạng Châu: Nhà Lê, nhà Lý đặt làm lộ; nhà Trần gọi là Lạng Giang lộ; bây giờ là tỉnh Lạng Sơn.

Phạm Cự Lạng: Em Phạm Hạp.

Đây trở lên, nhà Đinh từ Tiên Hoàng, Mậu Thìn, năm thứ một (đến năm thứ ba mới đặt niên hiệu là Thái Bình) đến Đế Toàn, Canh Thìn, vẫn gọi là niên hiệu Thái Bình năm thứ 11, cộng hai đời vua, 13 năm (968-980).

Truy tôn cha là Mịch là Trương Hưng vương, mẹ là Đặng thị làm Hoàng thái hậu.

Trước kia, mẹ ngài là Đặng thị đang có thai, chiêm bao thấy bụng nở ra hoa sen, rồi kết thành nhân sen ngay. Đặng thị đem chia cho mọi người, riêng mình lại không ăn. Lúc tỉnh dậy, lấy làm lạ lắm. Kịp khi sinh con, thấy con mặt mũi hình dáng khác thường, Đặng thị nói với người ta rằng: "Thằng cháu này mai sau chắc sẽ làm nên sang cả, chỉ hiềm tôi không kịp hưởng lộc thôi!". Được vài năm, mẹ mất, rồi cha cũng chết. Viên quan sát họ Lê (không rõ tên) ở Ái Châu thấy ngài, cho là khác thường, nuôi làm con. Gặp tiết trời đông rét mướt, ngài nằm phục như hình cồi úp: đang

đêm, sáng rực cả nhà, có con rồng vàng ấp ở trên. Viên quan sát họ Lê, tỏ ra lấy làm lạ. Lớn lên, ngài giúp việc Nam Việt vương Liễn, càng tỏ ra lỗi lạc, có chí lớn. Tiên Hoàng khen là người có mưu trí và sức mạnh, giao cho cai quản hai nghìn quân, dần thăng đến chức Thập đạo tướng quân, Điện tiền chỉ huy sứ. Đến bảy giờ cướp ngôi nhà Đinh, truy tôn cha mẹ.

Lời cần án - Chu Vũ vương dấy nghiệp vương thì truy tôn Thái vương, Vương Quý và Văn vương làm bậc vương. Tống Thái Tổ xưng hoàng đế thì tôn Hi Tổ và Dực Tổ làm bậc đế. Lê Đại Hành đã xưng đế, thế mà chỉ tôn cha làm vương, còn từ ông tổ giờ lên đều không được dự: thực trái thòng quá lắm! Huống chi tôn cha làm vương mà mẹ lại làm Hoàng thái hậu: đảo ngược đến như thế! Về sau, Lý Thái Tổ tôn cha làm Hiển Khánh vương, mẹ là Minh Đức thái hậu, cũng là do Lê Đại Hành nêu ra trước.

Lời chua - Ái Châu: Tức Thanh Hóa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 20-21).

Tháng 10, mùa đông, sai sứ sang nhà Tống.

Bảy giờ vua Tống hạ chiếu xuất quân sai Lư Đa Tôn đưa thư sang ta khuyên dụ, đại lược nói: "Rừng rực xứ nóng, khói tỏa, mù hun, ta hóa ra áng mây của vua Nghiêu, tưới cơn mưa ngọt. Sùng sức chường khí, mây đốt, đá nung, ta gảy khúc đàn của vua Thuần, nổi cơn gió mát"²⁶⁰. Lại

nói: "Hiện nay ta

đã sửa sang binh xa và bộ tốt, hiệu lệnh chiêng trống rất nghiêm minh; nếu vâng theo giáo hóa thì được tha; nếu chống lại mệnh lệnh thì sẽ bị trị tội".

Nhà vua tiếp được thư ấy, sai nha hiệu Giang Cự Vọng và Vương Thiệu Tộ đem thư sang nhà Tống, nói trá là tờ biểu của Đinh Toàn cầu nối ngôi cha, xin ban cho mệnh lệnh chính thức. Làm vậy, cốt để hòa hoãn tình thế.

Bấy giờ Tống đã đầy quân, nên không ưng thuận. Tống sai Trương Tôn Quyền đem thư sang dụ rằng: "Họ Đinh truyền nối đã được ba đời, trăm muốn cho Đinh Toàn làm thống suất, khanh²⁶¹ thì làm phó. Nếu Đinh Toàn không đáng tướng tài, hãy còn tính khí trẻ con thì nên cho ngay mẹ con và thân thuộc y sang đây. Đợi khi vào châu, tất sẽ được ban điển lễ ưu hậu. Khanh²⁶² sẽ được trao cờ tiết và cây việt. Có hai đường đây, khanh nên xét kỹ mà chọn lấy một". Nhà vua đều im đi, không trả lời.

Tân Tị (981). Lê Đại Hành hoàng đế năm Thiên Phúc thứ 2 (Tống, năm Thái Bình hưng quốc thứ 6).

Tháng 3, mùa xuân. Quân Tống sang xâm lược. Nhà vua tự làm tướng,

đánh bại quân địch.

Bây giờ quân Tống chia đường sang xâm lấn: Hầu Nhân Bảo và Tôn Toàn Hưng kéo đến Lạng Sơn; Trần Khâm Tộ kéo đến Tây Kết, Lưu Trùng kéo đến sông Bạch Đằng. Nhà vua tự làm tướng, ra kháng chiến: sai quân sĩ đóng cọc ở sông Bạch Đằng để ngăn cản địch. Quan quân Tống đông lắm. Quan quân ta đánh bất lợi: hai trăm thuyền chiến đều bị địch lấy mất cả. Hầu Nhân Bảo đem tiền quân tiến lên trước. Tôn Toàn Hưng đóng quân lại, không đi; Nhân Bảo thường phải thúc giục. Khi quân Tống kéo đến sông Chi Lăng, nhà vua sai người trá hàng, dụ bắt được Nhân Bảo, đem chém. Bọn Lưu Trùng rút lui. Khâm Tộ nghe tin, trút quân quay về. Nhà vua lại đem các tướng truy kích: quân Khâm Tộ thua to, chết mất quá nửa. Bên ta bắt được bộ tướng của địch là bọn Quách Quân Biện và Triệu Phụng Huân, điệu về kinh đô. Chuyển vận sứ nhà Tống là Hứa Trọng Tuyên đem tình hình thua trận tâu bày về triều, vua Tống xuống chiếu rút quân về.

Lời chua - Lạng Sơn: Xưa là bộ Lục Hải; đời Hán thuộc về Giao Chỉ; đời Đường thuộc về Giao Châu; Đinh chia làm Lạng Sơn đạo, lại gọi là Lạng Châu; Lê, Lý đặt làm lộ; Trần gọi là Lạng Giang lộ; Lê gọi là Lạng Sơn thừa tuyên. Bây giờ là tỉnh Lạng Sơn.

Sông Bạch Đằng: X. thuộc Tấn, Cao Tổ, năm Thiên Phúc thứ 3 (Tb.5, 19).

Chi Lăng: Tên xã, thuộc châu Ôn, phủ Trường Khánh, ở đầu địa giới Lạng Sơn.

Sông Chi Lăng: Con sông ở xã Chi Lăng.

Tây Kết: Không rõ ở đâu.

Bầy tôi dâng tôn hiệu²⁶³.

Nhà vua đã thắng được quân Tống, trong nước đâu đây yên ổn. Bầy tôi dâng tôn hiệu là Minh Kiền ứng vận thần vũ thắng bình chí nhân quảng hiếu hoàng đế.

Nhâm Ngọ, năm thứ 3 (982). (Tống, năm Thái Bình hưng quốc thứ 7).

Lập Đình thái hậu là Dương thị làm Đại thắng minh hoàng hậu.

Dương thị, trước kia lấy Đình Tiên Hoàng, sinh ra Vệ vương Toàn. Toàn nổi ngôi, hầy còn nhỏ tuổi. Thái hậu tư thông với nhà vua, mưu việc chuyển dời ngôi nhà Đình. Đến đây lập Dương thị làm Đại thắng minh hoàng hậu. Lại lập Phụng Kiền chí lý hoàng hậu, Thuận Thánh minh đạo hoàng hậu, Trịnh quốc hoàng hậu và Phạm hoàng hậu, cộng năm Hoàng hậu.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Đại thắng minh là tên hiệu của Đình Tiên Hoàng. Đại Hành lấy hiệu vua cũ đặt cho vợ mình: Thật là không còn kiêng nể chút gì cả! Sử sách ghi chép, để cười nghìn thu! **Sai sứ sang nhà Tống.**

Nhà vua sai sứ đi cống, nói thác là sứ giả của Đình Toàn, vì sợ quân Tống lại sang.

Nhà vua tự mình cầm quân đi đánh nước Chiêm Thành: cả phá được quân địch.

Trước đây, nhà vua sai Từ Mục và Ngô Tử Canh sang sứ Chiêm Thành, bị người Chiêm Thành giam giữ. Nhà vua nổi giận; bèn sửa sang thuyền chiến và đồ giáp binh, tự làm tướng, đi đánh, chém được tướng nước ấy là Bê Mi Thuế tại trận và bắt được tù binh rất nhiều. Chúa Chăm bỏ thành chạy. Ta bắt được trăm người cung nữ và vàng bạc châu báu kể có hàng vạn, san phẳng cả thành trì²⁶⁴, phá hủy cả tông miếu²⁶⁵; vừa đầy một năm mới về kinh đô.

Lời chua - Chiêm Thành: Tức nước Lâm Ấp. Xem Tiền biên, thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb III, 20-21).

Đói to.

Quý Mùi, năm thứ 4 (983). (Tổng, năm Thái Bình hưng quốc thứ 8).

Mùa xuân. Sai sứ sang Tống.

Sai sứ sang giao hảo với nhà Tống, báo cáo về tin đánh thắng Chiêm Thành.

Sông mới đã đào xong.

Khi nhà vua đi đánh Chiêm Thành, từ núi Đồng Cổ đến sông Bà Hòa: đường núi hiểm trở, khó đi, người ngựa đều nhọc mệt, bèn sai đào con sông mới; đến bảy giờ hoàn thành, công và tư đều được tiện lợi.

Lời chua - Núi Đồng Cổ: Ở xã Đan Nê, huyện An Định, tỉnh Thanh Hóa.

Sông Bà Hòa: Ở huyện Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Bây giờ là sông xã Đồng Hòa.

Giáp Thân, năm thứ 5 (984). (Tổng, năm Ung Hi thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Đúc tiền Thiên Phúc.

Xây điện Bách bảo thiên tuế.

Làm điện ở núi Đại Vân, trang sức bằng vàng bạc, dùng làm nơi vua coi châu. Phía đông là điện Phong Lưu; phía tây là điện Tử Hoa; bên tả là điện Bồng Lai; bên hữu là điện Cực Lạc. Lại làm lầu Đại Vân và điện Trường Xuân làm chỗ ngự tẩm²⁶⁶. Bên điện Trường Xuân dựng điện Long Lộc, lợp bằng ngói bạc.

Lời chùa - Núi Đại Vân: Ở thành Hoa Lư; bây giờ là núi xã Trường Yên.

Ất Dậu, năm thứ 6 (985). (Tống, năm Ung Hi thứ 2).

Tháng 7, mùa thu. Ngày sinh nhật hoàng đế, đua thuyền.

Lấy tre làm thành núi giả ở trong thuyền gọi là núi "nam sơn", tổ chức cuộc bơi thuyền thi. Từ đấy, năm nào cũng giữ làm lệ thường.

Sai sứ sang Tống.

Bấy giờ nhân dịp có sứ nhà Tống đến nhà vua sai sứ ta đem vàng và ngà

voi sang biểu nhà Tống để thỉnh cầu lãnh chức Tiết trấn.

Bính Tuất, năm thứ 7 (986). (Tống, năm Ung Hi thứ 3).

Tháng 8, mùa thu. Tuyển lính thân quân.

Tuyển những người khoẻ mạnh, nhanh nhẹn bổ làm túc vệ gọi là thân quân: đều thêu vào trán ba chữ "Thiên tử quân".

Tháng 10, mùa đông. Sứ nhà Tống sang.

Nhà Tống sai tả bổ khuyết là Lý Nhược Chuyết và quốc tử giám bác sĩ là Lý Giác đem bài chế văn sang phong nhà vua làm kim tử quang lộc đại phu, kiêm hiệu thái úy, An nam đô hộ Tĩnh Hải quân tiết độ sứ, Kinh Triệu quận khai quốc hầu. Bài chế văn ấy đại lược nói: "...Trước kia Sĩ Nhiếp là người cứng cáp sáng suốt, biến đổi thói tục đất Việt khiến hết thảy đều vào khuôn phép. Úy Đà²⁶⁷ hết lòng cung kính mềm dẻo, vâng theo chiếu chỉ nhà Hán, không dám trái nghịch. Bây giờ khanh phải vỗ yên bộ lạc man di, để tuyên dương ơn đức của thiên tử". Nhà vua tiếp nhận chế văn ấy với vẻ rất cung kính, thiết đãi sứ giả với lễ rất hậu. Rồi giao trả Tống bọn Quách Quân Biện và Triệu Phụng Huân trước đây ta đã

bắt được. Nhà vua lại bảo Nhưặc Chuyết và Lý Giác: "Chỗ chúng tôi là một nước nhỏ mọn, núi sông khoi diễn, hẻo lánh một nơi, cách thiên triều hàng muôn dặm. Sứ giả đi lại, trèo non vượt suối, chẳng cũng nhọc mệt lắm ru?". Lý Giác thưa: "Bản triều²⁶⁸ phân phong chư hầu, đất hàng muôn dặm, quận hàng bốn trăm, có chỗ bằng phẳng, cũng có nơi hiểm trở, chứ như một phương này, đã lấy gì làm xa?".

Dùng Từ Mục là Tổng quản giữ việc quân và dân, ban cho tước hầu;
Phạm Cự Lạng làm Thái úy.

Lời chua - Tổng quản: Tên chức quan nhà Đường, chuyên giữ quân sự.
Nhà Lê phỏng theo phép nhà Đường, đặt chức quan này, lại cho kiêm giữ cả dân sự.

Sai sứ sang Tống.

Sai Ngô Quốc Ân đem sản vật địa phương sang biếu và nói về việc người Chăm là Bô La Át đem hơn trăm người trong họ sang xin quy phụ nhà Tống.

Lời cần án - Sử của Ngô [Thì] Sĩ chép: "Bây giờ nhà vua mới bình được

Chiêm Thành, người Chiêm Thành sợ bị lấn lướt bức bách, nên đem hơn trăm người trong họ cầu xin quy phụ nhà Tống. Nhà đương cục ở Đam Châu đem việc ấy tâu lên triều Tống. Việc này nhà làm sử nhận lầm là do sứ thần nước ta sang Tống tâu bày". Xét chỗ sử của Ngô [Thị] Sĩ này không giống với **Sử cũ**, nay xin chép cả để làm tài liệu tham khảo. **Lời chùa - Đam Châu: Tức Đam Nhĩ. Xem Triệu Vương, năm Kiến Đức thứ 1 (Tb.II, 6).**

Đinh Hợi, năm thứ 8 (987). (Tống, năm Ung Hi thứ 4).

Mùa xuân. Nhà vua cày ruộng tịch điền²⁶⁹ .

Ban đầu, nhà vua cày ruộng ở Đới Sơn²⁷⁰ , được một lọ vàng; sau lại cày ở núi Bàn Hải, được một lọ bạc; do đó đặt tên là "ruộng Vàng, ruộng Bạc".

Lời chùa - Đới Sơn: Tên khác gọi là núi Long Đới, ở xã Đới Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nội²⁷¹ .

Núi Bàn Hải: **Không rõ ở đâu.**

Đâu đây được mùa cá.

Mậu Tí, năm thứ 9 (988). (Tổng, năm Đoan Cung thứ 1).

Sứ nhà Tống sang.

Năm ấy, vua Tống đổi niên hiệu, sai viên ngoại lang bộ Hộ là Nguy Tường, trực sử quán là Lý Độ đem bài chế văn sang tiến phong nhà vua tước Khai quốc công. Nhà vua sai sứ sang Tống biểu sản vật địa phương để đáp lễ.

Lời căn án - Theo sách **An Nam chí** của Cao Hùng Trưng và sách **Giao Chỉ di biên**, năm Ung Hi thứ 3 (986), Tống phong nhà vua làm kiểm hiệu thái úy Kinh Triệu quận Khai Quốc hầu; đến năm Đoan Cung thứ 1 (988), tiến phong làm Khai Quốc công. Thế là có theo thứ tự từ thấp lên cao. **Sử cũ** trước thì chép phong Kinh Triệu Quận hầu, ở đây thì chép phong Kiểm hiệu thái úy: Như vậy là lầm. Nay đính chính lại. **Kỷ Sửu, năm Hưng Thông thứ 1 (989). (Tổng, năm Đoan Cung thứ 2).**

Tháng giêng, mùa xuân. Đại xá.

Ban ơn đại xá vì có đổi niên hiệu là Hưng Thống.

Lập con là Long Việt làm Nam Phong vương.

Phong con trưởng là Long Thâu làm Kinh Thiên đại vương con thứ hai là Ngân Tích làm Đông Thành vương; lập con thứ ba là Long Việt làm Nam Phong vương²⁷².

Dương Tiến Lộc đem dân châu Hoan và châu Ái nổi lên làm phản, bị bắt và bị giết chết.

Tiến Lộc, làm chức Quản giáp, vâng mệnh đi thu thuế ở châu Hoan và châu Ái. Nhân đó, Lộc cầm đầu hai châu ấy nổi lên làm phản, rồi xin theo về với nước Chiêm Thành; nhưng người Chiêm Thành không nhận. Nhà vua đem quân đi đánh bắt giết được Tiến Lộc và giết người hai châu ấy không biết bao nhiêu mà kể.

Lời chua - Hoan Châu: Tức Nghệ An.

Ái Châu: Tức Thanh Hóa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20-21).

Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb. III, 20-21).

Quản giáp: Tên chức quan.

Canh Dần, năm thứ 2 (990). (Tổng, năm Thuận Hóa thứ 1).

Sứ nhà Tống sang.

Nhà Tống sai Tả chính ngôn là Tống Cảo và Hữu chính ngôn là Vương Thế Tắc đem bài chế văn sang gia phong nhà vua lên chức vị "đặc tiến"²⁷³. Nhà vua sai chỉ huy sứ Đinh Thừa Chinh đem chu su²⁷⁴ sang Thái Bình quân đón sứ nhà Tống, rỗng rãi nửa tháng trời đến sông Bạch Đằng, cứ

theo nước thủy

triều mà đi. Khi đến Trường Châu²⁷⁵ nhà vua ra đón sứ giả ở phía ngoài đô thành, cùng nhau giong cương ngựa đi song song. Đến cửa Minh Đức, nhà vua đón lấy bài chế văn nhưng không lấy, nói vì năm mới rồi, đi đánh giặc Mán, ngã ngựa đau chân. Bọn Tổng Cảo tin là thực. Ngày hôm sau, đặt tiệc đãi sứ, nhà vua bảo Tổng Cảo rằng: "Đường xá xa khơi, núi sông hiểm trở, sau này nếu có quốc thư, xin cứ giao nhận ở đầu biên giới, khỏi phiền sứ giả đến đây". Tổng Cảo đem việc này về tâu, vua Tống ưng thuận.

Theo lời chú giải trong sách *Đông tây dương khảo* của Trương Nhiếp nhà Minh, Tổng Cảo đi sứ về, nói với vua Tống rằng: năm ngoái, đến Giao Châu, Lê Hoàn đem quân và dân bơi thuyền, gióng trống, hò reo; những núi ở gần đô thành thì hư trung thanh thế: cắm rập cờ trắng, làm như dáng vẽ bày binh bố trận. Kịp khi đến cửa kinh đô, Lê Hoàn nhận lấy tờ chiếu, nhưng không lấy. Có đưa đến sứ quán con rắn lớn và nói: nếu sứ giả ăn được thì sẽ làm thịt để thết. Lại trói hai con hổ đem đến sứ quán. Sứ giả đều từ chối, không nhận. Ba nghìn quân sĩ của Lê Hoàn đều có thích ở trán ba chữ "Thiên tử quân".

Lời chua - Thái Bình quân: Theo sách *Thanh Nhất thống chí*, Thái Bình quận, đời Tần, là đất Tượng Quận; đời Hán là huyện Hợp phố; nhà Đường đổi là Liêm Châu; đến Tống, khoảng niên hiệu Thái bình hưng quốc²⁷⁶ đặt

làm Thái Bình quân, qua niên hiệu Hàm Bình²⁷⁷ lại đặt là Liêm Châu. Bây giờ nhà Thanh vẫn theo tên cũ, cho thuộc Quảng Đông thống bộ.

Bạch Đằng Giang: Xem thuộc Tấn, Cao tổ, năm Thiên Phúc thứ 3 (Tb. V, 19-20).

Trường Châu: Xem thuộc Đường, Cao tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb. IV, 19).

Tân Mão, năm thứ 3 (991). (Tống, năm Thuần Hóa thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Sai sứ sang nhà Tống.

Sai Đào Cần đem biểu sản vật địa phương.

Nhâm Thìn, năm thứ 4 (992). (Tống, năm Thuần Hóa thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua ngự điện Kiền Nguyên xem đèn.

Lập con là Long Đĩnh làm Khai Minh vương.

Bấy giờ các con nhà vua đều theo thứ tự thụ phong, chia ở các châu quận: Khai Minh vương Long Đĩnh ở Đằng Châu; Ngự Man vương Long Đĩnh ở Phong Châu; Ngự Bắc vương Long Ngận ở Phù Lan; Định Phiên vương Long Tung ở Ngũ huyện giang, Tư Doanh Thành phó vương Long Tương ở Đỗ Động; Trung Quốc vương Long Kính ở Mạt Liên; Nam Quốc vương Long Mang ở Vũ Lũng; Hành quân vương Long Đề²⁷⁸ ở Cổ Lãm; Phù Đới vương (không rõ tên), con nuôi nhà vua, ở Phù Đái.

Lời chua - Long Đĩnh: Con thứ 5.

Long Đĩnh: Con thứ 4.

Long Ngận: Con thứ 6.

Long Tung: Con thứ 7.

Long Tương: Con thứ 8.

Long Kính: Con thứ 9.

Long Mang: Con thứ 10.

Long Đề: Con thứ 11.

Đặng Châu: Xem thuộc Tổng, năm Kiền Đức thứ 4 (Tb. V, 31).

Phong Châu: Xem Hùng vương (Tb. I, 1).

Phù Lan: Tên trại; nay là xã Phù Vệ thuộc huyện Đường Hào²⁷⁹ tỉnh Hải Dương.

Ngũ huyện giang: Ở phía nam huyện Yên Lãng²⁸⁰, tỉnh Sơn Tây, sông Ngũ huyện chảy qua huyện Kim Anh²⁸¹ và huyện Đông Ngàn²⁸², vòng quanh đến huyện Yên Phong²⁸³ và huyện Tiên Du²⁸⁴, rồi đổ vào sông

Nguyệt Đức²⁸⁵ .

Tư Doanh Thành: Không khảo được.

Đỗ Động: Xem ngang với nhà Tống năm Kiên Đức thứ 4 (Tb. V, 29).

Mạt Liên: Tên huyện, bây giờ là huyện Tiên Lữ²⁸⁶ thuộc phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Vũ Lũng: Tên châu, thuộc tỉnh Thanh Hóa; nhiều lần phân chia ra sao và lệ thuộc vào đâu, bây giờ không khảo được.

Cổ Lãm: Tên châu; bây giờ là huyện Đông Ngàn thuộc phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Phù Đái: Tên làng; bây giờ là xã Phù Tải thuộc huyện Vĩnh Lại²⁸⁷ , tỉnh Hải Dương.

Tháng 6, mùa hạ. Thả những người Chiêm Thành bị bắt từ trước về nước.

Thả những người Chiêm ở thành cũ châu Địa Lý cho về châu Ô Lý, tất cả hơn ba trăm sáu mươi người.

Lời chua - Địa Lý: Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29).

Ô Lý: Xưa là đất Việt Thường; đời Tần, thuộc Tượng quận; đời Hán, thuộc Nhật nam; đời Đường, là Cảnh Châu; thời Tống, phía bắc Chiêm Thành gọi là châu Ô Lý. Nhà Trần, khoảng niên hiệu Hưng Long (1293-1313) được chúa Chăm dâng đất này, đổi là Thuận Châu và Hóa Châu. Hời thuộc Minh, đặt là phủ Thuận Hóa, cho Thuận Châu và Hóa Châu lệ thuộc vào. Nhà Lê đặt làm Thuận Hóa thừa tuyên. Bây giờ huyện Đăng Xương, huyện Hải Lăng thuộc tỉnh Quảng Trị, và huyện Phong Điền, huyện Quảng Điền, huyện Hương Trà thuộc tỉnh Thừa Thiên, ấy là đất Thuận Châu xưa. Huyện Phú Lộc, huyện Phú Vinh thuộc tỉnh Thừa Thiên và huyện Diên Phước (phúc), huyện Hòa Vinh thuộc tỉnh Quảng Nam, ấy là đất Hóa Châu xưa.

Tháng 8, mùa thu. Sai mở đường bộ thông đến châu Địa Lý.

Sai phụ quốc Ngô Tử An đem ba vạn người mở đường bộ từ cửa biển Nam Giới đến châu Địa Lý nước Chiêm Thành.

Lời chúa - Phụ quốc: Tên chức quan.

Cửa biển Nam Giới: Xem nhà Đinh, năm Thái Bình thứ 10 (Chb. 1, 12).

Quý Tị, năm thứ 5 (993). (Tổng, năm Thuần Hóa thứ 4).

Mồng 1 tháng 2, mùa xuân. Nhật thực.

Sứ nhà Tống sang.

Bấy giờ nhà vua sai sứ sang cống và dâng tờ biểu Đinh Toàn nhường ngôi. Vì sồn về nổi Tôn Toàn Hưng đã bại trận, vua Tống cũng ưng thuận, mới sai Vương Thế Tắc và Lý Cư Giả đem bài chế văn sang phong nhà vua làm Tĩnh Hải quân tiết độ sứ, Giao Chỉ quận vương.

Sử Cương mục tục biên (Trung Quốc) chép: Năm Thuận Hóa thứ 4 (993), Lê Hoàn đưa lễ sang cống, phong cho Lê Hoàn làm Giao Chỉ quận vương. Bài "Phát minh" trong sử trên bàn rằng: Thiên tử sở dĩ được quý, là chỉ vì vâng mệnh trời, đánh giết kẻ phản nghịch. Giao Châu là đất đã do họ Đinh giữ trước. Năm Khai Bảo thứ 6 (973), Đinh Liễn vào cống, vâng mạng chịu phong vương. Vậy thì con cháu nối nghiệp, là theo đúng lễ. Đinh Liễn mất rồi, em là Đinh Toàn nối ngôi. Bộ tướng là Lê Hoàn lừa gạt kiềm chế chủ mình, giành nắm quyền chính. Đó thực là kẻ loạn thần, tặc tử. Đối với pháp luật của vương giả, tất phải tru diệt. Nay vua Tống thấy Lê Hoàn cho sang tiến cống, cũng gia phong cho tước vương. Thế là tước vương ở Giao Chỉ có thể cứ dùng thế lực mà chiếm được, chứ có phải nhận lấy bằng lễ nghĩa đâu! Nếu sau này bày tội của Lê Hoàn cũng bắt chước làm theo thói xấu ấy, thì vua Tống lấy gì mà chế trị được? Than ôi! Làm vua mà không nắm được quyền đánh dẹp, thì kẻ loạn thần lấy gì để làm răn chừa! Sử Cương mục (tục biên), ở trên, chép Lê Hoàn đưa lễ vào cống, đến dưới, chép ban chiếu phong cho tước vương. Thì ra hai bên đều trọng về lợi, chứ không trọng về nghĩa nữa. Công đạo bởi đâu mà giải tỏ được ru?

Giáp Ngọ, năm Ứng Thiên thứ 1 (994). (Tống, năm Thuận Hóa thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ sang nhà Tống.

Sai nha hiệu Phí Sùng Đức đem biểu sản vật địa phương.

Chế Cai nước Chiêm Thành vào châu.

Trước đây, chúa Chàm²⁸⁸ sai Chế Đông đến dâng sản vật địa phương. Nhà vua trách là vô lễ, gạt đi không nhận, chúa Chàm²⁸⁹ sợ, sai cháu là Chế Cai vào châu.

Ất Mùi, năm thứ 2 (995). (Tổng, năm Chí Đạo thứ 1).

Bính Thân, năm thứ 3 (996). (Tổng, năm Chí Đạo thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Sai sứ sang nhà Tống.

Bấy giờ nhà vua dong tủng dân nơi biên giới lấn cướp bờ cõi nhà Tống. Chuyển vận sứ Quảng Tây lộ là Trương Quan, và binh mã giám áp ở trấn Như Hồng là Vệ Chiêu Mỹ đem việc đó tâu về triều, vua Tống ý muốn vỗ về cho yên, nên cũng bỏ qua không hỏi đến. Trương Quan lại dâng thư nói

rằng nhà vua²⁹⁰ bị họ Đinh xua đuổi, thu nhặt đám quân còn sót, ra ở nơi hải đảo, cướp bóc để độ thân, nay đã mất rồi. Vua Tống sai thái thường thừa là Trần Sĩ Long làm Thái phóng sứ, sang dò hư thực, mới biết những lời Trương Quan đều dối trá cả, bèn xuống chiếu nghị tội bọn Trương Quang. Lại bổ Trần Nghiêu Tẩu làm Quảng Tây Chuyển vận sứ, và sai Hải khang úy là Lý Kiến Trung đem chiếu thư sang tạ.

Trước đây, bọn Văn Dũng, dân trấn Triều Dương, phạm tội²⁹¹, trốn sang trấn Như Tích thuộc Khâm Châu bên Tống, được trấn tướng nhà Tống là Hoàng Lệnh Đức chứa chấp. Nhà vua sai trấn tướng ta ở Triều Dương là Hoàng Thành Nhã đuổi bắt không được. Đến đây, Nghiêu Tẩu (người Tống) đến trấn

Như Tích, hỏi biết rõ đầu đuôi về việc chứa giấu phạm nhân, mới đem giao trả ta tất cả trai, gái, già trẻ hơn trăm người mà trước đây Hoàng Lệnh Đức đã chứa chấp. Nhà vua lại bắt hai mươi bảy người Đăn không biết tiếng Trung Quốc đưa sang Quảng Tây giao cho Tống. Nhân tiện sai sứ sang tạ ơn Tống và nói đến việc đã bắt được giặc biển đưa sang rồi. Lại hứa hẹn sẽ răn cấm dân các miền khô động không được khuấy rối nữa.

Lời chua - Như Hồng và Như Tích: Sách Thanh Nhất thống chí chép: trấn Như Hồng và trấn Như Tích đều ở về phía tây Khâm Châu, thuộc phủ

Liêm Châu, tỉnh Quảng Đông.

Triều Dương: Tên trấn. Xem Lý Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 14 (Chb. II, 23).

Người Dẫn (Hô di Dẫn Man): Theo sách Lĩnh Ngoại đại đáp của Chu Khứ Phi, người Dẫn là giống người lấy thuyền làm nhà, coi ở nước như ở trên cạn, lênh đênh sống trên sông biển.

Sứ nhà Tống sang ban sắc mệnh.

Nhà Tống lại sai Lý Nhược Chuyết đem tờ chiếu và đai ngọc sang ban cho. Khi sứ thần đã đến nơi, nhà vua ra đón ở ngoài đô thành, có ý ngạo mạn coi thường, không thi lễ, bảo Nhược Chuyết rằng: "Trước đây xảy việc cướp trấn Như Hồng là do giặc ở ngoài biên giới, chẳng hay hoàng đế có biết cho không? Giả sử Giao Châu chúng tôi nổi lên chống lại, thì trước hết kéo sang Quảng Châu, rồi vào mọi quận ở Mân Châu, chứ có khi nào chỉ nhằm một trấn Như Hồng mà thôi?". Nhược Chuyết ung dung nói: "Túc hạ xuất thân từ một nha tướng, được hoàng đế trao cho tiết việt, hết lòng cung thuận, hợp với lễ nghĩa, tất không có ý gì khác. Các đại thần bên tôi đều cho rằng giặc biển khuấy rối, một mình Giao Châu không thể trị nổi, xin đem quân ra hội tiểu, để dứt hăng mối lo về sau. Nhưng hoàng

để lại lo Giao Châu không biết rõ được ý chí triều đình, lỡ sinh ra sợ hãi chẳng, cho nên không đem quân sang hội tiễu nữa". Nhà vua ngạc nhiên nói: "Giặc biển xâm phạm biên giới, đó là lỗi tại người bầy tôi có trách nhiệm giữ biên cương. Từ nay xin kính theo giáo hóa triều đình, quét sạch chương khí ngoài biển"²⁹². Nói đoạn, cúi đầu tạ lỗi.

Lời chua - Giao Châu: Xem thuộc Đường, Cao tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb. IV, 18).

Quảng Châu: Xem Lương, năm Đại Đồng thứ 7 (Tb. IV, 2).

Mân Châu: Bấy giờ thuộc Phúc Kiến thống bộ.

Đinh Dậu, năm thứ 4 (997). (Tống, năm Chí Đạo thứ 3).

Tháng 4, mùa hạ. Nhà Tống gia phong nhà vua tước Nam Bình vương.

Tống Chân tông lên ngôi, gia phong nhà vua tước Nam Bình vương.
Trước đây, sứ Tống đến, thường nói về việc cống muối rồi đây đưa đến cả

việc thuê khóa. Chân Tông nghe biết chuyện ấy, nên đến đây, chỉ sai viên quan ở biên cương triệu người sang để trao cho sắc chỉ, chứ không chuyên sai sứ thần mang sang như trước nữa.

Sai sứ sang nhà Tống.

Năm ấy (Đinh Dậu, 997), nước Chiêm Thành cướp nơi biên giới. Nhà vua đi đánh, quân Chiêm thua chạy, mới đem sản vật địa phương sang biểu nhà Tống, nhân tiện dâng biểu đại lược nói: "Giao Châu chúng tôi giáp giới với Chiêm Thành, trong một hai năm nay, Chiêm Thành thường khuấy rối miền lân cận, cướp nhà thuê hộ, xâm lấn lương dân; nước tôi thường phải dùng đến binh khí để ngăn cản chúng, nên mới đến nỗi trễ việc triều cống, thật là trái phép tắc của triều đình". Nhà Tống đáp lại một cách ưu hậu, ban cho đai ngọc, áo giáp và ngựa.

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua đi đánh giặc ở Đỗ Động, bắt được đồ đảng nó đem về.

Có thủy tai lớn.

Mậu Tuất, năm thứ 5 (998). (Tổng, Chân Tông, năm Hàm Bình thứ 1).

Tháng 3, mùa xuân. Động đất.

Mồng 1, tháng 5, mùa hạ. Nhật thực. Suốt từ tháng này đến tháng 6, không mưa.

Mồng 1, tháng 10, mùa đông. Nhật thực.

Kỷ Hợi, năm thứ 6 (999). (Tổng, năm Hàm Bình thứ 2).

Nhà vua thân đi đánh và dẹp yên được Hà Động.

Bốn mươi chín động vùng Hà Động đều dẹp yên cả. Từ đây các châu, các động đâu đấy đều quy phục.

Lời chua - Hà Động: tức động Hà Man; bây giờ là đất huyện Thạch

Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Canh Tí, năm thứ 7 (1000). (Tổng, năm Hàm Bình thứ 3).

Bọn Trịnh Hàng ở Phong Châu làm loạn. Nhà vua xuống chiếu sai đi đánh.

Bọn Trịnh Hàng làm loạn, nhà vua điều khiển quân sĩ đi đánh. Trịnh Hàng chạy sang núi Tản Viên.

Lời chua - Phong Châu: X. Hùng Vương (Tb. I, 1).

Tản Viên: Tên núi. Ở huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây. Hình thế núi cao vọi như cái tán, nên gọi là Tản Viên.

Sai tướng chia nhau đi tuần các nơi biên thùy.

Sai Từ Mục đi tuần cõi Hà Tây, Ngô Tử An đi tuần cõi phía bắc, để dò xét

tình hình biên giới.

Tân Sửu, năm thứ 8 (1001). (Tổng, năm Hàm Bình thứ 4). Vua nhà Đinh trước là Toàn mất ở Cử Long.

Nhà vua đi đánh Cử Long: Vệ vương Toàn theo đi. Bấy giờ quân giặc thấy nhà vua, chúng giương cung, chĩa tên, toan bắn, chiếc tên rơi xuống; chúng lại giương cung, dây cung đứt. Chúng sợ, rút lui. Nhà vua đi thuyền ven sông đuổi theo. Quân giặc ở hai bên bờ đánh khép lại. Quan quân bị hãm ở sông. Vệ vương Toàn trúng phải mũi tên bay, mất tại trận. Nhà vua kêu trời ba tiếng, rồi thân ra đốc chiến: quân giặc thua.

Lời phê - Lê Hoàn lợi dụng cơ hội, đã cướp lấy nước người ta, lại không khéo đối đãi chúa cũ, đẩy vào chỗ chết, thế nào mà Toàn chẳng đến tử vong? Còn việc cất tiếng kêu trời, gieo mình xuống đất, chỉ là một ngón giả trá. Thật khó che đậy được công luận nghìn thu. **Lời chua** - Cử Long: Tên dân tộc Mán. Nhà Đinh, nhà Tiền Lê gọi là mán Cử Long, đến nhà Lý diệt được. Năm Thuận Thiên (1428-1433), nhà Lê đặt là huyện Lạc Thủy; năm Quang Thuận (1460-1469), đổi lại Cẩm Thủy. Bây giờ vẫn theo tên cũ, thuộc phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nhâm Dần, năm thứ 9 (1002). (Tổng, năm Hàm Bình thứ 5).

Tháng 3, mùa xuân. Đặt luật lệ pháp lệnh.

Lựa tuyển chư quân.

Lựa tuyển trong dân đình lấy những người khỏe mạnh sung bổ vào các đội ngũ. Chia tướng hiệu làm hai ban. Chế mấy nghìn chiếc mũ đầu mâu, ban phát cho sáu quận.

Lời chua - Lộ, phủ, châu: Thay đổi và xếp đặt thế nào không rõ.

Quý Mão, năm thứ 10 (1003). (Tổng, năm Hàm Bình thứ 6).

Nhà vua đi Hoan Châu, đào sông Đa Cái²⁹³.

Bấy giờ đào sông Đa Cái, có kẻ ta oán nổi lên làm phản, nhà vua sai bắt chém đem rao đi khắp nơi để mọi người biết. Đầu mục dân thành Nhật

Hiệu là bọn Hoàng Khánh Tập đem gia quyến của chúng hơn bốn trăm năm mươi người trốn sang Khâm Châu bên Tống. Người Tống yên ủi và bảo trở về. Bọn Khánh Tập sợ tội, không dám về, cứ trú ở nơi bờ biển.

Lời chua - Hoan Châu: Tức Nghệ An. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21).

Đa Cái: Tên xã. Bây giờ là xã Hương Cái, huyện Hưng Nguyên. Theo sách Nghệ An chí, Hương Cái cảng ở phía tây nam huyện Hưng Nguyên.

Thành Nhật Hiệu: Sách An nam chí chép là trường²⁹⁴ Hiệu Thành. Nay không khảo được.

Khâm Châu: Bây giờ thuộc phủ Liêm Châu, tỉnh Quảng Đông nhà Thanh. Theo sách Giao Chỉ di biên , Hoàng Khánh Tập vào ở tại thôn Ô Thổ bên sông Dũng bộ thuộc địa phận Khâm Châu.

Giáp Thìn, năm thứ 11 (1004). (Tống, năm Cảnh Đức thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập Nam Phong vương Long Việt làm Thái tử.

Trước đây, con trưởng là Kinh Thiên đại vương Long Thâu mất, Ngân Tích, theo thứ tự, đáng được lập. Bấy giờ Long Đĩnh cầu xin làm Thái tử, ý nhà vua muốn cho; đình thần bàn rằng không lập con trưởng mà lập con thứ thì không hợp lễ; thành thử lại thôi. Đến đây, lập Long Việt làm Thái tử, gia phong Đông Thành vương Ngân Tích và Khai Minh vương Long Đĩnh làm đại vương.

Sai Hành quân vương Minh Đề sang bên Tống.

Nhà vua sai Minh Đề, lấy tư cách là quyền chức Thứ sử Hoan Châu đi thăm hỏi nhà Tống. Minh Đề đến Biện Kinh²⁹⁵, khẩn cầu ban cho ân điển. Vua Tống y cho, vời vào tiền điện²⁹⁶ vỗ về hỏi han, ban thưởng rất hậu, và phong làm Kim tử vinh lộc đại phu Kiểm hiệu Thái úy Hoan Châu thứ sử.

Lời chua - Minh Đề: Tức là Long Đề, con thứ hai Lê Đại Hành.

Xem đánh cá ở sông Đại Hoàng.

Lời chua - Sông Đại Hoàng: Bây giờ là con sông xã Đại Hữu huyện Gia Viễn (Ninh Bình).

Ất Tị, năm thứ 12 (1005). (Tống, năm Cảnh Đức thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Nhà vua mất.

Nhà vua khi mới mất, gọi là Đại Hành²⁹⁷ hoàng đế, rồi cứ để làm miếu hiệu, không đổi lại; ở ngôi 24 năm, thọ 65 tuổi.

Lời chua - Hán thư chép: Cao đế (nhà Hán) mới mất, triều thần gọi là Đại Hành hoàng đế. Tôn Dục nhà Ngụy nói: "Phép đặt tên thụy, lúc sinh thời làm được sự nghiệp to tát hay là nhỏ mọn thì lúc mất tên thụy cũng theo như vậy. Khi tiên quân chưa có tên thụy, mà tự quân (vua nối ngôi) đã lên ngôi, kẻ thần hạ xưng hô nên có phân biệt; vì vậy gọi là Đại Hành". Hiệu gọi: "Đại Hành" có lẽ gốc từ đây.

Táng ở Sơn Lăng Hoa Lư.

Tháng 10, mùa đông. Thái tử Long Việt lên ngôi.

Trước đó, Đông Thành vương Ngân Tích, Trung Quốc vương Long Kính và Khai Minh vương Long Đĩnh đều làm loạn; Thái tử không lên ngôi được, cầm cự nhau đến 8 tháng, trong nước không ai làm chủ. Đến đây, Long Việt mới lên ngôi; Ngân Tích phải chạy, bị người châu Thạch Hà giết chết.

Lời chua - Thạch Hà: Tên Châu. Nhà Đinh, nhà Lê gọi là châu Thạch Hà; nhà Lý đổi làm huyện Thạch Hà; nhà Trần đổi gọi châu Nhật Nam; hồi thuộc Minh gọi là châu Nam Tĩnh. Về sau, Lê lại gọi là huyện Thạch Hà. Bây giờ là huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Khai Minh vương Long Đĩnh giết vua Long Việt mà tự lập.

Vua Long Việt lên ngôi được 3 ngày; Long Đĩnh sai kẻ trộm trèo tường vào trong cung, giết chết, rồi cướp ngôi, tự lập làm vua; truy đặt tên thụy vua Long Việt là Trung Tông hoàng đế.

Dùng Lý Công Uẩn làm Tứ Sương quân phó chỉ huy sứ.

Khi vua Long Việt bị giết, bầy tôi đều chạy trốn cả, chỉ có điện tiền quân là Lý Công Uẩn ôm thây nhà vua mà khóc. Long Đĩnh cho là trung nghĩa, cất lên làm chức này.

Truy tôn mẹ làm Hưng Quốc quảng thánh Hoàng thái hậu.

Nhà vua đã cướp được ngôi, xưng tôn hiệu là Khai Thiên ứng vận thánh văn thân vũ tắc thiên sùng đạo đại thắng minh quang hiếu hoàng đế: truy tôn mẹ làm Hoàng thái hậu.

Lời chua - Thái Hậu: Con gái quan Chi hậu tên là Diệu, không rõ họ là gì.

Lập bốn Hoàng hậu.

Nhà vua tự cầm quân đi đánh Ngự bắc vương Long Ngạn và Trung Quốc vương Long Kính, dẹp yên được cả.

Bấy giờ nhà vua đã lên ngôi, Long Ngân và Long Kính giữ xã Phù Lan để chống lại. Nhà vua thân đi đánh: hai vương ấy đóng chặt thành cố thủ. Vây đến vài tháng, trong thành cạn lương; Long Ngân bắt Long Kính đem dâng nộp. Nhà vua sai chém Long Kính và tha tội cho Long Ngân. Nhân tiện, đem quân đi đánh Ngự Man vương Long Đình ở Phong Châu; Long Đình phải đầu hàng. Từ đó các vương đều chịu phục cả.

Lời chua - Phù Lan: Xem năm Hưng thống thứ 4 (Chb. I, 27).

Phong Châu: Xem Hùng Vương (Tb. I, 1).

Đặt Đằng Châu lên làm phủ Thái Bình.

Nhân dịp đem quân về đến Đằng Châu, nhà vua sai đặt Đằng Châu lên làm phủ.

Lời chua - Đằng Châu: Xem ngang với Tống, Thái tổ, năm Kiền Đức thứ 4 (Tb. V, 28).

Thân đi đánh mán Cử Long.

Trước đây, nhà vua đóng ở xã Phù Lan, có tin chạy trạm đến tâu rằng mán Cử Long vào cướp, đã kéo đến cửa biển Thần Đầu. Khi đã dẹp yên Phong Châu, rút quân về đến sông Tham, nhà vua liền vào Ái Châu để đánh giặc mán Cử Long.

Lời chua - Cử Long: Tên một dân tộc Mán. Xem Lê Đại Hành năm Ứng Thiên thứ 8 (Chb. I, 34).

Cửa Thần Đầu: Ở địa giới huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Nhà Lê đổi là Thần Phù; bây giờ là cửa Chính Đại.

Tham: Tên sông, chưa rõ ở đâu.

Ái Châu: Tức Thanh Hóa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20).

Bính Ngọ, năm thứ 13 (1006). (Đế Long Đĩnh vẫn theo niên hiệu cũ: năm Ứng Thiên thứ 13. - Tống, năm Cảnh Đức thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Lập con là Sạ làm Khai phong vương; con nuôi là Thiệu Lý làm Sở vương, Thiệu Hưng làm Hán vương.

Lời cần án - Long Đĩnh giết anh mà tự lập, hoang dâm thành bệnh, nằm mà coi châu, nhân gọi là Ngọa Triều. **Sử cũ** chép là "Ngọa Triều hoàng đế", có lẽ là theo tên gọi thời bấy giờ, chứ không phải là tên thụy. Chép vậy thật là trái thường quá lắm! Nay, đã không có tên thụy, thì cứ chép thẳng tên thực, đó là biến lệ của sử **Cương mục** (Trung Quốc). Nay đổi lại, chép là "Đế Long Đĩnh" để cho hợp với ý nghĩa và thể lệ của **Cương mục** dẫn trên. **Đặt lại quan chế và triều phục.**

Đặt lại quan chế văn võ và triều phục, đều theo như kiểu mẫu của nhà Tống.

Lời chua - Triều phục nhà Tống thế này: có ba hạng mũ: 1) Mũ tiến hiền, là phẩm phục hàng nhất phẩm và nhị phẩm; 2) Mũ điều thiên là phẩm phục hàng tam phẩm các tì, hàng tam phẩm ngự sử đài, và hàng ngũ phẩm hai sảnh; 3) Mũ giải trãi, là phẩm phục từ tứ phẩm đến lục phẩm. Công

khánh trở lên mặc màu tía; ngũ phẩm trở lên mặc màu đỏ; thất phẩm trở lên mặc màu lục²⁹⁸ ; cửu phẩm trở lên mặc màu xanh.

Tháng 6, mùa hạ. Sứ nhà Tống sang.

Trước đây, các vương tranh nhau nối ngôi, trong nước rối loạn. Vua Tống nghe tin, sai Tri châu ở Quảng Châu là Lăng Sách cùng với An phủ sứ nơi duyên biên là Thiệu Việp tùy tiện liệu tính công việc rồi tâu bày. Bọn Lăng Sách dâng thư nói rằng: cứ như lời bọn Hoàng Khánh Tập, người Giao Chỉ, do nhà đương cục Liêm Châu đưa đến, thì các con Nam Bình vương²⁹⁹ đến phân tán đóng giữ các trại, các sách, quan lại rời rạc chia lìa, nhân dân lo sợ. Vậy xin đem quân sang đánh dẹp; Khánh Tập xin làm tiên phong hẹn ngày lấy được. Nếu triều đình y theo lời thỉnh cầu đó, xin dùng đồn binh ở các châu Quảng Nam³⁰⁰ rồi thêm vào đấy 5.000 quân tinh nhuệ ở Kinh³⁰¹ Hồ³⁰² , thủy bộ cùng tiến sang thì có thể lập tức bình định được. Song, vua Tống cho rằng họ Lê bấy lâu vẫn giữ lễ cống, nên không nỡ đem quân sang đánh, xuống chiếu bảo bọn Lăng Sách phải chiêu an vỗ về như cũ, cốt khiến cho yên. Rồi sai Thiệu Việp đem thư sang hiểu dụ. Nhà vua³⁰³ sợ, xin sai em sang cống.

Lời chua - Quảng Nam: Theo sách Thanh Nhất thống chí , tỉnh Quảng Đông về đời Ngũ Đại (907-959), là nước Nam Hán; nhà Tống đặt làm

Quảng Nam đông lộ và

Quảng Nam tây lộ; nhà Nguyên gộp lại đặt ra đạo Quảng Đông; nhà Minh đổi làm tỉnh Quảng Đông; nhà Thanh cũng để tên như thế.

Quảng Châu: Xem Lương, năm Đại Đồng thứ 7 (Tb. IV, 2).

Minh Đề từ Tống trở về.

Từ cuối niên hiệu Ứng Thiên (1004), Minh Đề vâng mạng sang Tống, vì trong nước rối loạn, không về được, phải đóng lại Quảng Châu. Đến đây, vua Tống xuống chiếu bảo An phủ sứ là Thiệu Việp cấp người và thuyền để cho về. Thiệu Việp nhân dịp này, tính chiếm lấy nước ta, bèn dâng bức địa đồ thủy lục từ Ung Châu đến Giao Châu. Vua Tống đưa bức địa đồ ấy cho các cận thần xem và bảo: Giao Châu là nơi lam sơn chướng khí, nếu đem quân sang đánh, chắc sẽ tổn hại nhiều. Vậy ta chỉ nên cẩn thận giữ lấy đất đai của ông cha". Sự toan tính ấy vì thế mới thôi.

Lời chưa - Ung Châu: Xem Đinh Đế Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chbi. I, 14).

Giao Châu: Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều lộ thứ 1 (Tb. IV, 20).

Đinh Mùi, năm thứ 14 (1007). (Tống, năm Cảnh Đức thứ 4).

Mùa xuân. Sai em là Minh Sưởng sang nhà Tống.

Nhà vua sai Minh Sưởng và chương thư ký là Hoàng Thành Nhã đem con tê trắng sang biếu nhà Tống, dâng biểu xin cửu kinh³⁰⁴ và kinh sách đại tạng. Nhà Tống ưng thuận cho cả. Nhà vua lại sai sứ đem biếu con tê đã nuôi quen. Vua Tống cho rằng con tê từ xa đến không quen thủy thổ, nên đợi khi sứ giả ta về, đem thả ra ngoài bãi biển. Nhà vua (Long Đĩnh) lại dâng biểu xin áo giáp và mũ trụ trang sức bằng vàng, đều được vua Tống ưng cho. Lại xin cho ta sang "hồ thị" ở Ung Châu, mua bán đổi chác với người Tống; nhưng vua Tống không nghe, chỉ cho mua bán đổi chác ở Liêm Châu và trấn Như Hồng thôi.

Lời chua - Đại Tạng: Kinh nhà Phật.

Hồ thị: **Đem chỗ có đến chỗ không đổi chác lẫn nhau ở chợ.**

Liêm Châu: **Tức Thái Bình quân. Xem Lê Đại Hành năm Hưng Thống thứ 2 (Chb. I, 25-26).**

Trần Như Hồng: **Xem Lê Đại Hành năm Ứng Thiên thứ 3 (Chb. I, 31).**

Tháng 8, mùa thu. Sứ nhà Tống sang.

Vua Tống phong nhà vua làm Giao Chỉ quận vương, lĩnh Tĩnh Hải quân tiết độ sứ, cho tên là Chí Trung. Theo như phép cũ, khi mới trao quyền ở Giao Châu thì chỉ ban tiết việt, chứ chưa phong tước vương. Đến Tống Chân Tông (998-1022) cho rằng Giao Châu ở xa, phải có ân điển triều đình mới có thể trấn phục được, nên đặc cách sai đúc ấn "Giao Chỉ quận vương" đem sang cho; lại truy phong Đại Hành hoàng đế làm Nam Việt vương, và sửa lễ tế viếng.

221 Xem Tb.IV, 29.

222 Nghệ An.

223 Một khu vực hành chính xưa ở miền rừng núi, cũng như các bản, các

trại, v.v...

224 Một khu vực hành chính xưa ở miền rừng núi, cũng như các bản, các trại, v.v...

225 Một khu vực hành chính xưa ở miền rừng núi, cũng như các bản, các trại, v.v...

226 Toàn thư và Sử ký đều chép Dự là chú của Đinh Bộ Lĩnh và, về đời thơ ấu của Đinh Bộ Lĩnh, có một vài chi tiết hơi khác, như: Đàm thị đem con đến cư trú ở bên đền thờ thần nơi động núi, và chiếc cầu mà Bộ Lĩnh chạy qua đó là cầu "Nương Loan" thôn Đàm Gia (Tth, 1, 1-2). Lại như: "Đinh Tiên Hoàng, khi còn bé, chơi đùa với các mục đồng, được chúng tôn làm vua. Tiên Hoàng lấy làm sung sướng, rình lúc mẹ đi vắng, cầm đầu các trẻ chăn trâu, về nhà bắt trộm lợn của mẹ, đem làm thịt để khao chúng. Mẹ về, sợ rằng "con dại cái mang", mới nói chuyện với người chú (của Bộ Lĩnh) là Đinh Dự. Dự nổi giận, vác dao ra đồng lùng tìm cháu. Bấy giờ Tiên Hoàng và các nhi đồng, hàng nào toán ấy, đang ăn uống. Bọn Điền và Bạc xông ra chống chọi với Dự để cho Tiên Hoàng thừa cơ chạy trốn. Dự đuổi đến bên sông, thấy con rồng vàng vờn mình ngang sông làm như cầu phao để cho Tiên Hoàng vượt qua. Dự đâm sợ; ném bỏ dao, đi về. Tiên Hoàng liền chạy sang Giao Thủy (nay thuộc Nam Định), theo phường chài làm nghề chài lưới. Việc bắt được ngọc khuê là ở lúc đi chài lưới này...". (Sk.1, 2).

227 Tên hiệu đáng tôn kính để gọi nhà vua khi còn sống, phân biệt với miếu hiệu là tên hiệu đặt cho nhà vua khi đã chết, thờ cúng ở nhà thái

miếu (xem thêm chú giải ở Tiền biên Tng6).

228 Đặt niên hiệu là Thái Bình (970-979).

229 Chức quan coi việc hình ngục.

230 Bảy giờ trong nước chia làm mười đạo. Thập đạo tướng quân tương tự như Tổng tư lệnh quân đội bảy giờ.

231 Nay thuộc tỉnh Hà Nam. - Toàn thư Bản kỷ 1 , 13a chép Lê Hoàn người Ái Châu. Đại Việt sử ký Bản kỷ 1 , 18b cũng nêu theo như thế, nhưng đến tờ 19b có đưa ra lời nhận xét thế này: "Đại Hành là người Bảo Thái huyện Thanh Liêm, chứ không phải là người Ái Châu. Sử cũ (cựu biên) chép lầm".

232 Quan đứng đầu triều.

233 Các quan chức phong riêng cho các nhà sư, đạo sĩ.

234 Các quan chức phong riêng cho các nhà sư, đạo sĩ.

235 Xem chú giải ở Tb.II, 16.

236 Xem chú giải ở Tb.I, 14-15.

237 Chỉ Đình Liễn.

238 Chỉ Đình Tiên Hoàng.

239 Nguyên văn là "trật dĩ duy sư". Đây dịch theo nghĩa ở hào "Cửu nhị", quẻ "Sư" trong kinh Dịch .

240 Nghĩa là hằng năm phải nộp một phần năm (1/5) trong số binh mã hiện có để đóng góp vào việc chinh phạt. Theo Tống sử Thực hóa chí , mỗi tỉ suất cứ hai binh thì một mã, như binh có 6.800 người thì ngựa phải 3.400 con. Hằng năm, phải lấy ra một phần năm (1/5) đặt làm ngạch "thượng phiên" để cung cấp về chinh dịch. - Nguyên văn là "trù chi tinh phú". Cũng có thể theo nghĩa trong sách Chu Lễ mà dịch là: được kinh lý đất đai trong nước mình mà bắt nộp thuế những số ruộng đất phì nhiêu.

241 Chỉ việc Tống phong Đinh Liễn làm Giao Chỉ quận vương.

242 Một bộ sách có giá trị, tác giả là Vương Xứng đời Tống, toàn bộ 130 quyển, trình bày công việc chín triều vua nhà Bắc Tống (960- 1126).

243 Một chức quan phục vụ ở trong cung dùng để sai bảo, truyền lệnh.

244 Chức quan trông coi về giấy tờ, thường gọi là thư lại.

245 Nay là huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

246 Chữ "sách" đây là sách văn, không phải là quyển sách. Thời Tự Đức (1848-1883), trong bộ có tư cho các tỉnh làm một bản sách văn ghi rõ lịch sử trong tỉnh; khi làm xong sách văn ấy, đệ trình vào bộ, tỉnh nào cũng phải đều rõ sách văn của tỉnh ấy. Thí dụ: Ninh Bình tỉnh sử Hàn Lâm viện sách , hoặc Hà Nội tỉnh sử Hàn lâm viện sách , v.v... Cương mục viết tắt là Ninh Bình sách hoặc Hà Nội sách ...

247 Chức quan đời Đinh, trông coi quân đội ở bên ngoài.

248 Tên là Đánh, em Chu Vũ vương. Khi Vũ vương mất rồi, con là Thành Vương còn thơ ấu, Chu công phải tạm cầm chính quyền, sắp xếp mọi việc,

cho đến khi Thành Vương khôn lớn thì trao trả.

249 Con nít, đây chỉ Đinh Toàn.

250 Chỉ Đinh Tiên Hoàng.

251 Chỉ Đinh Toàn.

252 Thanh Hoá.

253 Nay thuộc tỉnh Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

254 Nay là huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

255 Nay là hai tỉnh Bắc Ninh, Bắc Dương.

256 Nay là xã Đường Lâm thuộc thị xã Sơn Tây, tỉnh Hà Tây.

257 Nay là huyện Can Lộc. Can Lộc và Thạch Hà đều thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

258 Phạm Cự Lạng người Chí Linh (Hải Dương); ông nội là Chiêm, làm đồng giáp tướng quân đời Ngô Vương Quyền; cha là Man, làm tham chính đô đốc đời Ngô Nam Tấn; anh là Hạp, làm vệ úy đời Đinh Tiên Hoàng, cùng với Đinh Điền và Nguyễn Bặc dấy quân đánh Lê Hoàn, nhưng thất bại (theo Nguyễn Nghiễm trong Đại Việt sử ký, Bản kỷ, 1, 14).

259 Chỉ việc khuyên mời Lê Hoàn lên ngôi vua.

260 Quy luật xoay vần, hết trị đến loạn, hết dở đến hay, theo tư tưởng xưa.

261 Đời Ngũ Đại (907-959), Triệu Khuông Dận (tên Tống Thái Tổ) khi

đem quân đóng ở Trần Kiều, say rượu, nằm ngủ, qua sáng hôm sau, được các tướng suy tôn làm thiên tử. Khuông Dân chưa kịp đáp ứng, thì họ khoác luôn cho chiếc hoàng bào, tung hô vạn tuế. Việc này giống việc Dương hậu đem áo long cổn khoác vào mình Lê Hoàn. Còn chuyện sau đây của Triệu Khuông Dân thì giống chuyện Lý Công Uẩn khi sắp lên thay nhà Lê có bài sấm ở thân cây gạo (x. Chb.II, 4-5). Bấy giờ Khuông Dân còn làm quan với nhà Chu (951-959). Một hôm, Chu Thế Tông tìm trong hòm đựng văn thư, bắt được một mảnh gỗ dài 3 thước, trên có chữ "Kiểm điểm tác thiên tử" (quan kiểm điểm sẽ làm vua). Lúc ấy, Trương Vĩnh Đức đương giữ chức Kiểm điểm, Thế Tông lấy làm ngờ, bãi chức Trương Vĩnh Đức mà cho Triệu Khuông Dân làm Kiểm điểm. Được ít lâu quân sĩ lập Khuông Dân làm vua.

262 Dòng đây là theo lối viết sách nho xưa: từ bên phải sang bên trái, và từ trên xuống dưới. Viết ở "dưới dòng" tức là chưa thành hai dòng chữ nhỏ dưới dòng chính, tục gọi là chưa "lưỡng cước".

263 Người đời Tấn (265-420), tên tự là Nguyên Tử. Khi Bắc phạt, thua trận, quay về Kiến Khang (nay ở phía nam Nam Kinh), phế bỏ Đế Dịch, lập Giản Văn đế, định làm việc thoán đoạt, nhưng rồi bị bệnh chết.

260 Ý nói: Phương Nam khí nóng nung nấu, như lửa thiêu cáy, như hơi nước sôi; biển Nam khí độc bao bọc, trên thì mây mù phủ kín, dưới thì hơi đá bốc ra. Ta sẽ đem ơn đức của Nghiêu Thuấn là hai vị thánh quân thời xưa của Trung Quốc mà giúp đỡ cho. Vì Đế Nghiêu có đức độ thánh nhân, dân chúng nường nhờ không khác gì cây cối nhờ vào mưa móc; Đế Thuấn thay Đế Nghiêu trị vì, gảy đàn năm dây, hát bài Nam phong: "Gió nam mát mẻ, có thể cởi mở được lòng buồn nản của dân ta, gió nam hợp thời,

có thể làm cho dân ta được giàu của cải". Bức thư của vua Tống về đoạn này, bằng giọng đạo đức giả, nói sẽ đem văn minh Trung Quốc sang khai hóa cho dân Giao Chỉ.

261 Chỉ Lê Hoàn.

262 Chỉ Lê Hoàn.

263 Xem chú giải ở Chb.I, 3.

264 Thành và hào để phòng thủ của một nước.

265 Nhà thờ tổ tiên các vua chúa của một nước.

266 Nơi nhà vua nghỉ và ngủ.

267 Triệu Đà làm chức úy.

268 Triều Tống, Lý Giác là người Tống, nên gọi Tống là bản triều.

269 Thừa ruộng chính thiên tử tự cày cấy, hoa lợi sẽ dùng vào việc cúng tế.

270 Tục gọi núi Đọi.

271 Nay thuộc tỉnh Hà Nam.

272 Long Việt, Long Thâu và Ngân Tích đều là con Lê Hoàn. Sách Cương mục này, ở phần Cương, chép "Lập Long Việt làm Nam Phong vương", ở phần Mục lại chép thêm cả việc phong cho con trưởng và con thứ mà đều chép là phong. Vì, theo thể lệ chép sử đời phong kiến, đối với

người nào sau này có nhiều phần quan hệ, thì chép một cách đặc biệt hơn người khác để có phân biệt. Long Việt sau này được lập làm thái tử và nối ngôi vua, nên ở đây, Cương mục mới riêng nêu lên ở phần Cương và chép là "lập".

273 Một chức quan to, dưới hàng tam công. Chỉ vua chư hầu nào có công đức được triều đình kính trọng, mới được phong chức này.

274 Quân thủy với các thuyền chiến.

275 Tức châu Trường Yên.

276 Một niên hiệu của Tống Thái Tông, từ 976 đến 983.

277 Một niên hiệu của Tống Chân Tông, từ 998 đến 1003.

278 Còn có tên nữa là Minh Đề.

279 Nay Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

280 Nay là huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc.

281 Nay là huyện Sóc Sơn (Hà Nội) và một phần của huyện Mê Linh (Vĩnh Phúc).

282 Nay gồm huyện Tiên Sơn (Bắc Ninh) và huyện Gia Lâm, Đông Anh (Hà Nội).

283 Nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

284 Nay hợp nhất với huyện Từ Sơn thành huyện Tiên Sơn (Bắc Ninh).

285 Sông Cà Lồ.

286 Nay huyện Tiên Lữ thuộc tỉnh Hưng Yên.

287 Nay gồm huyện Ninh Giang (Hải Dương) và huyện Vĩnh Bảo (Hải Phòng).

288 Tức Chiêm Thành.

289 Chỉ Chiêm Thành.

290 Chỉ Lê Đại Hành.

291 Tội làm loạn, giết người.

292 Chỉ bóng về giấc già.

293 Nguyên văn là "Đa Cái cảng".

294 Trường sở.

295 Kinh đô của nhà Bắc Tống (960-1126).

296 Nhà riêng để nghỉ ngơi của vua chúa xưa.

297 Theo chế độ phong kiến xưa, trong thời gian quá độ "vua trước mới chết chưa có tên thụy, vua sau đã lên ngôi", quần thần thường dùng danh từ chung chung mà gọi vua mới chết ấy là Đại Hành hoàng đế để cho phân biệt với vua mới. Về danh từ "Đại Hành", có hai nghĩa: 1- Vua đã đi dài, không trở về nữa; 2- Vua có đức hạnh to, tất phải được danh lớn. Về trường hợp Lê Hoàn này đáng lẽ, theo công thức phong kiến, chỉ gọi tạm

là Đại Hành trong một thời gian như trên đã nói, nhưng vì không có tên thụy và tên miếu hiệu, nên cứ phải gọi là "Đại Hành" mãi mãi như trăm nghìn vua khác khi mới chết cũng gọi là "Đại Hành" (xem thêm " Lời chua " của Cương mục).

298 Màu xanh lá cây.

299 Chỉ Lê Đại Hành.

300 Xem " Lời chua " ở sau của Cương mục .

301 Giang Lăng phủ đời Tống, thuộc tỉnh Hồ Bắc.

302 Hồ Châu đời Tống, thuộc tỉnh Chiết Giang.

303 Chỉ Lê Ngọa Triều.

304 Chín kinh sách nhà nho. Có hai thuyết. Thuyết thứ nhất, Cửu kinh gồm có: 1) Chu lễ; 2) Nghi lễ; 3) Lễ ký; 4) Tả truyện; 5) Công dương; 6) Cốc lương; 7) Dịch; 8) Thi; 9) Thư; Thuyết thứ hai: 1) Dịch; 2) Thi; 3) Thư; 4) Lễ; 5) Xuân thu; 6) Hiếu kinh; 7) Luân ngữ; 8) Mạnh tử; 9) Chu lễ;

Quốc Sử Quán Triều Nguyễn

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên-Quyển thứ II

Từ Mậu Thân (1008). Lê đế Long Đĩnh, năm Cảnh Thụy thứ 1 đến hết Kỷ Mão (1039), Lý Thái Tông, năm Kiến Phù hữu đạo thứ 1, gồm 32 năm (1008-1039).

Mậu Thân (1008), Lê đế Long Đĩnh năm Cảnh Thụy thứ 1 (Tổng, năm Đại Trung tường phù thứ 1).

Lập con nuôi của Hoàng hậu là Lê Ốc Thuyên làm Tam Nguyên vương.

Lời chùa - Hoàng hậu: Cảm thánh hoàng hậu.

Tam Nguyên: Sử cũ chùa "có chỗ chép là Nhị Nguyên".

Kỷ Dậu, năm thứ 2 (1009). (Tổng, năm Đại Trung tường phù thứ 2. Năm này nhà Lê mất).

Đào sông ở Ái Châu.

Đô đốc Kiều Hành Hiến xin đào sông, đắp đường và lập đồn dựng mốc ở Ái Châu. Nhà vua nghe theo, xuống chiếu cho quân và dân châu ấy đào sông từ cửa ải Chi Long qua núi Đính Sơn đến sông Vũ Lũng.

Lời chua - Ái Châu: Tức Thanh Hóa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20).

Cửa ải Chi Long: Theo Thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư, cửa ải Chi Long ở huyện Chi Nga, Chi Nga bây giờ là huyện Nga Sơn.

Vũ Lũng: Tên châu. Xem Lê Đại Hành, năm Hưng Thống thứ 4 (Chb. I, 27).

Nhà vua đi Ái Châu, đến sông Vũ Lũng.

Tục truyền: Ai bơi lội qua sông Vũ Lũng thường hay bị hại, nhà vua sai đóng thuyền để chở người qua lại.

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua thân đi đánh châu Hoan Đường và châu Thạch Hà.

Nhà vua đến sông Hoàn Giang, sai phòng át sứ Hồ Thủ Ích đem hơn năm nghìn quân sửa sang mở mang đường sá, từ sông Châu Giáp đến cửa Nam Giới. Nhà vua đi thuyền ra ngoài biển bỗng dưng sóng gió sôi nổi, mây mưa mờ mịt, bèn sai quay thuyền trở lại, đi đường bộ về kinh đô.

Lời chua - Hoan Đường: Thuộc đất Hoan Châu. Nhà Đinh, nhà Lê (Lê Đại Hành) gọi là châu Hoan Đường; khi thuộc Minh đổi là Thạch Đường; về sau, nhà Lê đổi là huyện Nam Đường. Nay vẫn theo như tên cũ, thuộc phủ Anh Sơn tỉnh Nghệ An.

Thạch Hà: Xem Lê Đại Hành năm Ứng Thiên thứ 12 (Chb. I, 38).

Cửa biển Nam Giới: Xem [Đinh Tiên Hàng](#), năm Thái Bình thứ 10 (Chb. I, 12).

Sông Hoàn Giang: [Không khảo được](#).

Tháng 10, mùa đông. Lê đế Long Đĩnh mất.

Nhà vua có tính hiếu sát: Những súc vật dùng làm món ăn, tất phải chính tay mình đâm chết trước. Dùng nhiều hình phạt tàn ngược để giết người: hoặc quán cỏ vào thân người rồi lấy lửa đốt; hoặc sai Liêu Thủ Tâm, tên phường chèo người Tống, cầm con dao cùn lóc thịt người để cho không chết ngay được, thấy người bị hành hình ấy đau đớn kêu gào, Thủ Tâm nói khôi hài rằng nó không quen chịu chết, thì nhà vua ha hả cười. Đi đánh dẹp, bắt được tù binh, đều tống vào cái "thủy lao" để cho nước triều dâng lên thì sặc nước, há mồm mà chết; có khi bắt họ trèo lên ngọn cây rồi ở dưới chặt cây, cây đổ, người ngã chết, thì khanh khách cười, lấy làm vui thích. Hồi đi đánh Án Động, bắt được tù binh người Mán, nhà vua sai đánh bằng gậy; người Mán đau đớn kêu gào, nhiều lần xúc phạm đến tên húy vua Đại Hành, thì lấy làm hả hê lắm. Lại tự làm tướng đi đánh Hoan Châu, bắt được người Mán, đem nhốt vào cái vựa mà đốt.

Mỗi khi coi châu, thế nào nhà vua cũng sai những kẻ khôi hài đứng hầu ở hai bên, nếu có ai nói gì thì chúng liền lấu nói theo mà cười ồ, để làm át và đánh lạc những tiếng râu bày việc nước của các quan.

Minh Suồng từ bên Tống về, dụ được này Tiêu thị, người Tống, đem dâng, nhà vua cho vào cung làm cung nhân.

Nhà vua hoang dâm tửu sắc, dần mắc bệnh trĩ, nằm mà coi châu, nên người ta gọi là "Ngoạ Triều". Ở ngôi 4 năm, thọ 24 tuổi.

Lời cần án - Thẻ lệ chép sử **Cương mục** (Trung Quốc): đối với những vua chính thống, lúc mất, lúc táng đều có chép cả. **Sử cũ** (của ta) không chép táng Lê đế Long Đinh; nay không khảo được. **Lời chua** - Hoan Châu: **Tức là Nghệ An. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21).**

Đây trở lên, nhà Lê từ Đại Hành niên hiệu Thiên Phúc thứ 2, năm Tân Tị (981), đến Long Đinh niên hiệu Cảnh Thụy thứ 2, năm Kỷ Dậu (1009), cộng 3 vua, 29 năm (981-1009).

Tả thân Điện tiền chỉ huy sứ³⁰⁵ Lý Công Uẩn tự lập làm vua.

Công Uẩn, người làng Cổ Pháp, thuộc Bắc Giang, tư chất thông sáng, hình dạng tuấn tú khác đời. Khi còn nhỏ, thường học nhà sư Vạn Hạnh. Sư Vạn Hạnh lấy làm lạ, nói rằng: "Người này không phải tầm thường, mai sau tất làm chúa cả nước". Kịp khi lớn lên, Công Uẩn khẳng khái có chí lớn.

Khoảng giữa niên hiệu Ứng Thiên nhà Lê, làm cấm quân dưới triều Trung Tông. Ngoại Triều khi đã cướp ngôi làm vua, thăng Công Uẩn lên điện tiền chỉ huy sứ. Trước đó, sét đánh vào cây gạo làng Diên Uẩn, vết hằn có bài thơ này.

"Thụ căn điều điều, Mộc biểu thanh thanh Hòa đao mộc lạc Thập bát tử thành, Đông A nhập địa, Dị mộc tái sinh, Chấn cung hiện nhật, Đoài cung ẩn tinh, Lục, thất niên gian, Thiên hạ thái bình"³⁰⁶.

Sư Vạn Hạnh tán riêng rằng: "Hòa đao mộc" là chữ Lê. "Thập bát tử" là chữ Lý. "Đông A" là họ Trần. "Nhập địa" là giặc Bắc phương vào lấn cướp. "Dị mộc tái sinh" là họ Lê lại nổi lên. Ý nói họ Lê đổ, họ Lý lên, trong khoảng sáu bảy năm, thiên hạ thái bình". Rồi Vạn Hạnh bảo Công Uẩn: "Gần đây suy đoán lời sấm, thì họ Lý chắc khởi nghiệp lớn". Sợ lời đó lộ liễu, Công Uẩn sai người giấu sư Vạn Hạnh đi; nhưng cũng lấy thế làm tự phụ. Ngoại Triều thường ăn quả khế, thấy có hạt mận³⁰⁷, lại ngâm

nghĩ đến lời sấm nên ngầm tìm dòng dõi họ Lý mà giết đi: nhưng Công Uẩn ở ngay bên mình, thế mà không biết. Kịp khi Ngoại Triều mất, vua kế tự còn thơ ấu; Công Uẩn vào túc trực ở trong cung, chi hậu³⁰⁸ Đào Cam Mộc nhân dịp, nói: "Mới đây, chúa thượng là người mờ tối, tàn bạo, lòng trời ghét bỏ. Con kế tự hãy còn trẻ thơ, không đáng nổi lúc nước nhà lâm nỗi hoạn nạn. Dân tình đâu đấy nhao nhao, cũng muốn kiếm được một vị chân chúa. Quan thân vệ³⁰⁹ sao không nhân lúc này, nghĩ ra mưu cao, quyết đoán sáng suốt, trông gương Thang, Vũ ngày xưa, theo lối Đinh, Lê gần đó, trên thuận lòng trời, dưới theo nguyện vọng của dân, còn khư khư giữ tiểu tiết làm chi nữa?". Công Uẩn thấy nói, trong bụng bằng lòng, nhưng bề ngoài vẫn cứ giả vờ trách móc Cam Mộc. Hôm sau, Cam Mộc lại nói: "Người trong nước bây giờ đều biết họ Lý chắc khởi nghiệp, lời sấm đã rõ rệt rồi, không còn che giấu được nữa. Đổi vạ ra phúc, chỉ ở chốc lát bây giờ. Quan thân vệ³¹⁰ lại còn ngờ gì nữa?". Công Uẩn nói: Tôi biết ý ông không khác ý thầy Vạn Hạnh. Nếu quả như lời, thì mưu tính sao?". Cam Mộc nói: "Quan thân vệ³¹¹ là người công bằng, rộng lượng và nhân đức, được lòng mọi người. Hiện nay trăm họ kiệt quệ, mệt mỏi không chịu đựng nổi chính lệnh triều đình. Quan thân vệ³¹² nhân dịp này, đem ân đức vỗ về họ, chắc họ sẽ đổ xô theo về như nước chảy chỗ trũng, còn ai ngăn cản được?". Cam Mộc sợ việc chậm lại, sẽ sinh biến chẳng, mới đem việc đó nói với khanh sĩ và các quan, thì không ai dám có ý gì khác cả. Ngay hôm ấy, mọi người hội họp ở nhà triều đường, cùng nhau bàn rằng: Ngày nay, đối với nhà Lê, ức triệu người đều khác lòng, quan và dân đều lia bỏ. Nếu không nhân dịp này, tôn quan thân vệ³¹³ lên làm thiên tử, lỡ có biến cố gì xảy ra, thì bọn ta liệu có giữ được khỏi mất đầu không?

Bấy giờ các quan mới cùng nhau phò Công Uẩn đến nhà chính điện lên ngôi hoàng đế. Trăm quan thụp lạy, đầu đầy tung hô "vạn tuế". Công Uẩn đại xá cho cả nước, lấy sang năm làm năm đầu một niên hiệu mới. Đốt hết lò lưới³¹⁴, xóa bỏ việc tù ngục và kiện tụng; xuống chiếu cho phép từ nay hễ ai có việc tranh giành thừa kiện, được đến tận triều đình mà tâu bày, nhà vua sẽ thân ra phân xử.

Bầy tôi dâng tôn hiệu.

Bầy tôi dâng tôn hiệu đặt cho nhà vua là Phụng Thiên chí lý ứng vận tự tại thánh minh long hiện duệ văn anh vũ sùng nhân quảng hiếu thiên hạ thái bình khâm minh quang trạch chương minh vạn bang hiếu ứng phù cảm uy chấn phiên man duệ mưu thần trợ thánh trị tắc thiên đạo chính hoàng đế.

"Thập bát" (thập = mười; bát = tám) mọc thành cây.

Họ "Đông A" (Trần: một nửa là chữ "đông", một nửa là chữ "A") vào đất.

Cây khác lại mọc lên.

Cung đằng đông (Chấn, một quẻ trong bát quái (kinh Dịch), thuộc về phương đông) có mặt trời mọc.

Cung đằng tây (Đoài: như trên, phương tây) có sao lò mờ.

Sáu bảy năm đây

Cả nước thái bình.

Lời phê³¹⁵ - Nhà Lý được nước, cũng không phải chính nghĩa cho lắm, nhưng đương buổi Lê Ngoạ triều, lòng người lìa tan, sinh dân vô củ, không về với Công Uẩn còn biết theo ai? Cho nên, nhà Lý thì dường như được trời tựa, người theo; nhà Lê thì rõ là thoán đoạt. Còn việc làm của hai nhà ấy, đằng nhân nghĩa, đằng bạo ngược, rõ rệt khác nhau; mà các vua kế tự, bên hiền tài, bên hư hỏng, cũng sai biệt hẳn. Vì thế, một nhà thì ngắn ngủi, một nhà thì lâu dài: phải lắm! **Lời phê**³¹⁶ - Tôn hiệu phiên phức dài dòng quá lắm! Rất trái với lẽ thường, cũng rất tỏ rõ cái thói bợ đỡ. **Lời chua** - Bắc Giang: Túc Kinh Bắc. Xem Lê Thánh Tông, Quang Thuận

năm thứ 100 (Chb. XXI, 28).

Cổ Pháp: Tên châu. Từ Đinh về trước gọi là châu Cổ Lãm; nhà Lê đổi là Cổ Pháp; nhà Lý đặt lên làm phủ Thiên Đức; nhà Trần đổi là huyện Đông Ngàn. Về sau, nhà Lê vẫn theo tên cũ. Bây giờ là huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh.

Diên Uân: Tên làng, thuộc châu Cổ Pháp.

Truy tôn cha làm Hiên Khánh vương, mẹ là Phạm thị làm Minh Đức hoàng thái hậu.

Mẹ ngài là Phạm thị, đi chùa Tiêu Sơn, gặp thần nhân giao cầu, do đấy có thai, sinh ngài năm Giáp Tuất, Thái Bình thứ 5 (974) đời Đinh. Khi ngài lên ba tuổi, sư chùa Cổ Pháp là Lý Khánh Văn nuôi làm con, nhân đấy lấy theo họ Lý.

Lời cần án - Lý Thái Tổ làm con nuôi sư Lý Khánh Văn, còn bố đẻ không biết là ai. **Sử cũ** ở đây chép truy tôn cha mà không chép tên, lại không nói rõ là bố đẻ hay là bố nuôi, về sau chép phong cho anh, phong cho chú, lại không thấy nói họ tên. Vậy hãy tạm để lại, sẽ khảo sau. **Lời chùa** - Chùa

Tiêu Sơn: Tức chùa Trường Liêu, ở xã Tiêu Sơn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Chùa Cổ Pháp: Ở xã Đình Bảng, huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh.

Lập sáu Hoàng hậu.

Riêng người vợ cả gọi là Lập Giáo hoàng hậu. Những đồ ăn mặc và xe đi đều khác với các bà hậu kia.

Lập con là Phật Mã làm thái tử.

Phật Mã là con trưởng, thiên tư đỉnh ngộ, tinh thông Lục nghệ³¹⁷ và Lược thao³¹⁸. Khi còn nhỏ, chơi với trẻ con, Phật Mã hay tập làm nghi vệ bách quan rước xách. Nhà vua nói bỡn rằng: "Con nhà tướng³¹⁹ nên tập quân sự, chứ chơi trò rước xách làm gì?". Phật Mã thưa: "Họ Lê lên thay họ Đinh, chẳng phải là nhà tướng đấy ư? Chẳng qua là tự trời cho đó mà thôi!". Nhà vua lấy làm lạ. Đến đây lập làm thái tử.

Bấy giờ, các con đều phong tước hầu, 13 người con gái đều phong công chúa. Và phong anh làm Vũ Uy vương, phong chú làm Vũ Đạo vương. Lại phong Trung Hiền, con Vũ Uy vương làm thái úy, và phong Phó, con Dực Thánh vương, làm tổng quân.

Lời chúa - Vũ Uy vương, Vũ Đạo vương, Dực Thánh vương: **đều không rõ tên là gì. Theo sách Thiên Nam trung nghĩa lục của Phạm Phi Hiền, Dực Thánh vương là con thứ hai Lý Thái Tổ.**

Phong Đào Cam Mộc làm Nghĩa tín hầu.

Cam Mộc có công phò giúp lên ngôi, nhà vua phong cho tước hầu và gả cho công chúa An Quốc.

Ban áo mặc cho hàng tăng đạo.

Năm Canh Tuất (1010), Lý Thái Tổ hoàng đế năm Thuận Thiên thứ 1. (Tổng, năm Đại Trung tường phù thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân, sang chơi châu Cổ Pháp, ban tiền và lựa cho các kỳ lão có thứ bậc khác nhau.

Xa giá nhà vua đến châu Cổ Pháp, yết lǎng Thái hậu, sai các quan đo đất vài mươi dặm đặt làm cấm địa thuộc sơn lǎng; nhân dịp ấy ban tiền và lựa cho các kỳ lão.

Lời chua - Cổ Pháp: Tên châu. Xem Lê Long Đĩnh năm Cảnh Thụy thứ 2 (Chb. II, 7).

Sai sứ sang nhà Tống.

Sai viên ngoại lang là Lương [Nhậm] Văn và Lê Tái Nghiệm đem sản vật địa phương sang biếu nhà Tống. Các quan nhà Tống muốn từ chối, nhưng vua Tống nói: "Họ Lê thay nhà Đinh, họ Lý cũng bắt chước làm theo. Ta đối với Lê hay Lý, nào có khác gì!". Bèn nhận lễ sớ.

Tháng 7, mùa thu, dời kinh đô đến thành Thăng Long.

Nhà vua cho rằng thành Hoa Lư trũng thấp, chật hẹp, nên muốn dời kinh đô đi chỗ khác, dụ bầy tôi rằng: "Xưa kia, nhà Thương năm lần thiên kinh đô, nhà Chu ba lần thiên kinh đô, thấy đều trên kính vâng mạng trời, dưới thuận theo lòng dân, để làm chúc lâu dài hàng muôn đời. Gần đây, nhà Đinh, nhà Lê theo ý riêng mình, ở đâu yên đấy, không biết lo xa, nên hưởng nước không được lâu dài; trăm lạy làm đau lòng lắm! Trẫm nay mở xem địa đồ, Đại La thành, kinh đô cũ của Cao Biền, ở trung tâm đất nước, có hình thế hiểm yếu như rồng bò hổ phục, bốn phương sum họp, người và vật đông nhiều, thực là chỗ kinh đô quý nhất của đế vương. Trẫm muốn nhân chỗ địa lợi ấy đóng làm kinh đô. Ý các khanh nghĩ thế nào?". Bầy tôi đều thưa: "Bệ hạ nói đến việc ấy thực là lợi cho thiên hạ muôn đời".

Nhà vua bằng lòng lắm, mới từ Hoa Lư dời kinh đô đến Đại La thành. Thuyền ngự đến bên thành, có con rồng hiện ra. Nhà vua sai đổi tên là thành Thăng Long³²⁰.

Ở trong thành, khởi công xây dựng cung điện: phía trước là điện Kiền Nguyên, dùng làm chỗ coi châu, hai bên tả, hữu làm điện Tập Hiền và điện Giảng Vũ, đều có thềm rồng. Lại mở ba cửa: cửa Phi Long thông với cung Nghinh Xuân; cửa Đan Phụng thông với cửa Uy Viễn. Đằng sau điện Kiền Nguyên có điện Long An và điện Long Thụy, làm chỗ nhà vua nghỉ ngơi. Hai cung Thúy Hoa và Long Thụy để cho các phi tần ở. Lại lập kho dựn, xây thành, đào hào. Mở bốn cửa thành: phía Đông là cửa Tường

Phù, phía Tây là cửa Quảng Phúc, phía Nam là cửa Đại Hưng, phía Bắc là cửa Diệu Đức.

Lời chua - Hoa Lư thành: Xem Nam tấn, Ngô Xương Văn, năm thứ 1 (Tb. V, 24).

Đại La thành: Xem thuộc Đường, Ý Tông, năm Hàm Thông thứ 7 (Tb. V, 10).

Thăng Long thành: Theo Hà Nội sách, nhà Lý gọi là thành Thăng Long; nhà Trần đổi làm Đông Đô, khi thuộc Minh gọi là Đông Quan thành; nhà Lê gọi là Đông Kinh, năm Gia Long thứ 4, đổi là Thăng Long. Bây giờ là tỉnh thành Hà Nội.

Đổi thành Hoa Lư làm phủ Trường Yên. Đặt châu Cổ Pháp lên làm phủ Thiên Đức.

Đặt châu Cổ Pháp lên làm phủ Thiên Đức, lại đổi sông Bắc Giang làm sông Thiên Đức.

Lời chua - Phủ Trường Yên: Nhà Lý đặt làm phủ, nhà Trần, nhà Lê đều đổi theo tên cũ. Bây giờ là phủ Yên Khánh tỉnh Ninh Bình.

Châu Cổ Pháp: Xem Lê đế Long Đĩnh, năm Cảnh Thụy thứ 2 (Chb. II, 6).

Sông Thiên Đức: Có tên nữa là sông Diên Uẩn hoặc sông Đông Ngàn. Đó là dòng sông do sông Nhị Hà tách ra, chảy qua huyện Đông Ngàn và huyện Quế Dương đổ vào sông Lục Đầu. Bây giờ là sông Chiêm Đức, tỉnh Bắc Ninh.

Dựng chùa ở phủ Thiên Đức.

Phát hai vạn quan tiền, dựng tám cảnh chùa, đều lập bia ghi công đức. Lại ở trong thành Thăng Long, dựng chùa Hưng Thiên ngự tự, cung Thái Thanh và chùa Vạn Tuế; ở ngoài thành dựng chùa Thắng Nghiêm, chùa Thiên Vương, chùa Cẩm Y, chùa Long Hưng, chùa Thái Thọ, chùa Thiên Quang và chùa Thiên Đức, những đền chùa ở các làng mạc, có ngôi nào đổ nát, đều sai sửa chữa lại cả.

Lời phê - Nịnh Phật quá chừng, gây nên mối tệ về sau, hay là Lý Thái Tổ

mê hoặc là mình xuất thân từ cửa Phật chẳng? Dầu sao cũng không phải là chính đạo. Tháng 12, mùa đông. Cung Thúy Hoa làm xong. Đại xá.

Xá thuế ba năm cho cả nước. Phàm những thuế các năm trước còn thiếu đều xóa bỏ cho cả. Những người Mán bị bắt làm tù binh từ năm Cảnh Thuy³²¹ nhà Lê, đều phát quần áo, tha cho về.

Sứ nhà Tống sang.

Từ Đinh, Lê đến nay, sứ Tống sang sách phong, trước phong chức Kiểm hiệu Thái úy, rồi đến chức Tiết độ, đô hộ, sau mới phong là Quận vương. Đến đây, bắt đầu phong ngay là Giao Chỉ quận vương, lĩnh Tĩnh Hải quân tiết độ sứ. Việc này về sau trở thành lệ thường.

Đôi mươi đạo làm hai mươi bốn lộ; Ái Châu và Hoan Châu làm trại.

Lại lập trại Định Phiên ở Hoan Châu nam giới, dùng Lý Thai Giai làm chủ trại.

Lời cần án - Nhà Đinh đặt thập đạo quân; nhà Lê chia mười đạo làm lộ, phủ, châu; đến nay nhà Lý lại chia mười đạo làm hai mươi bốn lộ. Tên đạo và tên lộ ra sao, **Sử cũ** đều không chép rõ. Vả, ở đây chép đổi mười đạo làm hai mươi bốn lộ, đặt Hoan Châu và Ái Châu làm trại, thì bây giờ các châu đều gọi là châu, hoặc giả đặt châu làm lộ, còn Hoan Châu và Ái Châu là đất biên viễn, nên lại gọi là trại để phân biệt đó chăng? **Lời chưa** - Ái Châu: **Tức Thanh Hóa.**

Hoan Châu: **Tức Nghệ An.** Cả hai đều xem **Lê Thánh Tông**, năm **Quang Thuận thứ 10** (Chb. XXI, 20-21).

Hoan Châu nam giới: **Theo** **Nghệ An** phong thổ ký của **Bùi Dương Lịch**, **Hoan Châu** nam giới là ở đất huyện **Kỳ Hoa**. Bây giờ **Kỳ Hoa** là huyện **Kỳ Anh**, tỉnh **Hà Tĩnh**.

Tân Hợi, năm thứ 2 (1011). (**Tổng**, năm **Đại Trung** tường phù thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua tự làm tướng đi đánh và diệt được **mán Cử Long**.

Mán Cử Long giữ nơi hiểm yếu, cậy sức kiên cố, từ Đinh, Lê đến nay vẫn không chinh phục được. Đến Lý bây giờ, Cử Long ngày càng quá rộng rãi, nhà vua thống suất sáu quân đi đánh: bắt được tên đầu sỏ của chúng, rồi rút về. Từ đó Cử Long mới bị diệt hẳn.

Lời chua - Cử Long: Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 8 (Chb. I, 34-35).

Tháng 4, mùa hạ. Sai sứ sang nhà Tống.

Sai Viên ngoại lang là Lý Nhân Nghĩa và Đào Khánh Văn sang Tống biểu sản vật địa phương. Khánh Văn lần trốn ở lại bên Tống; người Tống bắt, giao trả lại. Nhà vua sai đánh bằng trượng giết chết.

Dựng điện Hàm Quang ở bên sông Phú Lương.

Làm điện ở bên sông Phú Lương là để dùng trong những lúc đi chơi, ngắm cảnh.

Lời chua - Sông Phú Lương: Sông này trên liền với sông Bạch Hạc tỉnh Sơn Tây, dưới thông với sông Đại Hoàng tỉnh Nam Định chảy suốt ra biển. Bây giờ là sông Nhị Hà thuộc Hà Nội.

Nhâm Tí, năm thứ 3 (1012). (Tổng, năm Đại Trung tường phù thứ 5).

Tháng 4, mùa hạ. Sửa lại hai điện Long An và Long Thụy.

Hai điện này làm từ năm Thuận Thiên thứ 1 (1010); đến đây sửa lại.

Lập thái tử Phật Mã làm Khai Thiên vương.

Nhà vua thấy thái tử sinh trưởng ở nơi cung cấm, chưa am hiểu việc dân, nay phong cho tước vương và làm cung Long Đức ở ngoài thành để cho ở.

Lời cần án - Thái tử là vị hoàng tử trong nước. Lý Thái Tổ lập Phật Mã làm thái tử thế là người trừ bị nối ngôi đã định rõ rồi. Nếu muốn cho Thái tử biết khắp mọi việc dân gian thì nên chọn lấy những bậc sư phó có hiền đức mà dạy bảo chỉ dẫn cho thì hơn. Nay lại phong tước vương, cho ở

ngoài thành, không khác gì các vương khác, như thế không phải đạo tôn trọng người nổi đời tông đường và thống nhất lòng dân. Về sau, Lý Thái Tông lập Thái tử Nhật Tôn làm Khai Hoàng vương, cũng bắt chước làm như thế, thực là trái thường lắm . Tháng 7, mùa thu. Nhà vua đi xem bơi trái.

Bơi thuyền thi ở sông Phú Lương, nhà vua ngự điện Hàm Quang để xem. Suốt đời nhà Lý, việc xem bơi trái trở thành lệ thường.

Tháng 12, mùa đông. Nước Chân Lạp sang cống.

Nước Chân Lạp ở phía nam nước Chiêm Thành, khoảng niên hiệu Thuận Thiên (1010-1026), tất cả bốn lần sang triều cống nước ta.

Lời chua - Nước Chân Lạp: Xem thuộc Đường, Tuyên Tông, năm Đại Trung thứ 12 (Tb. IV, 39).

Nhà vua thân đi đánh và dẹp được Diễn Châu.

Người Diễn Châu chống lại mệnh lệnh triều đình, nhà vua tự cầm quân đi đánh. Khi quân về đến cửa Biện, gặp cơn gió mưa mờ mịt, sấm chớp âm ầm, mọi người đều sợ có sự bất trắc. Nhà vua đốt hương, khẩn trời rằng: "Tôi là người ít đức, đứng đầu quan và dân, vẫn nơm nớp sợ hãi, như lo lỡ sa xuống vực sâu. Chỉ vì người Diễn Châu ngang ngạnh, không theo giáo hóa, nên bắt buộc phải đi đánh dẹp. Trong vòng gươm giáo, chắc không khỏi có sự oan uổng tới dân lành, đến nỗi làm cho hoàng thiên nổi giận; một mình tôi đây dù phải chịu nạn cũng không dám ân hận gì, nhưng còn sáu quân vô tội thì sao? Kính xin lòng trời soi xét cho". Khẩn vừa dứt lời, sấm gió yên ngay.

Lời phê - Lời Lý Thái Tổ khẩn trời, tỏ ra rất có đức độ để vương; thật chẳng khác Thành Thang nhà Thương đem sáu việc³²², trách mình trong khi gặp nạn bảy năm hạn hán: thảo nào giữa người và trời có sự cảm ứng không sai.

Lời chua - Diễn Châu: Tên phủ. Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb. IV, 20).

Cửa Biện: Ở địa phận huyện Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Bây giờ vẫn là cửa Biện.

Quý Sửu, năm thứ 4 (1013). (Tổng, năm Đại Trung tường phù thứ 6).

Tháng 2 mùa xuân. Đặt thể lệ thuế khóa.

1) Thuế đầm, ao, ruộng đất; 2) Thuế tiền bãi dâu; 3) Thuế sản vật ở núi rừng; 4) Thuế mắm muối dưới sự kiểm soát của các nơi quan ải; 5) Thuế sừng tê, ngà voi và hương liệu ở nơi thổ mán; 6) Thuế gỗ lạt, hoa quả ở miền núi. Thấy đều đặt rõ lệ ngạch để đánh thuế. Cho các vương, hầu và công chúa được quản lĩnh các thuế có từng thứ bậc khác nhau.

Tháng 6, mùa hạ. Lập con là Bô làm Khai Quốc vương.

Tháng 10, mùa đông. Châu mục Vị Long là Hà Trắc Tuấn làm phản. Nhà vua tự cầm quân đi đánh, Trắc Tuấn chạy trốn.

Trước đó, người Mán đến châu Vị Long đổi chác, mua bán; nhà vua sai người đến bắt, tước được hơn một vạn con ngựa. Đến đây, Trắc Tuấn làm phản, lại ngả theo người Mán. Nhà vua thân đi đánh: Trắc Tuấn sợ, chạy trốn.

Bấy giờ tàu ngựa của vua có một con ngựa, hễ ngựa giá sắp đi đâu thì nó thể nào cũng hí lên. Nhà vua đặt tên cho là Bạch Long thần mã.

Lời chua - Vị Long: Tên châu. Nhà Đinh, nhà Lê gọi là Vị Long; nhà Lý, nhà Trần vẫn theo tên như thế. Khi thuộc Minh đổi là Đại Man. Về sau, nhà Lê vẫn để tên ấy. Bây giờ là đất châu Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Người Mán: Tức là mán Hạc Thác. Xem năm Thuận Thiên, thứ 5 (Chb. II, 17). Theo Ngu Hành chí của Phạm Thành Đại nhà Tống, đất Nam Chiếu liền với rợ Tây Nhung, có sản nhiều ngựa; ngựa ở đây là giống tốt nhất của tây nam phiên. Sách Vân đài loại ngữ của Lê Quý Đôn cũng chép: Về miền Nam Chiếu sản nhiều ngựa tốt, nhân dân mua bán trao đổi với nhau lan tràn cả sang xứ lân cận.

Giáp Dần, năm thứ 5 (1014). (Tống, năm Đại Trung tường phù thứ 7).

Tháng giêng, mùa xuân. Quân Mán vào cướp. Nhà vua sai Dực Thánh vương đi đánh, phá được giặc.

Tướng mán Hạc Thác là Dương Trường Huệ và Đoàn Kính Chí đem 20 vạn người vào cướp, đóng ở bến Kim Hoa, cắm dinh dàn đồn, gọi là trại Ngũ Hoa. Châu mục Bình Lâm là Hoàng Ân Vinh tâu việc ấy về triều. Nhà vua sai Dực Thánh vương (không rõ tên) đi đánh, phá được giặc, chém hàng vạn thủ cấp, bắt được quân và ngựa của địch, rồi rút về. Nhà vua sai bọn viên ngoại lang Phùng Chân đem một trăm con trong số ngựa đã bắt được ấy đưa biếu nhà Tống. Vua Tống hậu đãi họ, ban cho họ mũ, đai, đồ dùng và lụa có từng thứ bậc khác nhau.

Lời căn án - Sử cũ ở đây chỉ chép là "người Mán" chứ không nói rõ là Mán nào. Nay theo sách **An Nam chí** của Cao Hùng Trưng, chép là mán Hạc Thác. **Lời chưa - Hạc Thác**: Theo Minh sử, **Nam Chiếu** cũng có tên gọi nữa là Hạc Thác.

Bình Lâm: Theo Độc sử phương dư kỷ yếu của Cố Tổ Vũ, nhà Đường đặt châu Bình Lâm, rồi lại chia ra cho lệ thuộc vào các châu khác. Bây giờ là đất các huyện Quảng Uyên tỉnh Cao Bằng.

Tháng 10, mùa đông. Đắp thành đất ở Thăng Long.

Bốn bề xung quanh ngoài kinh thành đều sai đắp thành đất cả.

Đổi phủ Ứng Thiên làm Nam Kinh.

Lời chua - Phủ Ứng Thiên: Thuộc tỉnh Hà Nội. Nhà Lý gọi là Ứng Thiên; khi thuộc Minh gọi là Ứng Bình; nhà Lê lại gọi là Ứng Thiên. Bây giờ là phủ Ứng Hòa³²³.

Ất Mão, năm thứ 6 (1015). (Tổng, năm Đại Trung tường phù thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Đào Cam Mộc mất.

Cam Mộc có công giúp Thái tổ lên ngôi, được phong tước hầu, đến đây mất, tặng phong thái sư.

Tháng 2. Hà Trắc Tuấn lại làm phản. Nhà vua sai đi đánh giết được Trắc Tuấn.

Trắc Tuấn lại nổi lên làm phản ở các châu Vị Long, Đô Kim, Thường Tân và Bình Nguyên. Nhà vua sai Dục thánh vương và Vũ Đức vương đi

đánh, bắt được Trắc Tuấn điệu về kinh đô, chém đầu, bêu ở chợ Cửa Đông.

Lời chua - Đô Kim: theo Đường thư Địa lý chí , nhà Đường đặt châu Đô Kim, rồi lại chia ra, cho lệ thuộc vào các châu khác. Bây giờ là đất tổng Đô Kim, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

Bình Nguyên: Từ khi thuộc Minh trở về trước gọi là châu Bình Nguyên. Nhà Lê ban đầu vẫn để tên cũ, rồi đổi là Vị Xuyên. Bây giờ là châu Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang.

Châu Thường Tân: Không khảo được.

Bính Thìn, năm thứ 7 (1016). (Tổng, năm Đại Trung tường phù thứ 9). Tháng 3, mùa xuân. Lại lập ba hoàng hậu.

Ba hoàng hậu là: Tá quốc, Lập nguyên và Lập giáo.

Lời can án - Sử cũ chép Lý Thái Tổ trước đây đã lập sáu hoàng hậu. Lập

Giáo hoàng hậu đứng đầu: đồ mặc và xe đi đều khác với các hoàng hậu kia. Đến đây lại chép lập ba hoàng hậu, mà Lập Giáo thì ở sau cùng. Điều này **Sử cũ** chắc có lầm lẫn; nhưng hãy cứ chép lại đó, sẽ khảo sau. **Động đất**.

Sứ nhà Tống sang.

Gia phong nhà vua làm Nam Bình vương.

Đâu đây được mùa cả.

Tha tô thuế 3 năm cho cả nước.

Đinh Tị, năm thứ 8 (1017). (Tống, năm Thiên Hi thứ 1).

Tháng 3, mùa xuân. Điện Kiền Nguyên bị sét đánh.

Vì điện Kiền Nguyên bị sét đánh, nhà vua coi châu ở điện phía đông.

Lời chua - Điện phía đông: Túc điện Tập Hiền.

Mậu Ngọ, năm thứ 9 (1018). (Tống, năm Thiên Hi thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Mới truy tôn và đặt tên thụy cho bà của nhà vua.

Lời phê - Gốc tích họ Lý lờ mờ không khảo được, còn làm thế nào được việc truy tôn? Nhưng ý trời chung đúc cho thì có khi người thường không thể lường biết được. Lời cần án - Những đời trước của vua Lý Thái Tổ, thế thứ ra sao, tên và hiệu là gì đều không rõ cả. Ở đây chép truy tôn bà mà không nói đến ông. Ngô [Thì] Sĩ bảo "bà"

đây là mẹ của thái hậu. Đối với những điều không lấy gì làm bằng cứ được, xin hãy chép lại để sẽ khảo sau. Tháng 6, mùa hạ. Sai sứ sang nhà Tống xin kinh Tam tạng.

Sai viên ngoại lang Nguyễn Đạo Thanh và Phạm Hạc Như sang nhà Tống dâng biểu xin kinh Tam tạng; vua Tống ưng cho. Kịp khi sứ bộ quay về, nhà vua xuống chiếu cho Phí Trí sang tỉnh Quảng Tây đón kinh về để kho

ở Đại Hưng.

Lời chùa - Kinh Tam Tạng: **Kinh Phật**. Tam tạng của nhà chùa gồm có Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng.

Tháng 10, mùa đông. Lập con là Lực làm Đông Chinh vương.

Tha một nửa tô ruộng cho cả nước.

Kỷ Mùi, năm thứ 10 (1019). (Tổng, năm Thiên Hi thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Dựng nhà thái miếu ở lăng Thiên Đức.

Lời căn án - Cổ giả lập kinh đô phía trước là triều đình, phía sau là đô thị¹, bên tả là miếu thờ tổ, bên hữu là nền tế xã. Tổ miếu sở dĩ ở bên tả quốc đô, là cốt để hết lòng tôn kính về việc tế lễ thờ cúng. Đời sau, như Hán, Đường, Tống, nhà thái miếu đều dựng ở kinh đô, chứ chưa có đời nào lập thái miếu ở chỗ lăng tẩm. Lý Thái Tổ được nước ta mười năm rồi mà không thấy sử chép xây dựng nhà thái miếu ở kinh thành; đến đây,

mới thấy chép lập nhà thái miếu ở lăng Thiên Đức. Có lẽ vì bấy giờ những người bàn định lễ nghi chưa khảo kỹ được pháp chế đời xưa, hay là **Sử cũ** bỏ sót không chép việc dựng thái miếu ở kinh đô, mà lại nhận lầm tấm miếu ở lăng Thiên Đức là thái miếu chăng? Nay hãy chép lại đó để sẽ khảo sau. **Lời chùa - Thiên Đức: Tên phủ, Lý Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 1 (1010) đặt châu Cổ Pháp lên làm phủ; bây giờ là huyện Đông Ngàn³²⁵. Sử của Ngô [Thì] Sĩ chua rằng các vua triều Lý đưa về táng ở phủ Thiên Đức đều gọi là Thọ Lăng.**

Độ dân trong nước làm thầy chùa.

Trước đó, độ dân ở kinh đô; đến đây, lại độ dân trong cả nước, lập đàn giới ở chùa Vạn Thọ, sai các tăng đồ đến thụ giới. Phát vàng đúc chuông lớn để ở các chùa Hưng Thiên, Đại Giáo và Thắng Nghiêm.

Canh Thân, năm thứ 11 (1020). (Tổng, năm Thiên Hi thứ 4).

Tháng 12 mùa đông. Sai Khai Thiên vương Phật Mã đi đánh và phá được nước Chiêm Thành.

Nhà vua sai Khai Thiên vương và Đào Thạc Phụ đem quân đi đánh Chiêm

Thành ở trại Bồ Chính, tiến thẳng đến núi Long Tị, chém được tướng Chiêm là Bồ Lệnh tại trận; người Chiêm chết mất quá nửa.

Lời chua - Chiêm Thành: Tức nước Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb. III, 20-21).

Bồ Chính: Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29).

Long Tị: Ở địa phận xã Thuần Chất, huyện Bình Chính, tỉnh Quảng Bình. Hình thế núi này nhô lên như vòi rồng, nên gọi là "Long Tị".

Điện phía đông bị sét đánh.

Vì điện phía đông bị sét đánh, nhà vua coi châu ở điện phía tây. Lại dựng lên ba ngôi điện: điện ở đằng trước dùng làm nơi để coi châu, hai điện ở đằng sau dùng để làm việc chính trị.

Lời chua - Điện phía tây: Tức là điện Giảng Vũ.

Điện phía đông: Xem năm Thuận Thiên thứ 8 (Chb. II, 19).

Tân Dậu, năm thứ 12 (1021). (Tổng, năm Thiên Hi thứ 5).

Tháng 2, mùa xuân. Ngày tiết Thiên Thành, thiết yến tiệc các bầy tôi.

Đặt ngày sinh nhật nhà vua làm tiết Thiên Thành. Ngoài cửa Quảng Phúc kết trúc làm núi, gọi là Vạn Thọ nam sơn; trên núi làm nhiều hình trạng chim bay, thú chạy, lăm vẽ ly kỳ. Nhân đó ban yến cho bầy tôi để mua vui.

Lời chua - Cửa Quảng Phúc: Cửa Tây kinh thành Thăng Long.

Nhâm Tuất, năm thứ 13 (1022). (Tổng, năm Kiền Hưng thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Bỏ việc kết trúc làm núi giả.

Nhà vua thấy việc kết trúc làm núi, nhọc sức nhân dân nên bãi bỏ. Ngày

tiết Thiên Thành chỉ đặt tiệc thôi.

Sai Dực Thánh vương đi đánh và phá được mán Đại Nguyên Lịch.

Mán Đại Nguyên Lịch khuấy nhiễu nơi biên giới, nhà vua sai Dực Thánh vương đi đánh, phá được giặc. Quan quân ta vượt bờ cõi, tràn sang đất Tống, đến trại Như Hồng, thiêu đốt kho đụn ở đấy rồi rút về.

Lời chua - Đại Nguyên Lịch: Sử cũ chua là tên một dân tộc Mán, ở khoảng giữa trại Như Hồng và trấn Triều Dương. Theo sách Khâm Châu chí nhà Thanh, trại Như Hồng ở về phía tây Khâm Châu, giáp giới với trấn Như Tích, cách châu Vĩnh An thuộc Giao Chỉ 20 dặm.

Quý Hợi, năm thứ 14 (1023). (Tống, Nhân Tông, năm Thiên Thánh thứ 1).

Tháng 9, mùa thu. Đổi trấn Triều Dương làm châu Vĩnh An.

Lời chua - Triều Dương: Xưa là bộ Ninh Hải; nhà Đinh, nhà Lê gọi là trấn

Triều Dương; nhà Lý đổi làm châu Vĩnh An; nhà Trần đổi làm lộ Hải Đông; khi thuộc Minh gọi là châu Tĩnh An; nhà Lê cho lệ thuộc vào An Bang. Bây giờ là đất các châu Tiên Yên và Vạn Ninh, tỉnh Quảng Yên.

Giáp Tý, năm thứ 15 (1024). (Tổng, năm Thiên Thánh thứ 2).

Mùa xuân. Xuống chiếu sai Khai Thiên vương Phật Mã đi đánh Phong Châu. Khai Quốc vương đi đánh châu Đô Kim.

Lời chua - Phong Châu: Xem Hùng Vương (Tb. I, 1-2).

Đô Kim: Xem năm Thuận Thiên thứ 6 (Chb. II, 18).

Sửa sang kinh thành Thăng Long.

Thành Thăng Long khởi đắp từ năm Thuận Thiên thứ 1 (1010) đến đây sửa lại.

Tháng 9, mùa thu. Dựng chùa Chân Giáo.

Làm chùa Chân Giáo ở trong thành, sai thầy chùa tụng kinh, nhà vua ngự đến văn cảnh.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Lý Thái Tổ xây dựng chùa này và sai tụng kinh ở đây; Lý Huệ Tông xuất gia đi tu cũng ở chùa này. Sách **Tả truyện** có câu rằng: "Quân dĩ

thử thủy, diệc dĩ thử chung"¹, nghĩa là lúc bắt đầu xuất phát từ việc gì, thì lúc cuối cùng lại kết quả bằng việc ấy. Câu này thật đáng tin lắm. **Ât Sửu, năm thứ 16 (1025). (Tống, năm Thiên Thánh thứ 3).**

Tháng 8, mùa thu. Định danh hiệu binh làm giáp, đổi chức hỏa đầu làm chánh thủ.

Mỗi giáp 15 người, dùng một người làm quản giáp. Lại đặt các sắc mục quân giáp. Con hát cũng gọi là quản giáp.

Lời chua - Hỏa Đầu: Sách Kiến văn lục của Lê Quý Đôn chép rằng: Hỏa đầu cũng như đội trưởng đời Lê. Không rõ đặt ra từ đời nào.

Bính Dần, năm thứ 17 (1026). (Tổng, năm Thiên Thánh thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. SỬA NGỌC ĐIỆP³²⁷.

Tháng 11, mùa đông. Xuống chiếu cho Khai Thiên vương Phật Mã đi đánh Diễn Châu.

Đinh Mão, năm thứ 18 (1027). (Tổng, năm Thiên Thánh thứ 5).

Tháng 6, mùa hạ. HẠN HÁN.

Tháng 8, mùa thu. Xuống chiếu cho Khai Thiên vương Phật Mã đi đánh châu Thất Nguyên, Đông Chinh vương Lực đi đánh Văn Châu.

Lời chua - Châu Thất Nguyên: Thuộc tỉnh Lạng Sơn. Nhà Lý gọi là Thất

Nguyên; nhà Lê gọi là Thất Tuyền. Nay là huyện Thất Khê.

Văn Châu: Thuộc tỉnh Lạng Sơn. Nhà Lý gọi là Văn Châu; khi thuộc Minh gọi là châu Thượng Văn và châu Hạ Văn; nhà Lê gọi là châu Văn Uyên. Nay vẫn là châu Văn Uyên.

Mậu Thìn, năm thứ 19 (1028): (Từ tháng 3 trở đi là niên hiệu của Lý Thái Tông hoàng đế năm Thiên Thành thứ 1). (Tống, năm Thiên Thánh thứ 6).

Mồng 1, tháng 3, mùa xuân. Nhật thực.

Lý Thái Tổ mất.

Nhà vua ở ngôi 19 năm, thọ 55 tuổi.

Đông Chinh vương Lực cùng Dục Thánh vương và Vũ Đức vương làm loạn. Bọn nội thị Viên ngoại lang³²⁸ là Lý Nhân Nghĩa và Vũ vệ tướng quân³²⁹ là Lê Phụng Hiểu đánh dẹp được yên: Vũ Đức vương phải chịu giết chết.

Khi Lý Thái Tổ mới mất, bấy tôi đều đến cung Long Đức đón Thái tử Phật Mã, vâng theo lời di chiếu, lên ngôi. Hay tin ấy, Đông Chinh vương Lực cùng Dục Thánh vương và Vũ Đức vương đều kéo quân của phủ mình vào Cẩm Thành. Đông Chinh vương Lực phục quân ở phía trong Long Thành, Dục Thánh vương và Vũ Đức vương phục quân ở phía trong cửa Quảng Phúc, đợi Thái tử đến thì đổ ra tập kích. Một lát, Thái tử từ cửa Tường Phù vào, đến điện Kiền Nguyên, thấy động, cho đóng các cửa điện lại, sai các vệ sĩ bố trí phòng bị. Thái tử bảo những người ở bên mình rằng: "Ta đây ở với anh em không phụ ai một tí nào, thế mà bây giờ các vương ấy làm sự bất nghĩa để nguy hại đến xã tắc! Vậy ý các khanh nghĩ sao?". Lý Nhân Nghĩa thưa: "Tình nghĩa anh em là ở chỗ trong có thể hiệp mưu với nhau,

ngoài có thể cùng nhau chống kẻ khinh thường nhà mình. Nay các vương ấy như thế thì còn gọi là anh em được nữa không? Tôi xin được phép ra đánh một trận để quyết định sự được thua". Thái tử nói: "Tiên đế mới nằm xuống, chưa kịp táng; mà bây giờ anh em ruột thịt hại lẫn nhau, để thiên hạ và đời sau chê cười thì sao?". Nhân Nghĩa thưa lại rằng: "Tôi nghe nói, người lo việc xa thì phải bỏ sự gần, kẻ giữ đạo công thì phải cắt đứt tình riêng. Xưa kia Chu Công³³⁰ giết Quản³³¹, Thái³³² để yên nhà Chu; Đường Thái Tông³³³ giết Kiến Thành³³⁴ và Nguyên Cát³³⁵ để giữ vững nhà Đường. Nay điện hạ³³⁶ nếu làm được như Chu Công và Đường Thái Tông ngày trước để yên xã tắc, thì người ta khen ngợi còn không ngót, chứ còn chê cười nổi gì?". Thái tử hãy còn chần chừ chưa quyết định, Nhân Nghĩa

lại nói thêm: "Tiên đế thấy điện hạ³³⁷ là người hiền có thể nối được chí, tài có thể làm nên được việc lớn, cho nên phó thác thiên hạ cho điện hạ, nay giặc đã đến sát cửa cung, mà điện hạ còn trù trề lạng lạng hồi lâu rồi nói: "Ta đây không phải không nghĩ đến thế đâu, nhưng chỉ muốn cho các vương ấy tự ý rút lui, khỏi lộ tội lỗi, để cho vẹn toàn ân tình máu mủ anh em đó thôi".

Bây giờ quân ba phủ các vương hành động đã gấp rút. Thái tử liệu thế không thể kìm lại được nữa, mới bảo bọn Nhân Nghĩa: "Bây giờ sự thế đã đến thế này, ta đây chỉ biết thờ phụng Tiên đế, còn ngoài ra phó mặc các khanh, ta không biết đến". Bọn Nhân Nghĩa lạy hai lạy, nói: "Chết vì hoạn nạn của vua, là phận sự của chúng tôi; ngày nay nếu được chết cũng là chết đúng chỗ".

Nói đoạn, liền mở cửa thành, kéo ra đánh, ai nấy hăng hái sẵn sàng hy sinh: một người có thể địch được trăm người. Lê Phụng Hiểu tuốt gươm thẳng xông đến cửa Quảng Phúc, hô to lên rằng: "Bọn Vũ Đức vương trong bụng ngầm ngầm làm điều phản trắc, trên quên ơn Tiên đế, dưới trái nghĩa tôi con; Phụng Hiểu đây xin dâng lưỡi gươm này". Đoạn, xông thẳng đến bên ngựa Vũ Đức vương: ngựa bị đánh quy, bắt sống được Vũ Đức vương, giết chết tại trận. Quân của ba vương phủ thua chạy. Quan quân đuổi chém hầu không còn sót một móng nào. Riêng Đông Chinh vương và Dục Thánh vương chạy được thoát thân thôi.

Phụng Hiểu quay về báo tin với Thái tử. Thái tử yên ủi rằng: "Ta sở dĩ gánh vác được cơ nghiệp của Tiên đế, là nhờ sức của các khanh đây. Ta xem sử nhà Đường thấy có Uất Trì Kính Đức³³⁸ giúp vua qua cơn hoạn nạn, vẫn nghĩ bụng rằng người làm tôi đời sau không còn ai sánh bằng. Thế mà Phụng Hiểu ngày nay lại còn trung dũng hơn Uất Trì Kính Đức". Phụng Hiểu lạy hai lạy, nói: "Đức độ điện hạ cảm động được đến trời đất, hễ kẻ nào dám manh tâm toan tính gì khác thì các vị thần linh trong thiên hạ đều làm hết chức phận mà tru diệt đi, chứ như lũ tôi nào có công gì!".

Lời phê - Lúc nói ngôi vua mà gặp chỗ phải đối xử với anh em ruột thịt khó khăn như thế này, thật rất rầy rà! Bấy giờ danh vị của thái tử đã được ổn định từ lâu, mà công đức thái tử trước đây vốn đã rõ rệt, vậy mà còn xảy ra biến loạn đến như thế; huống chi những đám khác ư? Lời bình luận của **Sử cũ**³³⁹ chỉ là câu nệ ở việc phong vương mà không xét kỹ.

Lời chua - Phụng Hiểu: Người làng Băng Sơn, thuộc Ái Châu, có sức khỏe; Lý Thái Tổ nghe tiếng vời ra làm tướng, thăng đến Vũ Vệ tướng quân: đến đây vì có công dẹp loạn, được phong Đô thống thượng tướng quân, tước hầu. Làng Băng Sơn bây giờ là xã Dương Sơn thuộc huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Cung Long Đức: Ở ngoài kinh thành Thăng Long, dựng lên từ năm Thuận Thiên thứ 3 (1012).

Cửa Quảng Phúc¹: Xem năm Thuận Thiên thứ 12 (Chb. II, 23).

Cửa Tường Phù: Cửa Đông Kinh thành Thăng Long.

Thái tử Phật Mã lên ngôi. Đổi niên hiệu. Đại xá.

Ngày Mậu Tuất, Lý Thái Tổ mất; ngày Kỷ Hợi, Thái tử Phật Mã lên ngôi, bầy tôi dâng tôn hiệu: Khai Thiên thống vận tôn đạo quý đức thánh văn quang vũ sùng nhân thượng thiện chính lý dân an thần phù long hiện thể nguyên ngự cực ức tải công cao ứng chân bảo lịch thông huyền chí ảo hưng long đại định thông minh từ hiếu hoàng đế (tức là Lý Thái Tông).

Tôn mẹ là Lê thị là Linh Hiển hoàng thái hậu.

Tha tội cho Đông Chinh vương và Dực Thánh vương, lại cho khai phục

vương tước.

Hai vương đến cửa cung khuyết xin chịu tội. Nhà vua xuống chiếu tha cho.

Ban tiền và lựa cho thiên hạ.

Nhà vua vì mới lên ngôi, muốn ra ơn cho thiên hạ, nên xuống chiếu ban phát tiền và lựa trong kho Nội phủ cho trong nước.

Hội họp bày tội tuyên thệ ở miếu thần Đồng Cổ.

Trước đây, các vương âm mưu làm loạn, triều đình không ai biết cả, nhà vua đêm chiêm bao thấy thần núi Đồng Cổ báo mộng rằng: Các vương Vũ Đức Đông Chinh và Dực Thánh nổi loạn đấy, nên kíp điều khiển quân lính để đánh dẹp! Lúc tỉnh dậy, nhà vua sai người bố trí phòng bị, quả đúng như thế. Đến đây, xuống chiếu lập miếu thờ Đồng Cổ ở bên hữu thành Thăng Long, xây đàn ở giữa miếu, hội họp bày tội, giết con sinh vật, cùng nhau uống máu ăn thề, tuyên thệ rằng: "Làm con mà bất hiếu, làm tôi mà bất trung, thì Thần linh chu diệt". Từ đây về sau, năm nào cũng đặt làm lệ thường. Người nào lẩn tránh không đến dự lễ tuyên thệ thì phải phạt 50

trượng.

Lời phê - Đế vương đã có mạng trời xếp đặt, bách thần cũng phải đem hết anh linh ra giúp đỡ. Việc biến loạn ở triều Lý, nếu bảo rằng Thái tử nhân chiêm bao mà biết trước, thì sao khi đã vào đến cung điện mới nghe biết tin biến động. Vậy việc lập miếu thờ đã là bậy rồi, đến việc hội họp thề nguyện lại càng hỏng nữa! **Lời chua** - Núi Đồng Cổ: **Xem Lê Đại Hành, năm Thiên Phúc thứ 4 (Chb. I, 20).**

Miếu thần Đồng Cổ: **Ở thôn Đông, phường Yên Thái³⁴¹, huyện Vĩnh Thuận, bây giờ vẫn còn.**

Khai Quốc vương Bò làm phản. Tháng 4, mùa hạ nhà vua thân đi đánh: Khai Quốc vương ra hàng.

Trước đây, Bò ở phủ Trường Yên, cây đó là nơi hiểm trở kiên cố, chiêu nạp những kẻ vong mạng, đi cướp bóc dân; người xung quanh không ai dám nói gì cả. Kịp khi Vũ Đức vương đã bị giết. Bò có ý bất bình, mới đem quân trong phủ mình nổi dậy làm phản. Nhà vua giao Lý Nhân Nghĩa giữ kinh đô,

ra nối ngôi. Chế độ như thế không rõ dụng ý thế nào, nhưng danh vị của ngôi hoàng tử không định rõ từ trước, đến lúc vội vàng mới chọn người nối ngôi, thì khó có thể giữ cho khỏi xảy biến loạn (Toàn thư quyển 3, tờ 13).

tự cầm quân đi đánh. Khi quân kéo đến phủ Trường Yên, Bò xin hàng, nhà vua ưng thuận, ra lệnh: "Hễ kẻ nào cướp bóc của nả của dân thì chém!". Quân sĩ răm rắp nghiêm giữ kỷ luật, không dám tơ hào của dân. Khi vào trong thành, dân chúng ganh nhau dâng bò, biếu rượu; nhà vua vỗ về yên ủi, dân rất hả hê. Rồi rút quân về, xuống chiếu đổi bọn Bò và liêu thuộc của hần về kinh thành Thăng Long.

Nhà vua từ Trường Yên về triều, tha tội cho Khai Quốc vương Bò và cho khai phục lại vương tước.

Tháng 5. Lập con là Nhật Tôn làm Thái tử.

Bây tôi xin với nhà vua rằng: Thái tử là căn bản của nước, nên sớm lập người con có thánh đức chính vị đông cung để yên lòng mong muốn của thiên hạ. Nhà vua theo lời, lập Nhật Tôn làm Thái tử.

Lập bảy hoàng hậu.

Cho những thân phụ các Hoàng hậu là bọn Mai Hựu, Vương Đỗ, Đinh Ngô Thượng làm Thượng tướng³⁴².

Thân phụ bà Mai hậu là Hựu làm An quốc thượng tướng; thân phụ bà Vương hậu là Đỗ làm Phụ quốc thượng tướng, thân phụ bà Đinh hậu là Ngô Thượng làm Khuông quốc thượng tướng.

Lời chua - Mai Hựu, Vương Đỗ, Đinh Ngô Thượng: **Đều không rõ lý lịch ra sao.**

Dùng Đàm Toái Trạng làm Đô thống, Nguyễn Khánh làm Định thắng đại tướng.

Đặt mười vệ cấm quân³⁴³.

Một là vệ Quảng Thánh, hai là vệ Quảng Vũ, ba là vệ Ngự Long, bốn là vệ Phụng Nhật, năm là vệ Trừng Hải: mỗi vệ đều chia ra tả và hữu, để bảo

vệ cấm thành.

Tháng 6. Gặp tiết Thiên Thánh, ban yến cho bầy tôi.

Đặt ngày sinh nhật nhà vua làm tiết Thiên Thánh. Kết trúc làm núi Vạn Thọ nam sơn, núi có 5 ngọn: ngọn giữa gọi là núi Trường Thọ, còn 4 ngọn bên gọi là núi Bạch Hạc, làm nhiều hình trạng chim bay muông chạy. Sườn núi cấm đầy cờ xí, treo xen vàng ngọc; cho phường chèo đến trong núi, thổi kèn, thổi sáo, múa hát để mua vui. Ban yến cho bầy tôi. Lối chơi núi 5 ngọn bắt đầu từ đây.

Lời phê - Chưa an táng cha, còn đang có trở đã vội yến tiệc vui chơi như thế, thật thất lễ quá! Tháng 10, mùa đông. An táng Lý Thái Tổ ở Thọ lăng, phủ Thiên Đức.

Đặt tên Thụy là Thần Vũ hoàng đế, miếu hiệu là Thái Tổ (1010-1028).

Năm Kỷ Tị (1029). Lý Thánh Tông hoàng đế năm Thiên Thánh thứ 2. (Tổng, năm Thiên Thánh thứ 7).

Tháng 2, mùa xuân. Làm xong miếu thờ Lý Thái Tổ.

Tháng 3. Gả công chúa Bình Dương cho Châu mục Lạng châu là Thân Thiệu Thái.

Thời bấy giờ không đặt tiết trấn; các việc quân sự và dân sự ở các châu đều do châu mục coi quản. Các châu miền thượng du lại giao cho bọn tù trưởng địa phương quản lĩnh. Nhà vua sợ khó không chế được họ, nên mới kết một giao hảo bằng cuộc hôn nhân để ràng buộc họ. Lại gả công chúa Kim Thành cho châu mục Phong Châu là Lê Tông Thuận, và gả công chúa Trường Ninh cho châu mục Thượng Oai là Hà Thiện Lãm. Từ đó việc gả công chúa cho châu mục trở thành lệ thường của nhà Lý.

Lời chua - Lạng Châu: Xem Đinh Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chb. I, 14).

Phong Châu: Xem Hùng Vương (Tb. I, 1-2).

Châu Thượng Oai: Không khảo được.

Giáp Dần Nãi thuộc Ái Châu nổi loạn. Tháng 4, mùa hạ, nhà vua thân đi đánh, dẹp yên được.

Nhà vua sai Thái tử coi việc nước, tự cầm quân đi đánh, phá tan được giáp Dần Nãi. Rồi sai Trung sứ đôn đốc nhân dân trong giáp ấy đào sông, gọi là sông Dần Nãi, nhà vua kéo quân về.

Lời chua - Ái Châu: Tức Thanh Hoá. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20-21).

Đăn Nãi: Tên một giáp, không rõ nay ở đâu.

Tháng 6. Dựng điện Thiên An.

Bấy giờ điện Kiền Nguyên đã bỏ, bỗng có con rồng hiện ở nền điện; nhà vua bảo những người ở xung quanh rằng: "Nền điện đã bỏ mà nay có rồng hiện, ý chừng đất ấy là nơi quý địa dựng lên cơ nghiệp đế vương³⁴⁴ chăng?". Rồi sai ở chỗ đó dựng điện Thiên An, hai bên tả hữu làm điện Tuyên Đức và điện Diên Phúc. Sân đằng trước gọi là sân rồng; phía đông

và phía tây sân rồng làm điện Văn Minh và điện Quảng Vũ; hai bên tả hữu sân rồng dựng gác chuông; bốn xung quanh sân rồng đều làm hành lang và giải vũ. Phía trước làm điện Phụng Tiên, trên điện có lầu Chính Dương, người giữ thẻ đồng hồ³⁴⁵ và báo canh, báo khắc ở tại đó. Phía sau làm điện Trường Xuân, trên điện có gác Long Đồ. Ngoài đó đắp một lần thành bao xung quanh gọi là Long Thành.

Lời phê - Bật³⁴⁶. Mồng 1, tháng 10, mùa đông. Trời mưa ra gạo.

Trước chùa Vạn Tuế, mưa xuống thành đồng gạo trắng.

Lời chùa - Chùa Vạn Tuế: Ở trong thành Thăng Long.

Sứ nhà Tống sang.

Sứ Tống là Chương Dĩnh sang làm lễ tế viếng Lý Thái Tổ, sách phong nhà vua (Lý Thái Tông) làm Giao Chỉ quận vương.

Canh Ngọ, năm thứ 3 (1030). (Tống, năm Thiên Thánh thứ 8).

Tháng 2, mùa xuân. Dựng điện Thiên Khánh.

Dựng điện Thiên Khánh ở phía trước điện Trường Xuân làm nơi làm việc chính trị. Điện này làm kiểu bát giác; phía trước và phía sau điện đều bắc cầu, gọi là cầu Phụng Hoàng.

Tháng 4, mùa hạ. Sai sứ sang nhà Tống.

Nhà vua sai đại liêu ban là Lê Ốc Thuyên và Viên ngoại lang là Nguyễn Viêt Thân đem sản vật địa phương sang biếu nhà Tống.

Lời chua - Đại liêu ban: Sứ của Ngô [Thì] Sĩ chua là tên một tước phong.

Đặt ra các kiểu áo mũ tước công, tước hầu, quan văn, quan võ.

Tháng 10, mùa đông. Đâu đấy được mùa cả.

Nhà vua đi thăm đồng Ô Lộ, xem xét việc gặt, nhân đó đổi tên xứ đồng ấy là Vĩnh Hưng.

Lời chùa - Ô Lộ, Vĩnh Hưng: Chưa rõ đích xác ở đâu, nhưng xét huyện Đông An, tỉnh Hưng Yên, có tổng Vĩnh Hưng, có lẽ là đấy chăng.

Tân Mùi, năm thứ 4 (1031). (Tống, năm Thiên Thánh thứ 9).

Tháng giêng, mùa xuân. Người Hoan Châu làm phản. Tháng 2, nhà vua thân đi đánh và hàng phục được họ.

Giao cho Thái tử trông coi việc nước, nhà vua tự làm tướng đi đánh. Quân kéo đến Hoan Châu: người Hoan Châu xin hàng. Ban chiếu tha tội cho các viên thú mục ở châu ấy, sai sứ đi vỗ về hiểu dụ nhân dân, rồi trở về.

Lời chùa - Hoan Châu: Tức Nghệ An. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21-23).

Tháng 8, mùa thu. Các đền, chùa làm xong. Đại xá.

Trước đó, nhà vua từ Hoan Châu về, sai làm chín trăm năm mươi cảnh chùa và đền. Đến đây làm xong, mở hội chùa. Đại xá cho cả nước.

Tháng 10, mùa đông. Cho các đạo sĩ nhận ký lục³⁴⁷ ở cung Thái Thanh.

Đó là theo lời đạo sĩ Trịnh Trí Không.

Lời chùa - Cung Thái Thanh: Ở trong thành Thăng Long.

Nhâm Thân, năm thứ 5 (1032). (Tống, năm Minh Đạo thứ 1).

Tháng 4, mùa hạ. Nhà vua chính mình đi cày ruộng tịch điền.

Nhà vua đi Đỗ Động Giang, cày ruộng tịch điền³⁴⁸. Có người nông dân dăng lúa có điềm lạ: một rò được chín bông. Nhà vua hạ chiếu đổi gọi

ruộng ấy là Ứng Thiên.

Lời chú - Đỗ Động Giang: Xem ngang với Tống, Thái Tổ, năm Kiến Đức thứ 4 (Tb. V, 29). Tháng 9, mùa thu. Nhà vua đi Lạng châu xem bắt voi.

Lời chua - Lạng Châu: Xem Đinh Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chb. I, 14).

Tháng 11, mùa đông. Ban yến cho bầy tôi ở điện Thiên An.

Quý Dậu, năm thứ 6 (1033). (Tống, năm Minh Đạo thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Nước Chân Lạp sai sứ đến triều cống.

Lời chua - Chân Lạp: Xem thuộc Đường, Tuyên tông, năm Thái Trung thứ 12 (Tb. IV, 39).

Châu Định Nguyên làm phản. Tháng 2, nhà vua thân đi đánh dẹp yên.

Nhà vua giao cho thái tử trông coi việc nước, tự làm tướng đi đánh, dẹp yên được châu Định Nguyên, rồi kéo quân về. Lúc mới ra quân từ kinh đô, đóng ở châu Chân Đăng, có Đào thị đem con gái mình dâng tiến, nhà vua nhận lấy làm cung phi.

Lời bàn của Ngô [Thị] Sĩ - Đem quân đi, đem gái về, binh uy vũ lực như thế thành ra nhảm nhí! **Lời chua** - Châu Chân Đăng: **Thuộc tỉnh Sơn Tây, tức là phủ Lâm Thao³⁴⁹ bây giờ.**

Châu Định Nguyên: **không khảo được.**

Tháng 7, mùa thu. Sai sứ đi tìm ngọc trai.

Châu mục châu Vĩnh An là Sư Dụng Hòa nói ở châu ấy có vực sản ngọc trai; nhà vua sai sứ giả kiếm và lấy được.

Lời chua - Vĩnh Yên: Tức là trấn Triều Dương. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 14 (Chb. II, 23-24).

Vực sản ngọc trai: Theo Minh Nhất thống chí , trong biển thuộc châu Vĩnh An ở An Nam sản ngọc trai. Những người lái buôn ngoài biển nói rằng hễ năm nào trăng rằm tháng tám mà sáng tỏ thì năm ấy nhiều ngọc trai.

Tháng 8. Lập thái tử Nhật Tôn làm Khai Hoàng vương.

Tháng 9. Châu Trệ Nguyên làm phản. Tháng 10, mùa đông nhà vua thân đi đánh, dẹp yên.

Nhà vua giao cho Khai Hoàng vương trông coi việc nước, tự làm tướng đi đánh, dẹp yên được châu Trệ Nguyên rồi kéo quân về.

Lời chua - Châu Trệ Nguyên: Bây giờ ở đâu, không khảo được.

Giáp Tuất, năm Thông Thụy thứ 1 (1034). (Tống, năm Cảnh Hựu thứ 1).

Tháng 4, mùa hạ. Xuống chiếu cho bày tội tâu việc phải gọi vua là "Triều

đình".

Phàm ai tâu việc gì ở trước vua thì phải gọi vua là "Triều đình".

Lời bàn của Lê Văn Hưu - Bầy tôi gọi vua là "Bệ hạ"³⁵⁰ lấy nghĩa rằng do người thấp đề đạt lên người cao. Lý Thái Tông bắt bầy tôi gọi là "Triều đình", sau này, Lý Thánh Tông tự xưng là "Vạn thắng"³⁵¹, Lý Cao Tông bắt người ta gọi mình là "Phật", đều không có phép tắc ở Kinh điển nào cả, thực lắm lần quá! **Tháng 8, mùa thu. Sai sứ sang nhà Tống.**

Nhà vua sai Viên ngoại lang là bọn Hà Thụ và Đỗ Khoan đem biểu nhà Tống con voi đã thuần phục. Nhà Tống tặng bộ kinh Đại tạng để đáp lễ lại.

Bấy giờ có sư Nghiêm Bảo Tính và sư Phạm Minh Tâm đều làm lễ thiêu mình: xá lợi³⁵² thành thất bảo³⁵³. Nhà vua cho thế là điềm tốt lành, sai đem thất bảo ấy để thờ ở chùa Trường Thánh; nhân đó đổi niên hiệu là Thông Thụy.

Lời phê - Làm lỗi quá lắm! **Lời chua** - Kinh Đại tạng: Xem Lê Long Đĩnh, năm Ứng Thiên thứ 14 (Chb. I, 43).

Ất Hợi, năm thứ 2 (1035). (Tống, năm Cảnh Hựu thứ 2).

Tháng 7, mùa thu. Làm lễ sách lập³⁵⁴ bà Thiên Cảm hoàng hậu.

Hoàng hậu này là người vợ lẽ yêu của nhà vua, không rõ họ gì. Bấy giờ phong 13 người làm hậu phi, 18 người làm ngự nữ, hơn 100 người làm ca nữ.

Lập con là Nhật Trung làm Phụng Kiên vương.

Nhật Trung được phong tước vương, còn các con khác đều phong tước hầu.

Tháng 9. Ái Châu làm phản. Tháng 10, mùa đông, nhà vua thân đi đánh, dẹp yên.

Cho Phụng Kiên vương Nhật Trung làm kinh sư lưu thủ, nhà vua tự làm tướng đi đánh, dẹp yên được Ái Châu; trị tội các mục trưởng châu ấy, sai

sứ phủ dụ nhân dân rồi về.

Lời chua - Ái Châu: Tức Thanh Hóa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XI, 20-21).

Tháng 11. Nhà vua từ Ái Châu về, đặt tiệc linh đình khao các tướng sĩ.

Bọn tướng quân Nguyễn Khánh mưu làm phản, đều bị giết.

Trước đó, Khánh cùng với em nuôi là Đô thống Đàm Toái Trạng, nhà sư là họ Hồ và em vua là bọn Thắng Kiền, Thái Phúc mưu làm phản. Kịp khi nhà vua đi đánh Ái Châu, Khánh bấy giờ là Định thắng đại tướng cũng theo đi. Việc mưu phản bị phát giác. Phụng Kiền vương Nhật Trung đem tình trạng việc ấy tâu lên, nhà vua xuống chiếu bắt bọn Nguyễn Khánh, đóng cũi đưa về kinh đô. Đến đây, nhà vua ngự ở điện Thiên Khánh, tra xét, bọn Nguyễn Khánh, Toái Trạng và nhà sư họ Hồ đều bị giết, còn thì xử phạt có khác nhau tùy theo tội nặng hay nhẹ. Trước đây, nhà vua đi đến hành doanh ở Ái Châu, mở tiệc khao tướng sĩ, Nguyễn Khánh có dự. Nhà vua ngầm trở Nguyễn Khánh mà bảo các phi tần: "Nguyễn Khánh, trong lòng xao xuyến, trông thấy trẫm, y có vẻ thẹn, cử động thất thố, thế nào y cũng làm phản đấy". Kịp khi có tin báo đế, các phi tần đều lạy hai lạy mà tâu: "Thiếp nghe danh ngôn xưa có câu: "Bạc thánh nhân ngầm

thấy được việc từ lúc chưa bộc lộ, đoán trước được việc từ lúc chưa nảy ra". Ngày nay chính mắt bọn thiếp được thấy rõ nghĩa câu nói ấy".

Bính Tí, năm thứ 3 (1036). (Tổng, năm Canh Hựu thứ 3). Tháng giêng, mùa xuân. Tượng Phật làm xong. Đại xá.

Pho tượng Phật Đại nguyên đã tô xong, mở hội ăn mừng ở sân rồng; đại xá cho cả nước.

Tháng 4, mùa hạ. Đổi Hoan Châu làm Nghệ An châu trại.

Nhà Tù đặt là Hoan Châu; nhà Đinh, nhà Lê vẫn theo như trước. Đến đây, vì đặt hành doanh, nên đổi tên như vậy. Lại đặt ra những kho như Tư Thành, Lợi Nhân và Vĩnh Phong tất cả 50 sở.

Lời chùa - Hoan Châu: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21-23).

Đinh Sửu, năm thứ 4 (1037). (Tổng, năm Canh Hựu thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua thân đi đánh Lâm Tây, dẹp yên được. Tháng 3, trở về cung.

Trước đây, đạo Lâm Tây cùng với các châu Đô Kim, Thường Tân và Bình Nguyên làm phản, xâm lấn châu Tư Lãng nhà Tống, cướp lấy trâu ngựa của dân sở tại đem về. Đến đây, nhà vua sai Phụng Kiên vương Nhật Trung coi giữ kinh đô, cho Khai Hoàng vương Nhật Tôn làm đại nguyên soái, đi đánh các châu Đô Kim, Thường Tân và Bình Nguyên, nhà vua thì tự đem quân đến đạo Lâm Tây đánh phá được địch rồi kéo quân về.

Lời chua - Lâm Tây: Thuộc tỉnh Hưng Hóa, nhà Lý gọi là đạo Lâm Tây, nhà Trần gọi là đạo Đà Giang, khi thuộc Minh gọi là châu Gia Hưng; nhà Lê đổi là phủ Gia Hưng, tức là phủ Gia Hưng bây giờ.

Hai châu Đô Kim, Bình Nguyên: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 6 (Chb. II, 18).

Tư Lãng: Theo Thanh Nhất thống chí, châu Tư Lãng thuộc phủ Thái Bình, tỉnh Quảng Tây.

Tháng 7, mùa thu. Xem bơi trái.

Nhà vua ngự điện Hàm Quang, xem bơi thuyền thi. Từ đó năm nào cũng đặt làm lệ thường.

Có nạn thủy tai lớn.

Mậu Dần, năm thứ 5 (1038). (Tống, năm Bảo Nguyên thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua thân đi cày ruộng tịch điền.

Nhà vua đi ra cửa Bồ Hải, sai quan tư đắp đàn tế Thần nông, chính mình tự tay cầm cày, làm lễ cung canh³⁵⁵. Những người ở tả hữu ngăn rằng: "Đó là việc của nông phu, bệ hạ cần chi phải làm?". Nhà vua nói: "Trẫm mà không chính mình cày ruộng thì lấy đâu có gạo làm tế phẩm để thờ cúng nhà tông miếu và lấy gì để nêu gương cho thiên hạ?". Bấy giờ nhà vua mới cày ba luống rồi thôi.

Lời chua - Cửa Bồ Hạ: Xem ngang với Tống, Thái Tổ, năm Kiến Đức thứ

4 (Tb. V, 29).

Tháng 11, mùa đông. Làm kho ngự khổ.

Tháng 12. Thủ lĩnh châu Thăng Do là Nùng Tồn Phúc làm phản.

Trước đây, Tồn Phúc làm thủ lĩnh châu Thăng Do, cùng với em là Tồn Lộc, thủ lĩnh châu Vạn Nhai, và em vợ là Dương Đạo, thủ lĩnh châu Vũ Lặc, đều thuộc châu Quảng Nguyên, hằng năm vẫn nộp đồ tiến cống bằng sản vật địa phương. Sau, Tồn Phúc giết Tồn Lộc và Dương Đạo, chiếm lấy cả đất của họ, tiến xưng hoàng đế, lập vợ làm hoàng hậu, phong tước vương cho con, đổi châu Thăng Do làm nước Trường Sinh, sửa đồ giáp binh, xây đắp thành trì, làm kẻ tự thủ; từ bấy giờ không tiến cống nữa.

Lời chua - Tồn Phúc: Người làng Tượng Cần, châu Thạch An.

Châu Vạn Nhai: Thuộc tỉnh Thái Nguyên. Xưa gọi là châu Vạn Nhai (nhai là sườn núi); nhà Lý gọi là Vạn Nhai (nhai là bến nước); khi thuộc Minh gọi là Vũ Lễ; nhà Lê gọi là Vũ Nhai, tức là châu Vũ Nhai ngày nay.

Quảng Nguyên: Thuộc tỉnh Cao Bằng. Nhà Lý gọi là Quảng Nguyên; khi thuộc Minh gọi là Uyên huyện; nhà Lê gọi là Lộng Nguyên, tức là châu Quảng Uyên bây giờ.

Thảng Do: Theo sách Độ sử phương dư kỷ yếu của Cố Tổ Vũ, châu Thảng Do giáp giới với châu Quảng Nguyên.

Vũ Lặc: Theo Đường thư Địa lý chí nhà Đường đặt ra Lung Châu, quản lĩnh huyện Vũ Lặc. Thế thì Thảng Do và Vũ Lặc có lẽ ở vào địa hạt tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn; các triều đại phân chia ra sao và cho lệ thuộc thế nào, không khảo được.

Sứ nhà Tống sang.

Gia phong nhà vua làm Nam Bình vương.

Kỷ Mão, năm Kiền phù hữu đạo thứ 1 (1039). (Tống, năm Bảo Nguyên thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua thân đi đánh dẹp và giết chết Tồn Phúc.

Hà Văn Trinh, thủ lĩnh châu Tây Nông, đem tình trạng làm phản của Tồn Phúc tâu lên. Nhà vua giao cho Khai Hoàng vương Nhật Tôn trông coi việc nước, chính mình tự làm tướng, đi đánh dẹp. Khi quân kéo đến châu Quảng Nguyên, Tồn Phúc đem cả bộ lạc trốn, nhà vua tung quân ra đuổi, bắt được Tồn Phúc và con hắn là bọn Trí Thông 5 người. Còn vợ Tồn Phúc là Ả Nùng và con hắn là Trí Cao đều chạy thoát được. Nhà vua sai san phẳng cả thành trì của Tồn Phúc, chiêu an vỗ về nhân dân; đóng cửa bọn Tồn Phúc điếu về kinh đô, xuống chiếu rằng: "Trẫm có thiên hạ, khắp trên đất, đâu đây đều là tôi con, các phiên thần đều dâng lễ cống. Thế mà Tồn Phúc ở châu Thảng Do dám tự tôn tự đại, dựng nước riêng, tiếm xưng tôn hiệu, khuấy rối dân lành ở nơi biên giới. Trẫm nay kính vâng mạng Trời, phải đi

đánh dẹp. Khi kéo quân đến Quảng Nguyên, bắt được bọn Tồn Phúc 5 người, dẹp yên đất ấy". Rồi đem chém cả ở chợ trong kinh đô.

Lời chua - Tây Nông: Thuộc tỉnh Thái Nguyên, tức là huyện Tư Nông bây giờ.

Tháng 6, mùa hạ. Bầy tôi dâng tôn hiệu.

Bấy giờ giặc Nùng đã yên, 5 người nước Chiêm Thành lại quy phục; động Vũ Kiến dâng một khối vàng nặng 112 lạng; châu Lộng Thạch và châu Đinh Biên đều nói ở hai châu ấy có hiện ra khí sắc trắng như bạc. Bầy tôi đặt tôn hiệu gồm 8 chữ dâng lên nhà vua: "Kim dũng, ngân sinh, Nùng bình, Phiên phục"³⁵⁶. Nhân đó xin đổi lại niên hiệu. Nhà vua nói: "Về đời Đường³⁵⁷ Ngu³⁵⁸ chỉ vẽ ra hình tượng mà người không dám trái³⁵⁹, không cần đánh dẹp mà binh lính người ngoài phải khuất phục; đời bấy giờ nhà nào cũng lương thiện đáng khen, nhân dân tận nơi góc biển đầu cũng vui theo. Có hiện tượng mây lành, sao đẹp; có chim phượng hoàng đến múa châu. Người làm vua chỉ rũ áo chấp tay, không cần bày vẽ gì mà thiên hạ cũng rất bình trị. Nếu không phải là bậc có đạo đức cao lắm thì sao được như thế? Trẫm là người ít đức, đứng đầu thần dân, vẫn nom nớp lo sợ, chỉ e không gánh nổi việc nước, đâu dám mong như Nghiêu Thuấn xưa? Ngày nay, giặc Mán đã yên, vàng bạc nảy ra, đó là trời đất tựa cho chăng? Hay là răn dạy đầy chăng? Trẫm lấy làm sợ hãi lắm, chứ đâu dám đương nổi danh hiệu đẹp đẽ ấy?". Bầy tôi cố nài mãi, nhà vua mới nghe theo.

Lời phê - Đối với những đám giặc cỏ ở trong nước, có gì đáng khoe là "bình" thế mà vội tự tôn, tự đại xằng! Bầy tôi thì dâng lời bợ đỡ, nhà vua thì giả đo khiêm nhường, trên dưới đều trái cả! **Lời chua** - Chiêm Thành:

Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb. III, 20-21).

Động Vũ Kiến: Thuộc châu Quảng Nguyên, bây giờ đổi lại là gì, không rõ.

Lộng Thạch: Theo sách Thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư , châu Lộng Thạch thuộc tỉnh Lạng Sơn. Bây giờ phân chia và lệ thuộc ra sao, không khảo được.

Định Biên: Theo Đại Thanh nhất thống chí , An Nam cổ tích , châu Định Biên có tên nữa là Minh Tế. Theo Dư địa chí của Nguyễn Trãi, Định Biên thuộc tỉnh Cao Bằng. Bây giờ đổi lại là gì, chưa rõ.

Tháng 8, mùa thu. Sai sứ sang nhà Tống.

Sai đại liêu ban là Sư Dụng Hòa và thân vương ban là Đỗ Hưng đem sản vật địa phương sang biếu nhà Tống.

Lời chua - Đại liêu ban: Xem Lý Thái Tông, năm Thiên Thành thứ 3 (Chb. II, 35).

Thân vương ban: Sử của Ngô [Thì] Sĩ chua là tên một tước phong.

Sư Dụng Hòa: Châu mục châu Vĩnh An, vừa mới được phong tước này.

Tháng 10, mùa đông, sửa lại miếu Lý Thái Tổ.

Miếu này làm từ năm Thiên Thành thứ 1 (1028), đến đây sửa lại.

Tháng 12. Nước Chân Lạp sai sứ đến triều cống.

Năm Thiên Thành thứ 6 (1033), Chân Lạp đã sai cống đến đây lại sang cống nữa.

Người Chiêm Thành giữ trại Bồ Chính là bọn Bồ Lệnh, Bồ Kha, Lan Đà

Tinh đem bộ thuộc hơn trăm người sang theo ta.

Lời chua - Nước Chân Lạp: Xem thuộc Đường, Tuyên Tông, năm Đại Trung thứ 12 (Tb. IV, 39).

Bổ Chính: Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29).

305 Chức quan trông coi binh lính trực ban ở trước điện nhà vua.

306 Nghĩa đen từng chữ: Rễ cây thăm thăm, Ngọn cây xanh xanh, "Hòa đao" (hòa = lúa; đao = đao) tàn rụng.

307 Chữ "lý" có nghĩa là cây mận.

308 Chức quan hầu cận bên vua, có nhiệm vụ truyền lệnh và dẫn người vào ra.

309 Chỉ Lý Công Uẩn.

310 Chỉ Lý Công Uẩn.

311 Chức quan hầu cận bên vua, có nhiệm vụ truyền lệnh và dẫn người vào ra.

312 Chức quan hầu cận bên vua, có nhiệm vụ truyền lệnh và dẫn người vào ra.

313 Chỉ Lý Công Uẩn.

314 Ý nói ơn đức vua mới nhuần thấm đến cả chim muông.

315 Chỉ việc Lý thay Lê.

316 Chỉ việc đặt tên hiệu cho Lý Thái Tổ.

317 Về lục nghệ có hai thuyết: 1. Lễ, nhạc, xạ (bắn), ngự (cầm cương ngựa), thư (viết), số (tính); 2. Cũng gọi là Lục kinh: Dịch, Lễ, Nhạc, Thi, Thư và Xuân thu.

318 Tức là binh thư Tam Lược và Lục thao, Tam lược có sách, theo như cũ đã đề, do Hoàng Thạch Công soạn - Lục thao là sách của Thái Công, gồm có Văn thao, Vũ thao, Long thao, Hồ thao, Báo thao, Khuyển thao.

319 Lúc ấy Lý Công Uẩn giữ chức điện tiền chỉ huy sứ triều Lê.

320 Chữ "Thăng Long" đời Lý là "Rồng lên" khác với nghĩa chức "Thăng Long" thời Giao Long là "Thịnh vượng".

321 Niên hiệu Lê Ngọa Triều (1008-1009).

322 Sáu việc mà Thành Thang nêu ra để xét mình khi trong nước bị đại hạn luôn bảy năm: 1) Chính sự không có chừng mực chăng? 2) Dân chúng không có nghề nghiệp làm ăn chăng? 3) Cung thất đồ sộ chăng? 4) Nữ sắc quá nhiều chăng? 5) Có tệ hối lộ và dân bị oan uổng nhiều chăng? 6) Hay nghe lời nịnh hót, làm mất lễ công bằng chăng? (Tăng bình lịch sử cương giám bổ, quyển 1, tờ 12a).

323 Nay thuộc tỉnh Hà Tây.

324 Phố sá, chợ búa.

325 Huyện Đông Ngàn nay không còn. Đất huyện Đông Ngàn cũ nay thuộc các huyện Tiên Sơn (Bắc Ninh) và Đông Anh, Sóc Sơn, Gia Lâm (Hà Nội).

326 Lời của Khuất Đãng nói với Tấn Cảnh Tông (Xuân thu đại toàn, quyển 4). Ở đây ý nói vua sáng nghiệp nhà Lý dựng chùa Chân Giáo, đến vua cuối cùng nhà Lý lại kết quả bằng việc thất cố ở chùa này (xem thêm Chb. VI, 3 chép việc Trần Thủ Độ giết Lý Huệ Tông).

327 Gia phả của họ nhà vua.

328 Chức quan được đặt từ thời Lý. Thường dùng để đi sứ, ngoại giao.

329 Chức quan chỉ huy quân đội đứng đầu một vệ ở thời Lý, khoảng 2000 người.

330 Tên là Đán, em Chu Vũ vương, giúp Chu Thành vương, giết Vũ Canh, con chúa Trự, là kẻ đã cùng Quản Thúc và Thái Thúc nổi dậy làm phản nhà Chu.

331 Quản Thúc Tiên và Thái Thúc Độ đều là em Chu Vũ vương, nhưng dựa vào thế Vũ Canh, con chúa Trự, phản lại nhà Chu. Chu Công Đán phải đi đánh dẹp, diệt Vũ Canh, giết Quản Thúc, bỏ tù Thái Thúc; loạn mới yên.

332 -nt-

333 Tên gọi Thế Dân, là con thứ Đường Cao Tổ và là em Kiến Thành và Nguyên Cát; trị vì từ năm 627 đến năm 649.

334 Kiến Thành và Nguyên Cát đều là anh Thế Dân (Đường Thái Tông). Cả hai đều mưu giết em vì lòng ghen ghét; nhưng lại bị Trương Tôn Vô Kỵ và Uất Trì Kinh Đức là bộ hạ của Thế Dân giết chết (Tăng bình lịch sử cương giám bổ, quyển 19, tờ 6).

335 -nt-

336 Chỉ Lý Thái Tông.

337 -nt-

338 Uất Trì Kính Đức giết được Nguyên Cát để cứu cho chủ là Thế Dân (Đường Thái Tông)

339 Chỉ lời bình luận của sử thần Lê Văn Hưu, đại ý thế này: chế độ nhà Lý, con vợ cả phong tước vương, con vợ thứ đều phong là Hoàng Tử, mà không định rõ danh vị của hoàng thái tử, đến lúc vua cha ốm nặng, mới chọn một người trong hàng các con đứng

340 Cửa Tây kinh thành Thăng Long.

341 Tức làng Đông, vùng các làng Bưởi, nay thuộc quận Tây Hồ, Hà Nội.

342 Chức quan chỉ huy quân đội ở các đạo, về thời Đinh, Lý, Trần. Từ thời Lê trở đi chỉ còn là danh hiệu, phẩm hàm.

343 Quân bảo vệ thành nội ở kinh đô. Được đặt từ thời Lý. Mỗi quân có

30 đô, mỗi đô 80 người.

344 Do chữ "long hưng" (rồng lên) trong bài phú của Ban Cố: chỉ bóng về việc khởi nghiệp của đế vương xưa.

345 Dụng cụ cổ dùng để ghi thì giờ.

346 Chỉ việc rồng hiện ở nền điện Kiền Nguyên.

347 Một bức viết và vẽ bằng nét trắng, có phù chú, chứng nhận một đạo sĩ đã được vào giới tu đạo.

348 Xem chú giải ở Chb. I, 22-23.

349 Nay gồm đất các huyện Sông Thao, Thanh Hòa, Phong Châu, Tam Thanh tỉnh Phú Thọ.

350 Chữ "bệ", nghĩa đen là cái thềm. Thiên tử bao giờ cũng có thân thân cầm binh khí đứng dưới thềm, để phòng sự bất trắc. Bầy tôi tâu bày sự việc lên thiên tử, không dám nói thẳng, nên dùng danh từ "bệ hạ" ý nói do người thấp đề đạt lên người cao. Nguyên văn sử Cương mục chép là "do tôn đạt ti" thì không đúng, nên ở đây chúng tôi theo trong Từ Hải chép là "do ti đạt tôn" mà dịch nghĩa là do người thấp đề đạt lên người cao cho đúng nghĩa chữ "bệ hạ".

351 Chữ "thặng", nghĩa đen là binh xa. Dùng chữ "vạn thặng" để xưng hô vua, ý nói vua có hàng vạn cỗ binh xa.

352 Chất còn lại của xương cốt người ta ở trong tro tàn sau khi thiêu xác.

353 Bảy thứ quý giá. Theo sách nhà Phật, "thất bảo" có đến bốn thuyết hơi

khác nhau, nhưng thuyết nào cũng trình bày đủ bảy thứ và đều là những thứ sáng sửa, cứng rắn, như vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, mã não, hổ phách, san hô hoặc pha lê, trân châu,...

354 Lễ lập một người vợ vua lên làm hoàng hậu.

355 Chính mình cày ruộng.

356 Vàng phun lên, bạc nảy ra, giặc Nùng yên, người Phiên phục.

357 Khoảng năm 2357 đến năm 2256 trước công nguyên.

358 Khoảng năm 2255 đến năm 2206 trước công nguyên.

359 Câu này trích trong tờ chiếu của Vũ đế nhà Tây Hán cầu người hiền lương. Nguyên văn: "Đường Ngu hoạch tượng nhi dân bất phạm". Có hai thuyết giải nghĩa: 1. Nghiêu, Thuấn chỉ vẽ màu sắc và kích thước của áo mũ, mà không ai dám chế áo trái với hình dáng đã vẽ (Ung Thiệu); 2. Đồ mặc có vẽ hình dạng năm thứ hình phạt (Nhan Sư Cổ).

Quốc Sử Quán Triều Nguyễn

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên-Quyển thứ III

Từ Canh Thìn (1040), Lý Thái Tông, năm Kiền phù hữu đạo thứ 2 đến Tân Mùi (1091), Lý Nhân Tông, năm Quảng Hựu thứ 7, gồm 52 năm (1040-1091).

Canh Thìn, năm thứ 2 (1040). (Tống, năm Khang Định thứ 1).

Mồng 1, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Tháng 2, phát gấm vóc, hàng của nhà Tống, cho bày tôi.

Trước đó, nhà vua sai cung nữ dệt gấm vóc, họ đã dệt được thành những tấm hàng rồi; đến đây, sai đem những gấm vóc, hàng của nhà Tống, vẫn chứa trong kho, ban phát cho bày tôi: từ ngũ phẩm trở lên thì áo gấm, từ

cửu phẩm trở lên thì áo vóc, tỏ ý không dụng gấm vóc của Tống nữa.

Lời phê - Được! Tháng 4, mùa hạ. Xuống chiếu: phạm các việc kiện tụng đều giao cả cho Khai Hoàng vương Nhật Tôn xét xử, định đoạt rồi tâu lên.

Dùng điện Quảng Vũ làm nơi xử kiện. Phạm các việc kiện tụng trong nước đều do nơi đó xử đoán rồi tâu lên vua.

Lời chua - Điện Quảng Vũ: Ở phía tây sân rồng điện Thiên An.

Tháng 10, mùa đông. Tượng Phật đã tô xong. Đại xá.

Trước đây, nhà vua sai tạc hơn một nghìn pho tượng Phật và vẽ hơn một nghìn bức tranh Phật; lại làm hơn một vạn chiếc bảo phan³⁶⁰; đến đây, làm xong, mở hội, đại xá, tha cho những người phạm tội đồ lưu; xá một nửa tiền thuế cho cả nước.

Tân Tị, năm thứ 3 (1041). (Tống, năm Khánh Lịch thứ 1).

Tháng 6, mùa hạ. Điện Tiền chỉ huy sứ là bọn Đinh Lộc và Phùng Luật mưu làm phản, đều bị giết.

Lộc và Luật âm mưu làm phản, việc phát giác.

Nhà vua hạ chiếu bắt Đinh Lộc, Phùng Luật và đồ đảng chúng giao cho quan lại trị tội. Bọn Lộc, Luật đều bị giết cả.

Tháng 11, mùa đông. Xuống chiếu cho Uy Minh hầu Nhật Quang làm Tri châu Nghệ An.

Nhật Quang là con thứ 8 Lý Thái Tổ; khi nhậm chức ở Nghệ An, làm chính sự có ân huệ với dân. Đến lúc mất, người trong châu ấy lập đền thờ.

Lời chùa - Đền Nhật Quang: Ở xã Bạch Đường và xã Hội Thống thuộc tỉnh Nghệ An; bây giờ vẫn còn.

Nùng Trí Cao làm phản. Nhà vua sai tướng đi đánh, bắt được Trí Cao, lại

cho làm châu mục châu Quảng Nguyên.

Trí Cao trốn ở động núi, đến đây cùng với mẹ là Ả Nùng từ động Lôi Hỏa, lại ra giữ châu Thảng Do, đổi châu ấy là nước Đại Lịch. Nhà vua sai tướng đi đánh, bắt được Trí Cao điệu về kinh đô. Nhà vua thương tình vì cha và anh đều đã bị giết, nên tha tội và cho hắn làm chức châu mục Quảng Nguyên; lại lấy các động Lôi Hỏa và châu Tư Lang cho phụ thêm vào địa hạt Trí Cao cai trị.

Lời chua - Hai châu Quảng Nguyên, Thảng Do: Xem năm Thông Thụy thứ 5 (Chb. II, 43).

Động Lôi Hỏa: Theo sách Độc sử phương dư kỷ yếu của Cố Tổ Vũ, động Lôi Hỏa ở phía tây bắc phủ Lạng Sơn, khoảng giữa châu Quảng Nguyên và châu Thảng Do. Bây giờ đổi lại ra sao, chưa rõ.

Tư Lang: Trước thuộc tỉnh Thái Nguyên, bây giờ thuộc tỉnh Cao Bằng. Nhà Lý gọi là Tư Lang; nhà Trần vẫn theo như trước; khi thuộc Minh chia làm Thượng Tư Lãng và Hạ Tư Lãng; nhà Lê đổi làm Thượng Lang và Hạ Lang, tức là huyện Thượng Lang và huyện Hạ Lang bây giờ.

Nhâm Ngọ năm Minh Đạo thứ 1 (1042). (Tổng, năm Khánh Lịch thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Nhà vua đi Kha Lãm chính mình cày ruộng tịch điền.

Lời phê³⁶¹ - Trước đó, nhà Tống đã có niên hiệu là Minh Đạo³⁶², có lẽ nào vua Lý không biết mà lại đặt trùng? Thật đáng khinh bỉ! **Lời chua** - Kha Lãm: Tên đất, bây giờ không khảo được.

Tháng 9, mùa thu. Động đất.

Tháng 9 nhuận. Cấm quan lại thu thuế phù lạm.

Khi dân đóng thuế, ngoài mười phần phải nộp vào kho công rồi, quan lại được phép lấy một phần mười nữa, gọi là "hoành đầu". Nếu kẻ nào thu quá số ấy, thì bị xử theo tội ăn trộm. Quản giáp, chủ đô và người thu thuế nếu thu quá lệ đều bị xử tội giống thế cả. Nhà dân nào cáo tố sự thu thuế phù lạm thì nhà ấy được miễn đao dịch ba năm; người nào ở kinh thành mà cáo giác ra thì có thưởng.

Khô ti³⁶³ thu thuế lụa, nếu ăn lễ lấy lụa của người ta thì cứ mỗi thước lụa phạt 100 trượng; mỗi tấm lụa phạt phôi dịch một năm. Còn trên số ấy trở lên thì cứ chiếu theo số tấm lụa đã lấy mà tăng thêm số năm phôi dịch.

Lời chua - Quản giáp: Tên quan. Lý Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 16 (1025), định ra các sắc mục quản giáp.

Chủ đô: Không rõ.

Hoành đầu: Theo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn, quản giáp, chủ đô và người thu thuế, ngoài mười phần thu thuế, được lấy một phần mười để làm bổng lộc, gọi là "hoành đầu". Sử của Ngô [Thì] Sĩ chua rằng: "Hoành đầu cũng như thể lệ thu thuế ở triều Lê, ngoài tiền thuế, có tiền giấy bút".

Văn Châu làm phản. Tháng 10, mùa đông. Nhà vua sai Khai Hoàng vương Nhật Tôn đi đánh.

Phong Khai Hoàng vương làm đô thống đại nguyên súy đem quân đi đánh.

Ban Hình thư.

Bấy giờ, việc kiện tụng bề bộn. Quan lại giữ pháp luật cứ câu nệ theo thành văn trong luật lệ, hay làm những điều quá khắc nghiệt; vì vậy có nhiều người bị oan uổng quá đáng. Nhà vua thấy thế, động lòng thương, mới sai viên Trung thư sửa định lại luật lệnh. Việc sửa định này phải tham bác châm chước cho thích hợp với thời thế, đặt ra từng môn, từng loại, phân ra từng điều, từng khoản, làm hẳn thành bộ Hình thư của một triều đại. Khi sách làm xong, nhà vua xuống chiếu cho ban hành: ai cũng khen là tiện lợi. Nhân đó đổi niên hiệu là Minh Đạo.

Bấy giờ lại định rõ điều mục về các lệnh cấm:

Phạm ai bán kẻ hoàng nam ở dân gian làm nô bộc tư gia, nếu đã bán rồi thì phạt 100 trượng và thối 20 chữ vào mặt; chưa bán mà đã phục dịch người ta thì phạt 100 trượng và thối 10 chữ vào mặt. Kẻ tri tình mà cứ mua, cũng phạm tội, nhưng giảm xuống một bậc.

Phạm ăn trộm trâu của công phải phạt 100 trượng; ăn trộm một con bắt phạt thành hai.

Đương đầu vào nhà người gian dân vợ cả hay vợ lẽ người ta nếu chủ nhân giết chết ngay lúc bấy giờ thì không bị luận tội.

Kẻ trộm dùng sức mạnh để lấy được của người ta, phạt 100 trượng; nếu chưa lấy được của mà làm người ta bị thương thì phải tội lưu.

Lời chúa - Hình thư: Theo Lịch triều hiến chương, Văn tịch chí, của Phan Huy Chú, sách Hình thư đời Lý Thái Tông, 3 quyển, bây giờ thất truyền.

Hoàng nam: Sử của Ngô [Thì] Sĩ chua rằng: Triều Lý, dân đinh đến 18 tuổi, ghi tên vào hoàng sách³⁶⁴, gọi là "hoàng nam"; đến 20 tuổi trở lên gọi là "đại hoàng nam". Ai nuôi nô bộc riêng, chỉ được nuôi người nào chưa đến tuổi hoàng nam³⁶⁵.

Tháng 11. Định rõ thể lệ cho chuộc tội.

Phạm nhân dân, người từ 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống, người có nhược tật³⁶⁶ và người có họ thân với nhà vua phải để tang nhau từ chín tháng trở lên, nếu phạm tội thì đều được cho chuộc tội, chỉ trừ người nào

phạm vào tội thập ác³⁶⁷ thì không tha.

Đổi lớn.

Quý Mùi, năm thứ 2 (1043). (Tổng, năm Khánh Lịch thứ 3).

Tháng 3, mùa xuân. Sai Khai Hoàng vương Nhật Tôn đi đánh Ái Châu, Phụng Kiên vương Nhật Trung đi đánh Văn Châu.

Bấy giờ Ái Châu và Văn Châu đều làm phản; nhà vua cho Khai Hoàng vương làm đô thống sứ đại nguyên súy, đi đánh Ái Châu, Phụng Kiên vương làm đô thống nguyên súy đi đánh Văn Châu. Khi Văn Châu đã dẹp yên, Phụng Kiên vương đem dâng bốn con ngựa ấy là: Tái Thiên, Quảng Thắng, Truy Phong và Nhật Ngự.

Lời chua - Ái Châu: Tức Thanh Hóa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20-21).

Văn Châu: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 18 (Chb. II, 25).

Tháng 9, mùa thu. Gia phong Nùng Trí Cao làm Thái bảo³⁶⁸.

Trí Cao đã được làm Châu mục, đến đây, lại gia phong làm Thái bảo và ban cho quả ấn.

Đóng thuyền chiến.

Bấy giờ Chiêm Thành chống lại mệnh lệnh, nhà vua muốn đi đánh có bảo những người ở tả hữu rằng: "Chiêm Thành mười sáu năm, không giữ lễ cống, ý chừng uy đức của trẫm không tràn thắm đến chúng?". Mọi người đều nói: "Bệ hạ từ khi lên ngôi đến nay, nước kia chống lại mệnh lệnh, không đến triều cống mà triều đình chỉ ban ân đức để vỗ về thôi, chứ chưa hề dương uy diễu vũ, làm như thế, không phải cách để cho người phương xa phải sợ được. Chúng tôi chỉ ở trong nước lại có chư hầu khác họ nào đó cũng như Chiêm Thành thì Bệ hạ sẽ dùng cách gì mà chế trị được?". Bấy giờ nhà vua bèn quyết chí đi đánh. Đến đây, xuống chiếu cho đóng các thuyền chiến hơn vài trăm chiếc mang các tên như Rồng, Phượng, Cá, Rắn, Hổ, Báo và Anh Vũ để chuẩn bị dùng vào việc điều bát đi trận.

Lời phê³⁶⁹ - Khởi gợi cái tính ưa nịnh thật quá lắm! Về việc dưới đây³⁷⁰

cũng thế . Tháng 12, mùa đông. Ban chiếu cho chư quân sửa binh khí và áo giáp.

Bấy giờ, ở điện Trường Xuân, cái mộc của vua tự nhiên rung động (vô cớ, tự nó động đấy). Nhà vua đem việc đó ra hỏi. Bầy tôi đều nói: "Trước khi có gió, chim loan bay liệng, trước khi có mưa, đá đổ mồ hôi, là cơ màu cảm thông đáp ứng lẫn nhau. Nay sắp dấy quân, binh khí tự nhiên rung động, thì còn có gì đáng nghi ngờ?". Nhà vua cho là phải, xuống chiếu cho chư quân sửa áo giáp và binh khí, hẹn đến mùa xuân sang năm, đi đánh Chiêm Thành.

Ban tiền Minh Đạo cho các quan.

Giáp Thân, năm Thiên Cảm Thánh Vũ thứ 1 (1044). (Tổng, năm Khánh Lịch thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua tự làm tướng đi đánh và thắng được nước Chiêm Thành, chém chúa Chiêm là Sạ Đầu. Vợ chúa Chiêm là Mị Ê giao mình xuống sông tự tử.

Giao cho Khai Hoàng vương Nhật Tôn trông coi việc nước, nhà vua thân

đốc chư quân, hàng vạn chiếc thuyền cùng xuất phát. Khi thuyền đến cửa biển Đại Ác, gió êm sóng lặng, nhà vua sai đổi tên Đại Ác là Đại An. Khi đến núi Ma Cô, có đám mây tía đỡ lấy mặt trời. Khi qua vũng Hà Nã, có một đám mây che trên thuyền vua, hễ thuyền đi thì đám mây cũng đi, thuyền đứng lại thì đám mây cũng đứng lại. Một ngày thuận gió, vượt qua bãi Đại Trường Sa và Tiểu Trường Sa, thẳng đến cửa biển Ô Long. Chúa Chiêm đem cả quân và voi bày trận ở bờ bên nam sông Ngũ Bồ để chống cự quan quân ta. Nhà vua ở bên bờ bắc sông ấy chia tướng sĩ ra từng bộ phận, mở cờ, gióng trống, đi tắt sang sông, đánh địch. Chưa giao chiến, quân Chiêm đã tự vỡ ngay. Quan quân đuổi đánh, chém được ba vạn thủ cấp. Quách Gia Di chém đầu chúa Chiêm Sạ Đầu, tại trận, đem dâng; bắt sống tướng sĩ địch hơn năm nghìn người, và tước được hơn ba mươi thớt voi đã luyện tập thuần thuộc. Người Chiêm bị quan quân ta giết chết xác chất đầy nội. Nhà vua động lòng thương, ra lệnh cấm giết càn. Đoạn, kéo quân vào thành Phật Thệ, bắt được vợ cả, vợ lẽ của chúa Chiêm và những cung nữ giỏi ca múa khúc điệu Tây Thiên. Nhà vua sai sứ đi khắc các làng xóm, phủ dụ nhân dân.

Tháng 8, kéo quân về, đến hàng doanh Nghệ An, vời Uy minh hầu Nhật Quang ra yên ử, trao cho quyền tiết việt ở châu Nghệ An, lại gia phong tước vương. Trước đây, nhà vua giao việc vận tải quân lương cho Nhật Quang; Nhật Quang đặt ra trại Bà Hòa, lại tùy từng nơi đặt ra những đồn bằng đất, thu tô thuế ở Nghệ An chứa đầy vào đó, nên khi nhà vua hành quân, việc tiếp tế lương ăn được đầy đủ, không thiếu; nhà vua khen lắm, nên có việc phong thưởng này.

Tháng 9, đến hành điện Ly Nhân, nhà vua cho vời vợ Sa Đầu, chúa Chiêm Thành, là Mị Ê, lên hầu thuyền ngự. Mị Ê khôn xiết uất ức căm hờn, lẳng lẳng quần cái chiên vào người rồi gieo mình xuống sông tự tử. Nhà vua khen là trinh tiết, phong làm Hiệp Chính hựu thiện phu nhân.

Lời phê³⁷¹ - Bây giờ không nghe nói có việc người Chiêm vào lấn cướp thì không phải là bất đắc dĩ mà dùng binh, thế mà muốn phô sức mình, thích lập công nghiệp, buông thả lòng dục, giết hại mạng người! Thậm chí cướp bắt phụ nữ để chứa đầy vào hậu cung: việc này lại càng thất đức! So với Mị Ê, thật đáng thẹn chết! Huống chi khúc điệu Tây Thiên là thanh âm mất nước, gây nên sự mê muội cho con cháu đời sau³⁷² ! Thế thì trong sự thất đức lại càng thất đức hơn nữa! Thái Tông là bậc vua hiền mà làm như thế, thực đáng tiếc! Về phần bầy tôi bấy giờ cũng không sao tránh khỏi cái tội nóng ác của vua! **Lời chua** - Đại Ác: Tức là Đại Nha. Xem Lý Hậu đế, năm thứ 1 (Tb. IV, 13).

Núi Ma Cô: Có tên nữa là Lễ Để, ở ngoài biển thuộc huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Cửa biển Ô Long: Ở phía đông nam huyện Phú Vinh, thuộc Thừa Thiên. Nhà Lý gọi là Ô Long; nhà Trần gọi là Tư Dung; nhà Mạc đổi là Tư

Khách; nhà Lê gọi là Tư Dung, tức là cửa biển Tư Hiền bây giờ.

Thành Phật Thệ: Theo sách Thanh Nhất thống chí , mục An Nam cổ tích , thành Phật Thệ là kinh đô cũ của vua Chiêm, bây giờ ở về địa phận xã Nguyệt Biều, huyện Hương Thủy, Thừa Thiên.

Lý Nhân: Tức là Lợi³⁷³ Nhân. Xem Lý Nhân Tông, năm Thiên Phù Duệ Vũ thứ 6 (Chb. IV, 14).

Đại tiểu Trường Sa: Sách Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn chép rằng: Theo ven biển, từ phía nam cửa Nhật Lệ đến cửa Minh Linh gọi là Đại Trường Sa; từ phía nam cửa Việt Hải đến cửa Tư Dung gọi là Tiểu Trường Sa.

Sông Ngũ Bò, vùng Hà Nãi: Đề không khảo được.

Trại Bà Hòa: Ở sông Bà Hòa. Xem Lê Đại Hành, năm Thiên Phúc thứ 4 (Chb. I, 20).

Tháng 9, mùa thu. Nhà vua đi đánh Chiêm Thành về, làm lễ cáo nhà thái miếu về việc thắng trận.

Dem việc chiến thắng Chiêm Thành cáo nhà thái miếu, nhà vua ngự ở điện Thiên An, làm lễ "ẩm chí"³⁷⁴. Bầy tôi dâng hơn năm nghìn người Chiêm bị bắt làm tù binh. Nhà vua xuống chiếu lấy trấn Vĩnh Khang và Đăng Châu đặt ra làng xóm phỏng theo như tên gọi cũ của Chiêm Thành, để họ cứ chiếu theo bộ thuộc, nhận lấy mà ở. Lại làm ra cung riêng để cho cung nữ Chiêm Thành ở.

Tuyên dương công lao bình Chiêm: Từ lục phẩm trở lên ban cho áo gấm, từ thất phẩm trở xuống ban cho áo the.

Bây giờ các nước ở xa đến châu, đặt ra trạm Hoài Viễn để cho họ tạm nghỉ. Lại đặt trấn Vọng Quốc và bảy trạm là Tuyên Hóa, Vĩnh Thông, Thanh Bình, Quy Đức, Bảo Ninh, Cẩm Hóa và An Dân, mỗi trạm đều lập mốc tiêu đề để làm chỗ hành khách nghỉ ngơi.

Lời chua - Vĩnh Khang: Thuộc Nghệ An. Bây giờ là huyện Vĩnh Hòa, phủ Tương Dương.

Đặng Châu: Thuộc tỉnh Hưng Hóa. Nhà Lý gọi là Đặng Châu; nhà Trần gọi là trấn Thiên Hưng; khi thuộc Minh gọi là châu Quy Hóa; nhà Lê đổi làm phủ, tức là phủ Quy Hóa bây giờ.

Trần Vọng Quốc: Không khảo được.

Tháng 11, mùa đông. Bầy tôi kính dâng tôn hiệu.

Dâng tôn hiệu nhà vua là Thánh Đức Thiên Cảm Tuyên Hóa Thánh Vũ.
Nhân đó xin đổi niên hiệu. Nhà vua nghe theo.

Xuống chiếu xá cho dân một nửa tiền thuế năm nay.

Tờ chiếu rằng: "Mới rồi, vì có việc hành quân, trở ngại đến công việc canh nông; ngờ đâu vụ đông năm nay mùa màng lại được phong đăng. Trăm họ no đủ thì trăm còn thiếu thốn với ai? Vậy xá cho dân một nửa tiền thuế".

Tháng 12. Định rõ lại pháp luật về tội đào ngũ.

Theo luật lệ định trước: phạm các quan chức hễ ai bỏ trốn, phạt 100 trượng, thích 50 chữ vào mặt, và phải tội đồ. Quân lính đào ngũ mà cướp của cải đồ vật của người khác, phạt 100 trượng, thích 30 chữ vào mặt. Người giữ trấn hay trại mà bỏ trốn, cũng bắt tội như vậy. Quân lính bỏ trốn hơn một năm, phạt 100 trượng, thích 50 chữ vào mặt. Người nào bỏ trốn không theo xa giá khi vua đi chơi, phạt 100 trượng, thích 10 chữ vào mặt.

Nay định rõ lại điều lệ về lệnh cấm: Quân lính bỏ trốn thì phải khép vào một tội trong ba hạng tội lưu³⁷⁵. Kẻ coi ngục không được sai khiến tù nhân làm việc riêng của mình, nếu kẻ nào vi phạm, phạt 80 trượng và bắt đi phối dịch.

Ất Dậu, năm thứ 2 (1045). (Tống, năm Khánh Lịch thứ 5). Chế xe Thái Bình.

Dùng voi kéo xe; bộ bành voi kiểu Chiêm Thành (gọi là bông la nga) thì trang sức bằng vàng. Lại đặt ra toán long quân theo hầu xe, dùng kiêu kỵ tướng quân Trần Nắm quản lĩnh toán quân ấy.

Lời chua - Bồng la nga: Sử cũ chua "bồng la nga là cái yên voi (tượng yên) kiểu Chiêm Thành". Sử của Ngô [Thì] Sĩ chua rằng: "La nga là cái bánh có mui đặt trên mình voi, chứ không phải yên voi".

Bính Tuất, năm thứ 3 (1046). (Tổng, năm Khánh Lịch thứ 6).

Đinh Hợi, năm thứ 4 (1047). (Tổng, năm Khánh Lịch thứ 7).

Mậu Tí, năm thứ 5 (1048). (Tổng, năm Khánh Lịch thứ 8).

Tháng 9, mùa thu. Sai tướng quân Phùng Trí Năng đi đánh Ai Lao và thắng được.

Trí Năng bắt được người và súc vật Ai Lao đưa về.

Lời chua - Ai Lao: Xem Triệu Việt vương năm thứ 2 (Tb. IV, 9).

Nùng Trí Cao lại làm phản. Sai Quách Thịnh Dật đi đánh không được. Trí

Cao tấn công sang đất Tống, đánh phá được Ung Châu.

Trí Cao giữ động Vật Ác, làm phản, tiếm xưng là nước Đại Nam, đổi niên hiệu là Cảnh Thụy. Nhà vua sai thái úy Quách Thịnh Dật đi đánh, không được, phải rút về. Nhân dịp đó, Trí Cao xin phụ theo nhà Tống; vua Tống không cho. Trí Cao bèn cùng đồ đảng định mưu lần cướp bờ cõi nhà Tống. Một hôm, hắn đốt ngay chỗ ở, nói gạt mọi người rằng: "Cửa nả của chúng ta chứa chất từ bao lâu này đều bị lửa

trời đốt cháy mất cả, sinh kế cùng quẫn rồi! Bây giờ chỉ có cách là chỉ bằng sang đánh lấy Ung Châu và Quảng Châu của Tống, tự lập làm vua". Mọi người đều vâng theo. Trí Cao liền đem năm nghìn quân, theo ven sông, đổ xuống miền đông, đánh hãm được Ung Châu nhà Tống.

Lời cần án - Ở đây, **Sử cũ** chép rằng Trí Cao xin hàng nhà Lý. Nhưng nay xét Trí Cao bấy giờ đặt quốc hiệu, đổi niên hiệu, khí thế đang quá rộng rãi, một cánh quân của Thịnh Dật không thể hạ nổi. Nếu quả phải đầu hàng, Trí Cao sao lại xin theo về với nhà Tống để chống lại triều đình. **Sử** của Ngô [Thị] Sĩ sửa lại, chép là "đánh không được" nay cũng theo như vậy . **Lập đàn Xã và đàn Tắc**³⁷⁶ .

Lập đàn ở ngoài cửa Trường Quảng, bốn mùa cầu đảo cho được mùa.

Tháng 12, mùa đông. Mới làm lễ nghinh xuân.

Ngày lập xuân. Nhà vua sai các quan làm lễ nghinh xuân.

Kỷ Sửu, năm Sùng Hưng đại bảo thứ 1 (1049). (Tống, năm Hoàng Hựu thứ 1).

Tháng 10, mùa đông. Dựng chùa Diên Hựu.

Trước đây, nhà vua chiêm bao thấy phật Quan Âm ngồi trên tòa sen, dắt ngài cùng lên. Kịp lúc tỉnh dậy, vờ bày tôi đến nói chuyện mộng ấy và cho là không lành. Bấy giờ có nhà sư khuyên vua làm chùa. Ngài nghe theo, sai lập một cái cột đá, trên đó làm tòa sen thờ phật Quan Âm, rồi họp các sư tụng kinh để cầu cho nhà vua được sống lâu, gọi là chùa Diên Hựu.

Lời chầu - Chùa Diên Hựu: Ở thôn Thanh Bảo, huyện Vĩnh Thuận, tức

chùa Một Cột bấy giờ.

Canh Dần, năm thứ 2 (1050). (Tổng, năm Hoàng Hựu thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Nước Chiêm Thành cống voi trắng.

Tháng 6, mùa hạ có nạn thủy tai lớn.

Tân Mão, năm thứ 3 (1051). (Tổng, năm Hoàng Hựu thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Định phép khảo hạch các quan lại.

Các quan văn võ, người nào làm việc lâu năm, không có lỗi gì, thì được thăng trật có thứ bậc khác nhau.

Tháng 8, mùa thu. Cử hành lễ cho toàn dân được uống rượu mừng.

Cho dân được uống rượu nhân dịp trong nước có việc vui mừng. Lại ban cho vải lụa tiền bạc nhiều ít khác nhau.

Tháng 11, mùa đông. Khai sông Lãm.

Lời chùa - Lãm Cảng: Ở huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Nhâm Thìn, năm thứ 4 (1052). (Tống, năm Hoàng Hựu thứ 4).

Tháng 3, mùa xuân. Đặt quả chuông lớn ở sân rồng.

Đúc chuông lớn để ở sân rồng điện Thiên An, cho dân hễ ai có điều gì oan ức không thông đạt được lên trên thì đánh chuông để thấu đến nhà vua.

Quý Tị, năm thứ 5 (1053). (Tống, năm Hoàng Hựu thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Động đất.

Rồng vàng hiện ra.

Rồng hiện ở gác Đoan Minh. Bầy tôi đều mừng. Riêng có sư Pháp Ngữ nói: "Rồng bay ở trên trời, bây giờ lại hiện ra ở dưới, đó là điều chẳng lành".

Tháng 7, mùa thu. Nạn thủy tai lớn.

Tháng 10, mùa đông. Trí Cao sai người đến xin giúp quân.

Nhà vua xuống chiếu cho Chỉ huy sứ³⁷⁷ **Vũ Nhị đem quân đi cứu viện.**

Trước đó, Trí Cao lấn cướp bờ cõi nhà Tống, quân Tống họp lại đánh. Nhà vua dâng biểu xin đem quân sang đánh giúp. Vua Tống ưng thuận. Nhà vua bèn sai tướng đem hai vạn quân theo đường thủy tiến sang. Khi quân ta sắp kéo vào cửa ải thì Địch Thanh nói với vua Tống: "Mượn quân nước ngoài để trừ giặc bên trong, không phải là điều lợi cho ta đâu. Đối với một Trí Cao, sức quân hai tỉnh Quảng³⁷⁸ còn không đủ chế trị? Thế mà phải mượn đến quân nước ngoài! Nếu nhân dịp đó nó nổi loạn, thì ta lấy

gì ngăn cản được?". Theo lời Địch Thanh bàn, vua Tống xuống chiếu bảo quân ta thôi đừng sang nữa. Đến đây, Trí Cao xin giúp quân. Nhà vua y theo như lời Trí Cao cầu xin.

Theo *Cương mục tục biên* (Trung Quốc), Trí Cao đánh hãm Ung Châu, tới chốn châu ly, tự xưng là Nhân Huệ hoàng đế, đổi niên hiệu là Khải Lịch, rồi tung quân ra cướp bóc. Chúng kéo đến châu huyện nào thì châu huyện ấy bỏ thành, chạy cả. Chúng phá luôn được tám châu là Hoành, Quý, Đăng, Ngô, Khang, Đoan, Cung và Tầm; tiến vây Quảng Châu, đến sát chân thành, đánh mãi không hạ được, lại kéo vào Ung Châu. Vua Tống nghe biết việc ấy, bèn dùng bọn Dư Tĩnh, Dương Diên, Tôn Miện trừ tính việc chống lại Trí Cao. Bây giờ Trí Cao ngày càng cướp bóc nhiễu loạn, mà bọn Dương Diên mãi không làm được công trạng gì, vua Tống lấy làm lo lắng. Trí Cao đưa thư xin làm Tiết độ sứ ở Ung Châu và Quế Châu. Vua Tống đã toan nhận cho Trí Cao đầu hàng, thì bấy giờ Xu mật phó sứ Địch Thanh dâng biểu xin đi đánh, vua Tống bèn cho Địch Thanh làm Tuyên phủ sứ, quản đốc các quân đi đánh dẹp. Địch Thanh đến Quảng Nam³⁷⁹, hợp lại với quân Tôn Miện và Dư Tĩnh, tiến đóng Tân Châu, dặn các tướng tá không được liều lĩnh đánh nhau với địch. Bấy giờ, Trần Thự, kiềm hạt tỉnh Quảng Tây, tự tiện đem tám nghìn bộ binh ra đánh, bị tan vỡ ở cửa ải Côn Luân. Địch Thanh hội họp các tướng, xử tội Thự, đem chém. Rồi đóng binh, giữ vững dinh trại, cho quân nghỉ 10 ngày. Mọi người không ai lường biết ra sao. Quân do thám của địch về báo rằng quân Tống hãy còn chưa tiến ngay. Đến ngày hôm sau, Địch Thanh lập tức sắp quân qua cửa Côn Luân; Trí Cao đốc hết quân ra chống đánh. Địch Thanh phát

cờ, thúc hai cánh tả hữu của đội kỵ binh xông ra đánh: Trí Cao thua chạy. Quân Tống đuổi theo năm mươi dặm, chém vài nghìn thủ cấp. Đồ đảng của Trí Cao là bọn Hoàng Sư Mật hơn một trăm năm mươi người đều tử trận cả. Trí Cao đốt thành, đang đêm lẫn trốn, chạy sang Đại Lý³⁸⁰. Hai năm sau, Dư Tĩnh sai Đô giám Tiêu Chú vào đạo Đặc Ma, bắt sống được mẹ Trí Cao và em y là Trí Quang, con y là Kế Phong, v.v... Lại mộ những kẻ cảm tử cho vào Đại Lý để lòng tìm Trí Cao, nhưng bấy giờ Trí Cao đã chết rồi. Người Tống lấy đầu Trí Cao, đóng vào hòm đem về kinh đô, rồi giết mẹ y luôn với em và con y. Họ Nùng bị diệt từ đây.

Lời phê³⁸¹ - **Ngang trái quá!** **Lời cần án** - **Sử cũ** chỉ chép: "Tháng 10, mùa đông, Quý Tị, năm thứ 5 (1053), Lương Châu⁶ lại xin quân đi cứu. Nhà vua xuống chiếu cho Vũ Nhị đem quân đi cứu viện", nhưng không chép rõ là có hay không đánh nhau với quân Tống, hoặc vì có gì mà bãi binh. Nay xét sử **Cương mục tục biên** (Trung Quốc) chép rằng: "Tháng giêng, mùa xuân, năm Quý Tị (1053), Địch Thanh đánh cho Trí Cao đại bại, Trí Cao phải chạy vào

Đại Lý. Sau đó hai năm, Trí Cao chết". Còn từ tháng 10, mùa đông, năm Quý Tị (1053) trở về sau, không hề thấy chép việc Trí Cao xin quân cứu và quân nhà Lý đi cứu. Như thế, hoặc giả Trí Cao sau khi chạy đến Đại Lý, muốn nhờ quân Lý giúp mình, còn quân Lý sợ dĩ đi cứu Trí Cao, chùng vì là giận người Tống, trước đó, từ chối không nhận cho quân mình đánh giúp, nên muốn nhân dịp để cầu lợi; kịp khi nghe biết Trí Cao không

đủ sức chống được quân nhà Tống, nên quân cứu mới nửa vời ngừng lại mà không quả quyết cho đi nữa. Chứ nếu quả nhà Lý đã đem quân ra ngoài biên giới đánh nhau với Tống thì việc biên cương là trọng đại, người Tống há lại dìm đi được sao? Đoạn này [Sử cũ](#) ghi chép không rõ, vậy hãy để đó, sẽ khảo sau . [Lời chua](#) - Ung Châu: [Xem Đinh Toàn, năm Thái Bình thứ 11 \(Chb. I, 14\)](#).

Quảng Châu: [Xem thuộc Lương, năm Đại Đồng thứ 7 \(Tb. IV, 2\)](#).

Ngô Châu: [Tức Thương Ngô. Xem Triệu Vương³⁸², năm Kiến Đức thứ 1 \(Tb. II, 4\)](#).

Đằng Châu³⁸³ : [Xem ngang với Tống Thái Tổ, năm Kiến Đức thứ 4 \(Tb. III, 30\)](#).

Tầm Châu, Quý Châu, Cung Châu, Hoành Châu: [Theo sách Thanh Nhất thống chí](#) , mấy châu này đều thuộc tỉnh Quảng Tây: Quý Châu và Cung Châu thuộc phủ Tầm Châu; Quý Châu tức là Quý huyện bây giờ; Cung Châu tức là huyện Bình Nam bây giờ; Hoành Châu thuộc phủ Nam Ninh.

Quế Châu: Nay thuộc phủ Quế Lâm.

Đoan Châu, Khang Châu: Đều thuộc tỉnh Quảng Đông: Đoan Châu tức là phủ Triệu Khánh bây giờ; Khang Châu thuộc phủ Triệu Khánh bây giờ là lộ Đức Khánh.

Tầm Châu: Thuộc phủ Liễu Châu, tỉnh Quảng Tây.

Cửa ải Côn Luân: Ở phía đông bắc huyện Tuyên Hóa, phủ Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây. Xưa có cửa ải ở núi Côn Luân, nên gọi tên như vậy.

Đạo Đặc Ma: Thuộc tỉnh Vân Nam, tức là phủ Quảng Nam bây giờ.

Đại Lý: Tên nước. Theo Minh sử, Vân Nam thổ ti truyện , nước Đại Lý là đất huyện Diệp Du nhà Đường. Cuối niên hiệu Khai Nguyên (713-741), Bì La Các, người Mông Chiếu, đóng đô ở đây, là Nam Chiếu, đặt quốc hiệu là Đại Mông, rồi lại đổi là Đại Lễ. Đến triều Tấn (936-946) đời Ngũ đại (907-959), Đoàn Tư Bình lên cầm quyền chính trong nước, đổi gọi là nước Đại Lý. Khoảng niên hiệu Hồng Vũ (1368-1398) nhà Minh, Đoàn Thế bị bắt, nhà Minh đổi nước của y làm phủ Đại Lý, đặt Vệ quân và Chi

huy sứ ti, cho thuộc vào tỉnh Vân Nam.

Giáp Ngọ, năm thứ 6 (1054). (Tháng 10 trở về sau, là triều Lý Thánh Tông hoàng đế, niên hiệu Long Thụy Thái Bình năm thứ 1. Tống, năm Chí Hòa năm thứ 1).

Tháng 7, mùa thu.

Xuống chiếu cho Khai Hoàng vương Nhật Tôn thay vua ra ngự triều, nghe quần thần tâu bày chính sự.

Bấy giờ nhà vua se mình nên có mệnh lệnh này.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua mất.

Nhà vua mất ở điện Trường Xuân, miếu hiệu là Thái Tông, ở ngôi 27 năm, thọ 55 tuổi.

Lời cần án - Theo lệ trong sử **Cương mục** (Trung Quốc) thì đối với một ông vua, lúc chết, lúc táng đều có chép cả , **Sử cũ** về các vua triều Lý, chỉ có Thái Tổ và Nhân Tông là có chép an táng, còn thì không thấy chép . **Sử** của Ngô [Thì] Sĩ nói rằng các vua Lý khi mất, đem về táng ở phủ Thiên Đức, đều gọi là Thọ Lăng, nhưng không nói táng vào tháng nào, năm nào. Nay không khảo được. **Thái tử Nhật Tôn lên ngôi, đổi lại niên hiệu (tức Lý Thánh Tông).**

Đổi quốc hiệu là Đại Việt.

Trước kia, Đinh Tiên Hoàng thống nhất đất nước, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt. Các triều đại sau vẫn theo như thế; đến đây mới đổi lại.

Tôn mẹ là Mai thị làm Kim Thiên hoàng thái hậu.

Ban quan tước cho các cựu thần ở đông cung³⁸⁴ **có thứ bậc khác nhau.**

Năm Ất Mùi (1055). Lý Thánh Tông hoàng đế niên hiệu Long Thụy Thái Bình thứ 2. (Tống, năm Chí Hòa thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Nước Chiêm Thành sai sứ sang cống.

Tháng 10, mùa đông. Ban ơn chẩn tế cho những tù bị giam trong ngục.

Bấy giờ rét dữ, nhà vua bảo những người ở tả hữu rằng: "Trẫm ở chốn cung sâu, sưởi thứ than chế bằng xương loài thú, mặc áo hồ cừ, mà còn rét thế này. Trẫm rất thương xót những người tù bị giam trong ngục kia: cơm không đủ no lòng, áo không đủ che cật, thì bị gió rét dần vặt đến đâu! Vậy hạ lệnh cho viên quan có trách nhiệm phát chẩn, chiếu cho họ và mỗi ngày cho ăn hai bữa.

Lời phê - Còn dân lành thì sao? **Sứ nhà Tống sang.**

Trước đó nhà vua sai sứ sang cáo phó với nhà Tống. Đến đây, sứ Tống sang làm lễ tế viếng Lý Thái Tông và sách phong Lý Thánh Tông làm Giao Chỉ quận vương.

Bính Thân, năm thứ 3 (1056). (Tống, năm Gia Hựu thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Nước Chân Lạp sai sứ sang cống.

Lời chùa - Chân Lạp: Xem thuộc Đường, Tuyên Tông, năm Đại Trung thứ 12 (Tb. IV, 39).

Tháng 4, mùa hạ. Xuống chiếu khuyến nông.

Dựng chùa Sùng Khánh.

Làm chùa ở phường Báo Thiên, xây tháp 12 tầng, cao vài mươi trượng, trích trong kho lấy một vạn hai nghìn cân đồng, đúc quả chuông lớn. Chính nhà vua làm bài minh khắc vào chuông.

Lời chùa - Phường Báo Thiên: Ở thôn Tiên Thị, huyện Thọ Xương tỉnh Hà Nội, dấu vết chùa vẫn còn.

Đinh Dậu, năm thứ 4 (1057). (Tổng, năm Gia Hựu thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ sang nhà Tống.

Dem con thú lạ sang tặng nhà Tống, nói gạt là con lân. Xu Mật sứ nhà Tống là Điền Huống nói rằng: "Đó chỉ à con thú lạ, chứ không phải con lân". Tư Mã Quang nói: "Nếu quả là con lân thực, mà xuất hiện không đúng lúc, cũng không phải là điềm lành; nếu lại là con lân giả thì chỉ tổ cho người phương xa cười thôi". Thế rồi nhà Tống tặng tiền ưu hậu, bảo sứ giả về.

Mậu Tuất, năm thứ 5 (1058). (Tống, năm Gia Hựu thứ 3).

Mùa xuân. Sửa lại cửa Tường Phù.

Cửa Tường Phù là cửa Đông kinh thành, dựng lên từ năm Thuận Thiên thứ 1 (1010); đến đây sửa lại.

Kỷ Hợi, năm Chương thánh gia khánh thứ 1 (1059). (Tống, năm Gia Hựu thứ 4).

Tháng 3, mùa xuân. Sang đánh Tống, quân ta kéo đến Khâm Châu lại trở về.

Quân ta kéo đến Tư Lãm doanh thuộc Khâm Châu, điều võ dương uy rồi trở về. Việc hành quân này vì ghét nhà Tống tráo trở.

Lời cần án - Sử của Ngô [Thì] Sĩ chép: "Bấy giờ sứ Tống sang sách phong, sứ ta sang đáp lễ, chưa nghe có việc gì tráo trở, hoặc giả việc xuất quân sang Khâm Châu là ý của Lý Thái Tông định làm từ trước, mà Lý Thánh Tông nối theo ý cha, muốn thử giở võ với Tống, nhưng chưa làm được đây thôi". Nay xét: Sử họ Ngô chép thế, không giống với **Sử cũ**, nhưng cũng chép cả để tham khảo . **Lời phê**³⁸⁵ - Vô lý! **Lời chua** - Khâm Châu: **Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 10 (Chb. I, 36).**

Tháng 8, mùa thu. Đặt ra kiêu mẫu triều phục.

Nhà vua ngự ở điện Thủy Tinh, sai các quan đội mũ phốc đầu³⁸⁶ đi giày và bí tất vào chầu. Tục đội mũ phốc đầu là trước từ đây.

Sách Giao Chỉ di biên (không rõ họ tên người làm sách) chép: An Nam lúc mới dựng nước, mọi việc hãy còn đơn giản sơ sài; đến nhà Lý mới làm ra cung thất. Cung điện thì có điện Thủy Tinh, điện Thiên Quang. Quan trong và quan ngoài thì có những chức như phụ quốc thái úy, gián nghị đại phu, tả hữu ti lang trung, viên ngoại lang, xu mật sứ, kim ngô, lĩnh binh sứ. Lễ nhạc văn vật xem ra cũng đã đầy đủ.

Quy định quân hiệu.

Quân hiệu có: Ngự Long, Vũ Thắng, Long Dực, Thần Điện, Phủng Thánh, Bảo Thắng, Hùng Lược, Vạn Tiệp, đều chia ra tả và hữu, trên trán đều thích chữ "Thiên tử quân".

Sách Vân đài loạn ngữ của Lê Quý Đôn có trích dẫn truyện Thái Diên Khánh nhà Tống: "Diên Khánh từng phỏng theo phép hành quân của An Nam: bộ đội chia ra chín tướng, gồm có các binh chủng như chính binh³⁸⁷, tay cung tên³⁸⁸, đoàn người ngựa³⁸⁹. Mỗi tướng, từ quân bộ đến quân kỵ và khí giới, đều như nhau. Lại chia ra bốn bộ là Tả, Hữu, Tiền, Hậu, gộp lại là 100 đội. Mỗi đội đều có quân trú chiến³⁹⁰ và quân thác chiến³⁹¹. Còn người và ngựa của quân Phiên thì chia riêng làm đội khác, không cho lẫn lộn với quân khác để phòng sự biến loạn, gần đâu thì cho họ lệ thuộc vào đó. Hạng quân già yếu thì cho đóng ở thành trại. Diên Khánh đem binh

pháp ấy trình bày tường tận trong bức thư dâng lên vua Tống. Tống Thần Tông (1068-1085) khen là hay". Binh pháp triều Lý được Trung Quốc phỏng theo là thế đấy. Nhà

Lý, phía bắc, phá được châu Ung, châu Liêm, phía nam, bình được Chiêm Thành, Chân Lạp, đánh đâu được đấy, thật là có cơ thể chứ!

Nay xét: quân hiệu triều Lý chỉ thấy tàn nát trong sách, còn binh chế ra sao, không khảo được.

Lời phê³⁹² - Gần như khoác lác! Canh Tí, năm thứ 2 (1060). (Tống, năm Gia Hựu thứ 5).

Tháng 7, mùa thu. Sai sứ sang Ung Châu nhà Tống.

Trước đó, châu mục Lạng Châu, Thân Thiệu Thái, đuổi bắt những kẻ trốn tránh, vượt sang đất Tống, bắt chỉ huy sứ Tống là Dương Bảo Tài đem về. Quân Tống tràn sang xâm lấn bên ta, nhưng thất bại. Đến đây, Tống sai Lại bộ thị lang Dư Tĩnh đến Ung Châu để hội nghị. Nhà vua sai Phí Gia Hựu sang dự hội. Dư Tĩnh lại đưa hậu lễ tặng biểu Gia Hựu, nhân tiện đưa

thư xin ta trả lại Bảo Tài cho Tống, nhưng nhà vua không nghe.

Lời phê³⁹³ - Không tin được! Lời chua - Lạng Châu, Ung Châu: Xem Đinh Toàn, năm Thái Bình thứ 2 (Chb. I, 14).

Tháng 8. Làm hành cung ở bên hồ Dâm Đàm.

Làm hành cung ở bên hồ Dâm Đàm, để dùng khi ngự xem đánh cá.

Lời chua - Dâm Đàm: Còn tên nữa là hồ Lăng Bạc. Xem thuộc Hán, Quảng Vũ, năm Kiến Vũ thứ 18 (Tb. II, 2).

Tân Sửu, năm thứ 3 (1061). (Tống, năm Gia Hựu thứ 6).

Tháng 2, mùa xuân. Tuyển con gái dân gian đưa vào cung.

Tuyển 12 người con gái sung vào hậu cung.

Nhâm Dần, năm thứ 4 (1062). (Tổng, năm Gia Hựu thứ 7).

Quý Mão, năm thứ 5 (1063). (Tổng, năm Gia Hựu thứ 8).

Giáp Thìn, năm thứ 6 (1064). (Tổng, Anh Tông, năm Trị Bình thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ sang nhà Tống.

Sang mừng Tống Anh Tông lên ngôi.

Tháng 4, mùa hạ. Dụ bảo các viên quan coi việc hình ngục nên rộng tha cho những tội phạm lầm lẫn.

Nhà vua ngự điện Thiên Khánh, xử kiện. Công chúa Động Thiên hầu bên cạnh. Nhà vua trở vào công chúa mà bảo ngục lại: "Ta đem lòng làm cha mẹ đối với dân, cũng như lòng thương con ta đây. Dân không biết gì, tự mình làm mình mắc phải tội lỗi, ta xót xa lắm. Từ nay, không cứ tội nặng hay nhẹ, cốt phải xét một cách rộng rãi, tha cho tội phạm lầm lẫn".

Lời phê - Thế cũng không phải . Ất Tị, năm thứ 7 (1065). (Tổng, năm Trị Bình thứ 2).

Bính Ngọ, năm Long Chương Thiên Tự thứ 1 (1066). (Tổng, năm Trị Bình thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập con là Kiền Đức làm thái tử. Đại xá.

Nhà vua 40 tuổi, chưa có con trai, thường đi các đền chùa để cầu tự; ngự giá đến đâu, người xem chật đường. Khi đến làng Thổ Lỗi, có người con gái hái dâu đứng tựa vào khóm cỏ lan, nhà vua lấy

làm lạ, cho vời vào cung, lập làm _ Lan phu nhân. Đến khi có mang, sinh hoàng tử Kiền Đức, nhà vua mừng lắm. Ngày hôm sau lập làm thái tử, đổi niên hiệu, đại xá, phong _ Lan phu nhân làm thần phi³⁹⁴, lại gọi là nguyên phi³⁹⁵, đổi làng Thổ Lỗi làm làng Siêu Loại, vì là sinh quán của nguyên phi.

Lời chầu - Làng Siêu Loại: Ở huyện Siêu Loại, tỉnh Bắc Ninh, tức là xã

Thuận Quang bây giờ.

Đinh Mùi, năm thứ 2 (1067). (Tổng, năm Trị Bình thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Nguru Hống và Ai Lao đều tiến cống.

Lễ cống gồm có vàng, bạc, trầm hương, sừng tê, ngà voi.

Lời chua - Nguru Hống: Tên một dân tộc Mán. Theo Hưng Hóa phong thổ ký của Hoàng Trọng Chính³⁹⁶, ngôn ngữ và văn tự của Nguru Hống cũng giống của Ai Lao, Nguru Hống bây giờ thuộc vào bản đồ nước ta, tức là Yên Châu, tỉnh Hưng Hóa.

Ai Lao: Xem Triệu Việt vương, năm thứ 2 (Tb. IV, 9-10).

Sứ nhà Tống sang.

Trước đó, Tống gia phong nhà vua làm khai phủ nghi đồng tam ti; đến

đây, phong làm Nam Bình vương.

Cấp lương bổng cho những quan lại giữ việc hình ngục.

Dùng Ngụy Trọng Hòa và Đặng Thế Tư làm quan Đô hộ phủ sĩ sư, đổi mười người thư gia³⁹⁷ làm án ngục lại³⁹⁸. Cho Trọng Hòa và Thế Tư mỗi năm mỗi người là năm mươi quan tiền, trăm bó lúa, cá và muối đủ dùng. Các ngục lại, mỗi người hai mươi quan tiền và trăm bó lúa. Việc cấp lương bổng này cốt để gây nuôi lòng thanh liêm của họ.

Theo Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, dưới triều Lý, các quan trong triều và ngoài các lộ đều không có lương bổng: quan trong, thỉnh thoảng được vua ban thưởng; quan ngoài, được giao phó cho dân một làng để thu thuế ruộng đất, đầm, ao mà tự cung cấp cho mình. Đến đây, các quan lại giữ việc ngục tụng mới có lương bổng thường.

Lời chua - Đô hộ phủ sĩ tư: Theo phép nhà Đinh trước. Xem Đinh Tiên Hoàng, năm Thái Bình thứ 2 (Chb. I, 4).

Mậu Thân, năm Thiên Huống Bảo Tượng thứ 1 (1068). (Tống, Thần

Tông, năm Hi Ninh thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Châu Chân Đăng dâng con voi trắng.

Nhà vua thấy dâng hai con voi trắng, tự cho là điềm lành, do đó đổi lại niên hiệu.

Lời chua - Châu Chân Đăng: Xem Lý Thái Tông, năm Thiên Thành thứ 6 (Chb. II, 37).

Kỷ Dậu, năm Thần Vũ thứ 1 (1069). (Tống, năm Hi Ninh thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua tự làm tướng đi đánh Chiêm Thành, bắt được chúa Chiêm là Chế Củ đem về.

Bây giờ Chiêm Thành khuấy rối ở nơi biên giới, nhà vua giao cho Nguyên phi trông coi việc nước, tự làm tướng đi đánh, lâu mãi không hạ được, mới rút quân về. Khi đến châu Cư Liên, hay tin Nguyên phi giúp việc nội trị, lòng dân vui vẻ, trong nước được yên, nhà vua khẳng khái nói: "Kìa,

một người đàn bà còn làm được như thế, ta là tài trai mà không hạ được nước Chiêm Thành nhỏ xiu, chẳng hóa ra xoàng lắm ru?". Nhà vua bèn quay lại đánh nữa, kết quả thắng trận, bắt chúa Chiêm là Chế Củ đem về.

Lời phê³⁹⁹ - Bây giờ há lại không có đại thần để cho ở lại giữ nước hay sao? Mà phải đến đàn bà can dự chính sự, để chuốc lấy tiếng khen! Sử nói không đúng sự thực, đại loại như thế đấy! **Tháng 7, mùa thu. Nhà vua đi đánh Chiêm Thành về, làm lễ dâng tù binh ở nhà thái miếu, đổi lại niên hiệu.**

Chúa Chiêm Thành là Chế Củ dâng đất ba châu Địa Lý, Ma Linh và Bố Chính để xin về nước: nhà vua ưng thuận.

Lời chua - Địa Lý: Xưa là đất Việt Thường; đời Hán, thuộc quận Nhật Nam; đời Tống, là châu Địa Lý thuộc Chiêm Thành; nhà Lý đổi là Lâm Bình, nhà Trần đổi là Tân Bình; khi thuộc Minh vẫn để tên như thế; nhà Lê đổi là Tiên Bình. Bây giờ là đất phủ Quảng Ninh thuộc tỉnh Quảng Bình.

Ma Linh: Xưa là đất Việt Thường; đời Hán, thuộc quận Nhật Nam; đời Tống, là châu Ma Linh thuộc Chiêm Thành; nhà Lý đổi là Minh Linh; nhà Trần vẫn để tên như thế; thuộc Minh, đổi là châu Nam Linh; nhà Lê đặt

làm huyện. Bây giờ là đất đai huyện Minh Linh và Do Linh thuộc tỉnh Quảng Trị.

Bố Chính: Xưa là châu Bố Chính; đời Hán là đất huyện Thọ Lãnh thuộc quận Nhật Nam; đời Tống là châu Bố Chính thuộc Chiêm Thành; nhà Lý vẫn để tên như thế; thuộc Minh đổi là châu Trấn Bình; nhà Lê chia làm hai châu Nội Bố Chính và Ngoại Bố Chính. Bây giờ là đất ba huyện Bình Chính, Minh Chính và Bố Trạch thuộc tỉnh Quảng Bình.

Canh Tuất, năm thứ 2 (1070). (Tống, năm Hi Ninh thứ 3).

Mùa xuân. Dựng điện Tử Thần.

Tháng 4, mùa hạ. Hạn hán. Đem tiền và thóc phát chẩn cho dân nghèo.

Tháng 8, mùa thu. Mới lập nhà Văn Miếu.

Tạc tượng Chu Công, Khổng Tử và Tứ Phối⁴⁰⁰ vẽ hình tượng Thất thập nhị hiền⁴⁰¹ bày ở Văn Miếu, bốn mùa tế lễ. Sai Hoàng thái tử tới đó học

tập.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Họ Lý làm vua đến đây đã năm mươi năm, thế mà bây giờ mới thấy tôn thờ thánh hiền, thế chẳng phải là trước trọng đạo Phật rồi sau mới đến đạo Nho đó dư? **Lời chua** - Văn Miếu: Ở phía nam thành Thăng Long, tức là Văn Miếu Hà Nội bây giờ.

Tân Hợi, năm thứ 3 (1071). (Tống, năm Hi Ninh thứ 4).

Từ mùa xuân đến mùa hạ, không mưa.

Nước Chiêm Thành đến dâng lễ cống.

Quy định lễ nộp tiền chuộc tội nhiều ít khác nhau.

Trước đó, Lý Thái Tông đặt ra pháp lệnh: phạm kẻ phạm tội, nếu là dân mà là người già hay trẻ con, nếu là người họ thân nhà vua mà còn phải đề tang nhau từ 9 tháng trở lên, đều được nộp tiền chuộc cả⁴⁰². Đến đây, định lệ lại: phạm người được nộp tiền chuộc tội phải tùy theo tội nặng hay nhẹ

mà bắt nộp tiền nhiều hay ít khác nhau.

Nhâm Tí, năm thứ 4 (1072). (Tháng giêng trở về sau, là triều Lý Nhân Tông hoàng đế, niên hiệu Thái Ninh năm thứ 1. (Tổng, năm Hi Ninh thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Lý Thánh Tông mất.

Nhà vua mất ở điện Hội Tiên; đặt tên thụy là Ứng Thiên sùng nhân chí đạo uy Khánh long tường minh văn duệ vũ hiếu đức thánh thần hoàng đế, miếu hiệu là Thánh Tông, ở ngôi 17 năm, thọ 50 tuổi.

Thái tử Kiên Đức lên ngôi, đổi niên hiệu mới (tức là Lý Nhân Tông).

Tôn mẹ già (đích mẫu) là Thượng Dương thái hậu Dương thị làm hoàng thái hậu, mẹ đẻ là _ Lan nguyên phi (không rõ họ là gì) làm hoàng thái phi. Thái hậu buông rèm⁴⁰³, ngồi bên trong, nghe bày tâu bày và quyết đoán mọi việc chính sự.

Nhà vua mới bảy tuổi, thái hậu buông mình cùng tham dự chính sự. Thái sư Lý Đạo Thành làm phụ chính.

Lời chua - Đạo Thành: Người huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh.

Tháng 4, mùa hạ. Tha cho tù phạm còn bị giam cứu.

Nhà vua bắt đầu ra coi châu, hạ lệnh thả cả những tù binh còn giam ở Đô hộ phủ.

Lời chua - Đô hộ phủ: Xem Đinh Tiên Hoàng, năm Thái Bình thứ 2 (Chb. I, 4).

Năm Quý Sửu (1073). Lý Nhân Tông hoàng đế, năm Thái Ninh thứ 2. (Tổng, năm Hi Ninh thứ 6). Mưa dầm mãi không tạnh (không rõ tháng nào).

Nhà vua sai làm lễ ở chùa Pháp Vân và đền thờ núi Tản Viên để cầu được

tạnh nắng.

Lời chua - Chùa Pháp Vân: Ở thôn Văn Giáp, huyện Thượng Phúc thuộc Hà Nội⁴⁰⁴. Tương truyền một hôm, mưa gió sấm sét âm âm, cây đa bị đổ; người thôn ấy lấy gỗ đa tạc tượng⁴⁰⁵ rồi dựng chùa thờ, nên gọi là chùa Pháp Vân.

Núi Tản Viên: Ở huyện Bất Bạt tỉnh Sơn Tây. Đền thờ thần Tản Viên ở trên đỉnh núi. Tương truyền: Thần núi ấy là Hương Lang, tức là một trong năm mươi con Lạc Long Quân theo mẹ về miền núi.

Giam cầm rồi giết chết hoàng thái hậu Dương thị; tôn hoàng thái phi làm Linh nhân hoàng thái hậu.

Thái phi thấy một mình Dương thái hậu được tham dự chính sự, đem lòng bất bình, nói với vua rằng: "Mẹ đây khó nhọc mới có ngày nay, bây giờ để cho người khác ngồi hưởng phú quý, thì đặt mẹ ở địa vị nào?". Nhà vua còn nhỏ tuổi, không biết phân biệt thế nào là phải, bèn giam cầm Dương thị ở cung Thượng Dương, bắt ép phải chết để chôn theo ở lăng vua Thánh Tông, rồi tôn Thái phi làm hoàng thái hậu.

Lời phê - Xem thế thì biết trước đây nói Nguyên phi giúp được việc nội trị, rõ không phải là _ Lan. Còn Dương thị, dưới thời Thánh Tông, cũng không thấy được lập làm hoàng hậu; hoặc giả là do sử chép thiếu sót? Danh phận vợ cả với vợ thứ không được phân minh: thực đáng giận! **Sứ nhà Tống sang.**

Nhà Tống sách phong nhà vua làm Giao Chỉ quận vương.

Giáng truất Thái sư Lý Đạo Thành xuống làm Tả gián nghị đại phu⁴⁰⁶, cho ra làm Tri châu Nghệ An.

Đạo Thành đến châu Nghệ An, lập viện Địa Tạng, đặt thần vị Lý Thánh Tông, sớm hôm thờ cúng.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Giam cầm giết chết Dương hậu là một tội lớn. Đạo Thành bị giáng ra trấn thủ ở ngoại châu, biết đâu không phải vì có đã nói đến việc đó! **Lời phê⁴⁰⁷** - Lời nói đoán chừng! **Giáp Dần, năm thứ 3 (1074). (Tống, năm Hi Ninh thứ 7).**

Mùa xuân. Chim sẻ trắng đậu sân cung cấm.

Lời bàn của Nguyễn Nghiễm ở Tiên Điền - Chim sẻ trắng là vật nhỏ mọn, thể mà sử thần cũng chép. Đó chừng bấy giờ có ý khoe khoang về sự này. Về sau, nào rồng vàng, nào hươu đen, nào phượng đẹp, nào rùa lạ, nảy ra nhan nhản đều mở đầu từ đây⁴⁰⁸. Lại dùng Lý Đạo Thành làm Thái phó Bình chương quân quốc trọng sự⁴⁰⁹.

Đạo Thành là người thẳng thắn, mỗi khi dâng tấu sớ thì thể nào cũng nói đến sự lợi hay hại ở dân gian. Đối với quan lại nào là người hiền tài, ông đều cất dùng. Đời bấy giờ rất kính trọng ông.

Xuống chiếu cho các công thần từ tám mươi tuổi trở lên khi vào chầu, được chống gậy và ngồi ghế.

Ất Mão, năm thứ 4 (1075). (Tống, năm Hi Ninh thứ 8).

Bắt đầu khảo thi học trò bằng ba kỳ thi⁴¹⁰.

Tuyển lấy những người minh kinh bác học và thi nho học bằng ba kỳ thi⁴¹¹. Lê Văn Thịnh đỗ đầu, được lựa vào hầu vua học tập. Khoa cử nước ta bắt đầu từ đây.

Theo sách **Danh tiết lục** của Trần Ký Đăng, Văn Thịnh người làng Đông Cứu, huyện Gia Định, tính ham học. Bây giờ chưa có khoa cử, dầu ai thông minh lanh sáng đến đâu cũng phải do đường Phật giáo mà được lựa chọn đề bạt; riêng có Văn Thịnh chăm đọc các sách. Đến đây, mở khoa thi, hơn 10 người trúng tuyển, Văn Thịnh đỗ đầu. Đời truyền rằng họ Lê (Văn Thịnh) là người khai khoa đầu tiên.

Lời chua - Gia Định: Bây giờ là huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Ba kỳ thi (tam trường): **Thế thức văn thi thế nào, không khảo được.**

Mồng 1, tháng 8, mùa thu. Nhật thực.

Sai Lý Thường Kiệt đi đánh Chiêm Thành, không được, kéo quân về.

Chiêm Thành khuấy rối ở nơi biên giới. Nhà vua sai Thường Kiệt đi đánh, không được. Thường Kiệt vẽ bản đồ hình thế núi sông ở ba châu Bố Chính, Ma Linh, và Địa Lý, rồi kéo quân về.

Lời chua - Thường Kiệt: Người phòng Thái Hòa, thành Thăng Long.

Bố Chính, Ma Linh, Địa Lý: **Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29).**

Lời phê - Thì ra bây giờ Chiêm Thành tuy đã dâng đất ba châu, nhưng triều Lý chưa đặt quan cai trị hay sao? **Đổi Địa Lý làm châu Lâm Bình, Ma Linh làm châu Minh Linh, mộ dân đến ở.**

Địa Lý và Ma Linh là đất mà Chế Củ đã hiến.

Dùng Lý Thường Kiệt làm Thái úy.

Tháng 11, mùa đông. Sai bọn Lý Thường Kiệt đem đại binh sang đánh

nhà Tống, phá được Khâm Châu và Liêm Châu.

Nhà Tống từ khi Vương An Thạch lên cầm quyền, thường muốn lập công ở ngoài biên giới. Tiêu Chú, tri châu Ung Châu, đón biết ý An Thạch, dâng thư nói Giao Châu dầu giữ lễ triều cống, nhưng thực vẫn hai lòng, nếu nay bỏ lỡ không đánh lấy đi, chắc sẽ để lo về sau. Vua Tống tin lời, liền xuống chiếu cho Tiêu Chú lo việc ấy. Tiêu Chú lấy làm khó. Gặp bấy giờ có độ chi phán quan là Trần Khởi dâng thư nói không có lý gì không thể lấy được Giao Châu. Nhà Tống mới cho Trần Khởi làm tri châu Quế Châu. Trần Khởi nhận lĩnh ý chỉ do An Thạch dặn bảo, chuyên để ý tấn công khuấy rối nước ta. Khi Trần Khởi bị bãi, Lưu Di lên thay, biên xét hộ tịch các dân ở khê đô động, sửa qua thuyền⁴¹², để mưu sang lấn cướp. Nhà Tống lại nghiêm cấm các châu, các huyện không được trao đổi mua bán với ta. Nhà vua đưa thư sang Tống, thì Lưu Di lại dìm đi. Ngài giận lắm, sai bọn Lý Thường Kiệt, Tôn Đản thống lĩnh hơn 10 vạn quân, chia đường sang đánh Tống.

Quân Thường Kiệt đến Khâm Châu, Liêm Châu: tấn công và phá được.
Quân Tống chết mất tám nghìn (8.000) người.

Bấy giờ Tôn Đản sang đánh Ung Châu, đô giám tỉnh Quảng Tây là Trương Thủ Tiết đem quân đến cứu, Thường Kiệt đón đánh ở cửa ải Côn

Luân, phá tan được địch, chép Thủ Tiết tại trận.

Lời cần án - Sử cũ chép tháng 2 năm ấy (Ất Mão, 1075), Thường Kiệt sang đánh nhà Tống, phá được Khâm Liêm. Tôn Đản vây Ung Châu hơn 40 ngày, phá được thành, nay theo sử **Cương mục tục biên** (Trung Quốc) thì tháng 11 mùa đông năm Ất Mão (1075), Giao Chỉ đem đại binh vào lần cướp, phá Khâm Châu và Liêm Châu. Tháng giêng, mùa xuân, năm Bính Thìn (1076), phá Ung Châu. Như vậy thì việc sang đánh Tống là bắt đầu từ mùa đông, năm Ất Mão (1075); việc phá được Khâm, Liêm là vào tháng 11, việc phá được Ung Châu là vào tháng giêng năm Bính Thìn (1076). **Sử cũ** chép lầm, nay xin đính chính. Lại xét: theo sử **Cương mục tục biên** và sách **Giao Chỉ di biên** thì tháng 11 mùa đông, năm Ất Mão (1075), đi đánh Tống, kẻ tội nhà Tống. Thế thì việc kẻ tội nhà Tống là việc năm Ất Mão ấy, chứ không phải việc năm Đinh Tị (1077). **Sử cũ**, ở chỗ tháng 2, mùa xuân, năm Đinh Tị, chép: lại đem đại binh sang đánh Tống và kẻ tội của Tống. Thế là một việc mà chép làm hai, việc ở năm này chép lẫn sang năm sau. Nay xin đính chính. **Lời chua - Ung Châu: Xem Đinh Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chb. I, 14).**

Giao Châu: **Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb. IV, 19).**

Quế Châu: **Xem Lý Thái Tông, năm Sùng Hưng đại bảo thứ 5 (Chb. III,**

19).

Khâm Châu: Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 10 (Chb. III, 36).

Liêm Châu: Tức Thái Bình quân. Xem Lê Đại Hành, năm Hưng Thống thứ 2 (Chb. I, 43).

Cửa Côn Luân: Xem Lý Thái Tông, năm Sùng Hưng đại bảo thứ 5 (Chb. III, 19).

Bính Thìn, năm Anh Vũ Chiêu Thắng thứ 1 (1076). (Tổng, năm Hi Ninh thứ 9).

Tháng giêng, mùa xuân. Tôn Đản phá được thành Ung Châu nhà Tống, giết sạch cả dân trong thành.

Tôn Đản vây Ung Châu hơn bốn mươi ngày; Tri châu Tô Giam đóng cửa thành cố giữ. Đến đây, quan quân xếp bao đất sát vào thành làm bậc thang mà leo lên: thành bị hạ. Tô Giam bắt ba mươi sáu người trong nhà hãn

phải chết trước, hấn đem xác vùi cả xuống hố, rồi tự mình chết. Người trong thành cảm phục cao nghĩa của Tô Giam, không một ai chịu đầu hàng. Quan quân giết sạch số dân trong thành đến hơn năm vạn tám nghìn người cộng với số người bị chết ở Khâm, Liêm, tất cả tới mười vạn. Bọn Thường Kiệt bắt lấy người ba châu làm tù binh rồi kéo quân về. Việc này lên đến vua Tống, vua Tống truy tặng Tô Giam là Phụng quốc Tiết độ sứ.

Tháng 4, mùa hạ. Có ân xá.

Vì có đổi niên hiệu là Anh Vũ Chiêu Thắng.

Hạ chiếu trưng cầu lời nói thẳng.

Lập nhà Quốc Tử Giám; tuyển trong các văn thần lấy những người có văn học, bổ vào đó.

Lựa chọn nhân sĩ trong nước lấy những người có tài văn, võ, phân phối đi cai quản quân và dân.

Tháng 12, mùa đông. Quân nhà Tống sang xâm lược, chiếm lấy các châu ở Quảng Nguyên rồi rút về.

Trước đó, bọn Thường Kiệt đem quân sang đánh nhà Tống, có làm bài lộ bố⁴¹³, đại ý nói: Nhà Tống thi hành phép thanh miếu⁴¹⁴ và trợ dịch⁴¹⁵ làm cho dân Tống phải ngậm đắng nuốt cay! Ta nay đẩy quân là cốt để sang cứu vớt dân chúng". Phàm những thành ấp nào mà quân của Thường Kiệt đi qua, đều được niêm yết bài lộ bố ấy ở bên đường. Kịp khi Ung Châu và Liêm Châu bị phá, An Thạch hay tin, giận lắm, bèn dùng Quách Quỳ làm Chiêu thảo sứ, Triệu Tiết làm Phó sứ, cầm đầu chín tướng quân, ước hẹn các nước Chiêm Thành và Chân Lạp cùng sang lấn cướp.

Nhà vua sai Thường Kiệt đem quân đón đánh, đến sông Như Nguyệt, đánh nhau kịch liệt, Thường Kiệt cả phá được địch: quân Tống chết đến hơn nghìn người, phải rút lui. Đến đây, bọn Quách Quỳ lại đem quân tiến về phía tây, kéo thẳng đến sông Phú Lương. Quan quân ta bơi thuyền đón đánh: quân Tống không sang được, mới chặt gỗ làm chiến cụ, đặt máy bật đá, liệng xuống như mưa. Thuyền bên ta đều bị hư nát, quan quân ta lại bị quân Tống đánh úp, chết đến vài nghìn người. Do vậy nhà vua phải sai sứ đến doanh trại quân Tống xin hòa để cầu nhà Tống hoãn lại việc binh. Lúc ấy người Tống đi sâu vào nơi lam chướng, tám vạn quân sĩ chết mất quá nửa, lại thêm nổi đóng quân mãi ở bờ sông, không vượt sang sông được, bèn ưng theo lời xin, rút lui, chiếm lấy các châu Quảng Nguyên, Tư Lang,

Tô Châu, Mậu Châu và huyện Quang Lang rồi kéo quân về.

Lời cần án - Theo sử **Cương mục tục biên** (Trung Quốc), tháng 2 năm ấy¹, nhà Tống dùng Quách Quỳ làm chiêu thảo sứ, Triệu Tiết làm phó sứ. Tháng 12, mùa đông, quân Tống kéo đến sông Phú Lương, chiếm lấy các châu ở Quảng Nguyên. Thế thì Triệu Tiết là phó tướng của Quách Quỳ. Còn việc kéo quân đến sông Phú Lương, chiếm lấy châu Quảng Nguyên là việc ở tháng 12, năm Bính Thìn (1076). **Sử cũ** lại chép vào tháng 3; đến tháng 12, năm Đinh Tị (1077) lại chép Triệu Tiết nhà Tống sang xâm lấn, không đánh được, rút về. Thế là **Sử cũ** cho việc tháng 12 năm Bính Thìn (1076) làm việc tháng 12 năm Đinh Tị (1077), lại cho việc tháng 12 làm việc tháng 3: trước sau lầm lẫn như vậy đó. Nay xin đính chính. **Lời chừa** - Quảng Nguyên: Xem Lý Thái Tông, năm Thông Thụy thứ 5 (Chb. II, 43).

Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb. III, 20- 22).

Chân Lạp: Xem thuộc Đường Tuyên Tông, Đại Trung thứ 12 (Tb. IV, 39).

Sông Như Nguyệt: Ở phía đông bắc huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Gần đây có xã Như Nguyệt nên gọi tên như vậy.

Sông Phú Lương: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. III, 13).

Tư Lang: Xem Lý Thái Tông, năm Kiền Phù hữu đạo thứ 3 (Chb. II, 3).

Tô Châu, Mậu Châu: Chừng ở địa phận hai tỉnh Lạng Sơn và Cao Bằng ngày nay, nhưng thay đổi ra sao, không khảo được.

Quang Lang: Tên huyện. Nhà Lý gọi là huyện Quang Lang; nhà Trần gọi là châu Khưu Ôn; khi thuộc Minh gọi là Ôn Huyện; nhà Lê gọi là Ôn Châu, tức là Ôn Châu tỉnh Lạng Sơn bây giờ.

Đinh Tị, năm thứ 2 (1077). (Tổng, năm Hi Ninh thứ 10).

Tháng 2, mùa xuân. Thi lại viên.

Thi bằng phép viết, phép tính và hình luật. Ai trúng tuyển thì được bổ.

Mậu Ngọ, năm thứ 3 (1078). (Tống, năm Nguyên Phong thứ 1).

Thành này đắp từ năm Thuận Thiên thứ 5 (1014), đến đây sửa lại.

Lời cần án - Đại La là tên thành cũ từ thời Cao Biền, Lý Thái Tổ đã đổi gọi là Thăng Long . **Sử cũ** cứ theo tên cũ chép là "thành Đại La" thì nhầm, nay xin đính chính . **Lời chua** - Thành Thăng Long: **Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. II, 10).**

Sai sứ sang nhà Tống.

Sai Đào Nguyên đem năm thớt voi thuần thuộc sang tặng nhà Tống; lại dâng biểu xin những châu huyện bị mất và những dân bị bắt ngày trước, vua Tống không cho. Nhà vua hẹn sẽ trả lại nhà Tống số người ba châu mà trước đây đã bị ta bắt, vua Tống bấy giờ mới y theo lời thỉnh cầu.

Lời chua - Ba Châu: Khâm, Liêm và Ung, đều thuộc tỉnh Quảng Đông.

Kỷ Mùi, năm thứ 4 (1079). (Tổng, năm Nguyên Phong thứ 2).

Mùa xuân. Thả cho về nước những người Tống đã bị bắt làm tù binh.

Trước đó, nhà Tống đòi ta giao trả một nghìn người bị bắt; đến đây, ta thả cho về hai trăm hai mươi một người mà thôi. Đàn ông từ 15 tuổi trở lên thì thích vào trán là: "Thiên tử binh"⁴¹⁶ 20 tuổi trở lên thì thích là "Đầu Nam Triều"⁴¹⁷; phụ nữ thì thích vào tay trái là "Quan khách". Dùng thuyền chở đi, nhưng trát bùn kín cả cửa và cửa sổ, trong thuyền thắp đèn đuốc, mỗi ngày chỉ đi độ một hai dặm thôi; vài tháng trời mới đến nơi. Có ý tỏ rằng đường biển xa khơi là thế.

Lời cần án - Sử Cương mục tục biên (Trung Quốc) chép rằng: Tháng 9, mùa thu, năm Nguyên Phong thứ 1 (Mậu Ngọ, 1078) triều Tống; Giao Chỉ dâng biểu xin lại những đất đã mất, nhà Tống không ưng thuận. Chưa được bao lâu, Kiên Đức³ trả lại những dân bị bắt ngày trước. Tống bèn ban cho Thuận Châu⁴. Sách **An Nam chí** của Cao Hùng Trưng chép rằng: năm Nguyên Phong thứ 1 (1078), Giao Chỉ vào cống, thỉnh cầu trả lại các châu Quảng Nguyên; nhà Tống hẹn rằng hễ trả lại số dân bị bắt trước đó thì sẽ làm theo lời xin. Qua năm sau, nhà Lý đem trả lại những người ba châu⁵; nhà Tống mới trả lại Thuận Châu. Như thế thì việc giao trả những người ba châu bị bắt là việc đáng phải ở vào năm này (Kỷ Mùi 1079), mà

việc nhà Tống trả châu Quảng Nguyên lại ở vào sau việc ta giao trả tù binh của Tống. Nhà Tống bấy giờ dần suy yếu, nhưng đâu có chịu trước trả đất cho ta để cầu xin ta trả lại tù binh? **Sử cũ** chép năm ấy (Kỷ Mùi 1079), nhà Tống trả lại Thuận Châu: đến Tân Dậu, năm thứ 66, chép rằng trao trả nhà Tống quân và dân ba châu đã bị ta bắt, vì có Tống đã trả lại cho ta châu Quảng Nguyên rồi. Thế thì ghi chép thất thực, nay xin đính chính. **Mura đá**.

Được mùa.

Nhà Tống trả lại châu Quảng Nguyên.

Trước đây, bọn Quách Quỳ sang xâm lấn các châu Quảng Nguyên đều mất về tay nhà Tống, Tống đổi Quảng Nguyên làm Thuận Châu, sai quan sang cai trị, hằng năm, trong số ba nghìn lính thú, chết đến năm sáu phần mười. Kịp khi ta trả lại tù binh ba châu cho Tống thì vua Tống nói: "Thuận Châu là nơi lam chướng, dầu được cũng không lợi gì, há lại nên dồn quân lính vào chỗ chết ư?". Bèn trả lại cho ta.

Châu Quảng Nguyên sản nhiều vàng. Người Tống có câu thơ rằng: "Nhân tham Giao Chỉ tượng, khước thất Quảng Nguyên kim⁴²²!".

Canh Thân, năm thứ 5 (1080). (Tổng, năm Nguyên Phong thứ 3).

Tháng 8, mùa thu. Nhà vua xem bơi chải.

Tân Dậu, năm thứ 6 (1081). (Tổng, năm Nguyên Phong thứ 4).

Tháng 10, mùa đông. Thái phó Lý Đạo Thành mất.

Đạo Thành lấy tư cách là đại thần cùng họ với nhà vua, giúp chúa thơ ấu, từ chính sự trong triều đình đến kế hoạch nơi biên giới, ông có nhiều điều xây dựng sáng suốt; đến đây, ông mất, ai cũng thương tiếc.

Nhâm Tuất, năm thứ 7 (1082). (Tổng, năm Nguyên Phong thứ 5).

Mùa xuân. Gả công chúa Khâm Thánh cho châu mục châu Vị Long là Hà Di Khánh.

Lời chua - Châu Vị Long: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 4 (Chb. II, 16).

Quý Hợi, năm thứ 8 (1083). (Tống, năm Nguyên Phong thứ 6).

Mùa xuân. Tuyển lính.

Tuyển trong hạng hoàng nam lấy những người khỏe mạnh, can đảm, đặt làm ba bậc.

Lời chua - Hoàng nam: Xem Lý Thái Tông, năm Minh Đạo thứ 1 (Chb. III, 5).

Giáp Tí, năm thứ 9 (1084). (Tống, năm Nguyên Phong thứ 7).

Tháng 6, mùa hạ. Sai Lê Văn Thịnh sang bên Tống, bàn định việc cương giới.

Bấy giờ, bờ cõi giữa nước ta và nhà Tống chưa được ngã ngũ. Nhà vua sai Binh Bộ thị lang⁴²³ Lê Văn Thịnh sang Tống để hội nghị, nhà Tống trả lại ta 6 huyện và 3 động.

Theo Danh tiết lục của Trần Ký Đăng, Lê Văn Thịnh sang Quảng Tây, hội nghị với tuần kiểm ti nhà Tống, là Thành Trác. Văn Thịnh thường giữ thái độ mềm dẻo, từ từ lấy lý lẽ mà giải thích, và nói "kẻ bồi thần⁴²⁴ này không dám tranh giành". Vua Tống khen là biết cung kính, biết lẽ phải, bèn hạ chiếu trả lại cho ta 6 huyện Bảo Lạc và 6 động Túc Tang.

Lời cần án - Theo sử **Cương mục tục biên** (Trung Quốc) và sách **Giao Chỉ di biên**, quân Tống sang xâm lược, chiếm lấy các châu Quảng Nguyên, Tư Lang, Tô Châu, Mậu Châu và huyện Quang Lang, rồi đổi Quảng Nguyên làm Thuận Châu. Kịp khi nhà Lý trả lại những dân bị bắt thì mới trao trả Thuận Châu. Về sau, khi định lại cương giới, Tống trả lại ta 6 huyện, 3 động. So với **Sử cũ** trên chép nhà Tống trả Thuận Châu, đến đây chép nhà Tống trả 6 huyện 3 động, mà không nói rõ huyện nào động nào, thì hai chỗ chép cũng hơi giống nhau. Nay xét: Về châu Tư Lang và huyện Quang Lang không thấy các sách nói đến việc trả lại, mà từ đời Tống Thần Tông (1069-1085) trở về sau, hai châu ấy đã thuộc về đất nhà Lý rồi, hay là sau khi nhà Tống đổi Quảng Nguyên làm Thuận Châu, thì gộp cả Tư Lang và Quang Lang mà chia đặt làm huyện, làm động, vậy 6 huyện và 3 động nói đó đều là đất ấy chăng? Ban đầu, Tống chỉ trả Thuận Châu,

đến đây, định rõ cương giới, bấy giờ mới trả lại hết, thế còn có lý, chứ nếu cứ trở vào 6 huyện Bảo Lạc và 6 động Túc Tang, thì người Tống chưa hề xâm chiếm, việc gì mà phải trả lại ta? Huống chi trả lại chỉ có 3 động, mà Trần Kỳ Đằng lại cho là 6 động, không biết bằng cứ vào đâu! Vậy hãy cứ chép lại đây để sẽ khảo sau. **Lời chua - Bảo Lạc: Thuộc tỉnh Tuyên Quang; tức là huyện Vĩnh Điện và huyện Đẻ Định bây giờ.**

Sáu động Túc Tang: **Không khảo được.**

Ất Sửu, năm Quảng Hựu thứ 1 (1085). (Tống, năm Nguyên Phong thứ 8).

Gia phong Lê Văn Thịnh làm Thái sư.

Bính Dần, năm thứ 2 (1086). (Tống Triết Tông, năm Nguyên Hựu thứ 1).

Mùa xuân. Nguyễn Viễn dâng con rùa sáu chân.

Trên lưng con rùa này có hình đồ thư. Sau việc này, có nhiều người hay đem rùa lạ đến dâng.

Tháng 8, mùa thu. Tuyển lấy những người có văn học, sung vào Hàn lâm viện.

Thi những học trò có văn học trong cả nước. Ai đậu thì được bổ dùng. Mạc Hiến Tích đỗ đầu, được bổ làm Hàn lâm học sĩ.

Lời chua - Hiến Tích: Người làng Long Động, huyện Chí Linh⁴²⁵.

Đinh Mão, năm thứ 3 (1087). (Tổng, năm Nguyên Hựu thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Bắt đầu làm Bí thư các.

Sứ nhà Tống sang.

Tổng Triết Tông mới lên ngôi, gia phong nhà vua làm Nam bình vương.

Tháng 10, mùa đông. Mở yến tiệc thết các bầy tôi tại chùa Lãm Sơn.

Năm Quảng Hựu thứ 2 (1086), làm chùa này; đến đây ngự giá đến chơi, đêm mở yến tiệc thết quần thần. Nhà vua có làm thơ "Lãm sơn dạ yến".

Bấy giờ lại chia đặt ra các chùa trong nước làm ba hạng: đại danh lam, trung danh lam, tiểu danh lam. Chùa thì có điền nô⁴²⁶ kho chứa đồ vật. Dùng quan văn cấp cao kiêm làm chức Đề cử⁴²⁷.

Lời chùa - Chùa Lãm Sơn: Ở xã Lãm Sơn, huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh.

Mậu Thìn, năm thứ 4 (1088). (Tống, năm Nguyên Hựu thứ 3).

Ban hiệu quốc sư cho thầy chùa là Khô Đầu.

Nhà vua sùng đạo Phật, tôn thầy chùa làm quốc sư, thường bàn hỏi về việc nước. Ấy cũng như Lê Đại Hành đối với Ngô Khuông Việt.

Lời chua - Khô Đầu: Không rõ là tên hay hiệu của nhà sư.

Kỷ Tị, năm thứ 5 (1089). (Tống, năm Nguyên Hựu thứ 4).

Tháng 3, mùa xuân. Quy định các chức của bách quan.

Đặt rõ tên gọi các chức của quan văn, quan võ, quan phụ thuộc và các tạp lưu.

Lời căn án - Sách Lịch triều hiến chương, Chức quan chí, của Phan Huy Chú, chép rằng: Xét quan chế triều Lý, đại lược thế này: Phẩm trật các hàng quan văn quan võ đều có chín bậc. Tam thái⁴, tam thiếu⁵ Thái úy, nội ngoại hành điện đô trị sự, Kiểm hiệu Bình chương sự, đều là trọng chức về văn võ đại thân cả. Hàng quan văn thì có: bộ thượng thư, tả hữu tham tri, tả hữu gián nghị, trung thư, thị lang, bộ thị lang, tả hữu Ti lang trung, Thượng thư sảnh viên ngoại lang, đông tây cấp môn sứ, tả hữu phúc tâm, Nội thường thị, Phủ sĩ sư, Điện học sĩ, Hàn lâm học sĩ, vệ đại phu, chư hòa thư gia⁶, Thừa trực lang, Thừa tín lang, đều là các chức quan trong. Lại có Tri phủ, Phán phủ, Tri châu đều là các chức quan ngoài. Hàng võ thì có: Đô thống, Nguyên súy, Tổng quản, Xu mật sứ, Xu mật tả

hữu sứ, Tả hữu kim ngô, Thượng tướng, Đại tướng, Đô tướng, tướng quân các vệ⁷, chỉ huy sứ, vũ vệ, hỏa đầu, các binh tào Vũ Tiệp và Vũ Lâm, đều là những chức quan trọng. Lại có quan binh và Trấn thủ các lộ, các trấn, các trại; đó đều là những chức quan ngoài. Còn như phẩm trật và cấp bậc ra sao không thể khảo tường tận được. **Lời chua** - Chư hỏa thư gia: **Tên chức quan**, như là Nội hỏa thư gia, Chi hậu thư gia, Nội thư gia, Lệnh thư gia, vân vân... Còn "Chư hỏa" thì chưa rõ.

Các vệ: Uy vệ, Kiêu vệ, Định Thắng vệ.

Đào sông Lãnh Kinh.

Lời chua - Lãnh Kinh: Theo Dư địa chí của Nguyễn Trãi, sông Lãnh Kinh thuộc tỉnh Thái Nguyên nay chưa biết đích ở chỗ nào.

Canh Ngọ, năm thứ 6 (1090). (Tống, năm Nguyên Hựu thứ 5). Làm cung Hợp Hoan.

Lời bàn của Ngô [Thị] Sĩ - Lý Nhân Tông xây dựng cung điện lâu đài đến năm lần⁴²⁸, cung Hợp Hoan này là một, chắc không khỏi làm nhọc sức dân. Tân Mùi năm thứ 7 (1091). (Tống, Nguyên Hựu thứ 6). Mùa xuân.

Nhà vua lên Lạng Sơn, xem săn voi.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Lý Nhân Tông xem bắt voi đến ba lần: Năm này⁴²⁹ đi Lạng Sơn; năm Hội Tường thứ 10⁴³⁰ đi Khoái Trường; năm Thiên Phù duệ vũ thứ 4⁴³¹ đi Long Thủy Hiệp: đều là đi du ngoạn cả. Lời chua - Lạng Sơn: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 31).

Núi Long Thủy Hiệp: Ở châu Đà Bắc thuộc Hưng Hóa, tức là núi Long Môn bây giờ.

360 Ta gọi đây là phướn, làm bằng vải hoặc bằng tơ, thân phướn hình chữ nhật đứng, nhỏ bản mà dài, lòng phướn có những chữ như "Nam vô A di đà phật", đuôi phướn có mấy dải dài lê thê trông như đuôi điều. Có hai hạng: hạng lớn, treo ở gian giữa chùa thẳng từ dưới cái nóc rủ xuống; hạng nhỏ, mắc vào cán tre để các bà vải cầm trong những khi đi rước Phật hoặc đi đưa đám tang, niệm Phật.

361 Chỉ niên hiệu Minh Đạo.

362 Một niên hiệu của Tống Nhân Tông, từ 1032 đến 1033.

363 Người coi kho.

364 Sổ bìa vàng.

365 Tức dưới 18 tuổi.

366 Người bị bệnh hao mòn, thân thể gầy yếu, đi đứng không vững.

367 Hình luật cũ có mười tội ác sau đây hễ ai phạm vào thì không được tha: 1) âm mưu phản quốc; 2) âm mưu làm việc đại nghịch (giết vua, giết cha); 3) âm mưu phản bội; 4) hung ác bạo nghịch; 5) bắt đạo đức; 6) đại bất kính; 7) bất hiếu với cha mẹ; 8) không hòa thuận với anh em; 9) bất nghĩa; 10) loạn luân.

368 Theo quan chế nhà Chu, Thái bảo thuộc hàng tam công. Thời Lý đặt ra để làm danh hiệu gia thêm cho các trọng thần, không phải là những chức làm việc.

369 Chỉ việc trình bày ý kiến đi đánh Chiêm Thành.

370 Xem đoạn sử sau đây chép việc quân thần tâu bày về cái mộc của Lý Thái Tông tự nhiên rung động.

371 Chỉ việc đi đánh Chiêm Thành, giết người, bắt phụ nữ.

372 Chỉ Lý Cao Tông. Xem thêm Chb. V, 28.

373 Chữ "lợi", theo Hán văn, cũng âm là "ly", nhưng vì kiêng húy lâu ngày, đọc quen là "lợi", nên nay cũng phiên âm là "lợi", cho dễ hiểu.

374 Mỗi lễ thời xưa: sau khi thắng trận, về uống rượu ăn mừng ở nhà thờ tổ tiên.

375 Ba hạng tội lưu: 1) Đày đi cận châu (như Nghệ An, Thanh Hóa, ...); 2) Đày đi ngoại châu (như châu Bố Chính); 3) Đày đi viễn châu (như châu

Tân Bình, ...).

376 Xã là thần Đất hay nền tế thần Đất. Tắc là thần Ngũ Cốc hay nền tế thần Ngũ Cốc. Xưa, người ta thường gọi quốc gia là xã tắc. Cho nên, xã tắc, ngoài việc dùng để thờ cúng, còn có tác dụng làm tượng trưng cho một nước.

377 Một chức quan chỉ huy trong quân đội, đứng ở hàng tam phẩm.

378 Quảng Đông và Quảng Tây.

379 Xem chú thích ở Chb. I, 42.

380 Nay là Vân Nam.

381 Chi việc cho quân đi cứu viện Trí Cao.

382 Người của Nùng Trí Cao.

382 Cương mục in là "Triệu Việt vương" (thừa chữ Việt).

383 Đằng Châu đây là đất Trung Quốc, nay là Đằng huyện thuộc Quảng Tây chứ không phải là Hưng Yên ở Việt Nam như sử Cương mục đã chưa lầm.

384 Chỗ ở của một người con vua được lập làm thái tử, sau sẽ lên ngôi vua. Theo Thần dị kinh, ngoài Biển Đông, có núi Đông Minh, trên núi có cung điện xây bằng đá xanh, có biển đề sáu chữ "Thiên địa trưởng nam chi cung", (cung điện con trai trưởng của trời đất), vì thế mới gọi thái tử là "đông cung".

385 Phê phán câu trong sử Ngô Thì Sĩ nói việc này là do Lý Thánh Tông làm theo chí trước của cha.

386 Thứ mũ có từ đời Đường: Ban đầu làm bằng the lượt, sau vì thấy nó mềm nát, nên làm cốt bằng nan gỗ. Kiểu mũ phốc đầu, người ta cho là Ngự Triều Ân (hoạn quan đời Đường Đại Tông, 763-779) chế ra trước: ban đầu bốn góc mũ có tai, hai tai vênh về phía trước và hai tai vênh về phía sau. Về sau, làm hai tai ngang ra, có dây thép đỡ cho cứng (tức là kiểu mũ cánh chuồn).

387 Quân chính quy.

388 Quân chuyên bắn cung.

389 Đoàn quân ky.

390 Chiến đấu trong khi đóng giữ.

391 Chiến đấu trong khi tấn công.

392 Chỉ việc nhà Tổng phỏng theo binh pháp nhà Lý.

393 Chỉ việc nhà Lý bắt chỉ huy sứ của Tống mà không thả về.

394 Thần phi là quý phi của vua; Nguyên phi là một người phi đứng đầu các hàng phu nhân. Theo chế độ phong kiến, trong các vợ của vua có nhiều cấp bậc: vợ cả gọi là hoàng hậu, dưới hoàng hậu có ba người vợ nữa gọi là "phi" hoặc "phu nhân", v.v...

395 -nt-

396 Hoàng Trọng Chính, người đời Hậu Lê, làm đến Đốc đồng (theo lời Tựa của Phạm Thận Duật trong quyển Hưng Hóa ký lược).

397 Người giữ việc biên chép giấy tờ sổ sách công.

398 Người giúp việc xét hỏi về các ngục tụng.

399 Chỉ việc Nguyên phi trông coi việc nước.

400 Bốn vị được phối hưởng trong khi cúng tế: Nhan tử, Tăng tử, Tử tư, Mạnh tử, đều là bậc hiền triết xưa của Trung Quốc, nối tiếp truyền thống đạo nho.

401 Bảy mươi hai người học trò của Khổng Tử đều có tiếng hiền tài.

402 Xem thêm Chb. III, 5.

403 Nguyên văn là "thủy liên". Chế độ phong kiến, lúc vua nối ngôi còn bé, thì ở triều đường có buồng bức màn, thái hậu ngồi trong màn, nghe quần thần tâu bày và quyết đoán chính sự trong nước. Vì theo lễ giáo phong kiến đàn bà không được ra triều đường, hội kiến quần thần, nên phải ngồi che khuất bằng tấm màn màn.

404 Chùa Pháp Vân (còn gọi là chùa Dâu) ở xã Khương Tự, huyện Siêu Loại, nay là xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Còn chùa Pháp Vũ (còn gọi là chùa Đậu) ở thôn Gia Phúc, huyện Thượng Phúc, nay là thôn Gia Phúc, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

405 Tục gọi là "tượng Tứ pháp": Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp

Điện.

406 Chức quan ở chính sảnh, có nhiệm vụ can gián, nói thẳng với nhà vua.

407 Chỉ lời bàn của Ngô Sĩ Liên về việc Lý Đạo Thành.

408 Trên chỗ lời bàn của Nguyễn Nghiễm, Cương mục có nêu hai chữ "ngự điểm", nghĩa là Tự Đức điểm những chấm son bên bài bàn của Nguyễn Nghiễm để tỏ ý tán thưởng.

409 Túc Tể tướng, nhưng được trọng hơn.

410 Nguyên văn là "tam trường".

411 Câu này nguyên văn Cương mục , không được sáng nghĩa, chúng tôi phải dựa theo Sử ký, Bản ký 3 , 13 mà dịch cho lộn.

412 Có hai thuyết: 1) Thứ thuyền dưới đáy có đặt đồ binh khí để chống loài giao long làm hại; 2) Thứ thuyền để chở đồ can qua, như giáo, mác, lá mộc,...

413 Bài hịch kể rõ tội ác của bên địch và nêu nghĩa vụ mình phải đi đánh dẹp để cứu dân.

414 Phép "Thanh miêu" do Vương An Thạch đặt: nhà nước bỏ tiền cho nông dân vay trong khi lúa hấy còn xanh, đến lúc được gặt thì phải trả và chịu lãi hai phân. Hàng năm, cứ tháng giêng cho vay thì mùa hạ phải trả, tháng năm cho vay thì mùa thu phải nộp.

415 Phép "trợ dịch" cũng do Vương An Thạch đặt: những nhà có con vị thành niên, hoặc con một, hoặc nhà đàn bà không có con, hoặc người ở

chùa, hoặc người có quan chức, v.v... những người này trước kia không phải đóng góp làm tạm dịch, nay cũng đóng tiền "miễn dịch" theo với các người khác.

416 Bính Thìn (1076).

416 Quân lính của thiên tử.

417 Theo về với Nam triều.

418 Tên Lý Nhân Tông.

419 Tức là Quảng Nguyên. Thuận Châu là tên người Tống đổi gọi trong khi tạm chiếm Quảng Nguyên.

420 Khâm, Liêm, Ung.

421 Lý Nhân Tông năm Anh Vũ chiêu thắng thứ 6 (1081).

422 "Tham voi Giao Chỉ, mất vàng Quảng Nguyên" (Đại Nam quốc sử diễn ca).

423 Như Thứ trưởng Bộ Quốc phòng bây giờ.

424 Tiếng bày tôi của chư hầu tự xưng đối với thiên tử.

425 Nay là xã Nam Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

426 Nô bộc làm ruộng.

427 Chức quan coi quản về việc đền chùa.

428 Thái sư, Thái bảo, Thái phó.

429 Thiếu sư, thiếu bảo, thiếu phó.

430 Xem "Lời chua" ở dưới của Cương mục .

431 Xem "Lời chua" ở dưới của Cương mục .

428 Năm lần xây dựng cung điện: - Cung Hợp Hoan dựng năm Quang
Hựu thứ 6 (1090). - Đài Động Linh dựng năm Long Phù thứ 9 (1109). -
Đài Chúng Tiên dựng năm Thiên Phù duệ vũ thứ 1 (1120). - Đài Tử Tiêu
dựng năm Thiên Phù duệ vũ thứ 4 (1123). - Đài Uất La dựng năm Thiên
Phù duệ vũ thứ 5 (1124).

429 Năm Tân Mùi, 1091.

430 Tức là Hội Trường đại khánh thứ 10 (Kỷ Hợi, 1119).

431 Năm Quý Mão, 1123.

HẾT